**Ngày dạy:**

**Tuần: 1**

**Chủ đề 1: truyện kí hiện đại Việt Nam và đặc điểm của văn bản**

**Tiết: 1 + 2: Bài:** **TÔI ĐI HỌC**

Thanh Tịnh

**I**. **Mục tiêu cần đạt**: *Giúp HS*:

- Cảm nhận được tâm trạng hồi hộp, bỡ ngỡ của nhân vật “tôi” trong buổi tựu trường đầu tiên.

- Thấy được ngòi bút văn xuôi giàu chất thơ, gợi dư vị trữ tình man mác của nhà văn Thanh Tịnh.

- Kỹ năng sống tạo lập ấn tượng ban đầu.

**II.Chuẩn bị**:

- GV: Giáo án, chân dung Thanh Tịnh, tranh học sinh ngày khai giảng (nếu có).

- HS: Soạn bài.

**III.** **Tiến trình lên lớp**:

1/ Ổn định lớp:

2/ Kiểm tra tập vở và bài soạn của HS

3/ Tiến trình dạy và học bài mới:

*Giới thiệu bài*: Trong đời người, kỉ niệm học trò là kỉ niệm đáng nhớ, đặc biệt đáng nhớ hơn cả là ấn tượng của ngày tựu trường đầu tiên. Tâm trạng của mỗi người trong ngày này thật đặc biệt. Ta đã cảm nhận được tâm trạng bồi hồi, lo lắng của người mẹ trong ngày đầu con đến trường ở “Cổng trường mở ra” trong chương trình NV7. Và hôm nay, một lần nữa, ta bắt gặp tâm trạng đó của cậu học trò nhỏ lần đầu tiên đi học qua VB “Tôi đi học”của Thanh Tịnh.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của HS** | **Ghi bảng** |
| **Hoạt động 1**: *Hướng dẫn tìm hiểu tác giả, tác phẩm, đọc và tìm hiểu chú thích*. (Học sinh nắm được tác giả, tác phẩm và một số từ mới trong văn bản)  1/ Hướng dẫn tìm hiểu tác giả, tác phẩm.  Đặt câu hỏi, nhấn mạnh một số thông tin về tác giả, tác phẩm.  **H**: Chú ý vào SGK, hãy cho biết những nét chính về tác giả Thanh Tịnh (năm sinh, năm mất, quê quán, nghề nghiệp)  **H**: Em biết gì về đặc điểm thơ văn ông?  Nhấn mạnh: Truyện của Thanh Tịnh không chứa nhiều sự kiện, nhân vật, xung đột mà toát lên vẻ đẹp đằm thắm, tình cảm êm dịu, trong trẻo.  **H**: Hãy kể một số tác phẩm tiêu biểu mà em biết?  **H**: “Tôi đi học” được trích từ tập truyện nào của ông?  - Cho HS xem chân dung Thanh Tịnh.  - Giới thiệu cho HS về đọc tập truyện “Quê mẹ”  2/ Hướng dẫn đọc: Đọc với giọng nhẹ nhàng, truyền cảm để thể hiện tâm trạng bồi hồi, bỡ ngỡ của nhân vật “tôi” trong ngày đầu đến trường.  GV đọc từ” Hàng năm… ngọn núi”  Gọi 3 HS đọc tiếp các phần còn lại  Đặt câu hỏi về các chú thích quan trọng, khó hiểu đối với HS.  Giải thích về một số từ.  Lưu ý: Theo hệ thống giáo dục trước CM, lớp năm là lớp một ngày nay.  **H**: Chức danh ông Đốc ngày nay gọi là gì?  **H**: Trong lớp, lúc ngồi vào ghế, cậu bé tự nhiên lạm nhận nó là vật riêng của mình, vậy thế nào là” lạm nhận”?  **Hoạt động 2**: *Hướng dẫn tìm hiểu văn bản* (Học sinh nắm được nội dung, gnhệ thuật của văn bản)  1/ Tìm hiểu trình tự diễn tả những tâm trạng của nhà văn trong ngày đầu tiên đi đến trường  Dựa vào 5 câu hỏi trong phần đọc hiểu VB (sgk).  Tích hợp các kiến thức NV ở lớp 6, 7 và tính thống nhất chủ đề VB ở sách NV8.  Đặt câu hỏi các kiến thức về VB đã dạy ở lớp 6, 7 được sử dụng trong truyện ngắn.  **H**: VB “Tôi đi học” được viết theo phương thức biểu đạt nào?  **H**: Nhân vật nào là chính? Vì sao cho đó là nhân vật chính?  **H**: Cho biết nội dung chính của truyện?  **H**: Tại sao tác giả lại lấy tựa đề là “Tôi đi học”?  - Tích hợp tính thống nhất chủ đề VB  - Giảng : Với cách dùng ngôi thứ nhất xưng “tôi” để thể hiện hết diễn biến tâm trạng của cậu bé trong ngày đầu đến trường suốt từ đầu đến cuối VB cũng là nội dung chính của truyện , đã tạo cho Vb có tính thống nhất với chủ đề. Đó chính là sự khéo léo, tinh tế của nhà văn.  - Đặt hệ thống câu hỏi gợi ý cho HS về trình tự diễn tả tâm trạng từ đó phân bố cục của VB và các ý chính của từng phần.  - Nhận xét câu trả lời của HS  - Rút ra cách phân đoạn hợp lí nhất  **H**: Kỉ niệm ngày đầu đi học của ‘tôi” được gợi nhớ từ những hình ảnh nào?  **H**: Cách kể chuyện của tác giả có gì đặc biệt?  Giảng: Từ hiện tại mà nhớ về dĩ vãng ,từ sự chuyển biến của đất trời vào cuối thu và hình ảnh mấy em nhỏ rụt rè nép dưới nón mẹ lần đầu đi đến trường đã gợi cho nhân vật “tôi” nhớ lại mình ngày ấy với những kỉ niệm trong sáng.  **H**: Những kỉ niệm lần đầu tiên đến trường ấy được “tôi” kể lại theo trình tự nào?  **H**: Dựa vào trình tự đó ta có thể chia vb này thành mấy phần?  Chuyển: Từ nhà đến trường trãi qua những khoảnh khắc thời gian, không gian khác nhau thì cảm nhận của “tôi” cũng có sự chuyển biến. Ta cùng tìm hiểu tâm trạng của cậu bé trên đường đến trường.  a. Tìm hiểu cảm nhận của “tôi” trên đường đến trường.  Cho HS đọc thầm lại đoạn 1 và đặt câu hỏi  **H**: Đầu tiên tâm trạng trong ngày đầu đi học được nói vào thời gian nào? ở đâu?  **H**: Trên đường cùng mẹ tới trường, nhân vật “tôi”nhìn cảnh vật xung quanh và tâm trạng “tôi” như thế nào? Tâm trạng đó được biểu hiện qua câu văn nào?  Đưa vấn đề cho HS thảo luận, nhận xét ý kiến của HS và bình giảng: Tại sao “tôi” lại cảm thấy lạ khi đi trên con đường lần này?  Bình: Con đường vốn quen thuộc nhưng tự nhiên cậu bé thấy lạ,thấy mọi vật xung quanh đều thay đổi bởi chính lòng cậu đang có sự thay đổi lớn. Đối với một cậu bé chỉ biết chơi đùa, qua sông, thả diều, ra đồng chạy nhảy với bạn thì đi học là một sự kiện lớn, một sự thay đổi quan trọng đánh dấu bước ngoặc tuổi thơ. Cậu thay đổi cả hành vi lẫn nhận thức: lớn hơn, chững chạc hơn trong chiếc áo vải dù đen mà không còn lội qua sông, ra đồng như thằng Sơn, thằng Quý nữa.  **H**: Tuy đã ra vẻ chững chạc nhưng đôi lúc cậu bé vẫn còn ngây ngô. Hãy tìm những chi tiết thể hiện nét đáng yêu đó?  Cho HS đọc 2 đoạn văn”  +Tôi quên…quang đãng  + Ý nghĩ ấy…ngọn núi”  **H**: Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong 2 đoạn văn trên và nêu tác dụng của nó trong việc diễn tả tâm trạng?  Bình: Cách so sánh giàu hình ảnh giàu sức gợi cảm giúp người đọc rõ hơn cảm giác và tâm trạng của nhân vật. Đó là những cảm giác tinh khôi ,mới mẻ,trong sáng ,êm dịu của tác giả ngày đầu tiên đến tường .Chính tâm trạng này là những kỉ niệm mơn man của mỗi người khi nhớ về ngày đầu đến trường .  - *Chuyển*: Tâm trạng bỡ ngỡ hồi hộp của cậu bé không chỉ được thể hiện trên đường đi học mà còn phát triển ,diễn biến trong sân trường và vào lớp học .  b. Tìm hiểu tâm trạng của nhân vật “tôi” trong sân trường  - Cho HS đọc lướt thầm nhanh đoạn văn của VB  - Tiếp tục đặt câu hỏi gợi ý để tìm hiểu diễn biến tâm trạng nhân vật ở từng thời điểm khác nhau.  **H**: Nếu trên đường đi, tác giả cảm thấy lạ, cảnh vật thay đổi thì ở trong sân trường tâm trạng của tác giả ra sao?  **H**: Cái nhìn của cậu bé về ngôi tường trước và sau khi đi học có gì khác nhau ? Tại sao lại có sự khác nhau đó?  *Bình*: Thanh Tịnh đã miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật thật chân thật, sâu sắc phù hợp với trẻ thơ. Trước kia ngôi trường đối với “Tôi” còn là một nơi xa lạ, chưa để lại một ấn tượng gì ngoài cảm tưởng cao ráovà sạch sẽ hơn những ngôi nhà khác trong làng. Nhưng hôm nay, trong tâm trạng của cậu học trò nhỏ lần đầu đi học, trường trở nên thân thiết, là nơi cậu tiếp nhận kiến thức, là một phần trong cuộc đời cậu nên cậu cảm thấy trường thật oai nghiêm, rộng quá khiến cậu cảm thấy lạc lõng và đâm ra lo sợ.  **H**: Hình ảnh những cậu học trò nhỏ được ví với những hình ảnh nào? Em có nhận xét gì về nghệ thuật so sánh đó?  **H**: Khi thầy hiệu trưởng gọi tên và lúc rời tay mẹ “Tôi” cảm thấy như thế nào?  c. Tìm hiểu tâm trạng tác giả khi bước vào lớp .  - Gv cho HS đọc thầm đoạn còn lại  Đặt câu hỏi, nhận xét câu trả lời và chốt lại.  **H**: Bước vào lớp, cái nhìn của nhân vật “tôi” với bạn bè, mọi vật xung quanh thể hiện tình cảm của cậu như thế nào?  Đặt câu hỏi thảo luận:  Tại sao tác giả lại thấy “Không xa lạ chút nào và quyến luyến tự nhiên”?  - Nhận xét ý kiến HS, bình giảng:  Đoạn văn miêu tả rất tinh tế tâm lí trẻ thơ: lúc đầu sợ hãi nhưng cũng dễ dàng thích nghi với môi trường mới, cảm thấy gần gũi với thầy giáo, bạn bè lớp học và “Tôi” dẫu có lúc còn tơ tưởng đến kỉ niệm bẫy chim nhưng khi bắt đầu vào học thì rất nghiêm túc và tự tin.  **Tích hợp kỹ năng sống: Tạo lập ấn tượng ban đầu**  2/ Hướng dẫn tìm hiểu thái độ người lớn đối với các em bé lần đầu tiên đến trường.  - GV đặt câu hỏi gợi ý cho HS tìm hiểu thái độ của các nhân vật khác vànhận xét câu trả lời của HS.  **H**: Trình bày cảm nhận của em về thái độ, cách cư xử của các bậc phụ huynh đối với các em nhỏ?  - Bình: Các bậc phụ huynh đều chuẩn bị chu đáo cho con vì đây là lần đầu tiên các em đi học và họ đã dự lễ khai trường với thái độ trân trọng, ông Đốc lại rất từ tốn, bao dung. Thầy dạy cũng rất vui tính ân cần. Chính cách đối xử của họ đã tạo cho các em ấn tượng đẹp trong ngày đầu tiên cũng như suốt quãng đời Hs.Chúng ta cũng nhận ra trách nhiệm của người lớn đối với HS. Đó cũng là trách nhiệm của gia đình và nhà trường đối với thế hệ tương lai.  GV đặt vấn đề cho HS suy nghĩ: Cho biết tâm trạng của em trong lần đầu đi đến trường?  **H**: Theo em, chất trữ tình và chất thơ được biểu hiện qua những yếu tố nào?  - Cho HS đọc lại nhiều lần phần ghi nhớ.  **Hoạt động 4**: *Hướng dẫn luyện tập*.  GV cho HS đọc lại phần luyện tập, gợi ý hướng dẫn HS.  Gợi ý: Cần chỉ ra sự kết hợp hài hòa giữa kể: nêu sự việc, nhân vật; miêu tả: con đường, ngôi trường, lớp học; biểu cảm: tâm trạng ngỡ ngàng, lo sợ; những hình ảnh so sánh. | Chú ý vào SGK trang 8  Dựa vào phần chú thích, chọn lọc và trả lời những câu hỏi của GV về nhà văn Thanh Tịnh và tác phẩm “Tôi đi học”.  HS kể  Chú ý nghe, đọc, nhận xét.  Đọc tiếp từ “Trước sân trường… rộn ràng trong các lớp”.  Đọc tiếp từ “Ông Đốc… chút nào hết”  Đọc phần còn lại.  Đọc toàn bộ chú thích trong SGK, nghe và trả lời câu hỏi về các chú thích.  Lắng nghe, suy nghĩ, tìm hiểu và trả lời lần lượt các câu hỏi theo yêu cầu của GV.  **Đ**: Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm  **Đ**: Nhân vật “tôi” được kể nhiều nhất. Mọi việc đều được kể từ cảm nhận của “tôi”, xoay quanh nhân vật “tôi”.  **Đ**: Cảm nhận của nhân vật “tôi” trong ngày đầu tiên đến trường.  **Đ**: Vì toàn bộ VB là quá trình diễn biến tâm trạng ,cảm xúc của nhân vật “tôi” trong ngày đầu tiên đi học.  **Đ**: Hình ảnh lá ngoài đường rụng nhiều, mấy em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu đi đến trường  **Đ**:Từ hiện tại kể về quá khứ.  **Đ**: Kể theo không gian, thời gian  **Đ**: VB có thể chia làm 3 phần  Từ đầu … ngọn núi: Tâm trạng nhân vật “tôi” trên đường đến trường.  Trước sân trường … chút nào hết: Tâm trạng nhân vật “tôi” ở trong sân trường.  Phần còn lại: Tâm trạng của nhân vật “tôi” khi ở trong lớp học.  **Đ**: Sáng mai đầy sương thu và gió lạnh trên con đường dài và hẹp  **Đ**: Cảm thấy lạ và thấy mọi vật đều thay đổi  Thảo luận, trình bày ý kiến.  **Đ**: Câu: “Hai quyển vở mới… chúi xuống đất” ý nghĩ thật non nớt, buồn cười “Chắc chỉ những người thạo… cầm nổi thước”.  **Đ**: Biện pháp so sánh  Dùng bình giảng nghệ thuật  Đọc lướt thầm lại đoạn 2 của VB trong SGK  Lắng nghe, tìm trong SGK, trả lời các câu hỏi của GV  **Đ**: Tác giả thấy trường hoàn toàn mới lạ ,xinh xắn, oainghiêm, rộng hơn làm “tôi” đâm ra lo sợ vẩn vơ, cảm thấy chơ vơ, cô độc  **Đ**: Trước: xa lạ, cao ráo và sạch sẽ.  Hiện tại: xinh xắn, oai nghiêm, rộng và cao hơn, sự khác nhau đó xuất phát chỉ từ một lí do: lần đầu tiên tác giả đi học.  **Đ**:Hình ảnh các cậu học trò nhỏ được ví như những chú chim non cho thấy tâm trạng vừa ngỡ ngàng ,vừa lo sợ khi nghĩ mình sắp sửa bước vào thế giới khác hệt như chim non rời tổ mẹ để bay vào khoảng trời rộng.  **Đ**: Từ chổ lúng túng đến cảm giác sợ hãi, chơ vơ khi phải rời bàn tay dịu dàng của mẹ rồi những tiếng bật khóc theo phản ứng dây chuyền rất hợp lí vì các em chưa bao giờ phải xa mẹ như lần này.  Đọc thầm đoạn còn lạitrong SGK và trả lời câu hỏi của GV.  **Đ**: Thấy lạ và thấy hay hay.  Thảo luận theo nhóm và trình bày ý kiến  - Đọc, tìm chi tiết thể hiện cách cư xử của các nhân vật khác.  **Đ**: Phụ huynh chu đáo, ông Đốc cảm thông, thầy giáo vui tính.  **Đ**: Truyện xây dựng bằng dòng hồi tưởng có sự kết hợp giữa kể, tả, bộc lộ cảm xúc. Ngoài ra còn dùng nhiều từ ngữ, hình ảnh phù hợp với tâm lí trẻ thơ. | **Tác giả-tác phẩm:**  SGK/8  **II**.**Tìm hiểu văn bản:**  1/ *Diễn biến tâm trạng nhân vật ”tôi” lần đầu tiên đến trường:*  a. Tâm trạng nhân vật “tôi” trên đường đến trường:  - Thời gian: Sáng mai đầy sương thu và gió lạnh.  - Không gian: trên con đường dài và hẹp.  - Cảm giác lạ và thấy mọi vật đều thay đổi.  - So sánh :  + Cảm giác trong sáng … cành hoa tươi mĩm cười.  + Ý nghĩ ấy thoáng qua … một làn mây lướt ngang trên ngọn núi.  b. Tâm trạng của nhân vật “tôi” ở trong sân trường:  - Trường Mĩ Lí vừa xinh xắn vừa oai nghiêm, rộng và cao hơn.  → lo sợ vẩn vơ.  Nghe gọi đến tên: Giật mình và lúng túng.  Dúi đầu vào lòng mẹ nức nở khóc theo.  → Cảm giác ngỡ ngàng, lo sợ khi sắp bước sang một môi trường mới và phải xa mẹ, xa nhà.  c. Cảm nhận khi vào lớp học:  Nhìn vào bàn ghế và lạm nhận của riêng mình  Nhìn người bạn bên cạnh và không thấy xa lạ  Vòng tay lên bàn chăm chỉ  → Cảm giác gần gũi với lớp học, bạn bè, tự tin, nghiêm túc khi bước vào giờ học.  2*/Thái độ của người lớn:*  -Mẹ “tôi” âu yếm.  - Ông Đốc hiền từ,cảm thông.  - Thầy giáo vui tính.  → Tấm lòng thương yêu, tinh thần trách nhiệm của gia đình và nhà trường đối với thế hệ tương lai.  **III. Ghi nhớ:** SGK/9  **III**. **Luyện tập**: |

4/ Củng cố: Nêu trình tự và diễn biến tâm trạng nhân vật: “tôi” lần đầu tiên đến trường.

5/ Dặn dò: Học phần ghi nhớ.

6/ Rút kinh nghiệm:

* Cho học sinh thêm thời gian để kể về kỉ niệm ngày đầu đến trường của bản thân.
* Chú ý thời gian.

**Ngày dạy:**

**Tuần 1:**

**Tiết: 3 + 4**

**Bài: TRONG LÒNG MẸ**

(Trích ***Những ngày thơ ấu***)

***Nguyên Hồng***

**I . Mục tiêu cần đạt**: *giúp HS*

* Hiểu được tình cảnh đáng thương và nổi đau tinh thần của nhân vật chú bé Hồng, cảm nhận dược tình yêu thương mãnh liệt của chú đối với mẹ .
* Bước đầu hiểu được văn hồi kí và đặt sắc của thể văn này qua ngòi bút của Nguyên Hồng: thấm đượm chất trữ tình, lời văn tự truyện chân thành, giàu sức truyền cảm.

**II. Chuẩn bị** :

- GV: Giáo án, chân dung Nguyên Hồng.

- HS: Học bài cũ, soạn bài mới.

**III.Tiến trình lên lớp**:

1/ Ổn định lớp:

2/ Kiểm tra bài cũ:

- Trong VB “Tôi đi học”, tâm trạng của “tôi” lần đầu tiên đi học được thể hiện theo các trình tự nào? Hãy cho biết nội dung, ý nghĩa của VB ấy?

- Tâm trạng của tác giả trên đường đến trường, khi ở trong sân trường, vào tiết học đầu tiên được thể hiện như thế nào?

3/ Tiến trình dạy và học bài mới:

*Giới thiệu bài*: Tình mẫu tử là tình cảm trong sáng và thiêng liêng nhất. Đó là tình cảm, là nhu cầu chính đáng mà mỗi người ai cũng mong muốn, khát khao. Nhà văn Nguyên Hồng đã làm sống lại tình cảm ấy trong hồi ký của mình mà một đoạn trong hồi kí ấy cũng chính là bài học hôm nay với tựa đề “Trong lòng mẹ”.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Ghi bảng** |
| \* **Hoạt động 1***: Hướng dẫn tìm hiểu tác giả, tác phẩm, đọc và tìm hiểu chú thích.*  1/ Tìm hiểu tác giả - tác phẩm.  - Đặt câu hỏi để hướng dẫn HS tìm hiểu, nắm rõ những nét chính về tác giả, tác phẩm.  **H**: Cho biết những nét chính về tiểu sử tác giả Nguyên Hồng?  **H**: Ngòi bút của Nguyên Hồng thường hướng về ai?  Nhấn mạnh: Do hoàn cảnh sống của mình, Nguyên Hồng sớm thấm thía nổi cơ cực và gần gũi những người nghèo khổ. Ông được xem là nhà văn của những người lao động cùng khổ , lớp người “dưới đáy” XH. Văn xuôi Nguyên Hồng giàu chất trữ tình, nhiều khi dạt dào cảm xúc thiết tha rất mực chân thành của một con tim nhạy cảm, dễ bị tổn thương, dễ rung động đến mức cực điểm với nổi đau và niềm hạnh phúc bình dị của con người.  **H**: Hãy kể tên những sáng tác tiêu biểu của ông?  HS xem chân dung Nguyên Hồng.  **H**: Nêu những hiểu biết của em về tác phẩm “Những ngày thơ ấu” và đoạn trích “Trong lòng mẹ”.  Giảng: Hồi kí là một thể văn dùng để trực tiếp bộc lộ cảm xúc và ghi lại những chuyện có thật đã xảy ra trong cuộc đời con người , thường đó là của tác giả . VB “Trong lòng mẹ “ là một đoạn của tập hồi kí về tuổi thơ cay đắng của nhà văn Nguyên Hồng.  2/ Hướng dẫn đọc văn bản:  - Hướng dẫn HS cách đọc văn bản: Nhập vai nhân vật bé Hồng đọc để thể hiện nhận xét suy nghĩ và xúc cảm của nhân vật: Giọng đọc chậm rãi, tình cảm thể hiện nội tâm khi thì uất ức xót xa, khi thì hồi hộp sung sướng.  + GV đọc diễn cảm : từ đầu …. đến chứ.  + Gọi HS đọc tiếp.  + Nhận xét, sửa chữa .  - Cho HS đọc các chú thích 1,3,4,5,7,8,12,13,14,15,16,17 .  \* **Hoạt động 3**: *Tìm hiểu văn bản*.  - Đặt câu hỏi ôn lại phương thức diễn đạt được sử dụng trong VB  **H**: VB “ Trong lòng mẹ” có phương thức biểu đạt chính là gì ? Ngoài phương thức biểu đạt đó còn sử dụng phương thức biểu đạt nào khác?  **H**: Chuyện gì được kể trong đoạn văn này ?  Giảng: Ở đây, một câu chuyện gồm một chuỗi các sự việc kể về cảnh sống cay đắng của chú bé Hồng cùng với cảm nghĩ yêu thương mẹ đang diễn ra trong tâm hồn cậu bé . Hai phương thức tự sự và biểu cảm kết hợp hài hòa tạo thành sức truyền cảm của VB “Trong lòng mẹ” .  **H**: Trong đoạn hồi kí này , quan hệ giữa nhân vật bé Hồng và tác giả cần hiểu như thế nào ?  **H**: Chuyện bé Hồng được kể theo hai việc chính . Đó là sự việc nào ? liên quan đến phần VB nào của tác giả ?  1/ Hướng dẫn tìm hiểu cuộc đối thoại giữa người cô và bé Hồng .  Cho HS đọc lướt thầm phần 1 của vb  - Đặt câu hỏi gợi ý dẫn dắt HS tìm hiểu cảnh ngộ bé Hồng, về nhân vật người cô và suy nghĩ của bé Hồng về mẹ  **H**: Cảnh ngộ bé Hồng có gì đặt biệt ? tìm những câu văn thể hiện cảnh ngộ đặt biệt ấy ?  **H**: Từ đó cho thấy bé Hồng có thân phận như thế nào ?  **H**: Theo dõi cuộc đối thoại giữa người cô và bé Hồng , cho biết nhân vật “cô tôi “ có quan hệ như thé nào với nhân vật bé Hồng?  **H**: Nhân vật người cô hiện lên qua các lời nói điển hình nào với cháu ?  **H**: Bà ta muốn gì khi nói rằng mẹ bé Hồng đang “phát tài “ và nhất là cố ý phát âm hai tiếng” em bé “ ngân dài thật ngọt ?  **H**:Vì sao những lời lẽ của bà ta làm lòng chú bé “thắt lại “ , “ nước mắt ròng ròng”?  **H**: Tìm những từ ngữ , chi tiết ,miêu tả thái độ , cử chỉ , giọng nói của bà cô trong cuộc đối thoại ?  **H**: Chú bé Hồng có cảm nhận như thế nào trước những câu nói và thái độ , cử chỉ của người cô?  **H**: Vì sao bé Hồng cảm nhận trong những lời nói đó là “những ý nghĩ cay độc” ,” những rắp tâm tanh bẩn”?  -Giảng : Mỗi lời lẽ của bà cô, ta có thể cảm nhận ở đó một sự cay độc . Những sự cay độc đó là ngôn ngữ lạnh giá của một tâm hồn thiếu vắng tình thương , thiếu vắng tình đồng cảm với nỗi khổ của đồng loại . Với người thân ,nó không chỉ hẹp hòi tàn nhẫn mà còn đê tiện. Nó là biểu tượng của tội ác .  **H**: Qua các câu nói, thái độ, cử chỉ của bà cô và cảm nhận của chú bé Hồng về cô của mình , em thấy nhân vật bà cô là người như thế nào?  -Bình : Cuộc đối thoại đã thể hiện tâm địa độc ác của bà cô đối với đứa cháu mồ côi . Khi thấy đứa cháu tỏ vẻ dửng dưng , bà ta không chịu buông tha mà vẫn “ ngọt ngào “ giả dối cùng cái nhìn “chằm chặp “ .Nhắc đến mẹ bé Hồng , bà ta cười nụ cười khinh bỉ , châm chọc , đặt biệt là nụ cười độc ác khi nhắc đến hai tiếng “em bé” hòng làm em tủi thân , nhục nhã .Lúc Hồng khóc nức nở , bà vẫn tỏ thái độ vô cảm và hả hê với trò nhục mạ của mình . Không những thế, bà còn miêu tả tình cảnh khốn khổ của mẹ bé Hồng bằng một sự thích thú . Sau đó , bà thay đổi đối pháp bằng cách thể hiện thái độ thương xót với người đã mất . Đến đây , sự thâm hiểm, giả dối, trơ trẽn đã được phơi bày toàn bộ .   * Câu hỏi thảo luận :   + Hình ảnh người cô đại diện cho hạng người nào, cho điều gì trong XH thực dân nửa phong kiến ?  - lắng nghe câu trả lời của từng nhóm ,nhận xét .  - Chuyển : Trước sự thâm độc của bà cô , tình cảm của bé Hồng đối với mẹ không hề suy giảm mà lại càng thêm mãnh liệt .  **H**: Khi nghe bà cô nhắc đến mẹ bằng lời mỉa mai, Hồng nghĩ về mẹ như thế nào ?  - Giảng : trong tâm trí cậu, mẹ luôn là người mẹ hiền từ ,dịu dàng, cuộc sống đau khổ , luôn nhẫn nhục .  **H**: Thái độ Hồng ra sao khi nghe bà cô hỏi có muốn vào Thanh Hóa gặp mẹ không ? Vì sao tuy rất nhớ mẹ nhưng Hồng lại nói khác đi ?  **H**: Sau câu hỏi thứ hai :” Sao lại không vào ? …” phản ứng của bé Hồng ra sao ? vì sao chú khóc nức nở khi nghe bà cô nhắc đến hai tiếng “ em bé “ ?  **H**: Khi nghe bàcô kể về tình cảnh đáng thương của mẹ với vẻ thích thú, thái độ Hồng ra sao ? Nghệ thuật so sánh có tác dụng biểu lộ tình cảm như thế nào ? Em có nhận xét gì về mạch văn ở đây ?  - Bình: Chú khóc không phải vì xấu hổ, cay đắng ,tủi cực mà bé Hồng phải chịu đựng , chú khóc vì quá thương mẹ vất vả , khổ sở , bơ vơ nơi xứ lạ quê người và niềm căm hờn cái xấu, cái ác đang chà đạp lên tình mẫu tử của con người .  **H**: Khi kể về cuộc đối thoại giữa người cô và bé Hồng ,tác giả đã sử dụng biện pháp đối lập . Hãy chỉ ra đối lập này và nhận xét ý nghĩa của nó ?  2/ Hướng dẫn cảm giác sung sướng cùng tình cảm yêu quí mẹ của bé Hồng .  - Cho HS đọc thầm lại phần 2 của VB  - Đặt câu hỏi gợi ý để tìm hiểu cảm xúc của bé Hồng  **H**: Hồng đã gặp lại mẹ trong hòan cảnh nào  **H**: Vì sao thoáng thấy bóng người ngồi trên xe kéo giống mẹ , Hồng đã đuổi theo gọi ?  **H**: Tình yêu thương mẹ của bé Hồng được trực tiếp bộc lộ qua những hành động nào ?  - Hãy so sánh ý nghĩa của giọt nước mắt khi “ nước mắt tôi ròng ròng ……và ở cổ “ trong cuộc đối thoại với bà cô của bé Hồng và khi “ oà lên khóc ….nức nở “ lúc gặp lại mẹ có gì khác nhau ?  -Giảng : Khi xác định thật sự là mẹ , chú bé mừng rỡ đến mất cả tự chủ , chạy đuổi theo chiếc xe với các cử chỉ vội vã , bối rối , lập cập , ríu cả chân lại. Vừa ngồi lên xe cùng mẹ là chú đã oà lên khóc rồi cứ thế nức nở . Nếu như trong cuộc đối thoại với bà cô , “nước mắt tôi ròng ròng “ vì đau đớn , xót xa , căm tức thì khi gặp lại mẹ ,giọt nước mắt của em khác lần trước : dỗi hờn mà hạnh phúc , tức tưởi mà mãn nguyện  **H**: Cảm giác sung sướng , mãn nguyện đó được thể hiện bằng những chi tiết nào ?  -Bình : Cảm giác sung sướng đến cực điểm của đứa con khi ở trong lòng mẹ được Nguyên Hồng diễn tả bằng cảm hứng đặc biệt cùng những rung động vô cùng tinh tế . Cậu bé Hồng đã căng hết các giác quan để cảm nhận tất cả tình yêu thương , sự dịu dàng của mẹ . Đoạn văn vẽ lên một không gian của ánh sáng , của màu sắc , của hương thơm vừa lạ lùng , vừa gần gũi . Đó là một thế giới dịu dàng , ăm ắp tình mẫu tử  - Đưa câu hỏi thảo luận: Vì sao lúc này , “ câu nói của bà cô bị chìm ngay đi “ ?  -Nhận xét câu trả lời của HS .  -Chốt .: Gặp lại mẹ , Hồng bồng bềnh trôi trong cảm giác sung sướng , rạo rực , không còn quan tâm đến điều gì . Nếu như trước kia , câu nói của bà cô làm cậu đau đớn biết bao thì giờ đây , nó chẳng còn nghĩa lý gì nữa vì cậu có mẹ là có tất cả , Hồng chỉ còn biết tận hưởng niềm hạnh phúc mà cậu đang có : qua đó , ta cảm nhận hết tình thương yêu mãnh liệt của bé Hồng đối với mẹ  **H**: Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng trong đoạn văn bản này ? Hãy chỉ ra nghệ thuật đó và nêu tác dụng của nó ?  **H**: Theo em chất trữ tình của vb được thể hiện qua những yếu tố nào ?  **H**: Hãy cho biết nội dung của VB “Trong lòng mẹ “ ?  - Cho HS đọc ghi nhớ nhiều lần | Lắng nghe.  Mở sgk, bài 2.  Dựa theo nội dung chú thích trong sgk tóm tắt những nét chính về nhà văn Nguyên Hồng và tác phẩm “Những ngày thơ ấu”  Nghe, trả lời câu hỏi của GV.  - Nghe, ghi nhớ đặc điểm về văn phong của Nguyên Hồng.  - Dựa vào sgk kể một số tác phẩm tiêu biểu .  - Nghe, trả lời.  - Nghe, biết và nắm được thể loại hồi kí.    - Nghe .  - Đọc theo yêu cầu từ : “Nhưng đến ngày giỗ đầu” ….hết VB.  -Đọc , hiểu các chú thích 1,3,4,5,7,8,12,13,14,15  16,17.  - Lắng nghe câu hỏi , suy nghĩ và trả lời.  **Đ**: VB sử dụng phương thức biểu đạt tự sự kết hợp với biểu cảm .  **Đ**: Bé Hồng bị người cô hắt hủi vẫn một lòng chờ mong và yêu quý người mẹ đáng thương của mình .  **Đ**: Nhân vật bé Hồng chính là tác giả thời thơ bé . Vì đặc điểm hồi kí là tác giả ghi lại những chuyện xảy ra của chính mình .  **Đ**: Hai việc chính đó là :  - Cuộc đối thoại giữa người cô cay độc với bé Hồng và bé Hồng bị hắt hủi : từ đầu…người ta hỏi đến chứ .  - Cuộc gặp lại bất ngờ với mẹ , cảm giác sung sướng và tình cảm yêu quí mẹ của bé Hồng .  - Lắng nghe câu hỏi , phân đoạn và nêu ý chính mỗi đoạn ?  -Đọc thầm phần 1  -Lắng nghe , trả lời câu hỏi của GV  **Đ**: “ Tôi đã bỏ cái …mẹ tôi ở Thanh Hóa vẫn chưa về”  **Đ**: Quan hệ cô – cháu ruột  **Đ**: - Mày có muốn vào Thanh Hóa……..mợ mày không ?  - Sao lại không …..trước đâu  - Mày dại quá…..thăm em bé chứ  **Đ**: Bà ta muốn kéo đứa cháu đáng thương vào trò chơi ác độc đã dàn tính sẵn nhằm mỉa mai , châm chọc và nhục mạ mẹ em , nhất là khi ngân dài thật ngọt hai tiếng “ em bé”.  **Đ**: Vì đó là những lời lẽ cay độc , giả dối , vô cảm và vô cùng thâm hiểm như nhát dao cứ săm soi , hành hạ vào vết thương lòng của cậu bé.  **Đ**: “ tươi cười hỏi”, giọng nói “ ngọt ngào” , “ con mắt long lanh chằm chặp nhìn , cử chỉ thân mật “vỗ vai”.  **Đ**: Chú nhận ra “ ý nghĩ cay độc trong giọng nói “ và” nét mặt khi cười rất kịch “ cùng“những rắp tâm tanh bẩn”.  **Đ**: Vì những lời nói của bà cô chỉ có ý khinh bỉ, mỉa mai mẹ em , muốn em khinh miệt và ruồng rẫy mẹ của mình  - Nghe, nhớ  **Đ**: Giả dối, độc ác, thâm hiểm và tàn nhẫn .  - Lắng nghe, trao đổi và trình bày ý kiến của nhóm  **Đ**: Tưởng đến vẻ mặt rầu rầu và hiền từ của mẹ .  - Nghe.  **Đ**: Mới đầu nghe người cô hỏi , lập tức trong kí ức chú bé sống dậy hình ảnh vẻ mặt rầu rầu và sự hiền từ của mẹ . Nhưng Hồng lại nói khác đi , đó là một phản ứng thông minh xuất phát từ sự nhạy cảm và lòng tin yêu mẹ ,không muốn để bà cô hả hê và không muốn tình yêu mẹ bị “ những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến  **Đ**: lòng chú bé thắt lại , khoé mắt đã cay cay . Đến khi mục đích mỉa mai , nhục mạ của người cô đã trắng trợn phơi bày ở lời nói về ‘em bé” thì lòng đau đớn , xót xa phẫn uất ở chú bé không còn nén nổi “ Nước mắt tôi ….ở cổ “ . cái tiếng “cười dài trong tiếng khóc “ thề hiện sự kìm nén nổi đau xót , tức tưởi đang dâng lên trong lòng .chỉ vì thương mẹ  **Đ**: Tâm trạng đau đớn , uất ức dâng lên cực điểm và căm tức tột cùng sao mẹ lại sợ hãi những thành kiến tàn ác mà xa lìa anh em cậu. Nghệ thuật so sánh đầy ấn tượng đã cụ thể hóa nỗi căm tức của bé . Lời văn dồn dập với các hình ảnh và động từ mạnh mẽ biểu lộ hết lòng căm thù vô hạn với những cổ tục đã đày đọa mẹ  **Đ**: Tính cách giá dối , nhẫn tâm của người cô nổi bật trong sự tương phản với tính cách hồn nhiên , chân thật giàu tình yêu thương của bé Hồng . Khi đặt hai tính cách trái ngược nhau như thế , tác giả đã làm nổi bật đặc điểm tính cách của mỗi nhân vật . Tương phản này cũng bộc lộ thái độ của tác giả lên án cái xấu ,khẳng định tình mẫu tử không thể bị lay chuyển trong tâm hồn trẻ thơ .  - Đọc thầm lại phần 2 của VB , nghe và trả lời câu hỏi  **Đ**: Hồng gặp lại mẹ trong hoàn cảnh thật bất ngờ : một buổi chiều tan học .  **Đ**: Chỉ nhìn thoáng qua , Hồng đã linh cảm người ngồi xe kéo là mẹ , thế là cậu chạy theo gọi . Tiếng gọi xuất phát từ nổi khát khao tình mẹ , vừa mừng lại vừa” bối rối “ vì không biết đó có phải là mẹ hay không  **Đ**: - Tiếng gọi : mợ ơi ! mợ ơi !  Hành động : thở hồng hộc trán đẫm mồ hôi , khi trèo lên xe ríu cả chân lại ,oà lên khóc  - So sánh  - Nghe  **Đ**: Đùi áp đùi mẹ , đầu ngả vào cánh tay mẹ , cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt , cảm nhận được hơi quần áo , hơi thở ….thơm tho lạ thường .Cảm nghĩ : phải bé lại và lăn vào lòng một người mẹ , để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm vàgãi rôm ở sống lưng cho , mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng , không còn nhớ …những câu gì  - Đọc câu hỏi , hội ý theo từng nhóm , rút ra câu trả lời chung cho cả nhóm .  - Nghe  **Đ**: Biện pháp so sánh được sử dụng trong câu “ và cái lầm ….giữa sa mạc “ giúp ta cảm nhận được nổi tủi cực và niềm khát khao được gặp mẹ , ở trong lòng mẹ , sống trong tình thương yêu của mẹ  **Đ**: Giọng điệu xót xa , căm giận , yêu thương đều ở mức độ tột đỉnh . Ngoài ra còn là tình huống truyện : một đứa bé mồ côi cùng bà cô độc ác , cuộc gặp gỡ bất ngờ đầy cảm động với mẹ qua cách kể chuyện kết hợp việc bộc lộ tâm trạng , cảm xúc , những hình ảnh so sánh ấn tượng , giàu sức gợi cảm , đặc biệt giọng văn ở phần cuối chương say mê khác thường .   * Hs tổng hợp ý, phát biểu.   - Đọc ghi nhớ | I. **Tìm hiểu chú thích:**  SGK/18  **II. Tìm hiểu văn bản .**  1/ Cuộc đối thoại giữa người cô cay độc với bé Hồng , bé Hồng bị hắt hủi và suy nghĩ của bé về mẹ .  a/ Cảnh ngộ bé Hồng :  - Mồ côi cha , mẹ tha hương cầu thực,sống nhờ nhà người cô.  - Không được yêu thương , bị hắt hủi  ⇒ Cô độc ,tủi cực ,luôn thèm khát tình yêu thương .  b/ Nhân vật người cô :  - ….cười hỏi , tươi cười kể ..  - Giọng nói ngọt ngào , nét mặt khi cười rất kịch .  - Vỗ vai cười .  - Tỏ sự ngậm ngùi thương xót thầy tôi.  ⇒ lạnh lùng , độc ác , thâm hiểm , là hạng người sống tàn nhẫn .  C/ Suy nghĩ của bé Hồng về mẹ :  - Tưởng đến vẻ mặt rầu rầu và hiền từ của mẹ.  -…đời nào tình yêu thương ….xâm phạm đến ..  - lòng thắt lại , nước mắt cay cay  - Nước mắt ….chan hòa đầm đìa  - Hai tiếng “em bé” xoắn chặt lấy tâm can  Thương mẹ và căm tức……anh em tôi  - Cổ nghẹn ứ ..  - Giá những cỗ tục….mà nghiến..  ⇒ Kính yêu mẹ , xót xa , cảm thông cho hoàn cảnh đáng thương của mẹ → tình thương gắn liền với lòng căm thù cổ tục phong kiến .  2/ Cảm giác sung sướng và tình cảm yêu quí mẹ của bé Hồng .  - Thoáng thấy bóng người …đuổi theo gọi bối rối .  -…thở hồng hộc , trán đẫm mồ hôi , trèo lên xe , ríu cả chân lại , oà khóc nức nở  -..ngồi trên đệm xe , đùi áp đùi mẹ ,đầu áp vào cánh tay mẹ , những cảm giác ấm áp …mơn man khắp da thịt  - Hơi quần áo , hơi trầu …thơm tho lạ thường  - Không còn nhớ mẹ đã hỏi gì và trả lời mẹ những gì  - Câu nói của bà cô bị chìm ngay đi  → hạnh phúc tột đỉnh trong thế giới đầy ắp tình mẫu tử  ⇒ Tình yêu thương mãnh liệt của bé Hồng đối với mẹ .  **III. Ghi nhớ** :  SGK / 21 |

4/ Củng cố : - Phát phiếu học tập ghi câu hỏi củng cố:

+ Nhân vật bé Hồng trong VB “ Trong lòng mẹ “ có thể gợi nhiều suy tư về số phận con người

* Đó là một nạn nhân đáng thương của đói nghèo và cổ tục .
* Đó là một thân phận đau khổ nhưng không bất hạnh .
* Bằng tình mẫu tử , con người có thể vượt lên tủi cực đắng cay của cuộc đời .

Em cảm nhận theo ý nghĩa nào ?

+ Có thể đọc thấy từ VB “Trong lòng mẹ “ bài ca thiêng liêng về tình mẫu tử .

Em có đồng cảm với nhận xét này không ? Vì sao thế ?

+ Em hiểu gì về nhà văn Nguyên Hồng từ VB “ Trong lòng mẹ “ của ông ?

5/ Dặn dò : + Học bài , ghi nhớ sgk/21

+ Soạn bài : “ Từ tượng hình , từ tượng thanh“

+ Xem trước bài “ Trường từ vựng “.

6/ Rút kinh nghiệm:

* Giải thích một số câu khó trong văn bản
* Hướng học sinh đến tình mẫu tử thiêng liêng

**Tuần 2:**

**Ngày dạy:**

**Tiết 1: TÍNH THỐNG NHẤT VỀ CHỦ ĐỀ CỦA VĂN BẢN**

I**. Mục tiêu cần đạt** : *Giúp HS:*

- Nắm được chủ đề văn bản ,tính thống nhất về chủ đề văn bản

- Biết viết một văn bản bảo đảm tính thống nhất về chủ đề; biết xác định và duy trì đối tượng trình bày , chọn lựa và sắp xếp các phần sao cho văn bản tập trung nêu bậc ý kiến , cảm xúc của mình .

**II. Chuẩn bị** :

- GV : Giáo án

- HS : Soạn bài , xem lại văn bản :”Tôi đi học”

**III.Tiến trình lên lớp** :

1/ Ổn định lớp :

2/ Kiểm tra bài cũ :

3/ Tiến trình dạy và học bài mới :

*Giới thiệu bài:*Một văn bản khác hẳn với những câu văn hỗn độn là có tính mạch lạc và có tính liên kết . Chính những điều này sẽ đảm bảo tính thống nhất về chủ đề . Thế nào là chủ đề và tính thống nhất về chủ đề của văn bản .Bài học hôm nay sẽ làm rõ về điều đó

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Ghi bảng** |
| \* **Hoạt động 1** :*Tìm hiểu chủ đề văn bản*  - Cho HS đọc lại VB “Tôi đi học” (Thanh Tịnh)  - Dựa vào kết quả đọc-hiểu VB”Tôi đi học” ,hướng dẫn HS trả lời 2 câu hỏi ở mục 1 sgk bằng các câu hỏi đã được gợi ý .  **H**:Tác giả đã nhớ lại những kỉ niệm sâu sắc nào trong thuở thiếu thời của mình ?  **H**: Những hồi tưởng ấy gợi lên những cảm giác gì trong lòng tác giả?  - Giảng :Những hồi tưởng cảm xúc cụ thể đã tạo ấn tượng sâu đậm ,không thể nào quên về kỉ niệm lần đầu tiên đi học .  - Câu hỏi thảo luận:  Vấn đề trọng tâm được tác giả đặt ra qua nội dung cụ thể trên của văn bản là gì ?  - Chốt: Nội dung trả lời câu hỏi trên chính là chủ đề của VB “Tôi đi học”.  **H**: Hãy phát biểu chủ đề của văn bản này ?    **H**: Thế nào là chủ đề của văn bản ?    - Cho HS đọc ghi nhớ 1 sgk/12  **\* Hoạt động 2**: *Tìm hiểu tính thống nhất về chủ đề của văn bản .*  - Hướng dẫn HS phân tích tính thống nhất về chủ đề của văn bản bằng cách đặt các câu hỏi gợi ý.  **H**: Đầu tiên, nhìn vào văn bản ,căn cứ vào đâu em biết VB”Tôi đi học” nói lên những kỉ niệm của tác giả về buổi tựu trường đầu tiên?  - Giảng : Từ nhan đề”Tôi đi học”,ta biết được đối tượng được nói đến trong tác phẩm là “tôi” chính là tác giả và sự việc đi học ở đây thật đặc biệt chỉ khi đó là lần đầu tiên đến trường ,và trở thành kỉ niệm sâu sắc.  **H**: Từ ngữ câu văn nào trong VB nói lên những kỉ niệm sâu sắc ấy ?  - Giảng: Tất cả các từ ngữ ,câu đều tập trung thể hiện nội dung ,chủ đề chính :kỉ niệm lần đầu tác giả đi học.  **H**:Hãy tìm những chi tiết miệu tả cảm giác trong sáng của nhân vật “tôi” ở buổi đầu tiên đến trường?  - Giảng :Tất cả các chi tiết đều tập trung để biểu hiện chủ đề của văn bản (những cảm giác trong sáng của” tôi” ngày đầu đến trường) đó chính là tính thống nhất về chủ đề VB.  **H**Thế nào là tính thống nhất về chủ đề của VB?tính thống nhất này được biểu hiện ở những phương diện nào ? làm thế nào để viết một VB bảo đảm tính thống nhất ?  -Cho HS đọc ghi nhớ nhiều lần  **\* Hoạt động 3**:*Hướng dẫn luyện tập*.  - Cho HS đọc BT 1 sgk  - Gợi ý bằng câu hỏi :  **H**:Hãy cho biết VB trên viết về đối tượng nào và về vấn đề gì ?  **H**: Các đoạn văn đã trình bày đối tượng và vấn đề theo một thứ tự nào ?  **H**: Theo em, có thể thay đổi trật tự sắp xếp này được không ?vì sao?  **H**: Nêu chủ đề của Văn bản nói trên?  **H**: Phân tích tính thống nhất về chủ đề của VB ?  **H**: Tìm những từ ngữ,những câu thể hiện chủ đề VB? | - HS đọc lại vb “Tôi đi học” , nhớ lại phần đọc hiểu văn bản và trả lời các câu hỏi của gv.  - Kỉ niệm lần đầu tiên đi học.  **Đ**:+Tâm trạng hồi hộp, cảm giác mới mẻ vừa lúng túng, vừa muốn khẳng định mình .  + Tâm trạng ngỡ ngàng, lo sợ khi đứng trước ngôi trường ,nghe gọi tên và phải rời tay mẹ để vào lớp.  + Cảm giác gần gũi ,thân thuộc với mọi vật ,bạn bè cùng thái độ nghiêm túc , tự tin khi đón nhận giờ học đầu tiên.  - Suy nghĩ, thảo luận , trình bày .  **Đ**: Tâm trạng,cảm giác của cậu bé lần đầu đi học  **Đ**:Tâm trạng của tác giả trong ngày đầu tiên đi học.  **Đ**:Vấn đề trung tâm,vấn đề cơ bản được tác giả nêu lên ,đặt ra qua nội dung cụ thể của văn bản .  - Đọc nhiều lần ghi nhớ 1 sgk /12  - Lắng nghe câu hỏi,suy nghĩ, đưa ra ý kiến.  **Đ**: Căn cứ vào nhan đề, tựa đề của vb “Tôi đi học” .  **Đ**: Đó là kỉ niệm buổi đầu đi học của “tôi” nên đại từ “tôi” và các từ ngữ biểu thị ý nghĩa đi học được lặp đi lặp lại nhiều lần .  Các câu:  + Hôm nay tôi đi học.  +Hằng năm…của buổi tựu trường.  + Tôi quên thế nào…trong sáng ấy.  + Hai quyển vở mới…thấy nặng.  + Tôi bặm môi…chúi xuống đất.  **Đ**:Chi tiết miêu tả:  - Trên đường đi học:  +Con đường quen đi lại lắm lần ⇒ hôn nay thấy lạ,cảnh vật xung quanh đều thay đổi.  +Thay đổi hành vi:lội qua sông,thả diều,đi ra đồng nô đùa⇒đi học cố làm như một cậu học trò thật sự.  - Trên sân trường:  +Cảm nhận về ngôi trường cao ráo ,sạch sẽ ⇒ xinh xắn ,oai nghiêm,rộng và cao hơn làm lòng tôi lo sợ vẩn vơ.  +Cảm giác bỡ ngỡ,lúng túng, khi xếp hàng vào lớp :đứng nép bên người thân,chỉ dám nhìn một nửa,dám đi từng bước nhẹ,muốn bay nhưng ngập ngừng lo sợ, tự nhiên thấy nặng nề một cách lạ ,nức nở khóc theo.  -Trong lớp học:thấy xa mẹ .trước đây đi chơi cả ngày van không thấy xa nhà,xa mẹ,giờ mới bước vào lớp đã thấy xa nhà ,nhớ nhà.  **Đ**: Muốn viết VB đảm bảo tính thống nhất về chủ đề của VB .Trước hết cần xác định vấn đề trọng tâm ,sau đó sắp xếp các ý theo trình tự hợp lí ,lựa chọn từ ngữ , đặt câu sao cho tất cả tập trung biểu hiện vấn đề đó .  - Đọc nhiều lần ghi nhớ.  - Đọc BT 1/sgk .Dựa vào kiến thưc đã được học để phân tích tính thống nhất về chủ đề của văn bản “Rừng cọ quê tôi”  **Đ**: VB trên viết về rừng cọ,miêu tả cây cọ và tình cảm gắn bó của con người đối với cây cọ .  **Đ**: Thứ tự trình bày :  - Đoạn 1: Giới thiệu rừng cọ quê tôi .  - Đoạn 2: Miêu tả cây cọ  - Đoạn 3,4 : Sự gắn bó của “tôi” và gia đình “tôi” đối với cây cọ .  - Đoạn 5: Sự gắn bó của người sông Thao đối với cây cọ .  **Đ**:Không thể thay đổi trật tự sắp xếp đó vì VB này đã đượ sắp xếp theo trình tự hợp lí gồm 3 phần :  +Mở bài(đoạn 1) Đặt vấn đề.  +Thân bài(đoạn 2,3,4): giải quyết vấn đề .  +Kết bài: (đoạn 5): Kết thúc vấn đề .  **Đ**:Hình ảnh cây cọ và tình cảm gắn bó của con người đối với cây cọ.  **Đ**:VB có tính thống nhất về chủ đề từ :  - Nhan đề :nói về đối tượng :rừng cọ .  - Các đoạn mở bài,kết bài đều tập trung nói về rừng cọ và tình cảm của con người đối với rừng cọ .  - Những chi tiết thể hiện sự gắn bó của người dân sông Thao với rừng cọ:  + Căn nhà tôi núp dưới rừng cọ.  +Ngôi trường tôi học cũng khuất trong rừng cọ .  + Cuộc sống gắn bó với cây cọ : cha làm …chổi cọ quét nhà; mẹ đựng hạt giống đầy nón lá cọ ; chị đan nón lá cọ ; chúng tôi …nhặt trái cọ… về om ăn…  +Đi đâu cũng nhớ về rừng cọ quê mình.  **Đ**: - Từ ngữ: lá cọ,rừng cọ,núp dưới bóng cọ , khuất trong rừng cọ, gắn với cây cọ, nhớ về rừng cọ.  - Câu : + Chẳng có nơi nào đẹp…trập trùng.  + Người sông Thao …rừng cọ quê mình . | **I** **Chủ đề văn bản :**  Đọc VB “Tôi đi học”  - Kỉ niệm sâu sắc :Kỉ niệm lần đầu đi học.  - Cảm xúc :  + Trên đường cùng mẹ đến trường:hồi hộp, cảm giác mới mẻ.  + Trong sân trường : lo sợ, bỡ ngỡ.  +Trong lớp học: gần gũi , thân thuộc , nghiêm túc.  ⇒Chủ đề: những kỉ niệm hồn nhiên,trong sáng của tác giả về buổi đầu tiên đi học.  **II.** **Tính thống nhất về chủ đề của vb :**  1/ Những căn cứ để xác định chủ đề của vb :  -Nhan đề  - Các từ ngữ  - Câu.  2/ Các chi tiết miêu ta cảm giác trong sáng của nhân vật “Tôi” :  -Trên đường đi học.  -Trong sân trường.  -Trong lớp học.  **III.Ghi nhớ**:  sgk/12  **IV. Luyện tập:**  1/ BT1/sgk/12  -Đối tượng:Cây cọ , rừng cọ  -Vấn đề: Miêu tả cây cọ,tác dụng của cây cọ và tình cảm của người sông Thao đối với cây cọ  -Trình tự:MB, TB, KB đều tập trung nói về rừng cọ và tình cảm của con người đối với cây cọ.  - Các chi tiết  - Các từ, câu |

4/ Củng cố: Tính thống nhất của VB được thể hiện trên những phương diện nào?

5/ Dặn dò : + Học ghi nhớ sgk/12

+ Làm Bài tập 2,3

+ Soạn bài “ Trong lòng mẹ”

6/ Rút kinh nghiệm:

* Sủa bài tập khó phần luyện tập SGK
* Hướng dẫn kĩ cách để đảm bảo tính thống nhất về chủ đề của VB

**Tuần : 2 Chủ đề 1**

**Tiết : 2** **BỐ CỤC CỦA VĂN BẢN**

Lớp dạy:

Ngày dạy :

**I Mục tiêu cần đạt** : giúp HS :

-Nắm được bố cục văn bản , đặc biệt là cách sắp xếp các nội dung trong phần thân bài .

-Biết xây dựng bố cục văn bản mạch lạc , phù hợp với đối tượng và nhận thức của người đọc

**II.Chuẩn bị :**

-GV :Giáo án , bảng phụ

-HS :Học bài cũ , soạn bài mới

**Tiến trình lên lớp** :

1/ Ổn định lớp :

2/ Kiểm tra bài cũ : + Thế nào là chủ đề văn bản ?

+ Tính thống nhất về chủ đề của văn bản được thể hiện ở những phương diện nào ?

3 / Tiến trình dạy và học bài mới :

*Giới thiệu bài:*

Cho hs nhắc lại bố cục của VB mà các em đã được học ở lớp 7 :

Các em đã được học bố cục và mạch lạc trong VB ở chương trình NV 7 . Vậy hãy cho biết một bố cục VB gồm mấy phần ? Bài học hôm nay sẽ ôn lại cho các em kiến thức về bố cục của VB cũng như cách sắp xếp ý ở phần thân bài sao cho hợp lý .

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Ghi bảng** |
| \* **Hoạt động 1** : *Hs ôn lại kiến thức bố cục 3 phần của VB*  - Cho Hs nhắc lại bố cục và chức năng từng phần của VB để ứng dụng việc tìm hiểu VB “ Người thầy đạo cao đức trọng “  - Mở bài : Nêu đối tượng được nói đến  - Thân bài : Trình bày, giải thích , biện luận vấn đề được đặt ra ở phần mở bài.  - Kết bài : Nhận xét chung  - Cho hs đọc VB “ Người thầy đạo cao đức trọng .Đặt câu hỏi hướng dẫn.  **H**: Cho biết chủ đề của VB “ Người thầy đạo cao đức trọng “  **H** : Hãy trình bày bố cục VB trên và cho biết nội dung của từng phần ?.  **H**: Hãy nêu mối quan hệ giữa các phần trong VB trên?  Gợi: Giữa 3 phần có mối quan hệ chặt chẽ nhau . Mở bài giới thiệu đối tượng Chu văn An với những tính cách tốt đẹp ; thân bài trình bày , giải thích ,làm rõ tính cách tốt đẹp đó ; kết bài nêu kết quả từ tính cách tốt đẹp đó .  \* **Hoạt động 2***: Hướng dẫn cách bố trí ,sắp xếp nội dung phần thân bài của VB*  - Hướng dẫn hs phân tích cách sắp xếp nội dung phần thân bài trong “ Tôi đi học “  **H**: Hãy cho biết nội dung phần thân bài được sắp xếp theo trình tự nào ?  **H**: Như vậy ta có thể sắp xếp ý theo trình tự gì ?  **H**: Hãy phân tích diễn biến tâm trạng bé Hồng trong VB “ Trong lòng mẹ” .?  Gợi: Thương mẹ , căm ghét những cổ tục phong kiến khi nghe bà cô nói xấu về mẹ → niềm vui sướng khi được sống trong lòng mẹ .  **H**: Ngoài trình tự thời gian , phần thân bài còn được dựa trên yếu tố nào ? khi tả người , vật , con vật , phong cảnh …em sẽ lần lượt miêu tả theo trình tự nào ?  - Chốt: Đó là những cách sắp xếp ý quen thuộc ở nhiều VB miêu tả  **H**: Hãy phân tích cách trình bày các ý làm sáng tỏ luận đề trong phần thân bài VB “ Người thầy đạo cao , đức trọng”?  - Chốt : Trình bày theo hai mặt của vấn đề .  **H**: Ngoài việc trình bày theo trình tự của sự việc ( các mặt của vấn đề ) , VB trên còn sắp xếp ý theo trình tự nào nữa ? Cách sắp xếp theo trình tự ấy có tác dụng như thế nào ?  - Cho hs thảo luận , tổng kết những ý rút ra được từ những bài tập nói trên .  **H**: Việc sắp xếp Vb tùy thuộc vào những yếu tố nào ? Các ý trong phần thân bài thường được sắp xếp theo trình tự nào ?  - Cho hs đọc nhiều lần ghi nhớ sgk / 25  \* **Hoạt động 3**:*Hướng dẫn luyện tập*  - Cho hs đọc từng VB trong BT1 sgk / 26,27 . Dựa vào cách săp xếp ý trong phần thân bài để phân tích cách trình bày ý trong các đoạn trích . | -Nhắc lại bố cục và nêu chức năng từng phần của VB  - Đọc VB “ Người thầy đạo cao đức trọng “  -Lắng nghe , tìm hiểu và trả lời câu hỏi .  **Đ** : Chu văn An là người tài cao , có đạo đức .  - Chia bố cục cho VB và nêu nội dung chính của mỗi phần  - Dựa vào ý nghĩa nội dung và chức năng từng phần của VB , nêu mối quan hệ giữa các phần .  - Lắng nghe , tìm hiểu , phân tích trình tự nội dung của VB .  - Nhớ lại phần đọc hiểu VB để phân tích trình tự VB .  **Đ**: - Sắp xếp theo sự hồi tưởng những kỉ niệm về buổi tựu trường đầu tiên của tác giả . Các cảm xúc lại được sắp xếp theo thứ tự thời gian : những cảm xúc trên đường đến trường , những cảm xúc ở trong sân trường và khi bước vào lớp học.  -Sắp xếp theo sự liên tưởng đối lập những cảm xúc về cùng một đối tượng và buổi tựu trường đầu tiên  **Đ** : Trình tự thời gian .  - On lại phần đọc hiều Vb “ Trong lòng mẹ “ để phân tích diễn biến tâm trạng của bé Hồng .  **Đ**: Có thể sắp xếp theo trình tự không gian (tả phong cảnh ) chỉnh thể – bộ phận (tả người, vật , con vật ) diễn biền tâm trạng , ngoại hình , tính cách  (tả người )  - Dựa vào nội dung của từng đoạn trong phần thân bài để cho biết cách sắp xếp các sự việc .  **Đ**: Các ý chỉ ra hai nhóm sự việc về Chu Văn An trong phần thân bài  - Các sự việc nói về Chu văn An là người tài cao .  - Các sự việc nói về Chu văn An là người đạo đức , được học trò kính trọng .  **Đ** : Sắp xếp theo trình tự thời gian : trước và sau khi Chu văn An cáo quan để làm rõ cái đức tài vẹn toàn trước sau như một ở ông .  - Thảo luận ,tổng hợp lại tất cả các ý chính được rút ra qua việc tìm hiểu .  - Trả lời .  - Đọc nhiều lần ghi nhớ. | **I Bố cục của văn bản :**  VB: Người thầy đạo cao đức trọng  Gồm 3 phần :  1/ Mở bài :” Từ đầu….danh lợi “ : .Giới thiệu về Chu văn An  2/ Thân bài : “ Học trò…vào thăm”: Tài đức vẹn toàn của Chu văn An .  3/ Thân bài : phần còn lại : Tình cảm mọi người đối với Chu văn An .  **II. Cách bố trí , sắp xếp nội dung phần thân bài của văn bản .**  Sắp xếp theo :  -Trình tự thời gian.  - Trình tự không gian .  - Diễn biến tâm trạng .  - Chỉnh thể – bộ phận .  - Ngoại hình – tính cách .  **\* Ghi nhớ:**  Sgk / 25  **III.Luyện tập** :  1/ BT 1 sgk / 26,27  Trình bày theo trình tự :  a/ Trình bày theo thứ tự không gian: nhìn xa – đến gần –đến tận nơi – đi xa dần.  b/ Trình bày theo thứ tự thời gian : về chiều, lúc hoàng hôn.  c/ Hai luận cứ được sắp xếp theo tầm quan trọng của chúng đối với luận điểm cần chứng minh. |

4/ Củng cố :

Có thể trình bày phần thân bài dựa trên những yếu tố nào ?

5/Dặn dò : + Học phần ghi nhớ

+ Làm BT 2 ,3 .

+ Soạn bài “ Tức nước vỡ bờ “ .

6/ Rút kinh nghiệm:

* Sủa bài tập SGK
* Nhấn mạnh cách sắp xếp bố cục của văn bản

**Tuần 2**

**Tiết 3**  Bài: **TRƯỜNG TỪ VỰNG**

Lớp dạy:

Ngày dạy:

I**.Mục tiêu cần đạt** : *Giúp HS:*

- Hiểu được thế nào là trường từ vựng ,biết xác lập các trường từ vựng đơn giản.

- Bước đầu hiểu được mối tương quan giữa trường từ vựng với các hiện tượng ngôn ngữ đã học như đồng nghĩa ,trái nghĩa, ẩn dụ, hoán dụ, nhân hoá…giúp ích cho việc học văn và làm văn .

**II. Chuẩn bị** :

-GV :Giáo án, bảng phụ

-HS :Học bài cũ, chuẩn bị bài mới

**III.Tiến trình lên lớp** :

1/ Ổn định lớp :

2/ Kiểm tra bài cũ : - Một từ như thế nào được xem là có nghĩa rộng ( hoặc hẹp) hơn so với nghĩa những từ ngữ ( hoặc 1 từ ngữ ) khác? Cho VD ?

- Tìm từ có nghĩa hẹp hơn so với nghĩa của từ “ chức vụ “

- Tìm từ có nghĩa rộng hơn so với nghĩa những từ sau: nhựa , da, thủy tinh , nhôm , gỗ.

3/ Tiến trình dạy và học bài mới :

*Giới thiệu bài*

Trong mối quan hệ về nghĩa giữa các từ ngữ . Ngoài hai khái niệm nghĩa rộng, nghĩa hẹp còn có một khái niệm nữa la trường từ vựng. Thế nào là trường từ vựng ? Chúng ta sẽ hiểu rõ khái niệm này qua bài học ngày hôm nay

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của HS** | **Ghi bảng** |
| **\* Hoạt động 1** *: Hướng dẫn tìm hiểu khái niệm*  - Cho HS đọc đoạn văn của Nguyên Hồng , nhận xét về các từ in đậm ,gợi dẫn để HS trả lời câu hỏi .  **H**: Em hãy cho biết những từ in đậm có những nét chung gì về nghĩa ?  - Chốt : Ta gọi từ có nét chung về nghĩa ấy là trường từ vựng .  **H**:Em hiểu thế nào là trường từ vựng ?  **H**:Như vậy cơ sở để hình thành trường từ vựng là gì?  - Cho HS đọc nhiều lần ghi nhớ sgk/21.  **\* Hoạt động 2** : *Hướng dẫn tìm hiểu 4 vấn đề trong phần lưu ý.*  - Đặt câu hỏi gợi ý giúp HS mở rộng trường từ vựng .  - Cho HS đọc vd trường từ vựng “mắt” trong sgk.  **H**:Trường từ vựng “mắt” và trường từ vựng :bộ phận của mắt, trường từ vựng nào nhỏ hơn ?  - **Gợi** :Trường từ vựng của “mắt” lớn hơn trường từ vựng của “ bộ phận của mắt “và ngược lại .  **H**:Em rút ra được điều gì từ việc tìm hiểu VD trên?  **H**:Em có nhận xét gì về từ loại của các từ trong trường từ vựng “mắt” ?  - Cho HS đọc trường từ vựng “ngọt” .  **H**:Người ta dựa vào đâu để chia thành nhiều trường từ vựng khác nhau của từ :”ngọt”?  - Phân biệt cho HS từ nhiều nghĩa và từ đồng âm.  VD:Trường từ vựng “sâu”:   * Trường trí tuệ * Trường tính cách * Trường khoảng cách   Không có: trường động vật  - CHo HS đọc đoạn văn trong VB”Lão Hạc”.  **H**: Em hãy cho biết đoạn văn có sử dụng biện pháp tu từ gì ?  **H**: Như vậy tác giả đã chuyển từ trường từ vựng nào sang trường từ vựng nào để nhân hóa?  **H**: Hãy nhắc lại khái niệm về trường từ vựng và cho VD?  **H**:Cần lưu ý mấy vấn đề trong trường từ vựng ?  \_ Cho HS đọc lại ghi nhớ nhiều lần .  **\* Hoạt động 3***: Hướng dẫn luyện tập* .  - Cho HS đọc các BT sgk và hướng dẫn HS giải BT.  - BT 1: Gợi ý cho HS tìm các từ có nét nghĩa chung chỉ “người ruột thịt “ trong quan hệ với nhân vật “tôi”( bé Hồng)  - BT 2 : Gợi ý cho HS tìm hiểu nghĩa của từng từ trong mỗi dãy từ để tìm nét nghĩa chung của cả dãy từ . Dùng nét nghĩa chung đó làm tên trường từ vựng cho mỗi dãy từ .  - Gv nhận xét ,đánh giávà sửa chữa bài của từng nhóm.  - Cho HS đọc BT 3 , yêu cầu và cách làm như BT 2 .Gợi ý HS tìm hiểu nét nghĩa chung của các tư : hoài nghi ,khinh miệt ,ruồng rẫy, thương yêu, kính mến, rắp tâm (có nghĩa liên quan đến thái độ con người)  - Cho HS đọc BT 4 ,cho 2 nhóm HS thảo luận và cử đại diện lên làm. Yêu cầu HS tập hợp các từ theo tiêu chí nhất định . Gợi ý HS tìm hiểu nghĩa của từ “thính” qua qua các VD : mũi thính , tai thính .Từ “Thính có thể nằm ở hai trường : khứu giác và thính giác . | - Đọc đoạn văn của Nguyên Hồng ,nghe và trả lời câu hỏi .  **Đ**:Những từ đó đều chỉ về bộ phận cơ thể của con người .  **Đ**:Trường từ vựng là tập hợp từ có nét chung về nghĩa.  **Đ**:Đặc điểm chung về nghĩa.  - Đọc nhiều lần ghi nhớ trong sgk/21  **Đ**: Trường từ vựng : bộ phận của mắt nhỏ hơn.  **Đ**:Bao gồm nhiều từ loại : danh từ,tính từ, động từ.  - Đọc  **Đ**:Dựa vào hiện tượng nhiều nghĩa.  **Đ**:biện pháp nhân hóa.  **Đ**:Chuyển từ trường từ vựng người sang trường từ vựng thú vật.  - Nhắc lại khái niệm và cho VD.  - Trả lời  - Đọc lại nhiều lần ghi nhớ .  - Đọc và giải BT theo sự hướng dẫn của GV.  - Cá nhân lên bảng làm bài.  - Các nhóm thi đua lên bảng giải .  - Đọc BT 3 ,nghe GV hướng dẫn và làm bài.  - Đọc BT 4 cHo 2 nhóm HS thảo luận và cử đại diện lên làm . | **I.Thế nào là trường từ vựng?**  Tìm hiểu đoạn trích trong” Những ngày thơ ấu “.  - Những từ :mặt, mắt, da, gò má, đùi, đầu, cánh tay, miệng…có chung nét nghĩa: chỉ những bộ phận cơ thể con người  → Những từ trên thuộc trường từ vựng : bộ phận cơ thể của con người .  \* Lưu ý:  - Một trường từ vựng bao gồm nhiều trường từ vựng nhỏ hơn.  - Một trường từ vựng có thể bao gồm nhiều từ loại khác biệt.  - Trong thơ văn cũng như trong đời sống hàng ngày , người ta thường dùng cách chuyền trường từ vựng để tăng thêm tính nghệ thuật của ngôn từ . **\*Ghi nhớ :**  SGK/21  **II. Luyện tập** :  1/ BT 1/ 21  Trường từ vựng người ruột thịt : cô, cha, mẹ, em  2/ BT 2/ 21  a.⇒ Dụng cụ đánh bắt thủy sản.  b. ⇒ Dụng cụ để chứa đựng.  c. ⇒ Hoạt động của chân.  d. ⇒ Trạng thái tâm lí.  e. ⇒ Tính cách.  f. ⇒ Dụng cụ để viết.  3/ BT3/21  Trường từ vựng thái độ.  4/ BT 4:  - Khứu giác : mũi , thơm , điếc , thính.  - Thính giác : tai, nghe, điếc, rõ, thính . |

4/ Củng cố :

* Bài tập củng cố :

1. Điền thêm từ thích hợp để tạo thành trường từ vựng

+ Trường từ vựng hoạt động nhận thức : biết,….

+ Trường từ vựng phương tiện để di chuyển : xe ,…

+ Trường từ vựng động vật thuộc loài bò sát : rắn,…

1. Hãy lí giải vì sao có thể gọi tập hợp những từ sau đây là một trường từ vựng : Thầy giáo, cô giáo, giảng viên, giáo viên , giáo sư …

5/ Dặn dò :

* Học ghi nhớ, nắm một số lưu ý
* Làm BT 5,6.
* Xem trước bài “ Tính thống nhất về chủ đề của văn bản “

6/ Rút kinh nhgiệm :

* Cho học sinh lấy them nhiều ví dụ ngoài sách giáo khoa
* Sửa bài tập 5/SGK phần luyện tập

**Tuần 2**

**Tiết : 4 XÂY DỰNG ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN**

Lớp dạy:

Ngày dạy :

**I.Mục tiêu cần đạt** : *Giúp HS*:

* Hiểu được khái niệm đoạn văn , từ ngữ chủ đề , câu chủ đề , quan hệ giữa các câu trong đoạn văn và cách trình bày nội dung đoạn văn .
* Viết được các đoạn văn mạch lạc đủ sức làm sáng tỏ một nội dung nhất định .

**II. Tiến trình lên lớp** :

1/ Ổn định lớp :

2/ Kiểm tra bài cũ :

- Hãy đọc văn bản sau và cho biết bố cục , chức năng của từng phần trong văn bản đó?.

HỌA MI HÓT

Mùa xuân! Mỗi khi họa mi tung ra những tiếng hót vang lừng , mọi vật như có sự đổi thay kì diệu !

Trời bỗng sáng thêm ra.Những luồng ánh sáng chiếu qua các chùm lộc mới hóa rực rỡ hơn. Những gợn sóng trên hồ hòa nhịp với tiếng Họa Mi hót, lấp lánh thêm.Da trời bỗng xanh cao. Những làn mây trắng hơn, xốp hơn, trôi nhẹ nhàng hơn.Các loài hoa nghe tiếng hót trong suốt của Họa Mi chợt bừng giấc, xoè những ngón tay đẹp, bày đủ các màu sắc xanh tươi.Tiếng hót dìu dặt của Họa Mi giục các loài chim dạo lên những khúc nhạc tưng bừng, ca ngợi núi sông đang đổi mới.

Chim, Mây, Nước và Hoa đều cho rằng tiếng hót kì diệu của Họa Mi đã làm cho tất cả bừng giấc …Họa Mi thấy lòng vui sướng, cố hót hay hơn nữa .

3/ Tiến trình dạy và học bài mới:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh | Ghi bảng |
| **\*Hoạt động 1**: *Giới thiệu bài* :  Văn bản trên có mấy đoạn văn? Vậy đoạn văn là gì và trình bày một đoạn văn ra sao? Bài học hôm nay sẽ giúp ta hiểu rõ điều ấy.  **\* Hoạt động 2***: Hình thành khái niệm đoạn văn .*  - Cho HS đọc văn bản “ Ngô Tất Tố và tác phẩm “ Tắt Đèn” “.  **H**: Hãy cho biết văn bản trên gồm mấy y? mỗi ý được viết thành mấy đoạn văn ?  - Chốt: Văn bản trên có 2 đoạn. Vậy đoạn văn là đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản.  **H**: Em dựa vào dấu hiệu hình thức nào để nhận biết đoạn văn?  **H**:Nêu ý chính của từng đoạn văn?  - Chốt : Đoạn văn thường biểu đạt một ý tương đối hoàn chỉnh .  **H**: nhận xét số lượng câu trong đoạn văn của văn bản trên ?  **H**: Thế nào là đoạn văn ?  - Cho HS đọc ghi nhớ 1 .  **\* Hoạt động 3** : *Tìm hiểu từ chủ đề và câu chủ đề của đoạn văn .*  **H**: Hãy đọc thầm lại đoạn thứ nhất của văn bản trên và tìm những từ ngữ có tác dụng duy trì đối tượng trong đoạn văn ?  - Chốt : Các từ được lặp đi lặp lại nhiều lần có tác dụng duy trì đối tượng được biểu đạt gọi là từ chủ đề .  **H**: Hãy nhắc lại ý chính của đoạn văn 2 ? ý chính đó được thể hiện ở câu văn nào ?  - Chốt : Câu khái quát nội dung cả đoạn văn được gọi là câu chủ đề . Vậy chúng ta đã rút ra được ghi nhớ thứ hai .  - Cho HS đọc ghi nhớ 2 .  - Chuyển : Nội dung của văn bản được trình bày bằng nhiều cách khác nhau . Ta sẽ tiến hành tìm hiểu cách trình bày của văn bản .  **\*Hoạt động 4**  : *Cách trình bày nội dung đoạn văn .*  - Cho HS đọc đoạn văn thứ 2 trong văn bản trên  **H**: Hãy cho biết đoạn văn có câu chủ đề không ? Hãy chỉ ra câu chủ đề đó ? cho biết vị trí của câu chủ đề trong đoạn văn ?  **H**: Yếu Tố nào duy trì đối tượng trong đoạn văn ?  **H**: Ta đã biết câu chủ đề nêu ý chung , ý khái quát của cả đoạn văn . Vậy các câu còn lại trong đoạn văn có quan hệ ý nghĩa như thế nào với câu chủ đề ?  **H**: Nội dung đoạn văn được triển khai theo trình tự nào ?  - Chốt : Cách trình bày theo trình tự như vậy gọi là trình bày theo cách diễn dịch .  - Cho HS đọc đoạn (b) / SGK trg 35 .  **H**: Đoạn văn có câu chủ đề không ? nếu có thì nó ở vị trí nào ?  **H**: Nội dung của văn bản được trình bày theo trình tự nào ?  - Chốt : Cách trình bày nội dung như vậy gọi là trình bày theo cách quy nạp . Diễn dịch và quy nạp là 2 cách trình bày nội dung đoạn văn phổ biến , ngoài ra còn có thể trình bày nội dung đoạn văn theo cánh song hành , móc xích .  - Cho HS đọc toàn bộ ghi nhớ .  **\* Hoạt động 5**: *Hướng dẫn luyện tập* .  -Cho HS đọc BT 1/ 36  Cá nhân trình bày ý kiến .  - Cho HS đọc BT 2 / 36 .  GV phân bài cho các nhóm thảo luận , cử đại diện trình bày .   * Tổ 1,2 làm đoạn ( a ) * Tổ 3,4 làm đoạn ( b ) * Tổ 4,5 làm đoạn (c )   - Cho HS đọc BT 3 / 36  HS chuẩn bị phiếu học tập để viết đoạn văn, giáo viên gọi 1 HS lên bảng  - Gợi ý :  + Câu chủ đề viết ở đầu đoạn “ Lịch sử …dân ta “ .  Dẫn chứng những cuộc kháng chiến trong lịch sử ( theo trình tự thời gian )   * Khởi nghĩa hai bà Trưng . * Khởi nghĩa Lam Sơn . * Ba lần kháng chiến chống Mông Nguyên .   + Người Việt Nam đều tự hào về những trang sử vẻ vang đó .  - Viết theo cách quy nạp : chuyển câu chủ đề xuống cuối đoạn . | **Đ**: VB có 2 ý được viết thành 2 đoạn văn .  **Đ**: Đoạn văn bắt đầu từ chữ viết hoa lùi đầu dòng , kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng .  **Đ**: Đoạn 1: Giới thiệu về tác giả “ Ngô Tất Tố”. Đoạn 2: Giới thiệu về tác phẩm“Tắt Đèn”  **Đ**: Một đoạn văn thường do nhiều câu tạo thành .  -Đọc ghi nhớ 1 .  **Đ**: Từ “ Ngô Tất Tố” “nhà văn” được lặp đi lặp lại nhiều lần .  **Đ**: Giới thiệu tác phẩm “ Tắt Đèn” và thể hiện ở câu đứng đầu đoạn văn .  - Đọc ghi nhớ 2 .  **Đ** : Câu chủ đề : “ Tắt Đèn là tác phẩm tiêu biểu nhất của Ngô Tất Tố .  **Đ**: Từ “ Tắt Đèn “.  **Đ**: Các câu còn lại có tác dụng diễn giải , triển khai câu chủ đề và có quan hệ chính phụ với câu chủ đề về mặt ý nghĩa .  **Đ**: Đoạn văn được triển khai theo trình tự : từ ý khái quát đến ý chi tiết cụ thể .  - Đọc đoạn văn (b).  **Đ**: Đoạn văn có câu chủ đề đứng ở cuối đoạn  **Đ**: Nội dung VB được trình bày theo trình tự : từ ý chi tiết cụ thể đến ý chung , khái quát .  - Đọc ghi nhớ .  - Đọc BT 1 / 36  -Đọc BT 2 / 36  - Đọc BT 3 / 36 | **I.Thế nào là đoạn văn?**  Văn bản:Ngô Tất Tố và tác phẩm ‘ Tắt Đèn” .  1/ Giới thiệu về Ngô Tất Tố .  Đoạn 1  2/ Giới thiệu về “ Tắt Đèn “  Đoạn 2  **II. Từ ngữ và câu trong đoạn văn :**  1/ Từ chủ đề : “Ngô Tất Tố” .được lặp đi lặp lại  2/ Câu chủ đề : “ Tắt Đèn là tác phẩm tiêu biểu nhất của Ngô Tất Tố “.  **III. Cách trình bày nội dung đoạn văn .**   * Diễn dịch . * Quy nạp . * Song hành .   **\* Ghi nhớ** :  SGK / 42 .  **IV. Luyện tập** :  - BT 1 : có 2 ý , mỗi ý được diễn đạt thành 1 đoạn văn .  - BT 2 :   1. Diễn dịch . 2. Song hành . 3. Song hành .   - BT 3 : |

4/ Củng cố:Từ chủ đề và câu chủ đề có vai trò như thế nào trong đoạn văn? Kể tên những cách trình bày đoạn văn?

5/ Dặn dò : + Học bài .

+ Làm BT 4

+ Xem lại văn kể chuyện , chuẩn bị làm bài viết hai tiết .

6/ Rút kinh nghiệm:

* Nhấn mạnh về các cách viết đoạn văn
* Sủa bài tập phần luyện tập

**Tuần: 3**

**Tiết: 1,2** **TỨC NƯỚC VỠ BỜ**

Lớp dạy: 8/1,8/2:  **(trích :Tắt Đèn )**

Ngày dạy : 21,22/9  ***Ngô Tất Tố***

**I.Mục tiêu cần đạt**: *Giúp HS*:

* Qua đoạn trích thấy được bộ mặt tàn ác bất nhân của chế độ XH đương thời và tình cảnh đau thương của người nông dân cùng khổ trong XH ấy; Cảm nhận được cái quy luật của hiện thực: có áp bức có đấu tranh; thấy được vẻ đẹp tâm hồn và sức sống tiềm tàng của người phụ nữ nông dân .
* Thấy được nét đặc sắc nghệ thuật viết truyện của tác giả.

**II. Chuẩn bị :**

-GV :Giáo án , tác phẩm “Tắt đèn “, chân dung Ngô Tất Tố

-HS :Soạn bài mới , học bài cũ

**III.Tiến trình lên lớp**:

1/ Ổn định lớp:

2/ Kiểm tra bài cũ: -Tóm tắt đoạn trích và nêu những cảm nhận của em về nhân vật bà cô?

- Tình thương yêu của Hồng đối với mẹ được thể hiện qua những chi tiết nào? Cho biết nội dung củaVB“ Trong lòng mẹ”.

3/ Tiến trình dạy và học bài mới :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Ghi bảng** |
| **\* Hoạt động 1**: *Giới thiệu bài:* Ngô Tất Tố là một trong những nhà văn xuất sắc nhất của trào lưu văn học hiện thực trước cách mạng.Có thể gọi Ngô Tất Tố là “ nhà văn của nông dân “, gần như chuyên viết về nông thôn và đặc biệt thành công ở đề tài này.Tiểu thuyết thành công nhất của ông về đề tài nông dân là “ Tắt Đèn “ mà một đoạn trích trong đó là bài học của ngày hôm nay với tựa đề “ Tức nước vỡ bờ “  2/ Hướng dần học sinh tìm hiểu tác giả – tác phẩm.  - GV đặt câu hỏi gợi ý cho hs tìm hiểu về tác giả, tác phẩm.  **H**: Hãy nêu những hiểu biết của em về tiểu sử Ngô Tất Tố?(năm sinh , năm mất , xuất thân , sự nghiệp ..)  **H**: Hãy kể tên một số tác phẩm tiêu biểu của ông?  + Nhấn mạnh: Vốn dĩ xuất thân từ nhà nho gốc nông dân, Ngô Tất Tố gắn bó máu thịt với người nông dân, hiểu và thông cảm với họ.Từ đó xây dựng hình tượng người nông dân rất chân thật và tiêu biểu.  - Tóm tắt cốt truyện:  Chuyện xảy ra trong không khí căng thẳng của những ngày sưu thuế tại làng Đông Xá. Gia đình anh Dậu nghèo khó không có tiền đóng sưu, anh bị bọn tay sai đánh, bắt trói lên đình làng .Chị Dậu phải bán đứa con gái vừa 7 tuổi, gánh khoai cùng đàn chó mới mở mắt.Anh Dậu vẫn không được thả về vì còn thiếu xuất sưu của anh Hợi – em ruột anh – đã chết từ năm ngoái.Vì anh Dậu bệnh nặng ,sợ anh chết , bọn cai lệ khiêng quẳng anh về . Anh vừa tỉnh dậy,bọn chúng lại kéo đến định bắt trói đem đi.Không chịu được, chị Dậu đánh trả lại và bị bắt giải lên huyện. Tên quan huyện dùng tiền mua chuộc chị.Chị ném sấp giấy bạc vào mặt hắn.Chị làm vú nuôi cho nhà cụ cố. Một đêm hắn mò vào buồng chị,chị chống trả và chạy ra ngoài trời tối đen như mực .  - Nêu giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của tác phẩm “ Tắt Đèn “.  “Tắt đèn” lấy đề tài từ nạn thuế thân, qua đó tố cáo bộ mặt tàn ác bất nhân của chế độ thực dân PK, bọn quan lại thống trị; phản ánh tình trạng thống khổ của người nông dân cùng phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ nông dân Việt Nam.  “ Tắt Đèn “ xuất sắc trong nghệ thuật xây dựng thế giới nhân vật chân thực,sinh động, có những điển hình bất hủ .  **H**: Hãy cho biết xuất xứ đoạn trích?  **\* Hoạt động 2** : Hướng dẫn HS đọc văn bản và tìm hiểu chú thích .  - Đọc đúng ngữ điệu theo diễn biến tâm lí của nhân vật, nhấn giọng ở những từ gợi tả  -Cho hs đọc phần tóm tắt trước đoạn trích. Sau đó GV đọc toàn bộ đoạn trích và phân vai cho HS đọc lại VB.  - Cho Hs giải từ khó căn cứ vào phần chú thích trong sgk. Giải thích thêm những từ ít được sử dụng ngày nay: sưu, cai lệ, xái, lực điền …Ngoài ra giải thích thêm từ “ thuế thân : nam giới từ 18 –60 tuổi mỗi năm đều phải đóng thuế , đây là thứ thuế dã man đánh vào đầu người còn sót lại ở thời trung cổ .  **\* Hoạt động 3***: Hướng dẫn tìm hiểu văn bản .*  1/ Phân tích tình thế của chị Dậu khi bọn tay sai xông đến.  - GV đặt câu hỏi để gợi ý cho HS phân tích.  **H**: Khi bọn tay sai xông vào nhà chị Dậu, tình thế của chị như thế nào?  - Giảng:Vụ thuế đang vào thời điểm gay gắt nhất : quan sắp về làng để đốc thuế , bọn tay sai thì hung hăng lùng sục những người thiếu thuế để đem ra đánh đập . Mặc dù phải bán con, bán chó, bán cả gánh khoai để có đủ tiền nộp sưu,nhưng anh Dậu vẫn là người thiếu thuế vì xuất sưu của em mình đã chết hồi năm ngoái.Nếu bị đánh trói lần nữa, thì mạng sống khó mà giữ được.Tất cả vấn đề đối với chị Dậu lúc này là làm sao bảo vệ được chồng trong tình thế nguy ngập ấy.  2 / Phân tích nhân vật cai lệ:  **H**: Chị Dậu bị đẩy vào tình thế nguy ngập đó phần lớn là do bọn tay sai.Vậy bọn tay sai được nói đến trong đoạn trích này là ai?  **H**: Cai lệ là chức danh gì?  **H**: Tên cai lệ có mặt ở làng Đông Xá với vai trò gì?  **H**: Hắn và người nhà lí trưởng xông vào nhà anh Dậu với ý định gì?  **H**: Vì sao hắn là một tên tay sai mạt hạng lại có quyền đánh trói người vô tội vạ như vậy?  - Chốt: Cai lệ là một tên tay sai chuyên nghiệp, tiêu biểu trọn vẹn nhất cho bọn tay sai.Hắn là công cụ bằng sắt đắt lực của cái trật tự XH lúc bấy giờ.  **H**: Tác giả đã dùng những chi tiết nào để miêu tả sự xuất hiện của bọn chúng?  **H**: Tìm những chi tiết miêu tả ngoại hình, hành động, ngôn ngữ của tên cai lệ?  **H**: Nêu nhận xét của em về những chi tiết trên và cho biết cai lệ là một tên tay sai như thế nào?Hắn là hiện thân của cái gì trong xh cũ?  - GV cho các nhóm thảo luận, nhận xét đánh giá câu trả lời của từng nhóm và bình giảng.  - Bình: Cai lệ là một tên tay sai hung dữ, sẳn sàng gây tội ác. Toàn bộ ý thức của hắn chỉ là ra tay đánh trói người thiếu thuế.Vì vậy hắn cứ nhằm vào anh Dậu mà không hề bận tâm về việc anh Dậu đang ốm nặng. Hắn hoàn toàn bỏ ngoài tai mọi lời van xin, trình bày tha thiết, lễ phép, có lí , có tình của chị Dậu . Trái lại hắn còn đáp lại chị bằng những lời lẽ thô tục, ngôn ngữ giống như của loài thú dữ và những hành động đểu cáng hung hãn tán tận lương tâm tới rợn người.Tàn bạo, không chút tính người là bản chất và tính cách của hắn cũng là hiện thân của chế độ PK tàn bạo.  **H**: Em có nhận xét gì về nghệ thuật khắc họa nhân vật của tác giả?  - Bình: Tính cách hung bạo dã thú của tên tay sai chuyên nghiệp đó được thể hiện thật đậm nét và nhất quán. Chỉ xuất hiện trong một đoạn văn ngắn nhưng nhân vật cai lệ được khắc họa hết sức nổi bật, sống động, có giá trị điển hình , không chỉ điển hình cho tầng lớp tay sai thống trị mà đó còn là hiện thân sinh động của trật tự thực dân phong kiến đương thời .  3/ Phân tích diễn biến tâm lí , hành động của chị Dậu :  - Nhắc lại tình thế của chị Dậu: Bọn tay sai sầm sập tiến vào giữa lúc chị Dậu vừa “rón rén “ bưng cháo cho anh Dậu và chờ xem chồng ăn có ngon miệng hay không. Anh Dậu sợ quá lăn đùng ra không nói được gì, chỉ còn một mình chị Dậu đứng ra ứng phó. Lúc này, tính mạng của anh Dậu phụ thuộc cả vào sự đối phó của chị. Vậy chị Dậu đối phó với bọn tay sai để bảo vệ chồng bằng cách nào?  **H**: Khi thấy bọn cai lệ tiến vào, thái độ của chị ra sao?  **H**: Tại sao chị Dậu lại giãi bày, van xin bọn cai lệ?  - Giảng:Bọn tay sai hung hãn đang nhân danh “ phép nước “ , “người nhà nước “ để ra tay , còn chồng chị chỉ là kẻ cùng đinh có tội nên chị phải van xin . Vả lại, kinh nghiệm lâu đời đã thành bản năng của người nông dân thấp cổ bé họng biết rõ thân phận mình, cùng với bản tính mộc mạc , quen nhẫn nhục , khiến chị chỉ biết van xin rất lễ phép , cố khơi gợi từ tâm và lương tri của “ông cai “.  **H**: Lúc nào thì chị phản ứng và thái độ phản ứng của chị như thế nào?  **H**: Cách xưng hô của chị Dậu lúc này ra sao? cách xưng hô đó cho thấy vai quan hệ giữa chị và cai lệ thế nào ?  **H**: Khi tên cai lệ dã thú ấy tát vào mặt chị rồi nhảy vào cạnh anh Dậu thì thái độ và phản ứng của chị thế nào?  **H**: Cách xưng hô đanh đá thể hiện thái độ gì và tư thế nào của chị?  **H**:. Hãy tìm những từ ngữ, chi tiết miêu tả cảnh chị Dậu đấu lực với bọn tay sai?  **H**: Nhận xét sức mạnh của chị Dậu qua những từ ngữ, chi tiết trên?  .**H**: Do đâu mà chị có sức mạnh lạ lùngquật ngã hai tên tay sai như vậy ?  - Giảng: Hành động quyết liệt, dữ dội và sức mạnh bất ngờ của chị Dậu trước hết bắt nguồn từ lòng căm hờn :gia đình chị chỉ vì một suất sưu mà nhà cửa tan nát , phải bán con , bán chó, chồng bị hành hạ đến sống dở , chết dở , bản thân chị không làm gì nên tội cũng bị đánh đập . Lòng căm hờn cũng xuất phát từ động cơ bảo vệ anh Dậu, tức là của lòng yêu thương .Khi chăm sóc chồng, khi van xin tha thiết hay khi quật ngã hai tên tay sai hung tợn, lúc nào chị cũng vì người chồng đau ốm. Khối căm thù ngùn ngụt bùng ra như núi lửa ở chị là một biểu hiện của lòng yêu thương mãnh liệt người phụ nữ lao động dường như sinh ra là để yêu thương, nhường nhịn, hi sinh đó.  - Đặt câu hỏi cho HS thảo luận: khi chị Dậu đánh nhau với bọn tay sai, anh Dậu đã can ngăn chị.Chị đã trả lời anh như thế nào? em đồng tình với ý kiến của ai? Vì sao?  - Gợi: Lời của anh Dậu tuy nói đúng cái lí, cái sự thật phổ biến trong cái trật tự tàn bạo không hề có công lí ấy, nhưng chị Dậu không chấp nhận cái lí vô lí đó. Câu trả lời của chị cho thấy chị không còn chịu cứ phải cúi đầu, mặc cho kẻ ác chà đạp, mang tinh thần phản kháng mạnh mẽ tuy chỉ là tự phát  **H**: Em hãy cho biết tính cách của chị Dậu qua đoạn trích?  - Chốt: Chị Dậu mộc mạc , hiền dịu , đầy vị tha , sống khiêm nhường , biết nhẫn nhục chịu đựng , nhưng hoàn toàn không yếu đuối , chỉ biết sợ hãi , mà trái lại , vẫn có một sức sống mạnh mẽ , một tinh thần phản kháng tiềm tàng ; khi bị đẩy tới đường cùng , chị đã vùng dậy chống trả quyết liệt , thể hiện một thái độ bất khuất .  4/ Hướng dẫn về nhan đề đoạn trích :  **H**: Em hiểu thế nào về nhan đề VB?Em có đồng ý với cách đặt tên như vậy không?  - Lưu ý: Đoạn trích chẳng những làm toát lên cái lô-gic hiện thực “ tức nước vỡ bờ “, có áp bức có đấu tranh , mà còn toát lên cái chân lí : con đường sống của quần chúng bị áp bức chỉ có thể là con đường đấu tranh để tự giải phóng , không có con đường nào khá. Nhà văn Nguyễn Tuân đã nói:” Ngô Tất Tố với “ Tắt Đèn “ đã xui người nông dân nổi loạn “. Ngô Tất Tố chưa nhận thức được chân lí cách mạng nên chưa chỉ ra được con đường đấu tranh của quần chúng,nhưng nhà văn đã cảm nhận được xu thế “tức nước vỡ bờ “ và sức mạnh to lớn khôn lường của sự “ vỡ bờ “đó.  **H**: Hãy chứng minh nhận xét của Vũ Ngọc Phan: “ Cái đoạn chị Dậu đánh nhau với tên cai lệ là một đoạn tuyệt khéo”?  - Nghệ thuật khắc hoạ nhân vật rõ nét làm nổi bật bản chất (lời lẽ, giọng nói, hành động, thân hình, tư thế) ở nhân vật cai lệ, còn ở chị Dậu là tính cách đa dạng, diễn biến tâm lí hợp lô – gic.Ngòi bút miêu tả linh hoạt sống động.Ngôn ngữ kể chuyện, miêu tả của tác giả và ngôn ngữ đối thoại của nhân vật rất đặc sắc.  **H**: Đoạn trích ‘ Tức nước vỡ bờ “ cho em biết được điều gì về bộ mặt XH cũ cùng cuộc sống của người nông dân thời bấy giờ?   * Cho hS đọc ghi nhớ sgk / 33. | - Lắng nghe, nắm một số nét chính về tác giả tạo cảm hứng đi vào bài học mới .  -Lắng nghe, dựa vào chú thích trang 31, 32 để trả lời những nét chính về tác giả.  - Lắng nghe, nắm cốt truyện  - Lắng nghe, nắm và nhớ kĩ nội dung, nghệ thuật của tác phẩm .  **Đ**: Đoạn “Tức nước vỡ bờ” trích trong chương 18 của tác phẩm  - Nghe, cảm thụ và đọc diễn cảmVB theo vai nhân vật đã được phân.  - Đọc từ khó trong phần chú thích, nghe GV giải thích.  - Lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi của GV.  **Đ**: Tình thế chị Dậu vô cùng nguy kịch vì anh Dậu đang ốm tưởng chết đêm qua, giờ mới tỉnh dậy, nếu bị đánh trói lần nữa chắc sẽ khó sống, chị Dậu phải làm sao để bảo vệ chồng.  - Nghe.  -Trả lời câu hỏi.  **Đ**: Cai lệ và người nhà lý trưởng  **Đ**: Trong bộ máy thống trị của XH đương thời, tên cai lệ chỉ là một gã tay sai mạt hạng, chỉ làm công việc hầu hạ trà nước, điếu đóm,bút mực và để sai vặt nơi công đường .  **Đ**: Cai lệ có mặt ở Đông Xá với nhiệm vụ là hỗ trợ cho lí trưởng đốc sưu, nã thuế.  **Đ**: Hắn cùng người nhà lí trưởng xông vào để đánh trói anh Dậu.  **Đ**: Có thể nói, đánh trói người là “nghề” của hắn, được hắn làm với một kĩ thuật thành thạo và sai mê. Hắn chỉ là một tên tay sai mạt hạng nhưng lại có thể đánh trói người vô tội vạ vì hắn đại diện cho “ nhà nước “ nhân danh “ phép nước “ để hành động.  **Đ**: Sầm sập tiến vào với những roi song, tay thước.  **Đ**: Ngoại hình: lẻo khẻo vì nghiện ngập; hành động:gõ đầu roi , trợn ngược hai mắt , giật phắt dây thừng chạy sầm sập đến chỗ anh Dậu , bịch vào ngực chị Dậu , sấn đến chỗ anh Dậu , tát vào mặt chị Dậu đánh bốp . Ngôn ngữ: quát,thét, hầm he, nham nhảm .  - Các nhóm thảo luận, trình bày ý kiến.  - Lắng nghe.  **Đ**: Chỉ xuất hiện trong một đoạn văn ngắn nhưng nhân vật cai lệ được khắc họa hết sức nổi bật, sống động, có giá trị điển hình.  - Nghe, trả lời câu hỏi của GV.  **Đ**: Chị Dậu cố” van xin tha thiết “.  **Đ**: Vì anh Dậu đang thiếu sưu thuế của nhà nước.  **Đ**:Khi tên cai lệ không thèm nghe chị nửa lời , bịch vào ngực chị và xông đến anh Dậu , thì khi ấy , hình như tức quá , không thể chịu được chị đã “ liều mạng cự lại “,đấu lý với chúng .  **Đ**: Chị không còn hạ mình nữa mà đã ở tư thế ngang hàng.  **Đ**: Chị vụt đứng dậy với niềm căm giận ngùn ngụt, nghiến răng gọi hắn là “ mày”, xưng “ bà” không đấu lý mà đấu lực.  **Đ**: Cách xưng hô đanh đá của người phụ nữ bình dân thể hiện sự căm giận và khinh bỉ cao độ, đồng thời khẳng định tư thế đứng trên , sẳn sàng đè bẹp đối phương  **Đ**: Các chi tiết và từ ngữ : túm lấy cổ , ấn dúi ra cửa , làm tên cai lệ ngã chỏng quèo , còn tên người nhà lí trưởng bị chị : túm tóc lẳng cho một cái ngã nhào  **Đ**: Sức mạnh ghê gớm, tư thế ngang tàng.  **Đ**: do lòng căm giận  - Hội ý, các nhóm cử đại diện trình bày ý kiến của mình.  **Đ**: Hiền dịu, thương chồng, biết nhẫn nhục chịu đựng ,nhưng không yếu đuối và có tinh thần phản kháng .  **Đ**: có áp bức, có đấu tranh  -Nghe.  .  - Trả lời.  - Đọc gh nhớ sgk /33 | **I.Đọc- hiểu chú thích:**  Sgk / 31  **II. Tìm hiểu văn bản:**  1/ Hình ảnh cai lệ:  -Thét bằng giọng khàn khàn:  - Trợn ngược hai mắt,quát …  -Giọng hầm hè…  -…chạy sầm sập đến chỗ anh Dậu  -Bịch vào ngực chị Dậu, tát vào mặt chị  → tàn bạo , hung tợn , vô lương tâm ,không chút tính người .  ⇒ bộ mặt tàn bạo của chế độ thực dân PK .  2/ Nhân vật chị Dậu:  -Rón rén bưng một bát lớn đến chỗ chồng nằm, chờ xem chồng ăn có ngon miệng không  → thương yêu chồng .  -Run run: nhà cháu đã túng…  - Cháu van ông…  →thái độ nhún nhường, hạ mình .  -Liều mạng cự lại: Chồng tôi đau ốm…  → đấu lí, tư thế ngang hàng  -Mày trói ngay chồng bà …  -…túm ngay lấy cổ hắn …  -…lẳng cho một cái ngã nhào ra thềm .  → tư thế cao hơn  ⇒ Sức mạnh bắt nguồn từ lòng căm hờn, tình yêu thương.  -Thà ngồi tù …  → sức phản kháng tiềm tàng nhưng mạnh mẽ .  **\* Ghi nhớ**:  Sgk / 33 |

4/Củng cố : Nêu những phẩm chất tốt đẹp của chị Dậu qua đoạn trích ?

5/Dặn dò : + Học bài .

+ Soạn bài“Lão Hạc”.

+ Xem trước bài “ Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội “

6/Rút kinh nghiệm :

* Nhấn mạnh về nhân vật chị Dậu
* Chú ý thời gian

**Tuần : 3**

**Tiết :3**  **LIÊN KẾT ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN**

Lớp dạy :

Ngày dạy :

**I.Mục tiêu cần đạt**: *Giúp HS:*

* Hiểu cách sử dụng phương tiện để liên kết các đoạn văn, khiến chúng liền ý , liền mạch .
* Viết được các đoạn văn liên kết mạch lạc, chặt chẽ .

**II. Chuẩn bị :**

-GV: Giáo án, bản phụ

-HS : Học bài cũ , soạn bài mới

**III.Tiến trình lên lớp**:

1/ Ổn định lớp :

2/ Kiểm tra bài cũ: - Thế nào là đoạn văn? Từ chủ đề và câu chủ đề là gì?

* Cách trình bày nội dung đoạn văn trong văn bản?
* Viết đoạn văn (khoảng 4 câu) theo cách diễn dịch, chủ đề tự chọn.

3/ Tiến trình dạy và học bài mới:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Ghi bảng** |
| **\* Hoạt động 1**: *Giới thiệu bài* :  Chúng ta đã biết: một văn bản được cấu tạo bằng nhiều đoạn văn . Muốn cho văn bản mạch lạc, chặt chẽ, giữa các đoạn phải có sự liên kết . Bài học hôm nay sẽ giúp các em biết cách sử dụng một số phương tiện để liên kết đoạn văn với nhau.  **\* Hoạt động 2**: *Tìm hiểu tác dụng của việc chuyển đoạn .*  \_ Cho HS đọc hai đoạn phần 1 sgk , đặt câu hỏi gợi ý .  **H**: Hãy nêu ý chính của các đoạn văn trên?  **H**: Hai đoạn văn trên có mối quan hệ gì không? vì sao ?  - Nói rõ thêm : theo lô gic thông thường thì cảm giác ấy phải là cảm giác ở thời điểm hiện tại khi chứng kiến ngày tựu trường . Bởi vậy, người đọc sẽ cảm thấy hụt hẫng khi đọc đoạn văn sau .  **H**: Hãy đọc lại hai đoạn văn phần 2 sgk và cho biết cụm từ *trước đó mấy hôm* bổ sung ý nghĩa gì cho đoạn văn thứ hai?  - Chốt : Từ ‘ đó “ tạo sự liên tưởng cho người đọc với đoạn văn trước . Chính sự liên tưởng này tạo nên sự gắn kết chặt chẽ giữa hai đoạn văn với nhau làm cho hai đoạn văn liền ý ,liền mạch .  - Cho HS thảo luận : Hãy cho biết tác dụng của việc liên kết đoạn văn trong văn bản ?  (Liên kết đoạn văn làm văn bản liền ý, liền mạch thể hiện quan hệ ý nghĩa giữa các đoạn văn )  **H**: Vậy muốn chuyển từ đoạn văn này sang đoạn văn khác , ta phải làm gì ?   * Cho HS đọc ghi nhớ 1 sgk / 53   **\* Hoạt động 4**: *Cách liên kết đoạn văn trong văn bản :*  - Cho HS đọc hai đoạn văn phần a trong II. 1  **H**: Hai đoạn văn trên liệt kê hai khâu của quá trình lĩnh hội và cảm thụ tác phẩm . Đó là những khâu nào ?  **H**: Hai đoạn văn này có quan hệ gì ? Tìm các từ ngữ liên kết trong hai đoạn văn trên ?  **H**: Để liên kết các đoạn có quan hệ liệt kê , ta thường dùng các từ ngữ có tác dụng liệt kê . Hãy kể tiếp các phương tiện liên kết có quan hệ liệt kê?  - Cho HS đọc hai đoạn văn phần b trong II.1  **H** : Tìm quan hệ ý nghĩa giữa hai đoạn văn ? tìm từ ngữ liên kết trong hai đoạn văn đó ?  - Chốt : Để liên kết hai đoạn văn có ý nghĩa đối lập , ta thường dùng từ ngữ biểu thị ý nghĩa đối lập .  **H**: Hãy tìm thêm các phương tiện liên kết đoạn có ý nghĩa đối lập ?  - Cho HS đọc thầm lại hai đoạn văn ở mục I.2  **H**: Cho biết “ đó “ thuộc từ loại nào ? “trước đó là khi nào?  **H**: Chỉ từ , đại từ cũng được dùng làm phương tiện liên kết đoạn văn . Hãy kể tiếp các từ có tác dụng này  - Cho HS đọc hai đoạn văn phần d trong II.1 tiếp tục thực hiện các thao tác như các phần trên để nói về các từ liên kết có ý nghỉa tổng kết khái quát.  **H**: Các từ liên kết thường đứng ở vị trí nào?  - Cho HS đọc đoạn hai đoạn văn ở phan II.2  **H**: Tìm phương tiện liên kết trong hai đoạn văn trên? Nêu vị trí của nó?  **H**: Tại sao câu đó lại có tác dụng liên kết?  **H**: Từ VD trên ta thấy, ngoài cách dùng từ để liên kết đoạn văn , ta còn có thể liên kết đoạn văn bằng cách nào nữa ?  - Chốt : Câu dùng để nối đoạn văn với đoạn văn gọi là câu nối .  - Cho HS đọc ghi nhớ 2 sgk /53 và đọc toàn bộ ghi nhớ.  **\* Hoạt động 4**: *Hướng dẫn luyện tập*  - Gọi HS đọc BT 1 SGK, cho các nhóm thảo luận và trình bày kết quả, GV nhận xét, sửa chữa.    - Cho HS đọc BT 2 SGK, thực hiện như cách tổ chức làm BT 2. | - Đọc phần 1 sgk, lắng nghe, trả lời câu hỏ.  **Đ**: Đoạn 1: cảnh sân trường Mĩ Lí ngày tựu trường .  Đoạn 2: Cảm giác của “tôi” một lần ghé thăm trường trước đây .  **Đ**: Hai đoạn văn trên không có mối liên hệ gì với nhau vì hai đoạn văn tuy cùng viết về ngôi trường nhưng giữa việc tả cảnh hiện tại với cảm giác về ngôi trường ấy không có sự gắn bó với nhau  **Đ**: Tạo sự liên tưởng đến chuyện đã xảy ra.    **Đ**: Dùng phương tiện liên kết .  - Đọc ghi nhớ 1    - Đọc hai đoạn văn  **Đ**: Khâu tìm hiểu và khâu cảm thụ.  **Đ**: Hai đoạn văn này có quan hệ liệt kê và được liên kết bằng từ “sau”  **Đ**: Trước hết , đầu tiên , cuối cùng , sau nữa , một mặt , mặt khác , một là ,thêm vào đó , ngoài ra …  - Đọc hai đoạn văn  **Đ**: Quan hệ đối lập . Từ liên kết “nhưng”  **Đ**: nhưng, trái lại  **Đ**: Chỉ từ , trước đó là khi “tôi “ chưa đi học .  **Đ**: Đó , này , nọ , kia .  **Đ**: đứng ở đầu đoạn văn sau.  **Đ**: Ai dà! lại còn chuyện đi học nữa cơ đấy !đứng đầu đoạn 2  **Đ**: Câu này vừa có nội dung nhắc lại lời bà mẹ nói ở phía trước vừa nói lên điều suy nghĩ của nhân vật ở câu sau.  **Đ**: Dùng câu để liên kết đoạn văn.  - Đọc ghi nhớ 2 và đọc tòan bộ ghi nhớ.  - Đọc BT1, thảo luận, trình bày kết quả theo tổ.  - Đọc BT2, làm | **I.Tác dụng của việc liên kết các đoạn văn trong văn bản:**  - Hai đoạn phần 1: không có sự liên kết do không nêu rõ thời điểm.  - Hai đoạn phần 2: thêm “trước đó mấy hôm “ đầu đoạn 2 làm rõ thời điểm  → hai đoạn liền ý, liền mạch .  - Trước đó mấy hôm: phương tiện liên kết.  **II. Cách liên kết đoạn văn trong văn bản :**  1/ Dùng từ ngữ để liên kết đoạn văn .  *2/* Dùng câu để liên kết đoạn văn (câu nối)  **\* Ghi nhớ** :  SGK / 53 .  **III. Luyện tập** :  1 / BT 1 sgk / 53,54 :   1. Nói như vậy . 2. Thế mà . 3. Cũng ; Tuy nhiên   2/ BT 2 sgk / 54 , 55   1. Từ đó 2. Nói tóm lại 3. Tuy nhiên 4. Thật khó trả lời |

4/ Củng cố : + Nêu tác dụng của liên kết đoạn văn trong văn bản ?

+ Kể tên các phương tiện để liên kết đoạn văn?

5/ Dặn dò : + Học ghi nhớ .

+ Làm bài tập 3

+ Chuẩn bị bài “Từ địa phương và biệt ngữ xã hội”.

6/ Rút kinh nghiệm :

* Nhấn mạnh các cách liên kết đoạn văn trong văn bản
* Sủa bài tập phần luyện tập

**Tuần :3**

**Tiết 4: LUYỆN TẬP TLV +CẤP ĐỘ KHÁI QUÁT CỦA NGHĨA TỪ NGỮ**

**(Khuyến khích học sinh tự học)**

-Lớp dạy**:** 8/1, 8/2

-Ngày dạy : 8/9

**I.Mục tiêu cần đạt** : Giúp HS:

-Hiểu rõ cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ và mối quan hệ về cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ.

- Thông qua bài học ,rèn luyện tư duy trong việc nhận thức mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng.

**II.Chuẩn bị :**

-GV : Giáo án, sơ đồ

- HS : Soạn bài

**III.Tiến trình lên lớp** :

1/ Ổn định lớp :

2/ Kiểm tra bài cũ :

3/ Tiến trình dạy và học bài mới :

*Giới thiệu bai:*Ở lớp 7,các em đã tìm hiểu về mối quan hệ nghĩa của từ:quan hệ đồng nghĩa và quan hệ trái nghĩa.Hôm nay chúng ta sẽ nói về mối quan hệ khác của nghĩa từ,đó là mối quan hệ bao hàm qua bài”Cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ”

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của HS** | **Ghi bảng** |
| \* **Hoạt động 1** :*On lại mối quan hệ giữa đồng nghĩa và trái nghĩa*  - Tích hợp từ đồng nghĩa và trái nghĩa ở chương trình NV7  - Đặt câu hỏi cho HS nhắc lại kiến thức đã học.  **H**: Thế nào là từ đồng nghĩa ? có mấy loại từ đồng nghĩa ? cho VD?  **H**: Thế nào là từ trái nghĩa?cho VD?  -Giảng: Nghĩa của từ không chỉ được xét đến cấp độ bao hàm tức là nói đến phạm vi khái quát của nghĩa từ .  **\* Hoạt động 2**:*Hướng dẫn tìm hiểu khái niệm*  - Đưa vd đoạn văn trong bài”Tôi đi học” dẫn HS đến khái niệm từ có nghĩa rộng và từ có nghĩa hẹp.  **H**: Trong đoạn văn có từ”cảm giác”, hãy cho biết các cơ quan cảm giác của con người ?  **H**: Hãy cho biết trong các từ : cảm giác, thính giác, khướu giác,xúc giác,vị giác,từ nào có ý nghĩa khái quát hơn ?  **H**: Vậy các từ còn lại có phạm vi nghĩa như thế nào so với từ “cảm giác”?  - Giảng: Vậy từ “cảm giác” có phạm vi nghĩa rông hơn , còn các từ còn lại có phạm vi nghĩa hẹp hơn . Nghĩa của từ bao giờ cũng là sự khái quát những đặc điểm, nét chung của sự vật,hiện tượng . Phạm vi khái quát nghĩa của từ không giống nhau . Có những từ có phạm vi khái quát rộng , có những từ có phạm vi khái quát hẹp hơn.  - Cho HS quan sát sơ đồ (trang 10) được vẽ sẵn trên bảng và gợi dẫn HS trả lời câu hỏi .    **H**:Nghĩa của từ”động vật” rộng hơn hay hẹp hơn nghĩa của các từ “thú”, “chim”,”cá”? vì sao?    - GV đặt câu hỏi tương tự với những trường hợp còn lại.  **H**: Thế nào là từ có nghĩa rông?  - Cho HS đọc phần ghi nhớ 1 trong sgk  **H**:Nghĩa của từ “voi” ,”hươu” hẹp hơn nghĩa của từ “thú” , tương tự nghĩa của từ “thú” hẹp hơn nghĩa của từ “động vật” .Vẫy thế nào là từ có nghĩa hẹp?  - Cho HS đọc ghi nhớ 2 trong sgk  **H**: Vậy hãy nhắc lại nghĩa của tứ”thú”,”chim”,”cá”,rộng hơn nghĩa của từ nào và hẹp hơn nghĩa của từ nào?  - GV vẽ sơ đồ lên bảng.  SƠ ĐỒ BIỂU THỊ MỐI QUAN HỆ VỀ NGHĨA GIỮA CÁC TỪ  chim cá  chimmm  thú  Tu hú sáo  Cá rô  Cá thu  Hươu  Voi  Động vật  Thú  - Cho HS đọc ghi nhớ 3 và đọc lại toàn bộ ghi nhớ trong sgk.  \* **Hoạt đông 4***: Hướng dẫn luyện tập*  - Cho HS đọc phần luyện tập và hướng dẫn HS giải BT-  - Cho HS đọc BT 1,2/10 và dựa vào khái niệm từ có nghĩa hẹp ,từ có nghĩa rộng để vẽ sơ đồ theo cấp độ khái quát nghĩa của từ  + Cho HS làm theo nhóm ,nhận xét bài làm của từng nhóm, sưả chữa.  - Cho HS đọc BT3 và cho HS giải quyết bài theo nhóm.  - Nhận xét,sửa chữa.  - Hướng dẫn HS làm BT4, cho cá nhân HS lên bảng giải BT | - Lắng nghe câu hỏi, nhớ lại kiến thức cũ,trả lời câu hỏi của GV và cho VD.  **Đ**:Những từ có nghĩa tương tự nhau . Có 2 loại từ đồng nghĩa: từ đồng nghĩa hoàn toàn và từ đồng nghĩa không hoàn toàn  VD: má-mẹ(hoàn toàn)  An-xơi(không hoàn toàn)  **Đ**:Từ có ý nghĩa trái ngược nhau.  VD: sống-chết  - Đọc đoạn văn trên bảng ,suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **Đ**:Các cơ quan cảm giác : thị giác,khướu giác,thính giác , xúc giác,vị giác…  **Đ**:Từ “ cảm giác “    **Đ**:Các từ còn lại có nghĩa hẹp hơn.  **Đ**:Rộng hơn,vì nói đen “thú” là bao hàm cả “voi” và “hươu”.  **Đ**: Từ có nghĩa rộng khi phạm vi nghĩa của nó bao hàm phạm vi nghĩa của từ khác.  -Đọc phần ghi nhớ 1  - Tiếp tục lắng nghe và trả lời câu hỏi.  **Đ**: Từ có nghĩa hẹp khi phạm vi nghĩa của từ đó được bao hàm trong phạm vi nghĩa của từ khác.  - Đọc ghi nhớ 2 trong sgk.  -Trả lời  **Đ**:Các từ “thú” , ”chim” ,”cá” có nghĩa rộng hơn nghĩa của các từ “voi” , ”hươu”, ”tu hú” , ”sáo”, “cá rô”,”cá thu” , đồng thời hẹp hơn nghĩa của từ “động vật”  - Đọc toàn bộ ghi nhớ nhiều lần  - Đọc và lần lượt giải các bài tập trong sgk.  - Đọc BT 1,2/10, giải quyết theo nhóm và trình bày kết quảchung của cả nhóm.  - Đọc BT3 và giải BT  - Cá nhân HS lên bảng ghi những từ không thuộc phạm vi nghĩa của mỗi nhóm. | I**. Từ ngữ nghĩa rộng,từ ngữ nghĩa hẹp:**  VD1:  Thị giác  Thính giác  Cảm xúc giác  giác vị giác  khướu giác  (khái ( chi tiết)  quát)  (rộng) (hẹp)  VD 2:  Động vật  Thú Chim Cá  Voi Tu hú cá rô  Hươu Sáo cá thu  **II.Ghi nhớ:**  SGK/10  II**I Luyện tập**:  1/ BT1/10  y phục  quần áo  quần dài áo dài  quần đùi áo sơ mi  2/ BT2/10  a. chất đốt  b. nghệ thuật  c. thức ăn  d. nhìn  e. đánh  3/ BT3/10  a. xe máy,xe hơi  b. sắt,đồng  c. xoài,cam  d. cô,dì..  e. khiêng,vác  4/ BT4  a. thuốc lào  b. thủ quỹ  c. bút điện  d. hoa tai |

4/ Củng cố : Khi nào là một từ được xem là có nghĩa rộng hay có nghĩa hẹp với một từ khác ?

5/ Dặn dò:

+ Học ghi nhớ

+ Làm BT 5

+ Xem trước bài “Tính thống nhất của chủ đề văn bản “

6/ Rút kinh nghiệm:

* Hướng dẫn học sinh tự học
* Hướng dẫn bài tập khó

**Tuần : 4 Chủ đề hình tượng người nông dân**

**Tiết : 1,2** **Bài: LÃO HẠC**

***Nam Cao***

Lớp dạy :

Ngày dạy :

**I.Mục tiêu cần đạt** *: Giúp HS*:

* Thấy được tình cảnh khốn cùng và nhân cách cao quý của nhân vật lão Hạc , qua đó hiểu thêm về số phận đáng thương và vẻ đẹp tâm hồn đáng trọng của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám .

-Thấy được lòng nhân đạo sâu sắc của nhà văn Nam Cao ( thể hiện chủ yếu qua nhân vật ông Giáo ) : thương cảm đến xót xa và thực sự trân trọng đối với người nông dân nghèo khổ

* Bước đầu hiểu được đặc sắc nghệ thuật truyện ngắn Nam Cao : khắc họa nhân vật tài tình , cách dẫn truyện tự nhiên , hấp dẫn , sự kết hợp giữa tự sự , triết lí với trữ tình .

**II. Chuẩn bị** :

-GV :Giáo án, chân dung nhà văn Nam Cao

-HS : Học bài cũ , chuẩn bị bài mới

**III. Tiến trình lên lớp** :

1/ Ổn định lớp :

2/ Kiểm tra bài cũ :

* Bọn cai lệ trong XH cũ có bộ mặt như thế nào ?

- Phân tích diễn biến tâm lí chị Dậu trong Văn bản “ Tức nước vỡ bờ “ , nêu những phẩm chất tốt đẹp của chị ? Nội dung của văn bản ?

3/ Tiến trình dạy và học bài mới

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Ghi bảng** |
| **\* Hoạt động 1**: : *Giới thiệu bài*:  Xuất hiện sau Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng…nhưng Nam Cao nhanh chóng khẳng định tên tuổi của mình trong dòng văn học hiện thực 1930,1945, đặc biệt là 5 năm cuối.Các sáng tác về người nông dân của ông chân thật đến đau lòng và tràn đầy tinh thần nhân đạo sâu xa.Tiêu biểu cho những sáng tác đó là “ Lão Hạc “.  \***Hoạt động 2**: *Hướng dẫn tìm hiểu tác giả , tác phẩm , đoạn trích*  **H**: Hãy nêu những nét hiểu biết của em về tác giả Nam Cao?  - Nhấn mạnh: Nam Cao thành công với 2 đề tài: trí thức và nông dân.Ông xuất sắc với những truyện ngắn, truyện dài chân thật viết về người nông dân nghèo đói bị vùi dập và người trí thức nghèo sống mòn mỏi, bế tắc trong XH cũ.  **H**: Nêu những tác phẩm chính của nhà văn Nam Cao?  - GV tóm tắt phần chữ in nhỏ trong sgk để liên kết với phần VB trích .  Lão Hạc là một lão nông nghèo, vợ đã chết, chỉ còn đứa con trai.Lão không có ruộng, chỉ có mảnh vườn do vợ để lại. Vì không có tiền cưới vợ, anh con trai phẫn chí bỏ đi làm phu đồn điền cao su biền biệt, một năm rồi chẳng có tin tức gì.Lão Hạc sống cô đơn với con chó vàng như người bạn ,như kỉ vật của đứa con trai.Sau trận ốm nặng kéo dài , lão ốm người đi ghê lắm , tiền bòn vườn dành dụm bấy lâu cạn kiệt.Lão Hạc không có việc, bão lại phá sạch hoa màu. Không nuôi nổi chó, lão phải bán nó đi.Lão vô cùng ân hận . Lão ăn gì lão có thể kiếm được.Cuối cùng , lão sang nhà ông giáo , nhờ ông giáo giữ hộ mảnh vườn cho con trai lão và số tiền lo hậu sự , lão tự tử bằng bả chó, chết trong đau đớn .  **H**: Hãy nêu xuất xứ của truyện ngắn?  **\*Hoạt động 3** : *Hướng dẫn đọc văn bản và tìm hiểu chú thích :*  - Đọc lời lão Hạc khi chua chát, xót xa, lúc chậm rãi nằn nì.Lời vợ ông giáo lạnh lùng, dứt khoát. Lời Binh Tư nghi ngờ mỉa mai.Lời ông Giáo khi thì từ tốn ấm áp, lúc thì xót xa, thương cảm…  - Lưu ý đọc kĩ chú thích 5,6,9,10,11,15,21,24,28, 30,31,40,43.  **\* Hoạt động 4**: *Hướng dẫn đọc hiểu văn bản.*  *1/ Tìm hiểu diễn biến tâm trạng của lão Hạc xung quanh việc ban “cậu Vàng “*  **H**: Em hãy cho biết vì sao lão Hạc phải bán con Vàng?  - Giảng: Sau trận ốm nặng, lão thất nghiệp, bão tàn phá hoa màu. Không còn nguồn thu nhập nào khác, lão còn không nuôi nổi lão thì làm sao có thể nuôi được con Vàng, vì vậy lão đành phải bán nó đi để không phải phạm vào số tiền cố dành dụm cho đứa con trai vì nghèo mà phẫn chí bỏ làng đi.  **H**: Nhận xét thái độ của lão Hạc khi dự tính bán con Vàng?  **H**: Tại sao lão lại đắn đo khi bán con Vàng?  **H**: Sau khi bán “ cậu Vàng”, thái độ của lão ra sao?  **H**: Chi tiết nào cho thấy lão rất ân hận, đau đớn khi bán con Vàng?  **H**: Những chi tiết trên cho thấy lão Hạc là một người như thế nào?  - Giảng: Xung quanh việc lão Hạc bán “ cậu Vàng”,chúng ta nhận ra ngay đây là con người sống tình nghĩa , thủy chung ,rất chân thực . Ta càng thấm thía lòng thương con sâu sắc của người cha nghèo khổ .Từ ngày con trai bỏ đi đồn điền cao su vì không có tiền cưới vợ, có lẽ lão Hạc vừa mong mỏi đợi chờ,vừa luôn mang tâm trạng ăn năn , cảm giác “ mắc tội” vì không lo liệu nổi cho con , day dứt vì đã không cho con bán vườn lấy vợ .Lão cố tích cóp , dành dụm để khỏa lấp cái cảm giác ấy .Vì thế, dù rất thương cậu Vàng, lão vẫn quyết định bán nó trong tâm trạng đau đớn , xót xa , ân hận. Nếu không lão sẽ phải tiêu vào số tiền, mảnh vườn đang cố giữ trọn vẹn cho con trai.  2/ Tìm hiểu tình cảnh , bản chất , tính cách của lão Hạc qua những điều lão thu xếp , nhờ cậy ông giáo  **H**: Theo em, nguyên nhân nào dẫn đến cái chết của lão Hạc?  **H**: Lão Hạc đã thu xếp, nhờ cậy ông giáo điều gì?  **H**: Qua những điều lão thu xếp, nhờ cậy ông giáo, em hiểu thêm điều gì ở lão Hạc?  - Bình: Tình cảnh đói khổ, túng quẫn đã đẩy lão Hạc đến cái chết như một hành động tự giải thoát .Qua đó ta thấy được số phận cơ cực đáng thương của những người nông dân nghèo ở những năm đen tối trước Cách mạng tháng Tám.Xét cho cùng, nếu lão Hạc là người tham sống, lão còn có thể sống được. Lão vẫn còn 30 đồng bạc, còn 3 sào vườn có thể bán dần .Nhưng nếu làm như thế nghĩa là ăn vào đồng tiền, vào cái vốn liếng cuối cùng để lại cho đứa con.Lão Hạc đã chọn lấy cái chết để bảo toàn căn nhà, mảnh vườn ấy. Lão lại còn lo cái chết của mình gây phiền hà cho hàng xóm. Lão là người hay suy nghĩ và tỉnh táo nhận ra tình cảnh của mình, lão đã âm thầm chuẩn bị chu đáo cho cái chết của mình từ khi bán “ cậu Vàng “. Như thế, cái chết tự nguyện này xuất phát từ lòng thương con và từ lòng tự trọng.  **H**: Những chi tiết nào miêu tả cái chết của lão Hạc? Đó là một cái chết như thế nào?  \* Câu hỏi thảo luận :  Tại sao lão Hạc không chọn cái chết êm ái nhẹ nhàng hơn mà lại dùng bả chó để kết liễu cuộc đời?  - Gợi ý: lão Hạc trung thực, nhân hậu chưa hề đánh lừa ai.Lần đầu tiên phải lừa lại lừa “cậu Vàng” – người bạn thân thiết của mình. Lão đã lừa để” cậu Vàng “ phải chết thì giờ đây lão cũng phải chết theo kiểu một con chó bị lừa!Dường như ở cách lựa chọn này có một ý muốn tự trừng phạt.Nó còn chứng tỏ đức tính trung thực lòng tự trọng đáng quý ở lão Hạc.  3/ Tìm hiểu thái độ , tình cảm của nhân vật “ tôi” đối với lão Hạc .  **H**: Thái độ, tình cảm của nhân vật “ tôi “ khi nghe lão Hạc kể chuyện như thế nào?  **H**: Tìm những chi tiết, hành động, cách cư xử chứng tỏ lòng đồng cảm, xót xa yêu thương của ông giáo đối với lão Hạc?  **H**: Ông giáo có suy nghĩ gì khi nghe Binh Tư cho biết lão Hạc xin bả chó?  **H**: nhưng khi chứng kiến cái chết đau đớn vì ăn bả chó của lão Hạc, ông giáo lại cảm nhận ra sao?  **H**: Em hiểu như thế nào về những suy nghĩ đó của ông giáo?  - Bình: Chi tiết lão Hạc xin bả chó của Binh Tư có vị trí nghệ thuật rất quan trọng, chứng tỏ ông lão giàu tình thương, giàu lòng tự trọng ấy đã đi đến quyết định cuối cùng. Nó có ý nghĩa đánh lừa chuyển ý nghĩ tốt đẹp của ông giáo và người đọc về lão Hạc sang một hướng trái ngược.“ Cuộc đời quả thật mỗi ngày thật thêm đáng buồn “ nghĩa là nó đẫy con người đáng kính như lão Hạc đến con đường cùng, nghĩa là con người lâu nay nhân hậu, giàu lòng tự trọnng đến thế mà cũng bị tha hoá. Cái chết của lão Hạc khiến cho ông giáo giật mình mà ngẫm nghĩ về cuộc đời. Cuộc đời chưa hẳn đáng buồn bởi may mà ý nghĩ cúa ông không đúng bởi còn có những con người đáng quí như lão Hạc. Nhưng cuộc đời lại đáng buồn theo nghĩa: con người đáng kính như lão mà không được sống, lại chết vật vã đau đớn như vậy .  **H**: Hãy nêu nét đặc sắc nghệ thuật trong văn bản này?  - Câu hỏi thảo luận :  Qua đoạn trích *Tức nước vỡ bờ* và truyện ngắn *Lão Hạc*, em hiểu thế nào về cuộc đời và tính cách người nông dân trong XH cũ ?  - Cho HS đọc nhiều lần ghi nhớ. | - Chú ý vào phần chú thích để tìm những nét chính về tác giả, trả lời câu hỏi của GV.  **Đ**:Truyện ngắn xuất sắc viết về người nông dân của Nam Cao , đăng báo 1943 .  **Đ**: Vì lão đang lâm vào tình cảnh túng quẫn, lão không muốn phạm vào số tiền dành dụm cho con.  Đ: Lão đã nói đi nói lại nhiều lần dự tính ấy, có thể thấy lão đã suy tính đắn đo rất nhiều.  **Đ**: Vì con Vàng là người bạn thân thiết, là kỉ vật của con trai lão.  **Đ**: Lão rất ân hận.  - Tìm chi tiết qua lời nói, nét mặt của lão khi lão kể chuyện với ông giáo.  **Đ**:trung thực, thương loài vật  **Đ**: Lão chết vì đói khổ, túng quẫn , vì thương con .  **Đ**: Lão nhờ ông giáo giữ hộ mảnh vườn cho con trai lão và 30 đồng bạc tiền lo hậu sự.  **Đ**: Lão có lòng thương con âm thầm mà lớn lao, lòng tự trọng đáng kính.  **Đ**: Vật vã, đầu tóc rũ rượi, mắt long sòng sọc, tru tréo, bọt mép sùi ra …  - Thảo luận theo nhóm, đại diện nhóm trình bày ý kiến.  **Đ**: Biết lắng nghe, thông cảm, xót xa, cảm thương cho lão Hạc.  **Đ**: nghe lão tâm sự âm thầm lén vợ giúp đỡ lão, nhận lời gửi gấm của lão về mảnh vườn và số tiền lo ma chay, buồn khi nghe lão xin bả chó để làm chuyện bậy và hốt hoảng chạy sang khi biết lão tự tử.  **Đ**: Con người đáng kính…đáng buồn.  **Đ**: Không! Cuộc đời chưa hẳn …buồn theo kiểu khác.  **Đ**: Ông giáo buồn vì cuộc đời đã đẩy con ngưởi đáng kính ấy vào chỗ tha hóa.Sau đó lại thấy không đáng buồn vì ý nghĩ ấy không đúng.  **Đ**: Cách kể chuyện có nhiều giọng điệu, khắc họa nhân vật tài tình, ngôn ngữ sinh động , ấn tượng , gợi cảm .  - HS thảo luận theo tổ, trình bày ý kiến.  - Đọc nhiều lần ghi nhớ. | **I.Đọc-Hiểu chú thích**:  SGK / 45  **II. Tìm hiểu văn bản** :  1/ Diễn biến tâm trạng của lão Hạc xung quanh việc bán “ cậu Vàng “.  - Lão nói đi nói lại rất nhiều lầ dự tính bán con vàng → suy tính, đắn đo.  - Lão cố làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng...cười như mếu,đôi mắt ầng ậng nước . Mặt co rúm lại nếp nhăn xô lại,ép nước mắt chảy ra , đầu ngoẹo về một bên .,hu hu khóc → đau đớn , xót xa .  -A! Lão già tệ lắm! …  - Tôi già bằng tuổi đầu còn đánh lừa một con chó …→ day dứt, ăn năn.  ⇒ Sống có nghĩa tình, trung thực, lương thiện thương con sâu sắc.  **II.Cái chết của lão Hạc:**  - Lão Hạc thu xếp cho cái chết của mình.  + Gửi lại mảnh vườn cho con.  + Gửi lại cho ông giáo số tiền lo hậu sự cho mìn.  - Cái chết lão Hạc:  + …vật vã …đầu tóc rũ rượi , hai mắt long sòng sọc .  + Lão tru tréo, bọt mép sùi ra…  → đau đớn ,vật vã ⇒lòng thương con âm thầm mà lớn lao , lòng tự trọng đáng kính .  **III. Thái độ tình cảm của nhân vật “ tôi “:**  - Am thầm lén vợ giúp đỡ lão Hạc.  -Biết lắng nghe, an ủi lão Hạc.  - Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn → thất vọng.  - Cuộc đởi chưa hẳn đáng buồn …theo một nghĩa khác.  - Đây là cái…một sào .⇒ thông cảm , xót xa trân trọng , đầy tình nhân ái .  **\* Ghi nhớ**:  sgk/ |

4/ Củng cố : + Nêu cảm nhận của em về nhân vật lão Hạc .

5/ Dặn dò : + Học tác giả .

+ Học ghi nhớ

+ Xem bài từ” tượng hình, từ tượng thanh “

6/ Rút kinh nghiệm:

* Nhấn mạnh tình yêu thương Lão Hạc dành cho cậu Vàng
* Chú ý thời gian

**Tuần 4:**

**Tiết 3 Bài: TỪ TƯỢNG HÌNH, TỪ TƯỢNG THANH**

Lớp dạy :

Ngày dạy :

**I.Mục tiêu cần đạt** : *Giúp HS*:

* Hiểu được thế nào là từ tượng hình , từ tượng thanh .
* Có ý thức sử dụng từ tượng hình , từ tượng thanh để tăng thêm tính hình tượng , tính biểu cảm trong giao tiếp .

**II.Chuẩn bị :**

-GV: Giáo án, bảng phụ

-HS :Học bài cũ , soạn bài mới

**III.Tiến trình lên lớp**:

1/Ổn định lớp :

2/ Kiểm tra bài cũ : - Thế nào là trường từ vựng ? những lưu ý về trường từ vựng ?

- Tìm trường từ vựng của những từ sau : nóng , mềm .

3/ Tiến trình dạy và học bài mới :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của HS** | **Ghi bảng** |
| **\* Hoạt động 1**: *Giới thiệu bài* :  Trong tiếng Việt , có một số từ mang sắc thái gợi cảm , gợi tả mà khi ta sử dụng đúng chỗ sẽ phát huy hết hiệu quả của chúng . Hai trong số những từ ấy chính là từ tượng hình và từ tượng thanh.  **\* Hoạt động 2** : *Tìm hiểu đặc điểm công dụng của từ tượng hình và từ tượng thanh :*  - Cho HS đọc các đoạn trích tronh bài Lão Hạc của Nam Cao  **H**: Trong các từ in đậm trên , những từ nào gợi tả hình ảnh , dáng vẻ, trạng thái của sự vật ; những từ nào mô phỏng âm thanh của tự nhiên con người ?  - Chốt : những từ gợi hình ảnh , dáng vẻ , trạng thái …hoặc mô phỏng âm thanh như vậy gọi là từ tượng hình hoặc từ tượng thanh  **H**: Thế nào là từ tượng hình? thế nào là từ tượng thanh ?  - Cho HS đọc ghi nhớ 1 sgk / 49  **H**: Những từ gợi tả hình ảnh , dáng vẻ , trạng thái , hoặc mô phỏng âm thanh như trên có tác dụng gì trong văn miêu tả và tự sự ?  - Cho HS đọc ghi nhớ 2 sgk / 49.  **\* Hoạt động 3** : *Hướng dẫn luyện tập* .  - Cho HS đọc BT 1, cho các nhóm thảo luận, ghi kết quả ra bảng, cử đại diện trình bày , nhóm nào có kết quả sớm nhất sẽ được ghi nhận điểm cộng .    - Cho Hs đọc BT 2 và cũng cho làm theo nhóm.  - Cho HS đọc BT 3, cá nhân HS lên trình bày ý kiến  - Cho HS đọc BT 4,gọi lần lượt cá nhân đặt câu với các từ đã cho . | - Đọc đoạn trích , chú ý quan sát các từ in đậm và trả lời câu hỏi .  - Trả lời như phần ghi bảng .  - Đọc ghi nhớ 1  **Đ**: Làm cho bài văn sinh động , có giá trị biểu cảm cao .  - Đọc ghi nhớ 2.  - Đọc BT1, thảo luận trong nhóm , cử đại diện trình bày .  - Đọc BT 2, làm .  -Đọc BT 3, làm.  - Đọc BT 4,đặt câu | **I . Đặc điểm , công dụng :**  - Từ gợi hình ảnh , dáng vẻ ,trạng thái : móm mém , xồng xộc , vật vã , rũ rượi , xộc xệch , sòng sọc .  - Từ mô phỏng âm thanh: hu hu, ư ử .  ⇒ Gợi hình ảnh,âm thanh cụ thể, sinh động,có giá trị biểu cảm cao .  **\* Ghi nhớ** :  SGK / 49.  II. Luyện tập:  1/ BT 1:  - Từ tượng hình: rón rén , lẻo khẻo , chỏng quèo bịch .  - Từ tượng thanh: xoàn xoạt , bốp .  2/ BT 2:  Đi: loanh quanh,tất tả  3 / BT 3:  - Cười ha hả: tiếng cười to, khoái chí  - Cười hì hì: cười thích chí, có vẻ hiền lành.  - Cười hô hố: cười to, thô lỗ.  - cười hơ hớ : cười thoải mái ,vui vẻ .  4 / BT 4:  - Mưa đã lắc rắc trên mái nhà.  - Chỉ mới gặt được có mấy nắm lúa mà lưng áo nó đă lấm tấm mồ hôi. |

4/ Củng cố : Cho biết đặc điểm của từ tượng hình , từ tượng thanh .? công dụng của chúng ?

5/ Dặn dò : + Học ghi nhớ .

+ Làm bài tập 5, 6.

+ Chuẩn bị bài “Bố cục của văn bản”.

6/ Rút kinh nghiệm:

* Cho học sinh lấy them nhiều ví dụ ngoài sách giáo khoa
* Sủa bài tập khó phần luyện tập

**Tuần : 4**

**Tiết :4 Bài: TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG VÀ BIỆT NGỮ XÃ HỘI**

Lớp dạy

Ngày dạy

**I.Mục tiêu cần đạt** : *Giúp HS*:

* Hiểu rõ thế nào là từ ngữ địa phương , thế nào là biệt ngữ xã hội .
* Biết sử dụng từ địa phương và biệt ngữ xã hội đúng lúc , đúng chỗ . Tránh lạm dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội , gây khó khăn trong giao tiếp .

**II.Chuẩn bị :**

-GV:Giáo án, bàng phụ

-HS :Học bài cũ , chuẩn bị bài mới

**III.Tiến trình lên lớp :**

1/ Ổn định lớp :

2/ Kiểm tra bài cũ :- Thế nào là từ tượng hình , từ tượng thanh , từ tượng thanh ? cho vd?

* Xác định từ tượng hình , từ tượng thanh trong đoạn thơ sau :

“ Mầm non mắt lim dim

Cố nhìn qua kẽ lá .

Thấy mây bay hối hả

Thấy lất phất mưa phùn

Rào rào trận lá tuôn

Rơi vàng đầy mặt đất

3/ Tiến trình dạy và học bài mới : :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Ghi bảng** |
| **\*Hoạt động 1** *Giới thiệu bài :*  Tiếng Việt là thứ tiếng có tính thống nhất cao . Người Bắc bộ , người Trung bộ , người Nam bộ có thể hiểu được tiếng nói của nhau . Tuy nhiên , bên cạnh sự thống nhất cơ bản đó , tiếng nói của mỗi địa phương , mỗi tầng lớp xã hội cũng có những khác biệt nhau về ngữ âm , từ vựng nên đã tạo ra một số từ ngữ riêng , khác với từ ngữ thông thường mang tính chất toàn dân . Đó là từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội .  **\* Hoạt động 2** : *Tìm hiểu thế nào là từ địa phương*  - Cho HS đọc 2 VD trong SGK , chú ý những từ in đậm .  **H**: Quan sát 2 VD 1,2 và chú ý những từ in đậm . *Bắp* và *bẹ* ở đây đều có nghĩa là *ngô* . Trong ba từ *bắp , bẹ* và *ngô* , từ nào là từ chỉ được sử dụng ở một địa phương ? Đó là những địa phương nào ? từ nào được sử dụng phổ biến , rộng rãi trong toàn dân ?  - Chốt : Ta gọi những từ ngữ chỉ được sử dụng trong một số địa phương nhất định là từ ngữ địa phương , từ được sử dụng phổ biến ,rộng rãi trong tác phẩm văn học , trong giấy tờ hành chính , trong cả nước gọi là từ ngữ toàn dân .  **H**: Cho một số VD về từ địa phương .  - Cho HS đọc ghi nhớ 1/ SGK / 56 .  **\* Hoạt động 3** : *Tìm hiểu thế nào là biệt ngữ xã hội*  - Cho HS đọc các VD phần II. SGK .  **H**: Tại sao trong đoạn văn này , có chỗ tác giả dùng từ *mẹ* , có chỗ lại dùng từ *mợ* ?  **H**: Trước CMT8 1945 , trong tầng lớp xã hội nào ở nước ta , mẹ được gọi là mợ ? , cha được gọi là cậu?  **H**: Như vậy , từ nào là từ toàn dân , từ nào chỉ được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định ?  - Cho HS đọc ví dụ ( b )  **H**: Các từ *ngỗng* , *trúng tủ* có nghĩa là gì ? ai thường dùng các từ ngữ này ?  - Chốt : Ta gọi những từ ngữ chỉ được sử dụng trong một tầng lớp xã hội nhất định là biệt ngữ xã hội .  - Cho HS đọc ghi nhớ 2 SGK  **\* Hoạt động 3** : *Tìm hiểu việc sử dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội .*  **H**: Có thể sử dụng từ địa phương và biệt ngữ xã hội một cách tuỳ tiện không ?  **H**: Vậy khi sử dụng từ địa phương hoặc biệt ngữ xã hội cần chú ý điều gì ?  **H**: Tại sao không nên lạm dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội ?    - Cho HS đọc đoạn thơ và phần văn trích trang 58  **H**: Hãy tìm từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội trong 2 phần trích trên . Việc dùng chúng có tác dụng gì trong sáng tác văn chương ?  - Nhấn mạnh : từ địa phương được dùng trong đoạn thơ có tác dụng tô đậm màu sắc địa phương Quảng Trị ; từ biệt ngữ xã hội dùng trong đoạn văn có tác dụng làm tăng nghệ thuật sử dụng ngôn từ , làm rõ hơn thế giới nhân vật đang sống : giới giang hồ  **H**: Vậy phải sử dụng từ ngữ địa phương như thế nào?  - Cho HS đọc ghi nhớ SGK .  **\* Hoạt động 5** : *Hướng dẫn luyện tập* :  - Cho HS đọc BT 1 SGK /58  Gợi ý : tìm những từ chỉ được sử dụng ở một địa phương hay một số địa phương nhất định , không được sử dụng một cách rộng rãi .và nêu từ ngữ toàn dân tương ứng .  - Cho HS đọc BT 2 /59  Gợi ý : quan sát , tìm một số biệt ngữ xã hội của tầng lớp học sinh hoặc tầng lớp khác : dân lao động kẻ bụi đời , giới giang hồ ….  - Cho HS đọc BT 3 /59  Gợi ý : Dựa vào tính chất , đặc điểm của từ địa phương và từ toàn dân để chọn lựa cho đúng . | - Đọc VD trong SGK .  **Đ**: Từ bắp , bẹ chỉ được sử dụng ở một số địa phương.  Từ bẹ được dùng ở miền núi Bắc bộ , từ bắp được sử dụng một số vùng Nam Trung bộ , Nam bộ . Từ ngô được sử dụng rộng rãi trong cả nước .  - Cho ví dụ .  - Đọc ghi nhớ 1  - Đọc VD phần II  **Đ**: *Mẹ* và *mợ* là hai từ đồng nghĩa  **Đ** : Ở xã hội nước ta , trước CMT8 , trong tầng lớp trung lưu , thượng lưu , con gọi mẹ là mợ , gọi cha là cậu  **Đ**: từ *mẹ* là từ toàn dân , từ *mợ* được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định .  - Đọc VD ( b)  **Đ** : từ *ngỗng* là điểm 2 , từ *trúng* t*ủ* là trúng đề , trúng ngay bài học Những từ này thường được HS , SV , giới học đường sử dụng .  - Đọc ghi nhớ 2  **Đ**: Không thể sử dụng một cách tùy tiện .  **Đ** : chú ý đến tình huống giao tiếp  **Đ**:vì sử dụng từ địa phương và biệt ngữ xã hội nhiều sẽ gây khó hiểu và hiểu lầm .  - Đọc đoạn thơ và phần văn trích .  **Đ**: Tô đậm màu sắc địa phương , màu sắc giai tầng xã hội của ngôn ngữ , tính cách nhân vật .  **Đ**: Sử dụng đúng tình huống giao tiếp , làm tăng giá trị nghệ thuật trong thơ văn , cần tìm các từ toàn dân có nghĩa tương ứng để sử dụng .   * Đọc BT 1, làm * Đọc BT2 , làm   - Đọc BT 3 , làm | **I.Từ ngữ địa phương :**  - Bắp , bẹ , ngô : những từ đồng nghĩa .  - Bắp : từ ngữ sử dụng ở miền Nam trung bộ, Nam bộ .  - Bẹ : từ ngữ sử dụng ở dân tộc miền núi Bắc bộ .  → từ ngữ địa phương .  - Ngô : từ ngữ được sử dụng phổ biến , rộng rãi trong cả nước  → từ ngữ toàn dân .  **II. Biệt ngữ xã hội** :  - Mẹ , mợ : hai từ đồng nghĩa .  - Trước CMT 8 , tầng lớp trung lưu , thượng lưu gọi mmẹ là mợ .  - Mẹ : từ toàn dân .  - Mợ : từ được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định .  - Ngỗng , trúng tủ : từ được dùng trong giới học sinh .  **III. Sử dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội :**  - Cần chú ý đến tình huống giao tiếp .  - Lạm dụng sẽ gây hiểu lầm .  **IV. Ghi nhớ** :  SGK / 56,57, 58 .  **V . Luyện tập** :  1/ BT 1 / 58  Vd : mẹ – mạ, u, vú , má , bu, bầm .  2/ BT 2 / 59  Vd : phao, bùa – bài giải  Cớm – công an  Chôm , chỉa : lấy cắp .  3/ BT 3 /59  - Nên dùng từ địa phương : trường hợp (a) .  - Không nên dùng từ địa phương : (b ) ( c ) (d ) ( e ) (g ) |

4/ Củng cố : + Thế nào là từ địa phương và biệt ngữ xã hội ?

+ Theo em , phải sử dụng từ địa phương như thế nào cho đúng ?

+ Cho HS đọc bài đọc thêm .

5/Dặn dò : + Học ghi nhớ

+ Làm bài tập 4, 5

+ xem trước bài “ Tóm tắt văn bản tự sự “

6/ Rút kinh nghiệm :

* Cho học sinh lấy ví dụ ngoài SGK
* Sủa bài tập phần luyện tập

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy: 8/1,8/2**

**Tuần 5**

**Tiết 1**

**VĂN BẢN: CÔ BÉ BÁN DIÊM**

**An – đéc – xen**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Những hiểu biết bước đầu về “người kể chuyện cổ tích” An – đéc – xen.

- Nghệ thuật kể chuyện, cách tổ chức các yếu tố hiện thực và mộng tưởng trong tác phẩm.

- Lòng thương cảm của tác giả đối víi em bé bất hạnh.

**2. Kĩ năng**:

- Đọc diễn cảm, hiểu, tóm tắt được tác phẩm.

- Phân tích được một số hình ảnh tương phản (đối lập, đặt gần nhau, làm nổi bật lẫn nhau).

- Phát biểu cảm nghĩ về một đoạn truyện.

**3. Thái độ:**

- Lòng cảm thông đối víi nỗi bất hạnh của con người.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG.**

**1. Kiến thức.**

- Những hiểu biết bước đầu về “người kể chuyện cổ tích” An – đéc – xen.

- Nghệ thuật kể chuyện, cách tổ chức các yếu tố hiện thực và mộng tưởng trong tác phẩm.

- Lòng thương cảm của tác giả đối víi em bé bất hạnh.

**2. Kĩ năng**:

- Đọc diễn cảm, hiểu, tóm tắt được tác phẩm.

- Phân tích được một số hình ảnh tương phản (đối lập, đặt gần nhau, làm nổi bật lẫn nhau).

- Phát biểu cảm nghĩ về một đoạn truyện.

**3. Thái độ**

- Lòng cảm thông đối víi nỗi bất hạnh của con người.

**4. Năng lực phát triển.**

**a. Các năng lực chung**.

- Năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tư duy sáng tạo

**b. Các năng lực chuyên biệt.**

- Năng lực tìm kiếm,tổ chức, xử lí thông tin.

- Năng lực tiếp nhận văn bản

- Năng lực cảm thụ thẩm mĩ

**III. CHUẨN BỊ**

**1. Thầy:**

- Ảnh tác giả An – đéc – xen, một số tác phẩm của An – đécxen.

**2. Trò**:

- Đọc văn bản và trả lời câu hái trong phần “Đọc – hiểu văn bản”

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

**Bước I. Ổn định tổ chức.**

**Bước II. Kiểm tra bài cũ:**

- Tóm tắt văn bản **Lão Hạc**?

- Phát biểu cảm nghĩ của em về nhân vật lão Hạc?

**Bước III. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Thuyết trình, trực quan * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Thuyết trình. | | | | |
| **\*** GV chiếumột số h/ả về đất nước Đan Mach. Nêu yêu cầu: Em hiểu gí về đất nước và con người ở đây.  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Quan sát, trao đổi*  *- 1 HS trình bày, dẫn vào bài mới* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  | |
| *Đan Mạch là một đất nước nhỏ thuộc khu vực Bắc Âu, diện tích chỉ bằng một phần tám diện tích nước ta, có thủ đô là Cô-pen-ha-ghen, An-đéc-xen là nhà văn nổi tiếng nhất của Đan Mạch. Những truyện cổ tích do ông sáng tạo thật tuyệt vời, không những trẻ em khắp nơi yêu thích, say mê đón đọc mà người lớn đủ mọi lứa tuổi còng đọc mãi không chỏn. Một trong những truyện hay và hấp dẫn là truyện “Cụ bộ bán diêm”.* | | |  | |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 21,22.*** |  | |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**  **\*Tri giác**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút * ***Thời gian***: 5- 7' * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc | | |  | |
| **I. HD HS đọc - tìm hiểu chú thích** | ***Hình thành kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I.Đọc-tìm hiểu chú thích** | ***Kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I. Đọc - Chú thích** |  | |
| **1**. GV nêu yêu cầu đọc: Giọng đọc chậm, thiết tha, thể hiện được tình cảm và sự thương xót cho số phận của cô bé bán diêm  \*GV tóm tắt phần lược bỏ  \*GV đọc mẫu , gọi HS đọc. | *HS nghe, xác định cách đọc văn bản*  *2 HS đọc nối tiếp đến hết VB. HS khác nhận xét cách đọc của bạn .* | ***1. Đọc:*** |  | |
| **2**. Cho HS tóm tắt truyện  GV tóm tắt lại | *2 HS tóm tắt*  *HS khác nhận xét* | ***2. Tóm tắt truyện*** |  | |
| **3**. Trình bày hiểu biết của em về tác giả, tác phẩm ?  \*GV cho HS quan sát ảnh nhà văn và bổ sung:  Có thể nói An-đéc-xen là một con người tài năng, yêu cuộc sống; là danh nhân văn hoá thế giới, là người bạn của tuổi thơ gần xa trên khắp hành tinh, là nhà văn của “mọi thời, mọi người, mọi nhà”. Tác phẩm của ông để lại rất nhiều nhưng chỉ có loại truyện cổ tích là làm cho tên tuổi của ông trở nên bất tử. | *HS dựa vào chú thích \* trình bày*  *HS quan sát, nghe* | ***3. Chú thích***  ***a. Tác giả***: An-đéc-xen (1805 -1875) |  | |
| - Là nhà văn vĩ đại của Đan Mạch, nổi tiếng thế giới về những truyện viễn tưởng và truyện cổ tích viết cho trẻ em.  - Truyện cổ tích của ông nhẹ nhàng, tươi mát, giàu chất nhân văn, đem đến cho người đọc cảm nhận về niềm tin và lòng yêu thương đối víi con người.  ***b. Văn bản:***  Trích gần hết truyện “Cô bé bán diêm” , một trong những truyện nổi tiếng nhất của nhà văn An-đéc-xen | |  | |
| **4**. Cho HS tìm hiểu nghĩa 1 số từ khó. Lưu ý các CT2, 3,5,7,8 | HS theo dõi sgk, tự tìm hiểu | ***c. Từ khó:*** sgk/67 |  | |
| **II. HD HS đọc - tìm hiểu văn bản**  **B1. HD tìm hiểu khái quát** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II. HS đọc - tìm hiểu VB**  **HS tìm hiểu khái quát** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II.Đọc-Tìm hiểu văn bản**  **1. Tìm hiểu khái quát** |  | |
| **5**. Y/cầu HS thảo luận cặp đôi, xác định:  - Thể loại, PTBĐ của VB?  - Ngôi kể, hình thức kể  - Nhân vật chính?  - Bố cục của văn bản ?  - Phần thứ hai có thể chia thành những đoạn nhỏ hơn được không? Căn cứ vào đâu để có thể chia như vậy?  - Víi em phần truyện nào hấp dẫn nhất? Vì sao | *HS thảo luận cặp đôi, trong nhóm bàn, trả lời* | ***- Thể loại:*** truyện cổ tích  - ***PTBĐ***: Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm |  | |
| - ***Ngôi kể***: ngôi thứ ba  - ***Hình thức kể*** xen kẽ hiện thực và huyền ảo  - ***Nhân vật chính***: cụ bộ bán diêm  - ***Bố cục***: 3 phần  + Phần 1: Từ đầu->*cứng đờ ra* =>Hoàn cảnh sống của em bộ.  + Phần 2:Tiếp theo->*Thượng đế* =>Những mộng tưởng của cô bé bán diêm.  + Phần 3: Còn lại: Cái chết thương tâm của cô bé  \* Phần 2 có thể chia thành 5 đoạn nhỏ (căn cứ vào các lần quẹt diêm của em bé) | |  | |
| **6**. Câu chuyện độc đáo ở hình thức kể chuyện xen kẽ các | *HS trao đổi trong bàn, trả lời:* | - *Hiện thực*: khi kể, tả, biểu cảm về cuộc sống thật |  | |
| yếu tố hiện thực và huyền ảo. Theo em khi nào xuất hiện yếu tố hiện thực, khi nào xuất hiện yếu tố huyền ảo? |  | hàng ngày  - *Huyền ảo*: khi kể, tả, biểu cảm về những mộng tưởng của cô bé trong đêm giao thừa  VD: lần quẹt diêm thứ hai |  | |
| **B2. HD HS tìm hiểu chi tiết văn bản** | **HS tìm hiểu chi tiết văn bản** | **2. Tìm hiểu chi tiết** |  | |
| **7**.Trong phần đầu, tác giả đó cho ta biết hoàn cảnh gia đình, cuộc sống của em bộ như thế nào? Em có nhận xét gì về h/cảnh sống của cụ bộ? | *HS dựa vào VB trả lời:* | ***a. Hoàn cảnh của em bộ.*** |  | |
| - bà và mẹ mất, gia tài tiêu tán, nơi ở là một xó tối tăm  - luụn bị nghe những lời mắng nhiếc, chửi rủa của người cha, phải đi bán diêm kiếm sống  *-> Bất hạnh, thiếu thốn tình thương yêu* | |  | |
| **8**. Nêu yêu cầu cho HS trao đổi:  - Em bé xuất hiện trong bối cảnh như thế nào? Bối cảnh ấy có gì đặc biệt?  - Trong bối cảnh đó, em bé được khắc hoạ qua những chi tiết nào? | *HS phát hiện chi tiết, suy nghĩ, trao đổi* |  |  | |
| - *Bối cảnh*: Đêm giao thừa giá rét, mọi nhà đều sáng rực ánh đèn, trong phố sực nức mùi ngỗng quay.  *->Đây là thời điểm mọi người trở về đoàn tụ gia đình, sum họp đầm ấm trong không khí tràn đầy niềm vui và hạnh phúc*  - Em bé: ngồi nép trong một góc tường, thu đôi chân vào người, mỗi lúc càng thấy rét buốt hơn, em không thể về nhà vì ...nhất định sẽ bị cha đánh | |  | |
| **9**. Để khắc hoạ cảnh đời của em bé, tác giả đó sử dụng những biện pháp nghệ thuật gì ? Tác dụng của những biện pháp nghệ thuật đó?  - Qua nghệ thuật khắc hoạ của tác giả, em có suy nghĩ gì về hoàn cảnh sống của cụ bộ? Về cụ bộ? | *HS xác định BPNT, trả lời* | \* Nghệ thuật: *tương phản đối lập* |  | |
| - Thời tiết gió rét >< Sự nghèo khổ thiếu thốn.  - Cảnh đón giao thừa ấm áp trong nhà >< em bé đầu  trần, chân đất, lang thang một mình đói rét.  - Việc bán diêm >< sự hờ hững của người qua lại.  - Ngôi nhà có dây trường xuân bao quanh >< Cái xó tối tăm.  ->*làm nổi bật cảnh đời bi thảm, đáng thương của em*  *bé, gợi niềm cảm thương cho người đọc*  ->***Nghèo khổ, cô đơn, bất hạnh thiếu tình thương yêu, thật đáng thương*** | |  | |
| *Có thể nói, sự đói rét, nỗi cô đơn, buồn tủi, bất hạnh như đang bủa vây lấy em, bám riết lấy em khiến em hoàn toàn cô độc trên cừi đời này. Em không chỉ thiếu thốn về vật chất mà còn mất mát cả chỗ dựa tinh thần, tình cảnh thật ái ngại, đáng thương. Trong đêm giao thừa ấy, gia đình không còn là tổ ấm của em, tình thương của cha mẹ không còn là thiên đường của tuổi thơ nữa, chỉ còn đường phố là nơi nương thân cho em trong đêm giao thừa. Trong cô đơn, tuyệt vọng; trong đói khát, tối tăm giá lạnh, em thèm một nguồn sáng, một chút hơi ấm. Em chỉ còn biết tìm ở những que diêm nhỏ bộ, mỏng manh hơi ấm sự sống cho mình*  ***(Hết tiết 1, chuyển tiết 2)*** | | |  | |
| TIẾT 2. | | |  | |
| **10.** GV tổ chức cho HSHĐ theo KTKTB. Nêu yêu càu cho HS HĐ:  - Trong truyện, em bé đó quẹt diêm tất cả mấy lần? Hãy liệt kờ những lần quẹt diêm của em bộ và những cảnh tượng mà em bé đó thấy trong mỗi lần quẹt diêm?  - Qua những cảnh tượng trong mỗi lần quẹt diêm cho ta thấy mong ước gì của em bộ?  - Em có nhận xét, suy nghĩ gì về những mộng tưởng của cô bé qua những lần quẹt diêm?  - Tất cả những mộng tưởng đó cho ta thấy điều gì về cụ bộ bán diêm? | *HS HĐ theo 4 nhóm bằng KTKTB , dựa vào VB, phát hiện ghi chép, đại diện trình bày .* | ***b.Những mộng tưởng của em bé*** |  | |
| ***- Quẹt diêm lần 1***: Tưởng như đang ngồi trước một lò sưởi bằng sắt có những hình nổi bằng đồng bóng nhoáng, lửa cháy nom đến vui mắt và toả ra hơi nóng dịu dàng  ->*Mong ước được sưởi ấm, vì em rất rét*  ***- Quẹt diêm lần 2:*** Bàn ăn đó dọn, khăn trải bàn trắng tinh, toàn bát đĩa bằng sứ quý gió, có cả một con ngỗng quay  *->Mong ước được ăn vì em rất đói*  ***- Qụet diêm lần 3.*** Thấy hiện ra cây thông Nụ-en lớn, trang trớ lộng lẫy víi hàng ngàn ngọn nến sáng rực, lấp lánh  ->*Mong ước được vui chơi của tuổi thơ*  ***- Quẹt diêm lần 4:*** Thấy bà đang mỉm cười víi mình, xin được về víi bà.  ->*Mong ước được che chở, yêu thương*  ***- Quẹt diêm lần 5:*** Thấy bà to lớn và đẹp lão, bà cầm lấy tay em rồi hai bà cháu bay lên cao, cao mãi  *->Mong muốn thoát khái cô đơn. đói rét đau buồn của cuộc sống trần gian ->Mong ước giản dị, ngây thơ, trong sáng, chính đáng*  *=>****Luôn khao khát cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đầy tình thương yêu*** | |  | |
| \* Mỗi lần quẹt diêm, đốt lửa là một lần cô bé đau khổ ước mơ, khát vọng. Những ước mơ của em thật giản dị, ngây thơ, trong sáng và nhân hậu. Em khao khát có cuộc sống vật chất đầy đủ, được hưởng thú vui tinh thần, được sống trong hạnh phúc gia đình êm ấm, được bà (người thân yêu nhất) chăm sóc, chiều chuộng.Đó còng là những ước mơ, khát vọng chính đáng, muôn đời của em bé nói riêng và mọi người nói chung | | |  | |
| **11.** Cho HS thảo luận:  - Các mộng tưởng đó diễn ra có hợp lí không? Tại sao? Trong các mộng tưởng đó, điều nào gắn víi thực tế, điều nào chỉ là mộng tưởng?  - Khi tất cả các que diêm chỏy lên, cụ bộ thấy hai bà cháu bay vụt lên cao, cao mãi, chẳng còn đói rét, đau buồn nào đe doạ họ nữa. | *HS thảo luận nhóm bàn. Đại diện trình bày. Nhúm khácc nh/xét* | ->những mộng tưởng hợp lí, chân thành, chính đáng:  - trời rét -> lò sưởi,  - đang đói -> bàn ăn  -đón giao thừa ->cây thông  - Nhớ đến một thời hạnh  phỳc -> bà xuất hiện, bay lên trời  ->í nghĩa: chỉ có cái chết mới giải thoát được nỗi bất hạnh của họ. Cái chết sẽ |  | |
| Theo em, chi tiết này có ý nghĩa gì? |  | đưa linh hồn của họ đến nơi hạnh phúc vĩnh hằng theo tín ngưỡng Thiên chúa |  | |
| **12**.Những gì đó diễn ra khi lửa diêm tắt?  \* Đó là một thực tế phũ phàng, thực tế của đất nước Đan Mạch những năm giữa TK XIX, nó đó xoỏ đi những mộng tưởng , những ước mơ bỡnh dị, ngõy thơ của em bé bán diêm và bao người nghèo khổ khác | *HS theo dõi VB, suy nghĩ, trả lời* | ***\*Khi lửa diêm tắt:*** |  | |
| - Lần1: lò sưởi biến mất, niềm vui còng vụt tắt, em bần thần nghĩ đến nhiệm vụ bán diêm và lời cha quở mắng  - Lần 2: chỉ còn lại bức tường dày đặc, lạnh lẽo, phố xá vắng teo và lạnh buốt...khách qua đường vội vó, hoàn toàn lónh đạm víi em  - Lần3: tất cả những ngọn nến bay lên, bay lên mãi rồi biến thành những ngôi sao trên bầu trời  - Lần 4,5: diêm tắt, ảo ảnh rực sáng trên khuôn mặt em còng biến mất  -> ***thực tế đen tối , đau xót đó dập tắt sự sống leo lột của em bộ*** | |  | |
| **13**.Truyện được kết thúc như thế nào?  - Cái chết của em bé được miêu tả qua những chi tiết nào? Em có nhận xét gì về cái chết của cụ bộ?  - Nguyờn nhân nào dẫn đến cái chết của cô bé? Cái chết của cô bé có ý nghĩa gì? | *HS theo dõi VB, suy nghĩ, thảo luận, trả lời* | ***c. Cái chết của em bộ*** |  | |
| \*Em bé: chết nhưng đôi má vẫn hồng và đôi môi đang mỉm cười ->*Cái chết không bi luỵ mà được miêu tả rất đẹp, cái chết của một người toại nguyện*  \* Nguyờn nhân cái chết của cụ bộ: Vì:  - giá rét trong đêm giao thừa  - sự độc ác của người cha  - sự lạnh lựng, vụ tìnhcủa mọi người  *=>Là sự giải thoát cho em khái cảnh đói rét, cô độc, tố cáo sự độc ác của người cha và**lên án sự thờ ơ, vô nhân đạo của người đời trước một em bé khốn khổ* | |  | |
| **14**-Theo em cách kết thúc có hậu hay không? H/ảnh nào trong đoạn kết để lại cho em nhiều ấn tượng nhất? Vì sao? | *HS suy nghĩ, tự bộc lộ* | -> Cách kết tuy có hậu nhưng lại không có hậu vì tất cả chỉ là mộng tưởng, em bé đó chết |  | |
| **15**. Bằng những trang viết này, tác giả bộc lộ thái độ, tình cảm gì?  -Thông qua văn bản tác giả muốn gửi tới người đọc thông điệp nào | *HS suy nghĩ, trả lời:* | \*Tình cảm của tác giả: Tình yêu thương; nỗi xót xa, đau đớn; niềm cảm thông sâu sắc đối víi những em bé bất hạnh . Tác giả nhỡn thấy và trõn trọng những ước mơ của các em  ->*Tư tưởng nhân đạo và nhân văn sâu sắc* |  | |
| **III. HDHS đánh giá, khái quát VB** | ***Hình thành kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Đánh giá, khái quát văn bản** | ***Kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Tổng kết** |  | |
| **16.** Trong VB, nghệ thuật kể chuyện của tác giả có gì đặc sắc ?  - Qua nghệ thuật kể chuyện của tác giả , câu chuyện cho ta thấy được vấn đề gì?  - Từ nội dung và nghệ thuật, em thấy văn bản có ý nghĩa gì?  \*GV chốt lại. Gọi HS đọc | *HS khái quát, trình bày* | ***1. Nghệ thuật***: |  | |
| + Miêu tả rõ nột cảnh ngộ và nỗi khổ cực của em bộ bằng những chi tiết, hình ảnh đối lập  + Sắp xếp trình tự sự việc nhằm khắc họa tôi lí em bộ trong cảnh ngộ bất hạnh  + Sáng tạo trong cách kể chuyện  ***2. Nội dung:***  Số phận em bộ bán diêm và lòng thương cảm sâu sắc của tác giả đối víi em bé bất hạnh  ***3. í nghĩa***:  Truyện thể hiện lòng thương cảm sâu sắc của nhà văn đối víi những số phận bất hạnh  *1 HS đọc ghi nhớ*  \* ***Ghi nhớ***: sgk/68 | |  | |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh, đọc diễn cảm * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 5- 7 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo | | |  | |
| **IV**. **HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **Luyện tập** |  | |
| **17**. Cho HS làm BTTN | *HS đọc, làm bài* | ***1. Trắc nghiệm*** |  | |
| **18.**Tại sao truyện ngắn của An-đéc-xen lại được gọi là truyện cổ tích An-đéc-xen? | *HS giải thích lí do:* | ***2. Truyện ngắn của An-đéc-xen lại được gọi là truyện cổ tích An-đéc-xen:*** Cách viết giống truyện cổ tích người bà nắm tay cháu bay lên là sự giải thoát, là niềm hạnh phúc thường gặp trong cổ tích |  | |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

- Thời gian dự kiến: 10 phút

- Phương pháp: Vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức**  **Kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| GV hướng dẫn HS viết đoạn văn phát biểu cảm nghĩ.  Viết đoạn văn ngắn phát biểu cảm nghị của em về "Cô bé bán diêm" nói chung và đoạn kết của truyện nói riêng: |  |  |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

- Thời gian dự kiến: 3 phút

- Phương pháp: Vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức**  **Kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| GV hướng dẫn HS tìm hiểu những điều kỡ diệu khi kết thúc câu chuyện.  Kết thúc truyện tác giả viết: “Mọi người bảo nhau: “Chắc nó muốn sưởi ấm”, nhưng chẳng ai biết những cái kỡ diệu mà em đó trông thấy…”. Em hãy kể lại những điều kỡ diệu mà em bộ đó trông thấy trong đêm giao thừa và giải thích vì sao tác giả lại gọi đó là những cái kỡ diệu. |  |  |  |

**Bước 4: Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà:**

- Học ghi nhớ

- Tóm tắt văn bản

- Hoàn thiện bài tập

- Soạn bài Trợ từ, thán từ theo câu hái trong SGK

\* Rút kinh nghiệm

- Nhấn mạnh nghệ thuật tương phản

- Cho hs rút ra bài học từ cái chết của cô bé bán diêm

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tuần 5**

**Tiết 3**

**TÓM TẮT VĂN BẢN TỰ SỰ**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**:

**1. Kiến thức:**

- Hiểu thế nào từ ngữ địa phương và biệt ngữ xó hội

- Nắm được hoàn cảnh sử dụng và giá trị của từ ngữ địa phương, biệt ngữ xó hội trong văn bản

**2. Kĩ năng**:

- Nhận biết, hiểu nghĩa một số từ ngữ địa phương và biệt ngữ xó hội

- Dùng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xó hội phự hợp víi tình huống giao tiếp

**3. Thái độ:**

- Ý thức sử dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xó hội phự hợp trong nói và viết.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Kiến thức.**

- Các yêu cầu đối víi việc tóm tắt văn bản tự sự.

**2. Kĩ năng**:

- Đọc – hiểu, nắm bắt được toàn bộ cốt truyện của văn bản tự sự

- Phân biệt sự khácc nhau giữa tóm tắt khái quát và tóm tắt chi tiết.

- Tóm tắt văn bản tự sự phù hợp víi yêu cầu sử dụng.

**3. Thái độ**

- Ý thức chăm chỉ đọc tác phẩm

**4. Năng lực phát triển**

**a. Các năng lực chung**.

- Năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tư duy sáng tạo

**b. Các năng lực chuyên biệt.**

- Năng lực tìm kiếm,tổ chức, xử lí thông tin.

- Năng lực sử dụng tiếng Việt

- Năng lực tạo lập văn bản

**III. CHUẨN BỊ**

**1**.**Thầy:** Tài liệu liên quan đến bài dạy

**2. Trò**: SGK- Soạn bài - vở luyện tập Ngữ văn

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

**Bước I. Ổn định tổ chức.**

**Bước II. Kiểm tra bài cũ:**

- Nên dùng từ ngữ địa phương: d, a .

- Không nên dùng từ ngữ địa phương: b, c, e, g .

- Trình bày bài tập 3/55?

**Bước III. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Thuyết trình, trực quan * ***Thời gian***: 1- 2' * ***Hình thành năng lực***: Thuyết trình. | | | | |
| **1.** GV cho HS quan sát một VB tóm tắt đoạn trích “Tức nước vì bờ” – Trích : “Tắt đèn” –Ngô Tất Tố.  ? Em có nhận biết được đây là văn bản tóm tắt của đoạn trích ở tác phẩm nào không?  **2.** GV chốt, chuyển bài mới:  *Tóm tắt là một kĩ năng rất cần thiết trong cuộc sống, học tập và nghiên cứu. Khi đọc một tác phẩm văn học, muốn nhớ được lâu người đọc thường phải ghi chép lại bằng cách tóm tắt nội dung tác phẩm đó. Vậy thế nào là tóm tắt VB và cách tóm tắt VB ntn? Hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu.*  - GV ghi nội dung bài. | | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- HS quan sát văn bản tóm tắt, trả lời nhanh, nghe giới thiệu bài mới.*  *-Ghi tên bài vào vở* | | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình***  **Tiết 18.Tóm tắt văn bản tự sự** |
|  | |  | |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: vấn đáp, thuyết tŕnh * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút * ***Thời gian***: 15-20’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | | | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Kiến thức cần đạt** | **Gchú** |
| **I.HD HS tìm hiểu thế nào là tóm tắt văn bản tự sự** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I.HS tìm hiểu thế nào là tóm tắt văn bản tự sự** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I.Thế nào là tóm tắt văn bản tự sự ?** |  |
| **1.**Trong cuộc sống hằng ngày, khi nào ta cần phải tóm tắt văn bản tự sự | *HS dựa vào mục I.1 để trả lời* | -Khi cần ghi lại nội dung chính của những VB tự sự để sử dụng hoặc thông báo cho người khác biết |  |
| **2**.Theo em thế nào là tóm tắt văn bản tự sự ? Hãy suy nghĩ và lựa chọn câu trả lời đúng nhất trong các câu sau  \*GV cho HS đọc 4 ý kiến trong mục I.2/60 | *HS chọn câu trả lời thế nào là tóm tắt văn bản tự sự.* | ->***Tóm tắt văn bản tự sự*** là ghi lại một cách ngắn gọn, trung thành những nội dung chính của văn bản tự sự bằng lời văn của mình.(câu b) |  |
| **II.HD HS tìm hiểu cách tóm tắt văn bản tự sự** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **II.HS tìm hiểu cách tóm tắt văn bản tự sự** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **II.Cách tóm tắt văn bản tự sự** |  |
| ***B1. HDHS tìm hiểu yêu cầu của việc tóm tắt văn bản TS*** | ***HS tìm hiểu yêu cầu của việc tóm tắt VB TS*** | ***1. Những yêu cầu đối víi tóm tắt văn bản.*** |  |
| **3**. Gọi HS đọc VB tóm tắt trong sgk/ 60. Nêu yêu cầu cho HS thảo luận:  - Văn bản trên tóm tắt nội dung của văn bản nào ?  - Dựa vào đâu mà em nhận ra điều đó ?  - Văn bản đó có tóm tắt được nội dung chính của văn bản gốc không ?  **-** Văn bản tóm tắt này có gì khác so víi văn bản gốc?(Về độ dài, về lời văn, về số lượng nhân vật., sự việc...) | *1HS đọc, HS thảo luận trong bàn, đại diện trình bày* | \* ***Văn bản tóm tắt***:sgk/ 60 |  |
| - Tóm tắt nội dung của VB “Sơn Tinh-Thuỷ Tinh”  - Dựa vào nhân vật, sự việc, chi tiết tiêu biểu đã nêu trong VB tóm tắt  - Văn bản đã nêu được các nhân vật và sự việc chính  ->Nêu được nội dung chính của truyện  - Độ dài: văn bản tóm tắt ngắn hơn  - Số lượng nhân vật và sự việc: ít hơn, chỉ lựa chọn nhân vật chính, sự việc quan trọng  - Lời văn: là lời của người viết VB tóm tắt, không phải trích từ TP  ->*mang tính khách quan hơn* | |  |
| **4**.Từ việc tìm hiểu trên, hãy cho biết các yêu cầu đối víi một văn bản tóm tắt ?  \*GV chốt lại những yêu cầu cơ bản: Tiêu chuẩn chất lượng một văn bản tóm tắt: | *HS tóm tắt trình bày, nghe, ghi nhớ* | \****Những yêu cầu cơ bản đối víi một văn bản tóm tắt:*** |  |
| - Đáp ứng mục đích, yêu cầu cần tóm tắt  - Đảm bảo tính khách quan, trung thành nội dung của văn bản được tóm tắt: không thêm bớt các chi tiết, sự việc không có trong văn bản, không chen các ý kiến bình luận của người viết  - Bảo đảm tính hoàn chỉnh: giúp người đọc hình dung toàn bộ văn bản  - Bảo đảm tính cân đối: số dòng tóm tắt cho các sự việc, nh/vật chính, các chi tiết tiêu biểu phải phù hợp | |  |
| **B2***:* ***HD HS tìm hiểu các bước tóm tắt văn bản*** | ***HS tìm hiểu các bước tóm tắt văn bản*** | ***2. Các bước tóm tắt văn bản*** |  |
| **5**. Muốn viết được một văn bản tóm tắt, theo em phải làm những việc gì? Phải thực hiện theo trình tự nào ?  \*GV chốt lại | *HS suy nghĩ, trả lời* | Gồm 4 bước:  - Đọc kĩ tác phẩm được tóm tắt để nắm chắc nội dung.  - Xác định nội dung chính cần tóm tắt, lựa chọn nhân vật |  |
| **6**. Cho HS nhắc lại:  - Thế nào là tóm tắt văn bản? - Tóm tắt văn bản cần đảm bảo những yêu cầu gì và theo các bước ra sao ?  \*GV chốt lại GN.Gọi HS đọc | *1 HS trả lời*  *1 HS đọc ghi nhớ* | quan trọng, sự việc tiêu biểu.  - Sắp xếp các nội dung chính theo một trình tự hợp lí.  -Viết bản tóm tắt bằng lời văn của mình  \* ***Ghi nhớ*** (sgk/61) |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**  - PPDH: Vấn đáp, hoạt động cá nhân  - KTDHTC: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút.  - Thời gian: 10-15 phút  - Hình thành năng lực: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | |  |
| **III.HD HS luyện tập tóm tắt văn bản tự sự** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập** |  |
| **7**. GV chiếu bài tập và yêu cầu học sinh phát hiện lỗi sai và sửa .  **Bài tập**: Một bạn học sinh đã tóm tắt văn bản “***Cây khế***” như sau: | *HS hoạt động theo nhóm bàn và phát hiện những lỗi sai trong bản tóm tắt của bạn học sinh đó.* | \****Bài tập***. ***Phát hiện lỗi sai và sửa lại***  \* Lỗi sai: Chưa đảm bảo tính khách quan, chưa trung thành víi văn bản gốc  + người em xin dựng một túp lều dưới gốc cây khế để ở  + trả cho người em rất nhiều vàng  + con chim lạ lại đến ăn khế và còng trả người anh vàng  + do thù ghét .... hất người anh xuống biển để chết  \* Sửa lại  VD: Có hai anh em nhà nọ nhà nghèo, cha mẹ lại mất sớm. Người anh tham lam chiếm hết gia tài, chỉ để lại cho người em một túp lều và một cây khế ... |  |
| *Có hai anh em nhà nọ rất nghèo và cha mẹ lại mất sớm. Vì người anh tham lam chiếm hết tài sản nên người em xin dựng một túp lều dưới gốc cây khế để ở. Một hôm, có con chim lạ đến ăn khế và trả cho người em rất nhiều vàng. Người anh thấy vậy liền gạ gẫm hái chuyện người em và đổi toàn bộ gia tài lấy cây khế. Rồi con chim lạ lại đến ăn khế và còng trả người anh vàng. Do thù ghét anh trai mình nên người em liền bảo chim hất người anh xuống biển để chết. Từ đó, người em sống hạnh phúc đến hết đời.*  Văn bản tóm tắt trên đã đảm bảo những yêu cầu của việc tóm tắt văn bản tự sự chưa? Vì sao? | |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

- Thời gian: 7 phút

- Phương pháp tích cực: Thuyết trình, vấn đáp.

- Kĩ thuật áp dụng: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức**  **kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| GV yêu cầu:  Tóm tắt đoạn trích “Tức nước vì bờ” sắp xếp những sự việc tiêu biểu và các nhân vật quan trọng ( Viết một văn bản tóm tắt đoạn trích) | - HĐ cá nhân  - HT NL tự học, trình bày | - Vì thiếu tiền đóng xuất sưu của người em đó chết, anh Dậu bị bọn tay sai đánh trói...trả về nhà.  - Bà hàng xóm thương tình, mang cho chị Dậu bỏt gạo nấu chỏo.  - Anh Dậu vừa tỉnh lại...điệu ra đình.  - Van xin không được ...cả hai tên tay sai. |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

- Thời gian: 3 phút

- Phương pháp tích cực: Thuyết trình, vấn đáp.

- Kĩ thuật áp dụng: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức**  **kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| GV yêu cầu:  Từ đầu năm lớp 8 đến nay, em đó học những văn bản tự sự nào? Văn bản nào khó tóm tắt? Vì sao? | - HĐ cá nhân  - HT NL tư duy, trình bày | - Tôi đi học, Trong lòng mẹ, Tức nước vì bờ, Lão Hạc |  |

**Bước IV: Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà:**

- Học ghi nhớ: nắm được cách tóm tắt văn bản tự sự

- Tự tìm một văn bản tự sự và tóm tắt

- Chuẩn bị bài luyện tập tóm tắt văn bản tự sự (làm bài tập 1,2)

\* Rút kinh nghiệm

- Cho hs đọc kĩ lại các văn bản đã học

-Gạch chân các chi tiết chính

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tuần 5**

**Tiết 4**

**LUYỆN TẬP TÓM TẮT VĂN BẢN TỰ SỰ**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT.**

**1. Kiến thức:**

- Các yêu cầu đối víi việc tóm tắt văn bản tự sự.

**2. Kĩ năng**:

- Đọc – hiểu, nắm bắt được toàn bộ cốt truyện của văn bản tự sự

- Phân biệt sự khácc nhau giữa tóm tắt khái quát và tóm tắt chi tiết.

- Tóm tắt văn bản tự sự phù hợp víi yêu cầu sử dụng.

**3. Thái độ:**

- Ý thức tóm tắt văn bản tự sự

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG.**

**1. Kiến thức.**

- Các yêu cầu đối víi việc tóm tắt văn bản tự sự.

**2. Kĩ năng**:

- Đọc – hiểu, nắm bắt được toàn bộ cốt truyện của văn bản tự sự

- Phân biệt sự khácc nhau giữa tóm tắt khái quát và tóm tắt chi tiết.

- Tóm tắt văn bản tự sự phù hợp víi yêu cầu sử dụng.

**3. Thái độ**

- Ý thức tóm tắt văn bản tự sự

**4. Năng lực phát triển.**

**a. Các năng lực chung**.

-Năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tư duy sáng tạo

**b. Các năng lực chuyên biệt.**

- Năng lực tìm kiếm,tổ chức, xử lí thông tin.

- Năng lực sử dụng tiếng Việt

**III. CHUẨN BỊ**

**1. Thầy:**

- Tóm tắt một vài văn bản

- Mỏy chiếu

**2. Trò**: SGK- Soạn bài - vở luyện tập Ngữ văn

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

**Bước I. Ổn định tổ chức.**

**Bước II. Kiểm tra bài cũ:**

Nội dung kiểm tra:

- Yêu cầu và các bước tóm tắt văn bản tự sự?

**Bước III. Tổ chức dạy và học bài mới:**

* **HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

- Phương pháp: thuyết trình

- Thời gian : 1- 2phút

*-* Hình thành năng lực: Thuyết trình

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **ghi chú** |
| Để củng cố và cụ thể phần lí thuyết đã học của tiết trước, ở tiết này chúng ta thực hành luyện tập tóm tắt văn bản tự sự qua 1 số văn bản tự sự đã học. | *Hình thành kĩ năng quan sỏt nhận xét, thuyết trình.*  -Lắng nghe, trả lời | Tiết 19: Luyện tập tóm tắt văn bản tự sự |  |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**

* PPDH: vấn đáp, thuyết tŕnh, thảo luận
* Kĩ thuật: Động não
* Thời gian: 10-15’
* Hình thành năng lực: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Kiến thức cần đạt** | **Gchú** |
| **I.HD HS củng cố kiến thức tóm tắt văn bản tự sự** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I.HS ôn tập lại về tóm tắt văn bản tự sự** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Củng cố kiến thức** |  |
| **1**. Cho HS làm 1 số BTTN để củng cố kiến thức về tóm tắt VB tự sự | *HS đọc BT, lựa chọn đáp án* | *- Văn bản tóm tắt*:  *- Những yêu cầu cơ bản đối víi một văn bản tóm tắt*  *- Các bước tóm tắt văn bản* |  |
| 1. Trong các văn bản đã học sau đây, văn bản nào không thể tóm tắt theo cách tóm tắt một văn bản tự sự?   A. Thánh Gióng B. Lão Hạc C. Ý nghĩa văn chương D. Thạch Sanh  2. Sắp xếp các bước tóm tắt văn bản tự sự sau đây theo một trình tự hợp lí.  a. Xác định nội dung chính cần tóm tắt, lựa chọn nhân vật quan trọng, sự việc  tiêu biểu.  b. Sắp xếp các nội dung chính theo một trình tự hợp lí.  c. Đọc kĩ tác phẩm được tóm tắt để nắm chắc nội dung.  d. Viết bản tóm tắt bằng lời văn của mình  **Hoạt động 3: Luyện tập.**  - PPDH: Vấn đáp, hoạt động cá nhân  - KTDHTC: Kĩ thuật động não  - Thời gian: 20-22 phút  Hình thành năng lực: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | |  |
| **II.HD HS luyện tập tóm tắt văn bản tự sự** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập** |  |
| ***B1. HD HS tóm tắt văn bản “Lão Hạc”*** | ***HS tóm tắt văn bản “Lão Hạc”*** | ***1. Tóm tắt văn bản “Lão Hạc”*** |  |
| **1.** Cho HS quan sát các sự việc và các nhân vật được liệt kê trong BT1. Hái:  - Theo em, bản liệt kê trên đã nêu lên các sự việc tiêu biểu và các nhân vật quan trọng của truyện Lão Hạc chưa ? Có cần bổ sung không ?  - Hãy sắp xếp các sự việc đã nêu ở trên theo một thứ tự hợp lí ? | *HS theo dõi sgk. 1HS đọc. HS thảo luận theo nhóm bàn. Đại diện trình bày* | -> Các sự việc đã khá đầy đủ nhưng lộn xộn, thiếu mạch lạc không cần bổ sung thêm mà cần sắp xếp lại thứ tự các sự việc đã nêu.  \* Cách sắp xếp thứ tự các sự việc trong truyện Lão Hạc:  1.b 4. c 7.i  2.a 5.g 8.h  3.d 6.e 9.k |  |
| **2**. Hãy tóm tắt truyện ngắn Lão Hạc bằng một văn bản ngắn gọn (khoảng 10 dòng)  \* Gọi HS trình bày, nhận xét, | *HS thực hành viết VB tóm tắt*  *Một vài HS đọc, HS nhận xét* | \* Văn bản tóm tắt |  |
| Lão Hạc có một người con trai, một mảnh vườn và một con chó vàng. Con trai lão đi phu đồn điền cao su, lão chỉ còn lại cậu vàng. Vì muốn giữ lại mảnh vườn cho con, lão đành phải bán con chó, mặc dù hết sức buồn bã và đau xót. Lão mang tất cả tiền dành dụm được gửi ông giáo và nhờ trông coi mảnh vườn. Cuộc sống mỗi ngày một khó khăn, lão kiếm được gì ăn nấy và từ chối tất cả những gì ông giáo giúp. Một hôm lão xin Binh Tư ít bả chó, nói là để giết con chó hay đến vườn, làm thịt và rủ Binh Tư cùng uống rượu. Ông giáo rất buồn khi nghe Binh Tư kể chuyện ấy. Nhưng rồi lão bỗng nhiên chết - cái chết thật dữ dội. Cả làng không ai hiểu vì sao lão chết, chỉ có Binh Tư và ông giáo hiểu**.** | | |  |
| ***B2. HD HS tóm tắt đoạn trích “Tức nước vì bờ”*** | ***HS tóm tắt đoạn trích “Tức nước vì bờ”*** | ***2.Tóm tắt đoạn trích “Tức nước vì bờ”*** |  |
| **3**. Hãy nêu lên những sự việc tiêu biểu và các nhân vật quan trọng trong đoạn trích “Tức nước vì bờ”  **-** Hãy tóm tắt văn bản đó trong khoảng 10 dòng?  =>GV chiếu bài HS, nhận xét bài làm của các nhóm, nhận xét ưu, nhược điểm | *HS trả lời*  *Các nhóm tóm tắt vào vở.*  *HS nhận xét bài làm của bạn* | - Nhân vật chính là chị Dậu.  - Sự việc tiêu biểu:  + Chị Dậu chăm sóc chồng bị ốm.  + Chị Dậu đánh lại tên cai lệ và người nhà lí trưởng để bảo vệ anh Dậu  =>Tóm tắt |  |
| Anh Dậu đang bị ốm còng bị bọn tay sai xông đến đánh trói, lôi ra đình cùm kẹp vì chưa đủ tiền nộp sưu. Bị hành hạ, đánh đập tưởng chết, người ta cõng anh trả về. Được bà con cứu giúp, anh đã tỉnh lại. Nhờ bà lão láng giềng tốt bông cho bát gạo, chị nấu cháo cho anh ăn. Vừa run rẩy kề bát cháo vào đén miệng thì cai lệ và người nhà lí trưởng đã sầm sập tiến vào víi những roi song, tay thước và dây thừng để đòi tiền sưu. Anh Dậu hoảng quá, lăn đùng ra. Chị Dậu còng hoảng, van xin chúng cho khất nhưng chúng không nghe mà quát víi giọng hầm hè và chạy đến chỗ anh Dậu. Chị Dậu xám mặt, van xin chúng tha cho chồng. Cai lệ đấm chị và sấn đến trói anh Dậu thì chị tức quá, không chịu được, liều mạng cự lại. Hắn tát chị rồi lại nhảy vào cạnh anh Dậu. Lúc này không thể nhẫn nhịn được nữa, chị Dậu vùng lên tóm cổ áo tên cai lệ ấn dúi ra cửa sau đó tóm tóc lẳng tên người nhà lí trưởng ngã nhào ra thềm víi một sức mạnh của tình yêu thương chồng và một tinh thần phản kháng mãnh liệt. | | |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

- Thời gian: 10 phút

- Phương pháp: Thuyết trình

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò**  **Hình thành năng lực** | **Kiến thức cần đạt** | **Ghi chú** |
| GV yêu cầu  Viết đoạn văn tóm tắt văn bản “Tức nước vì bờ”(Khoảng 10 dũng) | HĐ cá nhân  HTNL tự học trình bày. | Viết đoạn văn tóm tắt văn bản “Tức nước vì bờ” |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

- Thời gian: 2 phút

- Phương pháp: Thuyết trình

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| GV hướng dẫn HS viết đoạn văn. | HĐ cá nhân  HTNL tự học trình bày. | Hãy viết một văn bản tóm tắt lại một trong số các tác phẩm tự sự đó được học trong chương trình Ngữ văn lớp 8. |  |

**Bước IV: Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà:**

- Nắm được thao tác tóm tắt văn bản tự sự

- Tóm tắt hoàn chỉnh bài tập 2.

-Soạn bài “Cô bé bán diêm”

\* Rút kinh nghiệm

- Hướng dẫn kĩ các bước tóm tắt văn bản tự sự

- Sửa bài làm của học sinh

- Sửa bài tập khó

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tuần 6**

**Tiết 1+2**

**ĐÁNH NHAU VỚI CỐI XAY GIÓ**

**( Trích Đôn – ki – hô – tê )**

**~ Xéc – van – téc~**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Cảm nhận đúng về các hình tượng và cách xây dựng các nhân vật này trong đoạn trích.

**2. Kĩ năng**:

- Nắm bắt diễn biến của các sự kiện trong đoạn trích.

- Chỉ ra những chi tiết tiờu biểu cho tínhi cách mỗi nhân vật ( Đôn – ki – hô – tê và Xan - chô Pan - xa) được miêu tả trong đoạn trích.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục học sinh lòng dũng cảm, cao thượng không mê muội hoang tưởng.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức:**

- Đặc điểm thể loại truyện víi nhân vật, sự kiện, diễn biến truyện qua một đoạn trích trong tác phẩm **Đôn – ki – hô – tê**

- í nghĩa của cặp nhân vật bất hủ mà Xộc – van – tột đó gúp vào văn học nhân loại: Đôn – ki – hô – tê và Xan – chô Pan - xa

**2. Kĩ năng**:

- Nắm bắt diễn biến của các sự kiện trong đoạn trích.

- Chỉ ra những chi tiết tiêu biểu cho tính cách mỗi nhân vật ( Đôn – ki – hô – tê và Xan – chô Pan - xa) được miêu tả trong đoạn trích.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục học sinh lòng dũng cảm, cao thượng không mê muội hoang tưởng.

**4. Năng lực phát triển.**

**a. Các năng lực chung**.

- Năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tư duy sáng tạo

**b. Các năng lực chuyên biệt.**

- Năng lực tìm kiếm,tổ chức, xử lí thông tin.

- Năng lực tiếp nhận văn bản

- Năng lực cảm thụ thẩm mĩ

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy**:

- Giáo ỏn, tranh minh họa hai nhân vật Đôn-ki-hô-tê và Xan-chô Pan-xa, ảnh tác giả Xéc – van – tét

**2. Trò:**

- Đọc kĩ văn bản và trả lời các câu hái trong phần “Đọc - hiểu văn bản”

**IV.TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**Bước I: Ổn định tổ chức:** ( 1 phút)

**Bước II: Kiểm tra bài cũ:** ( 5 phút)

Nội dung kiểm tra:

- Trình bày gió trị nội dung và nghệ thuật của văn bản **Cụ bộ bán diêm**?

- Trình bày bài viết cảm nhận của em về nhân vật cụ bộ bán diêm?

**Bước III: Tổ chức dạy và học bài mới:**

Tiết 1: Thực hiện hết phần phân tích: Nhân vật Đôn – ki-hụ-tờ khi nhỡn thấy những chiếc cối xay giú

Tiết 2: thực hiện các nội dung còn lại

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | | | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Thuyết trình, trực quan * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Thuyết trình. | | | | | |  |
| **\*** GV chiếumột số h/ả về đất nước Tây Ban Nha. Nêu yêu cầu: Em hiểu gí về đất nước và con người ở đây.  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Quan sát, trao đổi*  *- 1 HS trình bày, dẫn vào bài mới* | | ***Kĩ năng quan sỏt nhận xét, thuyết trình*** | | |  |
| *Tây Ban Nha là một đất nước ở phía tây châu Âu, đất nước nổi tiếng víi những trận đấu bũ tút. Trong thời kỳ Phục hưng (thế kỉ XIV-XVI) đất nước này đó sản sinh ra một nhà văn vĩ đại, nhà văn Xéc-van-tét víi tác phẩm bất hủ - bộ tiểu thuyết Đôn-ki-hô-tê (1605-1615).* | | | | | |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | | ***Tiết 25,26.*** | | |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**  **\*Tri giác**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút * ***Thời gian***: 5- 7' * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc | | | | | |  |
| **I. HD HS đọc - tìm hiểu chú thích** | ***Hình thành kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I.Đọc- tìm hiểu chú thích** | | ***Kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I. Đọc - Chú thích** | | |  |
| **1**.GV hướng dẫn HS đọc: to, rõ ràng. Chú ý giọng của từng n/vật, những câu đối thoại, những câu nói víi cối xay gió...  -Gọi HS đọc, nhận xét cách đọc của HS  **2**.Hãy tóm tắt VB trong khoảng 10 dũng theo chuỗi các sự việc chính? | *- HS nghe, xác định cách đọc*      *-2 HS đọc, HS khác nhận xét cách đọc*  *- HS tóm tắt, 1 HS trình bày. HS khácc nhận xét* | | ***1. Đọc, tóm tắt.***    \* Tóm tắt văn bản | | |  |
| **3**.Trình bày hiểu biết của em về tác giả, tác phẩm và vị trớ của đoạn trích ?  \*GV bổ sung:Xộc-van-tột sáng tác khác nhiều thể loại: tiểu thuyết, truyện ngắn, thơ và trường ca song ít thành công, chỉ có thiên tiểu thuyết “Đôn Ki-hô-tê”là một trong những tác phẩm vĩ đại nhất thời Phục hưng, nó làm cho tên tuổi của Xéc-van-tét trở thành bất tử sống mãi trong lòng nhân loại cùng víi những tên tuổi lừng danh như Secxpia, Ra-ble ... | *HS dựa vào CT \* và hiểu biết của mình, trả lời:*  *HS nghe.* | | ***2. Chú thích***  ***a.Tác giả:*** Xéc-van-tét (1547-1616) là nhà văn lỗi lạc của Tây Ban Nha thời kỡ Phục Hưng ***b.Tác phẩm:*** gồm 2 phần  + Phần I có 52 chương -xuất bản 1605  + Phần II có 74 chương -xuất bản 1615  - Đoạn trích : trong chương 8 tiểu thuyết “Đôn Ki-hô-tê”. | | |  |
| **4**.Cho HS tìm hiểu các từ khó, lưu ý các CT1,2,6,7,9,... | HS tự tìm hiểu trong sgk | | ***c. Từ khó***: sgk/78,79 | | |  |
| **\* Phân tích - Cắt nghĩa**   * ***PPDH***: Phân tích, giải thích, vấn đáp, tái hiện thông tin, thuyết tŕnh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, khăn trải bàn. * ***Thời gian***: 55 - 60' * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giải quyết vấn đề, hợp tác, cảm thụ | | | | | |  |
| **II. HD HS đọc - tìm hiểu văn bản**  **B1. HD tìm hiểu khái quát** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II. HS đọc - tìm hiểu VB**  **HS tìm hiểu khái quát** | | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II.Đọc-Tìm hiểu văn bản**  **1. Tìm hiểu khái quát** | | |  |
| **5**. Cho HS trao đổi cặp đôi, xác định :  - Thể loại, PTBĐ của VB?  - Ngôi kể, trình tự kể | *HS suy nghĩ cá nhân, xác định, trả lời* | | ***- Thể loại:*** tiểu thuyết  - ***PTBĐ***: Tự sự  - ***Ngôi kể***: ngôi thứ ba  - Trình tự kể: theo trình tự diễn biến các sự việc | | |  |
| **6**. Nêu yêu cầu:  - Truyện có mấy nhân vật chính? Đó là những n/vật nào? Quan hệ giữa các nhân vật? Ấn tượng ban đầu của em về hai nhân vật  **-** Hãy xỏc định ba phần của đoạn truyện này theo trật tự diễn biến trước, trong và sau khi Đôn-ki-hô-tê đánh nhau víi cối xay gió | *HS xác định, trình bày*  =>cả hai đều không bỡnh thường, có nhiều biểu hiện đáng cười | | - Nhân vật chính  + Đôn Ki-hô-tê -> chủ  + Xan-chụ Pan-xa -> tớ  - Bố cục: 3 phần | | |  |
| +***Phần1***: Từ đầu ->cân sức =>*Nhận định về những chiếc cối xay gió*.  +***Phần 2***: Tiếp theo->ngó văng ra xa. *=>Đánh nhau víi cối xay giú.*  +***Phần 3***: Còn lại.=>*Quan niệm của hai người sau khi đánh nhau víi cối xay gió* | | | | |  |
| **7**. Hãy liệt kờ năm sự việc chính, để qua đó bộc lộ tính cách của 2 nhân vật? | *HS suy nghĩ trả lời* | | *\**5 sự việc chủ yếu | | |  |
| - Nhỡn và nhận định về những chiếc cối xay gió.  - Thái độ, hành động của mỗi người. | | | | |  |
|  | - Quan niệm và cách xử sự của mỗi người khi bị đau đớn.  - Quan niệm về chuyện ăn.  - Quan niệm về chuyện ngủ. | | | | |  |
| **B2. HD HS tìm hiểu chi tiết văn bản** | **HS tìm hiểu chi tiết văn bản** | | **2. Tìm hiểu chi tiết** | | |  |
| **8**. Cho HS HĐ nhóm theo KT KTB để tìm hiểu sự khácc nhau của 2 nhân vật:  - N1. Tìm hiểu về nguồn gốc xuất thân và hình dỏng bờn ngoài.  - N2. Tìm hiểu về nhận định của hai người về những chiếc cối xay gió  - N3. Tìm hiểu về suy nghĩ, hành động và kết quả của hành động víi những chiếc cối xay giú  - N4. Tìm hiểu về nguyờn nhân dẫn đến hậu quả của những thất bại  - N5, Tìm hiểu những quan niệm về cuộc sống của hai nhân vật. | *HS HĐ nhóm theo HD cảu GV. Đại diện trình bày, nhúm khácc bổ sung* | |  | | |  |
|  | ***Đôn Ki hô tê*** | | | ***Xan-chụ Pan-xa*** |
| ***- Nguồn gốc xuất thân***  - ***Hình dỏng bờn ngoài*** | - Thuộc dũng dõi quý tộc  - Gầy cũm, cao lênh khờnh, cưỡi trên lưng một con ngựa cũm  ->***Càng cao thêm*** | | | - Là nông dõn  - Béo lùn, ngồi trên lưng một con lừa  ->***Càng lựn tịt*** |
| -***Khi nhỡn thấy những chiếc cối xay giú:***  + Suy nghĩ | - Tưởng đó là những tên khổng lồ ghê gớm, quyết giao chiến giết hết bọn chúng, thu chiến lợi phẩm để trở nên giầu có  - Đây là một cuộc chiến đấu chính đáng, quét sạch cái giống xấu xa khái mặt đất là phông sự Chúa  ->***mê muội, hoang tưởng*** | | | - Khẳng định đú là những cối xay giú, cái vật trông giống cánh tay là là những cánh quạt, khi có giú sẽ quay tròn làm chuyển động những cối đá  **-> *tỉnh tỏo, thực tế***. |
| + Hành động | - Thúc ngựa xông lên, thột lớn.  - Nhiệt thành tâm niệm cầu mong nàng Đuyn-xi-nê-acứu tìm trong lỳc nguy nan  - Lấy khiên che kín thân ... đâm mũi giáo vào cánh quạt | | | - Hét lên cảnh báo, khuyên bảo, can ngăn chủ.  - Đứng ngoài nhỡn chủ giao chiến |
| + Kết quả | -Ngọn giáo góy tan tành, ngựa và người ngó văng ra xa. Người nằm không cựa quậy, ngựa bị toạc nửa vai  ->***Dũng cảm, không sợ*** | | | - Vội thúc lừa chạy tới cứu  - Hết lời khuyên bảo, can ngăn.  ->***Sợ hói,hốn nhát*** |
|  | ***gian khó, thử thách nhưng ngớ ngẩn, kỡ quặc, điên rồ*** | | |  |
| +Nguyờn nhân thất bại | - Chuyện chinh chiến biến hoá khôn lường  - Cho rằng lão pháp sư đó đánh cắp thư phũng và sỏch vở, biến những tên khổng lồ thành cối xay giú, tước mất niềm vinh quang của mình...  ***->Không rút kinh nghiệm mà vẫn mê muội, hoang tưởng*** | | | - Cho rằng đầu óc của chủ còng quay cuồng như những chiếc cối xay giú ...  ***->Hoàn toàn tỉnh tỏo*** |
| - Quan điểm về cuộc sống | - Bị thương thế nào còng không được rên rỉ dù xổ cả ruột ra ngoài.  - Không quan tâm đến chuyện ăn uống.  -Suốt đêm không ngủ để nghĩ đến tình nương Đuyn-xi-nê-a.  ->***Hóo huyền, mụ mẫm*** | | | - Chỉ cần hơi đau một chút là rên rỉ ngay.  - Vừa đi vừa ung dung đánh chén no căng bông.  - Ngủ một mạch đến sáng, ngủ dậy là ví ngay lấy bầu rượu  ->***Thực dụng, tầm thường*** |
| **9**. Qua các sự việc trên, em hãy phân tích, đánh giá khái quát những nét hay và dở; mặt tốt, mặt đáng chê trách của hai người? | \* Đánh giá  - ***Mặt tốt*** | ***+ Khát vọng cao cả, hành động dũng cảm*** | | ***+ Luụn tỉnh ỏo*** khi nhỡn nhận các sự vật, sự việc | |  |
| - ***Mặt đáng chê trách:*** | ***+Đầu óc mê muội, hoang tưởng, hóo huyền*** do bị ảnh hưởng quá nhiều bởi những truyện hiệp sĩ giang hồ nên không những không thực hiện được khát vọng mà còn trở thành một kẻ nực cười (đáng trách và còng đáng thương) | | ***+ Khát vọng tầm thường, chỉ nghĩ đến quyền lợi và sự hưởng thụ của cá nhân mình.***  ***+ Hốn nhát*** | |  |
| **10**.Em hãy nhận xét về cách xây dựng nhân vật của tác giả? | *HS nhận xét, trả lời:*  ->Tô đậm và làm nổi bật các đặc điểm ở mỗi n/vật, | | - Xây dựng nhân vật đối lập nhau về hình dỏng bờn ngoài, về tínhi cách, về cả | | |  |
| Tác giả xây dựng các nhân vật như thế có tác dụng gì ? | tạo nờn sự khácc biệt hoàn toàn về tínhi cách của các nhân vật | | ưu điểm và nhược điểm ưu điểm và nhược điểm | | |  |
| **11**.Từ hai nhân vật chính trong truyện, em rút ra cho mình bài học gì? | *HS tự liên hệ, rút ra bài học* | | ->Sống phải có khát vọng, có lí tưởng cao đẹp nhưng phải tỉnh táo, thực tế, biết quan tâm,chia sẻ víi người khác.. | | |  |
| **\* Đánh giá, khái quát**   * ***PPDH***: Vấn đáp, thuyết tŕnh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 5 phút * ***Hình thành năng lực***: Đánh giá tổng hợp, cảm thụ | | | | | |  |
| **III. HDHS đánh giá, khái quát VB** | ***Hình thành kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Đánh giá, khái quát văn bản** | | ***Kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Ghi nhớ** | | |  |
| **12**.Qua tìm hiểu văn bản, em thấy văn bản có những nét đặc sắc gì về nội dung và nghệ thuật?  - Qua những nét đặc sắc đó, em thấy văn bản có ý nghĩa gì?  - Qua câu chuyện trên em có thể rút ra cho mình bài học gì để phấn đấu thành con người hoàn thiện. | *- HS tóm tắt, trả lời:* | | ***1. Nghệ thuật*** | | |  |
| + Kể chuyện có giọng điệu hài hước, phê phán.  + Xây dựng nhân vật tương phản, đối lập.  ***2. Nội dung:***  Mặt tốt, mặt đáng chê trách của mỗi nhân vật.  ***3. í nghĩa:***  - Chế giễu lí tưởng hiệp sĩ phiêu lưu, hóo huyền  - Phê phán thói thực dụng, thiển cận của con người trong đời sống xó hội. | | | | |  |
| \*GV chốt lại GN. Gọi HS đọc | *- 1 HS đọc ghi nhớ* | | ***\* Ghi nhớ: sgk/80*** | | |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh, đọc diễn cảm * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 5- 7 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo | | | | | |  |
| **IV**. **HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **HS luyện tập** | | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **Luyện tập** | | |  |
| **18**.Cho HS làm 1 số BTTN/45-49. | HS đọc, suy nghĩ cá nhân, trả lời | | ***1. Trắc nghiệm:*** | | |  |
| **19**.Nêu yêu cầu BT: Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về nhân vật Đôn-ki-hô-tê? | HS viết đoạn văn cá nhân, trình bày | | ***2. Viết đoạn văn*** | | |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

- Thời gian dự kiến: 10 phút

- Phương pháp: Vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Viết đoạn văn ngắn phát biểu cảm nghĩ của em về nhân vật Đôn-ki-hô-tê | - Làm việc, thống nhất, trình bày. |  |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

- Thời gian dự kiến: 3 phút

- Phương pháp: Vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| GV yêu cầu HS tìm một số tác phẩm của nhà văn Xéc-van-tex. |  |  |  |

**Bước IV: Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà:**

- Tóm tắt lại văn bản.

- Học phần ghi nhớ: nắm được giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản

- Đọc kĩ bài “Tình thái từ” và trả lời các câu hái trong SGK.

\* Rút kinh nghiệm

- Cho hs lập bảng về sự tương phản giữa hai nhân vật

- Cho hs rút ra bài học sau khi học xong văn bản

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tuần 6**

**Tiết 3**

**TÌNH THÁI TỪ**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu thế nào là tình thái từ.

- Nhận biết và hiểu tác dụng của tình thái từ trong văn bản.

- Biết sử dụng tình thái từ phự hợp víi tình huống giao tiếp.

**2. Kĩ năng**:

- Dựng tình thái từ phự hợp víi yêu cầu giao tiếp.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục học sinh ý thức sử dụng tình thái từ phự hợp trong giao tiếp.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức:**

- Khái niệm các tình thái từ.

- Cách sử dụng tình thái từ.

**2. Kĩ năng**:

- Dựng tình thái từ phự hợp víi yêu cầu giao tiếp.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục học sinh ý thức sử dụng tình thái từ phù hợp trong giao tiếp.

**4. Năng lực phát triển**

**a. Các năng lực chung**.

- Năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tư duy sáng tạo

**b. Các năng lực chuyên biệt.**

- Năng lực tìm kiếm,tổ chức, xử lí thông tin.

- Năng lực sử dụng tiếng Việt

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy**:

- Soạn bài, mỏy chiếu.

**2. Trò:**

- Đọc bài và trả lời câu hái.

**IV. TIẾN TRèNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: ***Ổn định tổ chức*** (1') Kiểm tra sĩ số, nội vụ của lớp

**\* Bước 2:** ***Kiểm tra bài cũ*** (3-5')

- *Phương án:* Kiểm tra đầu giờ

*- Nội dung kiểm tra*: GV sử dụng bảng phụ:

- Thế nào là trợ từ, thán từ ?

- Làm các BT trên bảng phụ:

1. Trong những từ in đậm ở các câu sau, từ nào không phải là thán từ?

A. **Hồng**! Mày có muốn vào Thanh Hoá chơi víi mẹ mày không?

B. **Võng** ,cháu còng đó nghĩ như cụ.

C. **Không**,ông giáo ạ!

D. **Cảm ơn cụ**, nhà cháu đó tỉnh tỏo như thường.

2. Từ *“****chao ụi****”* trong câu văn *: “****Chao ụi****! Đối víi những người xung quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương....(Lão Hạc)* bộc lộ cảm xúc gì của nhà văn?

A. Than thở vì xúc động mạnh.

B. Than thở vì bất lực.

C. Than thở vì đau đớn.

**\* Bước 3:** ***Dạy - học bài mới:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Thuyết trình, trực quan * ***Thời gian***: 1- 3'   ***Hình thành năng lực***: Thuyết trình. | |  |  |
| **\*** Cho 2 HS quan sỏt lại BT trên BP. Nêu yêu cầu: Trong BT1/C, từ “ạ” được dùng để làm gì?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Quan sát, trao đổi*  *- 1 HS trình bày, dẫn vào bài mới*  ->để biểu thị thái độ tôn trọng | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 27.* Tình thái từ** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 10-12’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | |  |
| **I.HD HS tìm hiểu chức năng của tình thái từ.** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I.Tìm hiểu chức năng của tình thái từ.** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Chức năng của tình thái từ** |  |
| **1**. GV chiếu 4 VD/80. Gọi HS đọc. Hái:  - Hãy cho biết mục đích nói của các câu a,b, c ?  - Trong các ví dụ a, b, c nếu bỏ từ in đậm thì ý nghĩa của câu có gì thay đổi ?  - Theo em các từ in đậm trong các câu trên có chức năng gì? | *HS quan sát. 1HS đọc ví dụ, chú ý các từ in đậm.*  *HS suy nghĩ, trao đổi trong bàn, trả lời:*  - Mục đích nói: a. Nghi vấn  b. Cầu khiến c. Cảm thán  - Nếu bỏ từ in đậm thì mục đích nói của câu sẽ thay đổi:  + Câu (a) không còn là câu nghi vấn nữa  + Câu (b) không còn là câu cầu khiến nữa.  + Câu (c) không tạo lập được câu cảm thán. | ***1.Ví dụ***:  a. ***à****:* Từ để tạo lập câu nghi vấn  b***. đi***: Từ để tạo lập câu cầu khiến  c. ***thay***: Từ để tạo lập câu cảm thán |  |
| **2**.Ở ví dụ (d), nếu bỏ từ ***ạ*** thì ý nghĩa của câu có thay đổi không? Vậy từ ***ạ*** biểu thị sắc thái tình cảm gì của người nói? Có chức năng gì trong câu ? | *HS suy nghĩ, trả lời*  Từ “ạ” -> biểu thị thái độ kính trọng, lễ phép. | d. ***ạ***: Biểu thị sắc thái tình cảm của người nói |  |
| **3**.Những từ “*à, đi, thay, ạ”* là những tình thái từ. Vậy em hiểu thế nào là tình thái từ ? | *HS tóm tắt, trả lời theo ghi nhớ* | =>***Tình thái từ***  Điểm 1/81 |  |
| **4**.Hãy đặt câu víi các tình thái từ: à, ạ, đi, sao. Và cho biết sắc thái biểu cảm của câu đó ? | *HS lên bảng đặt câu và trả lời* |  |  |
| **5.** Căn cứ vào chức năng của TTT, người ta có thể phân chia TTT thành những loại nào? Kể tên một số TTT của mỗi loại?  \* GV chốt lại GN. Gọi HS đọc. | *HS phân chia, trình bày*:  Gồm 4 loại đáng chú ý:  - Nghi vấn: hả, hử....  - Cầu khiến : thụi , nào...  - Cảm thán : sao,quỏ...  - Biểu thị sắc thái tình cảm: nhộ nhỉ,....  *HS đọc ghi nhớ* | ***=> Các loại TTT:***  Điểm 2/ 81  **2**.***Ghi nhớ:*** |  |
| **II.HD HS tìm hiểu cách sử dụng tình thái từ.** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **II. HS tìm hiểu cách sử dụng tình thái từ.** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **II.Sử dụng tình thái từ** |  |
| **6**.GV chiếu các VD mục II/81. Gọi HS đọc. Hái:  -Các TTT in đậm trong các VD trên được dùng trong | *HS quan sát. 1HS đọc VD, suy nghĩ và trả lời:*  -Bạn chưa về **à**?- hái thân mật giữa những người bạn | ***1. Ví dụ***  - ***à***:hái-*quan hệ bạn bố*  - ***ạ***: hái-*quan hệ trên dưới* |  |
| những hoàn cảnh giao tiếp khác nhau như thế nào? những hoàn cảnh giao tiếp khác nhau như thế nào? | - Thầy mệt **ạ**? -> hái kính trọng của người ít tuổi víi ngưũi nhiều tuổi  - Bạn tìm tôi một tay **nhộ** !  -> cầu khiến mang sắc thái thân mật  - Bác tìm cháu một tay **ạ** !  -> Cầu khiến - mang sắc thái kớnh trọng | -***nhộ****:* cầu khiến- *quan hệ thân mật*  -***ạ***: cầu khiến - *quan hệ kớnh trọng* |  |
| **7**.Nêu yêu cầu của BT: Dùng TTT để thay đổi sắc thái ý nghĩa của câu : *Nam học bài.*  \* GV kết luận đúng. | *1HS lên bảng làm, HS còn lại quan sỏt và nhận xét*  - Nam học bài à ?  - Nam học bài nhộ ! |  |  |
| **8**.Vậy khi nói và viết, cần sử dụng TTT như thế nào ?  \*GV chốt lại. Gọi HS đọc. | *HS trả lời dựa theo ghi nhớ*  *1 HS đọc lại* | ***2.Ghi nhớ*** (sgk/81) |  |
| **9.**Thế nào là tình thái từ ? Các loại TTT?  - Khi sử dụng tình thái từ cần chú ý điều gì ?  - TTT thường đứng ở vị trớ nào? | *HS nhắc lại nội dung phần ghi nhớ 1+2* | \* Ghi nhớ 1+2/81 |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 12-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | |  |
| **III.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III**. **Luyện tập** |  |
| **10**.Cho HS quan sát các câu văn BT1. Hái: Trong các câu trên, từ in đậm nào là tình thái từ, từ nào không phải là tình thái từ | *HS hoạt động độc lập 1 HS lên bảng làm, HS còn lại làm vào vở bài tập và nhận xét :* | ***Bài 1***: ***Xác định câu có tình thái từ***  - Các câu có tình thái từ: b, c, e, i.  - Các câu không có tình thái từ: a, d, g, h |  |
| **11**.Nêu yêu cầu BT2 : Giải thích ý nghĩa của các tình thái từ trong các câu ? | *HS trao đổi trong bàn, 1HS lên bảng làm bài. HS khácc nhận xét* | ***Bài 2:Giải thích ý nghĩa của các TTT***: |  |
| a. ***chứ***: Nghi vấn, dùng trong trường hợp điều hái đó ớt nhiều khẳng định.  b. ***chứ:*** Nhấn mạnh điều vừa khẳng định, cho là không thể khác được.  c. ***ư***: Hái víi thái độ phân vân. | |  |
|  | d. ***nhỉ*** : Hái víi thái độ thân mật.  e. ***nhộ***: Sự dặn dũ víi thái độ thân mật.  g. ***vậy***:Thái độ miễn cưỡng.  h. ***cơ mà***: Thái độ thuyết phục | |  |
| **12**. Hãy đặt câu về đề tài bảo vệ môI trường víi các tình thái từ: ***mà, đấy, chứ lị, thôi, cơ, vậy*** ?  \*GV lưu ý HS phân biệt:  -TTT “mà” khácc QHT “mà”  -TTT “đấy” khác chỉ từ “đấy”  -TTT “thôi” khác ĐT “thôi”.  -TTT“vậy” khác Đa “vậy” | *HS làm bài tập cá nhân. 3 HS lên bảng đặt câu. HS khácc nhận xét* | ***Bài 3: Đặt câu víi các TTT.*** |  |
| - Đừng sợ! Là tôi đây ***mà***!  - Quyển truyện này hay hơn ***chứ lị***.  - Làm đi ***thụi***!  - Tớ thích chiếc áo màu đỏ ***cơ***!  - Chiều nay, tớ đành đi một mình ***vậy***. | |  |
| **13**. Gọi HS đọc BT3/83. Nêu yêu cầu cho HS thực hiện:  Đặt câu hái có dùng TTT phù hợp quan hệ XH. | HS trao đổi nhóm bàn, đặt câu. 3 HS lên bảng trình bày | ***Bài 4: Đặt câu hái có dùng TTT phù hợp quan hệ XH*** |  |
| - HS víi thầy, cụ giáo: ***Thầy có khoẻ không ạ?***  - Bạn nam víi bạn nữ cùng lứa tuổi: ***Đằng ấy làm xong bài tập rồi chứ?***  - Con víi bố, mẹ, chú, bác...:***Hôm nay, bố phải đi làm sớm thế ạ?*** | |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

- Thời gian dự kiến: 10 phút

- Phương pháp: Vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não, các mảnh ghộp

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| GV yêu cầu HS viết đoạn văn từ 5 đến 7 câu có sử dụng tình thái từ. | - Làm việc, trình bày |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

- Thời gian dự kiến: 3 phút

- Phương pháp: Vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não, các mảnh ghộp

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Họat động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| GV yêu cầu HS tìm một số tình thái từ trong tiếng địa phương em hoặc tiếng địa phương khác mà em biết. | - Làm việc, trình bày |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**Bước IV: Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà:**

- Học phần ghi nhớ: nắm được khái niệm tình thái từ, phân loại và cách sử dụng tình thái từ.

- Làm bài tập 4 ( 83 )

- Đọc kĩ bài “ Luyện tập viết bài văn tự sự kết hợp víi miêu tả và biểu cảm” và trả lời các câu hái trong SGK.

\* Rút kinh nghiệm

- Cho hs lấy ví dụ ngoài sgk

- Sủa bài tập khó trong sgk

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tuần 6**

**Tiết 4**

**MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nhận ra và hiểu vai trò của các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn bản tự sự.

- Biết cách đưa các yếu tố miêu tả, biểu cảm vào bài văn tự sự

**2. Kĩ năng**:

- Nhận ra và phân tích được tác dụng của các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn bản tự sự.

- Sử dụng kết hợp các yếu miêu tả, biểu cảm trong làm văn tự sự.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục học sinh ý thức sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm trong văn bản tự sự.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG.**

**1. Kiến thức.**

- Vai trò của yếu tố kể trong văn bản tự sự.

- Vai trò của các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn bản tự sự.

- Sự kết hợp các yếu tố miêu tả và biểu lộ tình cảm trong văn bản tự sự.

**2. Kĩ năng**.

- Nhận ra và phân tích được tác dụng của các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn bản tự sự.

- Sử dụng kết hợp các yếu miêu tả, biểu cảm trong làm văn tự sự.

**3. Thái độ.**

- Giáo dục học sinh ý thức sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm trong văn bản tự sự.

**4. Năng lực phát triển.**

**a. Các năng lực chung**.

- Năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tư duy sáng tạo

**b. Các năng lực chuyên biệt.**

- Năng lực tìm kiếm,tổ chức, xử lí thông tin.

- Năng lực sử dụng tiếng Việt

**III. CHUẨN BỊ**

**1. Thầy:**

- Nghiờn cứu tài liệu có liên quan tới bài dạy

- Mỏy chiếu

**2. Trò**:

- Đọc kĩ bài học và trả lời các câu hái trong SGK.

**III. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

**Bước I. Ổn định tổ chức.**

**Bước II. Kiểm tra bài cũ:**

Kết hợp trong bài mới

**Bước III. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Thuyết trình, trực quan * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Thuyết trình. | | |  |
| **\*** Nêu yêu cầu:  - Nếu trong 1 VB tự sự mà chỉ có các sự việc thì văn bản đó sẽ ntn?  - Ngoài sự việc thì trong văn tự sự cần có thêm yếu tố nào nữa?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày, dẫn vào bài mới*  -> Cần có yếu tố miêu tả và biểu cảm để bài văn sinh động, hấp dẫn | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 24.*** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thỏc kờnh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 15-17’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | |  |
| **I.HD HS tìm hiểu về sự kết hợp các yếu tố kể, tả và biểu cảm trong VB tự sự** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I.Tìm hiểu về sự kết hợp các yếu tố kể, tả và biểu cảm trong VB tự sự** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Sự kết hợp các yếu tố kể, tả và biểu cảm trong văn bản tự sự.** |  |
| **1**.Gọi HS đọc đoạn văn trong sgk/72,73. Nêu yêu cầu:  - Đoạn trích kể lại sự việc gì? Sự việc ấy được kể lại bằng những chi tiết, sự việc nhỏ nào?  - Tìm và chỉ ra các yếu tố miêu tả và yếu tố biểu cảm  trong đoạn văn trên ?  - Các yếu tố này đứng riêng hay đan xen víi y/tố tự sự ?  \*GV lấy một đoạn trích, chỉ ra các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm đan xen nhau:  “*Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp đùi mẹ tôi....thơm tho lạ thường”* | *1HS đọc, cả lớp nghe.*  *HS tìm, liệt kờ và chỉ ra:* | ***1.Ví dụ***: sgk/72, 73 |  |
| - Nội dung: kể lại cuộc gặp gì của nhân vật “tôi” víi người mẹ lâu ngày xa cách  - ***Các yếu tố tự sự***:  + Mẹ vẫy tôi.  + Tôi chạy theo chiếc xe chở mẹ, mẹ kộo tôi lên xe.  + Tôi oà lên khóc, mẹ tôi còng sụt sựi theo  + Tôi ngồi bên mẹ, đầu ngả vào cánh tay mẹ, quan sát gương mặt mẹ  - ***Các yếu tố miêu tả:***  + Tôi thở hồng hộc ... cả chân lại.  + Mẹ tôi không cũm cừi.  + Gương mặt vẫn ... của hai gũ mỏ.  - ***Các yếu tố biểu cảm***.  ? (suy nghĩ)  + Tôi thấy những cảm giác ... lạ thường.(Cảm nhận)  + Phải bé lại... êm dịu vô cùng (Phát biểu cảm tưởng)  =>***Các yếu tố này không đứng riêng mà đan xen víi nhau: vừa kể, vừa tả vừa biểu cảm*** | |  |
| **2**. Bỏ hết các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong đoạn văn và chép lại các câu kể người, | *HS chộp các câu kể thành một đoạn, so sánh víi đoạn văn của Nguyên Hồng, trình* |  |  |
| kể việc để thành một đoạn.  - Hãy so sánh đoạn văn đó víi đoạn văn của Nguyên Hồng và cho biết đoạn văn nào sinh động và hấp dẫn hơn? Vì sao?  - Nếu không có các yếu tố miêu tả và biểu cảm thì việc kể chuyện sẽ bị ảnh hưởng như thế nào ?  - Từ đó hãy rút ra vai trò, tác dụng của yếu tố miêu tả, biểu cảm trong việc kể chuyện ? | *bày*  - Đoạn văn của Nguyên Hồng sinh động và hấp dẫn hơn vì:  + Các yếu tố m/tả tìm cho việc kể lại cuộc gặp gì thêm sinh động víi tất cả các màu sắc, hương vị, hình dỏng, diện mạo ...của sự việc, nhân vật, hành động như hiện lên trước mắt người đọc  + Các yếu tố biểu cảm giúp thể hiện được sâu sắc tình mẫu tử sâu nặng và truyền cảm xúc đó sang cho người đọc, buộc người đọc phải suy nghĩ, trăn trở trước sự việc, nhân vật...  - Các yếu tố miêu tả, biểu cảm làm cho ý nghĩa của truyện càng thêm thấm thớa và sâu sắc, tìm tác giả thể hiện được thái độ trân trọng và tình cảm yêu mến của mình đối víi nhân vật và sự việc. | + Yếu tố miêu tả: giúp tái hiện nhân vât, sự việc sinh động hơn  + Yếu tố biểu cảm tìm thể hiện tình cảm, cảm xúc sâu sắc hơn.  + Bỏ các yếu tố miêu tả và biểu cảm đi đoạn văn sẽ khô khan không gây xúc động cho người đọc.  =>***Các yếu tố miêu tả, biểu cảm tìm cho việc kể chuyện thêm sinh động, sâu sắc*** |  |
| **3**. Nếu bỏ hết các yếu tố kể, chỉ để lại các câu văn miêu tả và biểu cảm thì đoạn văn sẽ bị ảnh hưởng như thế nào?  Qua đó em rút ra nh/xét gì về vai trò của yếu tố kể người và kể việc trong VB tự sự ? | *HS phát hiện, suy nghĩ, trả lời*  - Nếu bỏ hết các yếu tố kể, chỉ để lại các câu văn tả và biểu cảm thì không có chuyện. Bởi cốt truyện là do nhân vật và sự việc tạo nờn. Các yếu tố miêu tả và biểu cảm chỉ có thể bỏm vào sự việc và nhân vật mới phát triển được | ***->Các yếu tố kể: tìm hình dung ra diễn biến của cốt truỵờn, tạo nờn cốt truyện; tạo điều kiện cho yếu tố miêu tả và biểu cảm phát triển*** |  |
| **4**.Từ việc tìm hiểu trên, em hãy rút ra kết luận về sự kết hợp của các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn tự sự ?  Vai trò của các yếu tố ấy trong VB tự sự ? | *HS trả lời theo ghi nhớ.*  *1 HS đọc lại ghi nhớ.* | \* ***Ghi nhớ***: sgk/74 |  |
| **5**. Từ việc tìm hiểu trên, em rút ra bài học gì khi tạo lập VB tự sự ? | Khi tạo lập VB tự sự cần kết hợp đan xen các yếu tố miêu tả và biểu cảm để việc kể chuyện thêm sinh động, hấp dẫn. |  |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | |  |
| **II.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập** |  |
| **6**. Cho HS thảo luận nhúm theo KT KTB: Tìm một số đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm trong các văn bản đó học ? Phân tích gió trị của các yếu tố đó ? | *HS thảo luận theo 4 nhúm, mỗi nhúm tìm trong 1 VB. Đại diện trình bày, nhúm khácc nhận xét, bổ sung.* | ***Bài 1: Tìm một số đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm:*** |  |
| VD: Đoạn văn trong văn bản “Tôi đi học”:“*Buổi mai hôm ấy.....hôm nay tôi đi học”*  - Yếu tố tự sự : Mẹ nắm tay dẫn đi  - Yếu tố miêu tả: Một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, con đường làng dài và hẹp  ->*Miêu tả cụ thể, làm tái hiện rõ không gian và thời gian của buổi đi học đầu tiên*  - Yếu tố biểu cảm: Mẹ âu yếm , con đường...đang có sự thay đổi lớn. ->*Thể hiện rõ tôi trạng của n/vật trên đường tới trường* | |  |
| **7**. Hãy viết một đoạn văn kể về những giây phút đầu tiên khi em gặp lại người thân sau một thời gian xa cách ? | HS viết bài theo gợi ý của GV (5’). 2-3 HS trình bày.HS khácc nhận xét. | ***Bài 2***: Viết đoạn văn kể về những giây phút đầu tiên khi em gặp lại người thân sau một thời gian xa cách |  |
| GV gợi ý:  - Nên bắt đầu từ chỗ nào ?  - Từ xa thấy người thân như thế nào ? (tả hình dỏng, mái túc)  - Lại gần thấy ra sao? Kể hành động của mình víi người thân (lời nói, cử chỉ, hành động), tả chi tiết khuôn mặt, quần áo....  - Những biểu hiện tình cảm của hai người sau khi đó gặp nhau, vui mừng, xúc động như thế nào?... | |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

- Thời gian dự kiến: 10 phút

- Phương pháp: Vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức**  **kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| GV hướng dẫn HS viết đoạn văn.  Viết đoạn văn tự sự kể về chuyến đi tham quan du lịch có sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm |  |  |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

- Thời gian dự kiến: 3 phút

- Phương pháp: Vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức**  **kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Đọc lại truyện Tấm Cám chọn một đoạn văn bất kỡ tìm các yếu tố miêu tả, biểu cảm. |  |  |  |

**Bước IV: Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà:**

- Học phần ghi nhớ, hoàn chỉnh tiếp bài tập 2 tr.47

- Đọc phần “Đọc thêm”.

- Đọc kĩ văn bản “ Đánh nhau víi cối xay gió” và chuẩn bị bài học theo hệ thống câu hái trong phần “Đọc - hiểu văn bản”.

\* Rút kinh nghiệm

- Cho them ngữ liệu ngoài sgk để hs xác định

- Cho hs viết đoạn văn ngắn để thực hành

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tuần 7**

**Tiết 1+2**

**CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG**

**( Trích)**

**~ O Hen – ri ~**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu được tấm lòng yêu thương những người nghèo khổ của nhà văn được thể hiện trong truyện.

- Thấy được nghệ thuật kể chuyện độc đáo, hấp dẫn của tác giả O Hen – ri.

**2. Kĩ năng**:

- Vận dụng kiến thức về sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong tác phẩm tự sự để đọc – hiểu tác phẩm.

- Phát hiện, phân tích đặc điểm nổi bật về nghệ thuật kể chuyện của nhà văn.

- Cảm nhận được ý nghĩa nhân văn sâu sắc của truyện.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục học sinh lòng cảm thông chia sẻ víi nỗi bất hạnh của người nghèo.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức:**

- Nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong một truyện ngắn hiện đại Mĩ

- Lòng cảm thông, sự sẻ chia giữa những nghệ sĩ nghèo.

- í nghĩa của tác phẩm nghệ thuật vì cuộc sống con người.

**2. Kĩ năng**:

- Vận dụng kiến thức về sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong tác phẩm tự sự để đọc – hiểu tác phẩm.

- Phát hiện, phân tích đặc điểm nổi bật về nghệ thuật kể chuyện của nhà văn.

- Cảm nhận được ý nghĩa nhân văn sâu sắc của truyện.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục học sinh lòng cảm thông chia sẻ víi nỗi bất hạnh của người nghèo.

**4. Năng lực phát triển.**

**a. Các năng lực chung**.

- Năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tư duy sáng tạo

**b. Các năng lực chuyên biệt.**

- Năng lực tìm kiếm,tổ chức, xử lí thông tin.

- Năng lực tiếp nhận văn bản

- Năng lực cảm thụ thẩm mĩ

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy**:

- Giáo án, tư liệu về nhà văn O Hen - ri

**2. Trò:**

- Đọc kĩ văn bản và tả lời các câu hái trong phần “Đọc - hiểu văn bản”

**IV.TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**Bước I: Ổn định tổ chức:** (1 phút)

**Bước II: Kiểm tra bài cũ:** (5 phút)

Nội dung kiểm tra:

- Nêu giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản Đánh nhau víi cối xay gió?

- Phân tích nghệ thuật tương phản được thể hiện trong văn bản Đánh nhau víi cối xay giú?

**Bước III: Tổ chức dạy và học bài mới:**

Tiết 1: tìm hiểu hết phần 1 : tôi trạng tuyệt vọng của Giụn xi

Tiết 2: thực hiện nội dung còn lại

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Thuyết trình, trực quan * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Thuyết trình. | | |  |
| **\*** GV chiếu 1 số hình ảnh về nước Mĩ và nêu câu hái : Những hình ảnh vừa rồi gợi cho em nghĩ đến quốc gia nào ?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Quan sát, trao đổi*  *- 1 HS trình bày, dẫn vào bài mới* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| *Nước Mĩ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX là một cường quốc về kinh tế. Chính điều đó đó tạo nờn một xó hội Mĩ phồn hoa nhưng ẩn chứa vô vàn những mâu thuẫn mà những người nghèo trong xó hội ấy phải gỏnh chịu. Và còng chính trong cảnh nghèo khổ đó họ đó biết yêu thương, chia sẻ, tương thân tương ái. Tình người đó tìm cho con người có niềm tin và nghị lực để vượt qua mọi khó khăn thử thách của cuộc sống. Hôm nay, cô và các em cùng đi đọc và suy ngẫm về một đoạn trích trong truyện ngắn* ***Chiếc lỏ cuối cùng*** *của O’ Hen- ri để hiểu thêm một câu chuyện về tình người cao quý ấy.* | | |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 29,30.*** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**  **\*Tri giác**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút * ***Thời gian***: 5- 7' * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc | | |  |
| **I. HD HS đọc - tìm hiểu chú thích** | ***Hình thành kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I.Đọc-tìm hiểu chú thích** | ***Kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I. Đọc - Chú thích** |  |
| **1**.GV hướng dẫn cách đọc  Gọi HS đọc VB, nhận xét | *HS xác định cách đọc:*  *2->3 học sinh đọc* | **1. Đọc** |  |
| - GV yêu cầu HS tóm tắt cốt truyện,  - GV sửa, bổ sung | *2 HS tóm tắt* | **\* Tóm tắt cốt truyện.** |  |
| *Xiu và Giôn-xi là hai nữ họa sĩ nghèo, trẻ tuổi, sống trong một căn hộ thuê ở gần công viên Oa-sinh-tơn. Giôn-xi bị bệnh sưng phổi rất nặng. Cô tuyệt vọng không muốn sống nữa. Cô chỉ đợi chiếc lá thường xuân cuối cùng rông xuống là sẽ lỡa đời. Biết được ý nghĩa điên rồ đó, cụ Bơ-men, một hoạ sĩ già thức suốt đêm mưa gió để vẽ chiếc lá thường xuân. Chiếc lá cuối cùng không rông đó làm cho Giụn-xi suy nghĩ lại, cụ hi vọng và muốn được sống, được sáng tạo. Giôn- xi đó từ cừi chết trở về. Vài ngày sau, khi Giụn-xi đó khoẻ, Xiu cho Giụn-xi biết chiếc lỏ cuối cùng ấy chính là kiệt tác của cụ Bơ-men.* | | |  |
| **2**. GV chiếu chân dung tác giả, tác phẩm và nêu yêu cầu:  - Hãy trình bày những hiểu biết của em về tác giả O Hen-ri và xuất xứ văn bản *Chiếc lỏ cuối cùng* ?  - GV gọi HS trình bày, sau đó chốt kiến thức để HS ghi chép và bổ sung thêm : | *HS đọc chú thích và trả lời*: | ***2.Chú thích***  ***a.Tác giả:*** O. Hen-ri ***(***1862-1910) là nhà văn hiện thực nước Mĩ chuyên viết truyện ngắn  - Truyện của ông thường nhẹ nhàng, mang tính nhân đạo sâu sắc  ***b. Tác phẩm***: là phần cuối truyện |  |
| **3**. GV yêu cầu HS giải thích một số từ khó trong văn bản : 2, 3, 4, 6 và 7  HS giải thích các từ khó, chú ý các chú thích 2, 3, 4, 6 và 7  ***c. Từ khó***  2, 3, 4, 6 và 7 | | |  |
|  |
| **\* Phân tích - Cắt nghĩa**   * ***PPDH***: Phân tích, giải thích, vấn đáp, tái hiện thông tin, thuyết tŕnh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, khăn trải bàn. * ***Thời gian***: 50 -55' * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giải quyết vấn đề, hợp tác, cảm thụ | | |  |
| **II. HD HS đọc - tìm hiểu văn bản**  **B1. HD tìm hiểu khái quát** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II. HS đọc - tìm hiểu VB**  **HS tìm hiểu khái quát** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II.Đọc-Tìm hiểu văn bản**  **1. Tìm hiểu khái quát** |  |
| **4**. Cho HS trao đổi cặp đôi, xác định :  - Thể loại, PTBĐ của VB?  - Ngôi kể, hình thức kể  - Đoạn trích có mấy nhân vật? Nhân vật nào là nhân vật trung tâm?  - Bố cục của văn bản? | *HS suy nghĩ cá nhân, xác định, trả lời* | ***- Thể loại:*** tiểu thuyết  - ***PTBĐ***: Tự sự  - ***Ngôi kể***: ngôi thứ ba |  |
| ***- Trình tự kể***: theo trình tự diễn biến các sự việc  ***- Nhân vật trung tôi***: Giụn xi  - ***Bố cục*** : 3 phần  + Phần 1 : “Khi hai người... tảng đá” : Những lo lắng của cụ Bơ-men và Xiu  + Phần 2 : Từ “Sáng hôm sau... thế thôi” : Giôn-xi đó qua cơn nguy hiểm  + Phần 3 : Đoạn còn lại : Xiu kể cho Giôn-xi về cái chết bất ngờ của cụ Bơ-men | |  |
| **B2. HD HS tìm hiểu chi tiết văn bản** | **HS tìm hiểu chi tiết văn bản** | **2. Tìm hiểu chi tiết** |  |
| **5**.Theo dõi phần đầu văn bản em thấy Giôn xi đang ở trong hoàn cảnh như thế nào? Tình trạng ấy khiến cụ có suy nghĩ ra sao?  - Những suy nghĩ ấy thể hiện tôi trạng gì của cụ? Tôi trạng đó có ảnh hưởng như thế nào đến bệnh tình của cụ?  - Tâm trạng đó cho ta thấy Giôn xi là người như thế nào? | *HS tìm, trao đổi, trả lời*: | ***a***.***Nhân vật Giụn xi***  \* ***Cảnh ngộ*** |  |
| - Là hoạ sĩ nghèo còn trẻ, bị bệnh sưng phổi.  - Bệnh tật và nghèo tỳng khiến cụ tuyệt vọng không muốn sống  - Suy nghĩ: khi chiếc lỏ cuối cùng rông nốt thì cụ còng lỡa đời  *-> chán nản, buông xuôi trước số phận, mất hết nghị lực sống, làm cho bệnh tình ngày càng nguy kịch (tinh thần suy sụp - bệnh càng nặng hơn, hi vọng sống càng mỏng manh, tính mạng bị đe doạ thêm), sợi dây ràng buộc cô víi tình bạn, víi cuộc đời cứ lỏng dần.*  =>***Là một cô gái yếu đuối, tuyệt vọng, đáng thương.*** | |  |
| **6**.Theo em, Giôn-xi có tâm trạng như thế nào khi ra lệnh kéo mành lên? | *HS suy nghĩ, trả lời:*  Tôi trạng lạnh lựng, thản nhiờn khi nghĩ rằng chiếc lỏ cuối cùng sẽ rông và cụ sẽ chết |  |  |
| **7**.Sau một đêm mưa gió, khi kéo mành lên, Giôn xi phát hiện ra điều gì? Thái độ của cô trước phát hiện đó?  - Từ phát hiện đó, Giôn-xi có suy nghĩ và hành động | *HS dựa vào VB, phát hiện chi tiết, trả lời*: | \****Khi phát hiện thấy chiếc lỏ vẫn còn trụ bỏm kiờn cường:*** |  |
| - Thái độ ngạc nhiên: Ô kỡa!  - Nằm nhỡn chiếc lỏ hồi lâu, gọi Xiu và nói: *Em thật là .... xem chị nấu nướng; Chị Xiu ơi…vịnh Na-pơ*  + Cụ thấy muốn chết là một tội lỗi... | |  |
| như thế nào ?  - Em có nhận xét gì về tôi trạng của Giụn xi lỳc này ?  - Việc Giụn xi phát hiện ra chiếc lỏ vẫn còn trên cây có tác động gì đến cô? | + Muốn ăn tí cháo, chút sữa pha rượu vang đỏ...  + Hy vọng ngày nào đó vẽ được vịnh Naplơ  *=> Vui vẻ, lạc quan, nhu cầu sống, tình yêu bạn, yêu nghệ thuật hội hoạ đó trở lại víi Giụn-xi -> tôi trạng hồi sinh* | |  |
| - Giôn-xi đó cảm nhận được điều gì từ chiếc lỏ cuối cùng vẫn còn đó?  - Đọc đoạn văn này, em nhận xét gì về nghệ miêu tả của nhà văn? Nghệ thuật đó giúp em cảm thấy điều thay đổi nào ở Giôn-xi | - Trong chiếc lá mỏng manh, nhỏ nhoi ấy chứa đựng một sức sống thật mónh liệt, bền bỉ  - Tác giả am hiểu tôi lí và miêu tả tôi lí tài tình | ***-> Lấy lại nghị lực sống, vượt qua cái chết*** |  |
| **8**. Cho HS thảo luận nhúm:  - Theo em nguyên nhân nào quyết định tâm trạng hồi sinh của Giôn xi?  - Việc Giôn-xi khái bệnh nói lên điều gì?  \* ***Tích hợp KNS***: Bài học sâu sắc nào mà em rút ra từ sự hồi sinh của Giụn- xi | *HS thảo luận nhóm bàn, đại diện trình bày:* |  |  |
| + Sự tận tình của bác sĩ  + Sự quan tâm, chăm sóc tận tình, chu đáo, đầy yêu thương của Xiu  + sâu xa, chủ yếu nhất: Giôn-xi cảm nhận được sức sống mónh liệt, khâm phục sự gan gúc, chống chọi kiên cường trước thiên nhiên khắc nghiệt, bám láy cuộc sống của chiếc lá. Chiếc lá mong manh ấy chứa đựng cả một sức sống kỡ diệu. Nó đối lập víi sự yếu đuối, tuyệt vọng, buông xuôi của cô. Chiếc lá đó khơi dậy niềm tin, quyết tâm sống .  + Do chính Giụn-xi: khát vọng tình yêu cuộc sống trong cụ như đám tro tàn bị vùi dập bởi cuộc sống nghèo khó, căn bệnh hiểm nghèo, song trong sâu thẳm tâm hồn cô ngọn lửa của lòng khao khát sống vẫn õm ỉ chỏy, vì vậy khi chứng kiến sự bỏm trụ kiờn cường của chiếc lá mỏng manh, nó đó trào dõng mónh liệt  -> Người ta có thể chữa khái bệnh bằng nghị lực, bằng tình yêu cuộc sống, bằng sự đấu tranh để chiến thắng bệnh tật, con người sống cần phải có nghị lực  -> ***cần có nghị lực, ý chớ, niềm tin trong cuộc sống*** | |  |
| (Hết tiết 1, chuyển tiết 2)  **TIẾT 2** | | |  |
| **9**. Người cùng chung sống víi Giôn xi là Xiu. Xiu luôn quan tâm đến bạn mình như người ruột thịt .  Hãy tìm những chi tiết nói lên tình yêu thương của Xiu víi Giôn xi ?  - Những chi tiết ấy chứng tỏ Xiu là người ntn ?  - Em có cảm nghĩ gì về tình bạn của Xiu víi Giụn xi ? | *HS tìm trong văn bản trả lời và nhận xét:* | ***2. Nhân vật Xiu*** |  |
| - Sợ sệt nhỡn những chiếc lỏ thường xuân thi nhau rông (lo sợ nhỡn vài chiếc lỏ thường xuân ít ái còn bỏm lại trên tường).  - Lời nói : “Em thân yêu... hãy nghĩ đến chị. Chị sẽ làm gì ở đây?”  - Hành động : ôm lấy Giôn-xi, chăm sóc, động viên Giôn-xi... “Em thân yêu ... con chuột bạch của chị ...”  -> ***thương yêu bạn, sống nhân hậu, tình nghĩa.***  ->Tình cảm như chị em ruột thịt, cao cả thiêng liêng | |  |
| **10**.Theo em, Xiu có được cụ Bơ men cho biết ý định vẽ chiếc lá không ? Tìm bằng chứng để khẳng định điều đó? | *HS suy nghĩ, trả lời:*  Xiu không biết vì khi Giụn-xi ra lệnh kộo mành lên thì Xiu làm theo một cách chỏn nản; cỳi khuôn mặt hốc hỏc, nói lời não nuột: *Em hãy ...đến chị.* |  |  |
| **11**.Cho HS đọc thầm đoạn *“Chiều hôm đó... đó rông*”*.* Nêu yêu cầu:  - Giụn xi biết rõ sự thật vào lỳc nào ?  - Ý nghĩa của việc tác giả để Xiu kể lại chuyện về cái chết của cụ Bơ men ? Qua đó người đọc thấy được rõ hơn phẩm chất gì của cụ?  - Nếu Xiu biết được ý định của cụ Bơ-men thì truyện sẽ như thế nào? | *HS đọc, thảo luận, trình bày* |  |  |
| - Giụn xi biết rõ sự thật khi đó khái bệnh, được Xiu kể cho nghe về cái chết của cụ Bơ men  - Để Xiu kể lại chuyện cái chết của cụ Bơ men truyện sẽ tự nhiờn, hấp dẫn và bất ngờ, bộc lộ rõ phẩm chất của Xiu: khâm phục, nhớ tiếc cụ Bơ men và hết lòng víi bạn.  - Nếu Xiu biết được ý định của cụ Bơ-men thì truyện sẽ kộm hay đi vì Xiu không bị bất ngờ và không thể thấy rõ tôi trạng lo lắng, thấm đượm tình người của cô. | |  |
| **12**. Cụ Bơ-men được giới thiệu qua những chi tiết nào? Những chi tiết đó cho ta thấy điều gì về cụ?  - Nghe lời kể của Xiu, nhỡn cây thường xuân cụ có thái độ ra sao ? Thái độ đó cho thấy cụ Bơ men là người như thế nào ?  - Từ thái độ đó, cụ đó có hành động gì ? | *HS theo dõi VB, tìm chi tiết, suy nghĩ, trả lời:* | ***3. Nhân vật cụ Bơ-men*** |  |
| - Là hoạ sĩ nghèo làm nghệ thuật, đó 40 năm mơ ước vẽ được kiệt tác nhưng chưa thực hiện được.  - Thường ngồi làm mẫu vẽ cho các hoạ sĩ để kiếm tiền.  ***-> Là một hoạ sĩ chưa thành công trong nghệ thuật***  - Nghe lời kể của Xiu: Sợ sệt ngó ra cửa sổ nhỡn những chiếc lỏ thi nhau rông xuống, không nói năng gì..  ***-> thương và lo lắng cho Giôn xi***  - Vẽ chiếc lá lên tường thay cho chiếc là cuối cùng đó bị rông trong đêm mưa tuyết - ***là một kiệt tác*** | |  |
| **13**. Cho HS thảo luận: Xiu coi chiếc lá của cụ Bơ-men | *HS thảo luận nhóm, đại diện nhóm trình bày:* | \* ***Chiếc lỏ cuối cùng là một kiệt tác vì:*** |  |
| vẽ là một kiệt tác. Em có đồng ý không? Vì sao? vẽ là một kiệt tác. Em có đồng ý không? Vì sao? | + Nó giống y như chiếc lá thật (giống đến nỗi cả Xiu và Giôn-xi đều không nhận ra)  + Nó được vẽ trong một hoàn cảnh, một điều kiện hết sức đặc biệt:vẽ âm thầm trong đêm tối, mưa gió, giá rét  + Nó được vẽ bằng tình yêu thương bao la, tấm lòng và sự hy sinh cao thượng của cụ Bơ men, đem lại sự hồi sinh cho Giôn xi. | |  |
| **14**. Tại sao người kể bỏ qua không nói đến việc cụ vẽ chiếc lá trong đêm mưa tuyết ra sao, mà đợi đến những dũng cuối cùng của truyện, tác giả mới cho bạn đọc biết qua lời kể của Xiu? | *HS suy nghĩ, trao đổi, trình bày:*  ->Tạo được sự bất ngờ cho Giôn xi và gây hứng thú bất ngờ, sự xúc động cho người đọc. |  |  |
| **15**.Tại sao nhà văn kết thúc truyện bằng lời kể của Xiu mà không để cho Giôn-xi phản ứng gì thêm? | *HS suy nghĩ, trả lời:* |  |  |
| Kết thúc như thế là vừa đủ. truyện sẽ có dư âm, để lai trong lòng người đọc nhiều suy nghĩ và dự đoán. Nếu để cho chúng ta biết cụ thể những suy nghĩ, hành động của Giôn-xi khi nghe Xiu kể lại cái chết và việc làm cao cả của cụ Bơ-men thì truyện sẽ kộm hay | |  |
| **16**.**Cho HS thảo luận nhúm**:  Có thể nói truyện được kết thúc trên cơ sở hai sự kiện bất ngờ đối lập nhau tạo nên hiện tượng đảo ngược tình huống hai lần, gõy hứng thỳ cho người đọc. Qua đoạn trích, em hãy chứng minh? | *HS thảo luận nhúm bàn, chứng minh:* |  |  |
| - ***Tình huống đảo ngược lần thứ nhất***: Lúc đầu, Giôn-xi cứ như ngày một tiến dần đến cái chết khiến độc giả thương cảm, lo lắng. Nhưng tình huống bỗng đảo ngược vào lúc truyện gần kết thúc, Giôn-xi trở lại víi lòng yêu đời, bệnh tình thóat khái cơn nguy hiểm khiến cho Xiu và độc giả bất ngờ và thở phào nhẹ nhừm.  - ***Tình huống đảo ngược lần thứ hai*** :Cụ Bơ-men đang khoẻ mạnh, không ai ngờ khi câu chuyện gần kết thúc cụ lại chết, làm cho người đọc bất ngờ không kém lần thứ nhất.  -> Cả hai lần đảo ngược tình huống này tuy trái chiều nhau nhưng không tách rời nhau mà liên quan víi nhau (đều liên quan đến bệnh sưng phổi và chiếc lá cuối cùng): Giôn-xi bị bệng sưng phổi, gắn cuộc sống víi chiếc lá cuối cùng; cụ Bơ-men vẽ chiếc lá cuối cùng trong đêm mưa tuyết do đó bị chết vì bệnh sưng phổi | |  |
| **17**. Kiệt tác “Chiếc lỏ cuối cùng” có ý nghĩa như thế nào? Nó giúp em hiểu thêm gì về cụ Bơ men | *HS suy nghĩ, trả lời:* | \* ***Kiệt tác “Chiếc lỏ cuối cùng”:*** Khẳng định giá trị chân chính của nghệ thuật.  - Cụ Bơ men đó ngó xuống |  |
|  |  | vì sự sống và hạnh phúc của con người |  |
| \* GV: Chiếc lá cụ Bơ-men vẽ trên tường là một kiệt tác vì nó đem lại sự sống cho Giôn-xi. Chiếc lá không chỉ được vẽ bằng bót lông, bột màu mà nó được vẽ bằng cả tình thương bao la và lòng hi sinh cao thượng. Kiệt tác của cụ Bơ men là sự tổng hoà hơn 40 năm cầm bót sự dồn tụ cao độ của cái tâm, cái tài, điều đó khiến cho tác phẩm của cụ trở thành bất tử. | | |  |
| **\* Đánh giá, khái quát**   * ***PPDH***: Vấn đáp, thuyết tŕnh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 5 phút * ***Hình thành năng lực***: Đánh giá tổng hợp, cảm thụ | | |  |
| **III. HDHS đánh giá, khái quát VB** | ***Hình thành kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Đánh giá, khái quát văn bản** | ***Kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Ghi nhớ** |  |
| **18**.Qua tìm hiểu, em thấy đoạn trích có những nét đặc sắc nào về mặt nghệ thuật?  Đoạn trích giúp cho em hiểu được điều gì?  - Từ ND và NT đó, em thấy VB có ý nghĩa gì?  \* GV chốt lại GN. Gọi đọc | *HS khái quát, trình bày* | ***1. Nghệ thuật***: |  |
| + Dàn dựng cốt truyện chu đáo, các tình tiết được sắp xếp tạo nên hứng thú đối víi độc giả.  + Nghệ thuật kể chuyện đảo ngược tình huống hai lần tạo nờn sức hấp dẫn cho thiờn truyện  ***2. Nội dung***:  + Ca ngợi tình yêu thương giữa những con người nghèo khổ.  + Nghệ thuật chân chính là NT vì sự sống con người  ***3. í nghĩa***:  Là câu chuyện cảm động về tình yêu thương giữa những người nghệ sĩ nghèo. Qua đó thể hiện quan niệm về mục đích của sáng tạo nghệ thuật.  *1HS đọc lại ghi nhớ* **\* *Ghi nhớ:*** (sgk/90) | |  |
| **19**.Truyện tìm em hiểu thêm gì về tác giả ? Qua truyện, em rút ra cho mình bài học gì? | *HS tự bộc lộ*: Ông là nhà văn hiện thực, nhân đạo yêu thương con người =>tác phẩm mang tính nhân văn sâu sắc. |  |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh, đọc diễn cảm * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 5- 7 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo | | |  |
| **IV**. **HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **Luyện tập** |  |
| **20**. Cho HS làm các BTTN (sỏch BTTN/52-56) | *HS đọc BT, lựa chọn ĐA đúng* | ***1. Trắc nghiệm*** |  |
| **21**. Đọc diễn cảm một đoạn văn mà em thích nhất trong văn bản | *HS lựa chọn, đọc* | ***2. Đọc diễn cảm*** |  |
| **22**. Phát biểu cảm nghĩ của em về một nhân vật trong truyện mà em yêu thích ? | *HS nêu cảm nghĩ cá nhân* | ***3. Phát biểu cảm nghĩ*** |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

- Thời gian: 10 phút

- Phương pháp: Vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Qua lời kể của Xiu viết đoạn văn khoảng 10 dũng kể lại việc cụ Bơ-men đó vẽ chiếc lỏ cuối cùng trong cái đêm mưa tuyết giữ dội ấy(Có kết hợp yếu tố miêu tả và biểu cảm | - Học sinh viết đoạn văn rồi trình bày. |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

- Thời gian: 2 phút

- Phương pháp: Vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Tìm thêm một số tác phẩm của nhà văn. | - HS tìm |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**Bước IV: Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà:**

- Tóm tắt lại văn bản

- Học phần ghi nhớ: nắm được giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản.

- Đọc kĩ bài “ Chương trình địa phương ( phần Tiếng Việt )” và chuẩn bị các bài tập trong SGK.

\* Rút kinh nghiệm

- Cho hs phát biểu cảm nghĩ ngắn gọn về các nhân vật

- Hướng hs đến chủ đề tình yêu thương giữa con người

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tuần 7**

**Tiết 3**

**LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN TỰ SỰ**

**KẾT HỢP VỚI MIấU TẢ VÀ BIỂU CẢM**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Vận dụng kiến thức về các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong văn bản tự sự, thực hành viết đoạn văn tự sự có sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm.

**2. Kĩ năng**:

- Thực hành sử dụng kết hợp các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong làm văn kể chuyện.

- Viết đoạn văn tự sự có sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm có độ dài khoảng 90 chữ.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục học sinh ý thức sử dụng yếu tố miêu tả khi làm bài văn tự sự

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức:**

- Sự kết hợp các yếu tố kể, tả và biểu lộ tình cảm trong văn bản tự sự.

**2. Kĩ năng**:

- Thực hành sử dụng kết hợp các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong làm văn kể chuyện.

- Viết đoạn văn tự sự có sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm có độ dài khoảng 90 chữ.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục học sinh ý thức sử dụng yếu tố miêu tả khi làm bài văn tự sự.

**4. Năng lực phát triển.**

**a. Các năng lực chung**.

- Năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tư duy sáng tạo

**b. Các năng lực chuyên biệt.**

- Năng lực tìm kiếm,tổ chức, xử lí thông tin.

- Năng lực sử dụng tiếng Việt

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy**:

- Giáo án, đoạn văn mẫu, máy chiếu.

**2. Trò:**

- Đọc bài và trả lời các câu hái.

**IV.TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**Bước I: Ổn định tổ chức:** (1 phút)

**Bước II: Kiểm tra bài cũ:** (4 phút)

a, Nội dung kiểm tra:

- Trình bày bài tõp 2/74?

**Bước III: Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Thuyết trình, trực quan * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Thuyết trình. | | |  |
| **\*** Nêu yêu cầu:  - Nếu trong 1 VB tự sự mà chỉ có cáỏc sự việc thì văn bản đó sẽ ntn?  - Ngoài sự việc thì trong văn tự sự cần có thêm yếu tố nào nữa?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày, dẫn vào bài mới*  -> Cần có yếu tố miêu tả và biểu cảm để bài văn sinh động, hấp dẫn | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 28. Luyện tập*** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 15-17’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | |  |
| **I.HD HS tìm hiểu về qui trình xây dựng đoạn văn tự sự kết hợp víi miêu tả và biểu cảm.** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I.Tìm hiểu qui trình xây dựng đoạn văn tự sự kết hợp víi m/tả và biểu cảm.** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Các bước xây dựng đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm.** |  |
| **1**.GV gọi HS đọc các sự việc và nhân vật cho sẵn trong SGK. Hái:  - Những yếu tố cần thiết của đoạn văn tự sự là gì?  - Các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong đoạn văn tự sự có sự kết hợp víi nhau như thế nào?  - Các yếu tố miêu tả và biểu cảm có vai trò gì trong đoạn văn tự sự? | *1HS đọc, cả lớp nghe, suy nghĩ, trả lời.* | ***1. Ví dụ***  Các nhân vật và sự việc |  |
| - Yếu tố cần thiết để xây dựng đoạn văn tự sự:  + Sự việc: gồm một hoặc nhiều h/động đó xảy ra, cần được kể lại một cách rõ ràng để người khác cùng biết  + Nhân vật chính: chủ thể của hành động hoặc một trong những người chứng kiến sự việc xảy ra.  - Các yếu tố miêu tả và biểu cảm kết hợp đan xen, thậm chí hoà lẫn trong một đoạn văn.  - Vai trò của các yếu tố miêu tả và biểu cảm: làm cho sự việc trở nờn dễ hiểu, hấp dẫn và nhân vật chính trở nờn gần gũi, sinh động | |  |
| **2.**Theo dõi SGK, hãy cho biết quy trình xây dựng đoạn văn tự gồm mấy bước? Nhiệm vụ của từng bước? | *HS theo dõi sgk, trả lời*: ***Gồm 5 bước:***  - Bước 1: Lựa chọn sự việc chính (Sự việc gì?)  - Bước 2:Lựa chọn ngôi kể (người kể ở ngôi thứ mấy, xưng là gì?)  - Bước 3. Xác định thứ tự kể (Câu chuyện bắt đầu từ đâu, diễn ra như thế nào và kết thúc ra sao?)  - Bước 4:Xác định các yếu tố miêu tả và biểu cảm dùng trong đoạn văn sẽ viết  - Bước 5.Viết thành đoạn văn kể chuyện kết hợp yếu tố miêu tả và biểu cảm sao cho hợp lí | |  |
| **3**. Chia nhóm cho HS hoạt động: Hãy xây dựng một đoạn văn tự sự theo các bước?  - Em chọn sự việc chính nào - Theo em, nên sử dụng ngôi thứ mấy ? xưng là gì ?  - Em định kể theo thứ tự nào ? Bắt đầu từ đâu, diễn ra thế nào và kết thúc ra sao ? | *HS xây dựng theo nhúm bàn, trình bày:*  **VD1:**  -Sự việc chính: *Chẳng may em đánh vì lọ hoa đẹp*  -Ngôi kể: ngôi thứ nhất, xưng em  -Thứ tự kể: theo diễn biến các sự việc  + Em dọn dẹp bàn, va vào lọ hoa, lọ hoa rơi xuống vì tan  +Ngồi nhỡn mảnh vì,ngắm nghớa, thu dọn các mảnh vì  - Các yếu tố miêu tả và biểu cảm sẽ dựng:  + Miêu tả: hình dỏng, màu sắc, vẻ đẹp của lọ hoa  + Biểu cảm: sự suy nghĩ, cảm xúc: nuối tiếc, õn hận... | |  |
| - Xác định các yếu tố miêu tả và biểu cảm sẽ dùng trong đoạn văn? | **VD2.**  - Sự việc chính: *Giúp một bà cụ qua đường*  - Ngôi kể: ngôi thứ nhất, xưng em  - Thứ tự kể: theo diễn biến các sự việc:  + Tôi đi đến một ngó tư víi ý định sang bên kia đường.  + Thấy rất nhiều người và xe cộ qua lại =>chưa biết sang đường bằng cách nào.  + Bỗng thấy một cụ già còng đang loay hoay tìm cách qua đường.  + Chạy lại cầm tay cụ dắt qua đường.  - Các yếu tố miêu tả và biểu cảm  + Miêu tả: Bà cụ già, tóc bạc trắng như cước, lưng đó còng, tay chống gậy vì bước đi không còn vững nữa; mắt cứ nheo nhỡn trước ngó sau vì sợ xe cộ và người qua lại  + Biểu cảm: Nghĩ thương cụ già, cụ giống như bà mình ở nhà | |  |
| **4**.Dựa vào các chi tiết trên, hãy viết thành đoạn văn. | *HS viết theo 3 nhóm, mỗi nhóm viết một đoạn* | ***\*Viết đoạn*** |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | |  |
| **II.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập** |  |
| **5**. Nêu yêu cầu BT1/ 84:  Cho sự vệc và nhân vật: Sau khi bán chú, lão Hạc sang bỏo để ông giáo biết. Hãy viết một đoạn văn kể lại | *HS thực hành viết đoạn dựa theo quy trình 5 bước (10’) 2-3 HS trình bày. HS khácc nhận xét:* | ***Bài 1*** Viết đoạn văn kể lại giây phút lão Hạc sang bỏo tin bán chú víi vẻ mặt và tôi trạng đau khổ ? |  |
| giây phút đó ?  - Hãy xây dựng theo quy trình 5 bước  - Viết bài | - Sự việc chính:lão Hạc sang bỏo cho ông giáo việc bán chú.  - Ngôi kể: ngôi thứ nhất của ông giáo, xưng tôi  - Thứ tự kể: theo diễn biến các sự việc:  + Trước khi sang báo tin bán cậu Vàng  + Sau khi bỏo tin mình bán cậu vàng  + Sau khi ra về  - Yếu tố miêu tả và biểu cảm  + Miêu tả: Vẻ mặt, miệng, đầu....  + Biểu cảm: Những suy nghĩ, nhận xét về lão Hạc: thương cảm, xót xa... | |  |
| **6**.Tìm trong VB Lão Hạc đoạn có nội dung tương tự, so sánh víi đoạn viết vừa hoàn thành ? | *HS tìm, đọc, so sánh, nhận xét theo gợi ý của Sgk/ 84* | ***Bài 2***.So sánh, nhận xét |  |
| \*GV bổ sung thêm  - Sự việc trong đoạn văn của Nam Cao rất đơn giản, chỉ là việc lão Hạc bỏo tin đó bán cậu Vàng cho ông giáo biết, nhưng Nam Cao đó lồng vào đó các yếu tố miêu tả và biểu cảm rất đậm nét: Đó là việc ông tập trung tả lại chân dung đau khổ của lão Hạc víi những chi tiết rất độc đáo: *nụ cười như mếu, mắt ầng ậng nước, mặt lão đột nhiên co rúm lại, những vết nhăn xô lại, cái đầu lão ngoẹo về một bên, cái miệng móm mém mếu như con nít. Lão hu hu khóc.*  - Các yếu tố miêu tả và biểu cảm đó khắc sâu vào lòng bạn đọc một lão Hạc khốn khổ về hình dỏng bờn ngoài và đặc biệt là thể hiện được rất sinh động ***sự đau đớn, quằn quại về tinh thần*** của một người trong giây phút ân hận, xót xa “*già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó”* | | |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

-Thời gian: 10 phút

- Phương pháp: Vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Họat động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| GV yêu cầu HS viết đoạn văn ngắn tự sự sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm trong một lần về thăm quê | - Học sinh viết đoạn văn rồi trình bày. |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

- Thời gian: 3 phút

- Phương pháp: Vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Tìm hiểu “Dế Mốn phưu lưu kí” của nhà Tô Hoài:  Đóng vai nhân vật Dế Mèn kể về giõy phút cuối cùng của Dế Choắt kết hợp yếu tố miêu tả và biểu cảm. | - Học sinh viết đoạn văn rồi trình bày. |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**Bước IV: Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà:**

- ễn lại kiến thức về vai trò của yếu tố miêu tả và biểu cảm trong bài văn tự sự

- Tiếp tục hoàn chỉnh bài tập 2 ( 84 )

- Đọc phần : “Đọc thêm”

- Đọc kĩ văn bản “ Chiếc lá cuối cùng” và chuẩn bị bài học theo hệ thống câu hái trong phần “ Đọc - hiểu văn bản”

\* Rút kinh nghiệm

- Cho hs chuẩn bị trước một số đoạn văn theo hướng dẫn

- Sửa bài cho hs

- Cho hs đọc những đoạn văn hay

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TUẦN 7: TIẾT 4**

**ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HKI**

**TUẦN 8**

**KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Tuần 9**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 1**

**VĂN BẨN: HAI CÂY PHONG (KKHS TỰ HỌC)**

**( trích) ~ Ai – ma – tốp~**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu và cảm nhận được tình yêu Quê hương và lòng biết ơn người thầy đó vun trồng ước mơ và hi vọng cho những tâm hồn trẻ thơ.

- Hiểu rõ về nghệ thuật tự sự, miêu tả và biểu cảm trong truyện.

**2. Kĩ năng**:

- Đọc – hiểu một văn bản có giá trị văn chương, phát hiện, phân tích những đặc sắc về nghệ thuật miêu tả, biểu cảm trong một đoạn trích tự sự.

- Cảm thụ vể đẹp sinh động, giàu sức biểu cảm của các hình ảnh trong đoạn trích.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục học sinh tình yêu Quê hương đất nước.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức:**

- Vẻ đẹp và ý nghĩa hình ảnh hai cây phong trong đoạn trích.

- Sự gắn bó của người họa sĩ víi quê hương, víi thiên nhiên và lòng biết ơn người thầy Đuy – sen.

- Cách xây dựng mạch kể; cách miêu tả giàu hình ảnh và lời văn giàu cảm xúc.

**2. Kĩ năng**:

- Đọc – hiểu một văn bản có giá trị văn chương, phát hiện, phân tích những đặc sắc về nghệ thuật miêu tả, biểu cảm trong một đoạn trích tự sự.

- Cảm thụ vể đẹp sinh động, giàu sức biểu cảm của các hình ảnh trong đoạn trích.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục học sinh tình yêu quê hương đất nước.

**4. Năng lực phát triển.**

**a. Các năng lực chung**.

- Năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tư duy sáng tạo

**b. Các năng lực chuyờn biệt.**

- Năng lực tìm kiếm,tổ chức, xử lí thông tin.

- Năng lực tiếp nhận văn bản

- Năng lực cảm thụ thẩm mĩ

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy**:

- Ảnh chân dung nhà văn Ai –ma –tốp

**2. Trò:**

- Đọc kĩ bài học và trả lời các câu hái trong phần “ Đọc- hiểu văn bản”.

**IV.TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**\* Bước 1**: ***Ổn định tổ chức*** (1')

**\* Bước 2:** ***Kiểm tra bài cũ (***Kiểm tra 15 phút)

Đọc kỹ đoạn trích sau và trả lời các câu hái bằng cách khoanh tròn vào một chữ cái trước câu trả lời đúng.

“*Khi trời vừa hửng sáng thì Giụn – xi, con người tàn nhẫn, lại ra lệnh kéo mành lên.*  
 *Chiếc lá thường xuân vẫn còn đó.*

*Giụn – xi nằm nhỡn chiếc lỏ hồi lâu. Rồi cụ gọi Xiu đang quấy món cháo gà trên lò hơi đốt.*

*“Em thật là con bé hư, chị Xiu thân yêu ơi !”, Giôn – xi nói: “Có một cái gì đấy đó làm cho chiếc lỏ cuối cùng vẫn còn đó để cho em thấy rằng mình đó tệ như thế nào. Muốn chết là một tội. Giờ chị có thể cho em xin tí cháo và chút sữa pha ít rượu vang đỏ và – khoan – đưa cho em chiếc gương tay trước đó, rồi xếp mấy chiếc gối lại quanh em, để em ngồi dậy xem chị nấu nướng…*”

(SGK Ngữ văn 8, tập 1)

**Câu 1:** Văn bản chứa đoạn trích trên thuộc thể loại nào?

A. Tiểu thuyết B. Truyện ngắn C. Phóng sự D. Hồi ký

**Câu 2:** Nhận định nào nói đúng nhất ý nghĩa câu nói của Giụn-xi: "*Có một cái gì đấy đó làm cho chiếc lỏ cuối cùng vẫn còn đó để cho em thấy rằng mình đó tệ như thế nào"*?

A. Giụn-xi thấy mình đó làm những điều khiến cho Xiu và mọi người phải lo lắng.

B. Trước việc cố bám lấy sự sống dù rất mỏng manh của chiếc lá, Giôn-xi nhận ra sự yếu đuối, buông xuôi trước số phận của mình.

C. Giụn-xi thấy chiếc lỏ không rông và vì thế mà cụ vẫn có thể sống.

D. Cả A, B đều đúng.

**Câu 3:** Trong tác phẩm **Chiếc lỏ cuối cùng**, Giôn-xi đó được cứu sống nhờ vào điều gì?

A. Nhờ có thuốc, sự chăm sóc của Xiu và chủ yếu là nhờ chiếc lá không rông.

B. Chỉ nhờ may mắn và nhờ ở sức trẻ của chính bản thân người nữ hoạ sĩ.

C. Bác sĩ đó kịp thời cho cô uống loại thuốc tốt, đắt tiền.

D. Xiu đó chăm sóc rất chu đáo.

**Câu4:** Từ nào nói đúng nhất cảm xúc và tâm trạng của nhân vật được thể hiện trong câu văn "*Nhưng, ô kỡa!*"? trong tác phẩm **Chiếc lỏ cuối cùng**?

A. Ngạc nhiờn. B. Nghi ngờ. C. Lo lắng. D. Sợ hói.

**Câu 5:** Từ **“ơi”** trong câu: “*Em thật là con bé hư, chị Xiu thân yêu ơi!*” thuộc loại từ nào?

A. Tình thái từ B. Trợ từ C. Thán từ D. Phú từ

**II. Tạo lập văn bản ( 5đ)**

Vì sao có thể nói chiếc lỏ mà cụ Bơ-men vẽ trên tường là một kiệt tác? Từ đoạn trích truyện **Chiếc lỏ cuối cùng**, em có suy nghĩ gì về tình yêu thương giữa những con người nghéo khổ trong truyện?

**\* Bước 3:** ***Dạy - học bài mới:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Thuyết trình, trực quan * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Thuyết trình. | | |  |
| **\*** GV chiếumột số h/ả về đất nước Nga. Nêu yêu cầu: Em hiểu gí về đất nước và con người ở đây.  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Quan sát, trao đổi*  *- 1 HS trình bày, dẫn vào bài mới* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| Đất nước Cư-rơ-gư-xtan là một đất nước xa xôi và tươi đẹp, có nói đồi trập trùng và những thảo nguyên mênh mông, có những áng mây trôi lững lờ trên bầu trời giống như những “chiến hạm đang bơi về một nơi nào đấy”. Chính ở đây nhà văn Ai-ma-tốp đó viết truyện ngắn “Người thầy đầu tiên” và văn bản “Hai cây phong” được trích từ truyện ngắn này. | | |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 33,34*** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**  **\*Tri giác**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút * ***Thời gian***: 5- 7' * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc | | |  |
| **I. HD HS đọc - tìm hiểu chú thích** | ***Hình thành kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I. Đọc- tìm hiểu chú thích** | ***Kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I. Đọc - Chú thích** |  |
| **1**.Hướng dẫn đọc văn bản: Giọng chậm rói, hơi buồn, gợi sự nhớ nhung, suy tư.  GV đọc mẫu .Gọi HS đọc.  Cho HS tóm tắt ngắn gọn văn bản. | *HS nghe, xác định cách đọc*  *2 HS đọc tiếp đến hết*  *1 HS tóm tắt. HS khácc nhận xét, bổ sung* | ***1. Đọc, tóm tắt*** |  |
| **3**.Trình bày vài nột về tác giả, tác phẩm và xuất xứ văn bản? | HS dựa vào CT \* trình bày. HS khácc bổ sung | ***2.Chú thích: a. Tác giả:*** Ai-ma-tốp |  |
| (sinh năm 1928), là nhà văn Cư-rơ-gư-xtan.  - Có nhiều tác phẩm nổi tiếng, quen thuộc víi bạn đọc Việt Nam. Ông đó từng nhận được giải thưởng Lê Nin.  ***b. Văn bản***  Là phần đầu truyện ngắn “Người thầy đầu tiên” | |  |
| *\*GV bổ sung*: NTĐT là một trong những TP nổi tiếng của ông viết về tình thầy trò cao đẹp, từ đó ca ngợi sức sống dẻo dai, sự vươn lên mạnh mẽ của những lớp người tuổi trẻ trên đất nước Cư-rơ-gư-xtan những năm 20 của thế kỉ XX | | |  |
| **4**.Cho HS tìm hiểu các chú thích | HS đọc các chú thích: 3, 5, 6, 7, 11, 14, 15 | **c. *Chú thích*:**  sgk/100 |  |
| **\* Phân tích - Cắt nghĩa**   * ***PPDH***: Phân tích, giải thích, vấn đáp, tái hiện thông tin, thuyết tŕnh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, khăn trải bàn. * ***Thời gian***: 50 - 55' * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giải quyết vấn đề, hợp tác, cảm thụ | | |  |
| **II. HD HS đọc - tìm hiểu văn bản**  **B1. HD tìm hiểu khái quát** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II. HS đọc - tìm hiểu VB**  **HS tìm hiểu khái quát** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II.Đọc-Tìm hiểu văn bản**  **1. Tìm hiểu khái quát** |  |
| **GV cho hs thảo luận cặp đôi chia sẻ(3’) nội dung sau :** Thể loại, PTBĐ ?  - Ngôi kể? Tác dụng của ngôi kể? | *HS thảo luận cặp đôi, định, trả lời:* | ***- Thể loại:*** Truyện ngắn  - ***PTBĐ***: Tự sự + MT, BC  - ***Ngôi kể*** : ngôi thứ nhất  ->*việc bộc lộ tình cảm chân thực và sâu sắc* |  |
| -X ác định hai mạch kể trong VB?  - Nhân vật người kể chuyện có vị trí như thế nào (nhân danh ai) ở từng mạch kể ?mạch kể nào quan trọng hơn ? | *HS suy nghĩ, xác định* | ***- Hai mạch kể***: tôi và chúng tôi |  |
| ->Mạch kể của nhân vật “tôi” quan trọng hơn vì “tôi “có mặt trong cả hai mạch kể | |  |
| Trình tự kể trong văn bản? Tác dụng của trình tự kể ấy? | *HS n/xét, rút ra tác dụng*:  - Trình tự kể đan xen, lồng ghép: | - ***Trình tự kể***: đan xen, lồng ghép: hiện tại và quá khứ; trưởng thành và niên thiếu; một người và nhiều người |  |
| **B2. HD HS tìm hiểu chi tiết văn bản** | **HS tìm hiểu chi tiết văn bản** | **2. Tìm hiểu chi tiết** |  |
| **-**Theo dõi phần đầu VB, hãy cho biết n/vật “tôi” cảm nhận như thế nào về hai cây phong? | *HS theo dõi sgk, phát hiện chi tiết, trả lời:*  ***-*** Hai cây phong luôn ... như những ngọn hải đăng đặt trên nói | **1. Hai cây phong trong cái nhỡn và cảm nhận của n/vật “ tôi”**  \* Cảm nhận: luôn hiện ra trước mắt như những ngọn hải đăng đặt trên nói  *-> là biểu tượng, là dấu hiệu của làng và là mốc định hướng cho mọi người trở về làng* |  |
| **-**Em hiểu ngọn hải đăng là gì? Cách so sánh hai cây phong víi ngọn hải đăng có ý nghĩa gì? | *HS suy nghĩ, trả lời:*  ->í nghĩa: là biểu tượng, là dấu hiệu của làng |
| **-** Mỗi khi trở về làng, tình cảm của n/vật “tôi” đối víi hai cây phong được thể hiện qua những chi tiết nào?  - Những chi tiết đó thể hiện tình cảm gì của n/vật “tôi” víi hai cây phong? | *HS theo dõi VB, phát hiện chi tiết, suy nghĩ, trả lời*  - Tình cảm của n/vật “tôi” đối víi hai cây phong  - Vai trò của hai cây phong trong tình cảm của người đi xa | \* Tình cảm của n/vật “tôi” |  |
| - Qua đó em thấy hai cây phong có vai trò gì trong tình cảm của người đi xa? |  | -> *tự hào, gắn bó tha thiết*  ***->Gắn bó sâu nặng trong trái tim, khối óc và trở thành một phần máu thịt của những người đi xa***. |  |
| **-** Hình ảnh hai cây phong trong con mắt nhỡn và cảm nhận của nhân vật “tôi” được diễn tả qua những chi tiết nào?  - Em có nhận xét gì về cách miêu tả của tác giả? Tác dụng của cách miêu tả đó?  - Qua nghệ thuật miêu tả của tác giả, em có cảm nhận như thế nào về hai cây phong? | *HS theo dõi sgk, phát hiện chi tiết, suy nghĩ, trả lời:* | \* Hình ảnh hai cây phong |  |
| + ***Cách miêu tả:*** Cụ thể, sinh động, từ dáng hình, õm thanh , sự lay động.... của cây bằng một loạt ẩn dụ, so sánh, nhân hoá, biểu cảm...  =>***Hai cây phong đẹp, có đời sống nội tâm phong phú như con người, có một sức sống vô cùng mónh liệt - biểu tượng cho vẻ đẹp, phẩm chất sức sống của con người quê hương*** | |  |
| ***(Hết tiết 1, chuyển tiết 2)*** | | |  |
| TIẾT 2. | | | |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| ***Gv chia lớp cho HS thảo luận:***  **N1:** Trong kí ức tuổi thơ, hai cây phong gắn víi những kỉ niệm nào? Em có n/xét gì về những kỉ niệm ấy?  - Nhận xét nghệ thuật khắc hoạ hai cây phong trong đoạn này?  **N2 :** Từ trên cành cao của hai cây phong bọn trẻ đó cảm nhận được những gì về thế giới xung quanh? Thái độ của bọn trẻ trước thế giới bao la mở ra trước mắt chúng ?    **N3** : Qua việc gợi lại những kỉ niệm khó quên thời thơ ấu, em thấy hai cây phong có tầm quan trọng như thế nào đối víi bọn trẻ?  **N4** :Tại sao có thể nói người kể chuyện (một hoạ sĩ) đó miêu tả 2 cây phong và quang cảnh nơi đây bằng ngòi bút đậm chất hội hoạ ? | *HS tìm trong VB, suy nghĩ và trả lời:* | **2.Hai cây phong trong kí ức tuổi thơ** |  |
| ***\*Những kỉ niệm gắn víi hai cây phong:***  -> *Tinh nghịch, hồn nhiờn và là những kỉ niệm đẹp đẽ không thể nào quên*  ***\* Hình ảnh hai cây phong***:  - Nghệ thuật khắc hoạ: kể xen tả, nhân hóa ->Hình ảnh về hai cây phong hết sức sống động như hai con người  ->***Như là một người bạn lớn vô cùng thân thiết, gắn bó víi lò trẻ***  *HS tìm trong VB, suy nghĩ thảo luận nhúm và trình bày:*  \* Cảm nhận của lò trẻ về thế giới xung quanh khi trốo lên hai cây phong  - *Cảm nhận về thế giới xung quanh*:  - *Thái độ của bọn trẻ trước thế giới mới lạ:*  + Nín thở ngồi lặng đi trên một cành cây và quên mất cả chim lẫn tổ chim  + Nộp mình ngồi trên các cành cây suy nghĩ …..  + Ngồi nộp trên các cành cây lắng ….  -> *Thế giới xung quanh có biết bao nhiêu điều mới lạ mà bọn trẻ chưa hề được biết..* | |  |
|  |
|  |
|  |
| *HS suy nghĩ và trả lời:*  ***=>Nâng cánh ước mơ, mở rộng tầm mắt, khơi gợi khát khao hiểu biết, khám phá những chân trời mới lạ***  Trong mạch kể xen tả, hai cây phong chỉ được phác  hoạ đôi ba nét của hội hoạ: từ đường nét, hình khối, màu sắc...lại có cả hàng đàn chim chao đi, chao lại nhưng người đọc vẫn cảm nhận được vẻ đẹp của 2 cây phong khổng lồ. Đặc biệt chất hoạ sĩ càng rõ ràng hơn ở đoạn 2, người đọc hình dung được bức tranh TN bí ẩn đầy quyến rũ, một thế giới đẹp đẽ vô ngần từ cành cây phong nhỡn xuống | |  |
| GV Bỡnh : *Hình ảnh hai cây phong gợi lại những kỉ niệm khó quên về thời niên thiếu tinh nghịch, hồn nhiên, trong sáng, Nhờ hai cây phong cao lớn vững vàng , những chú bé làng Kur-ku-rêu ấy mới được mở rộng tầm nhỡn, tầm nhận thức, thổi bựng lên ngọn lửa khát khao hiểu biết về những chân trời xa xụi, mới lạ. Có thể nói, hai cây phong chiếm một vị trớ hết sức quan trọng trong tôi hồn của nhân vật tôi.* | | |  |
|  |
|  |
| Phần cuối đoạn trích, n/vật “tôi” vừa thể hiện cảm xúc vừa bộc lộ những suy tư của mình về hai cây phong như thế nào? | *HS tìm trong VB, suy nghĩ và trả lời:*  \* Cảm xúc và suy tư của nhân vật tôi  *HS suy nghĩ, trao dổi nhúm bàn và trả lời:*  Thầy Đuy-sen là người đó đem hai cây phong về trồng trên đồi cao cùng cô học trò An-tư-nai. Thầy gửi gắm ở đó ước mơ, hi vọng về những đứa trẻ sau này lớn lên sẽ ngày càng được mở mang kiến thức và trở thành những con người hữu ích. Vì vậy hai cây phong là nhân chứng hết sức xúc động về thầy Đuy-sen và người học trò gần 40 năm về trước  ->***Khơi gợi tình thầy trò cao đẹp***  - *í nghĩa*: Đây là tâm niệm của người hoạ sĩ khi được gặp lại hai cây phong, được sống lại tuổi thơ mộng mơ, lóng mạn để rồi nhớ tới và biết ơn lớp người đi trước mở đường và gieo trồng những hạt giống, vun xới những mầm xanh, dỡu dắt thế hệ trẻ trưởng thành. Đó là tấm lòng nhân | |  |
| **-** Cho biết hai cây phong có liên quan gì víi thầy Đuy Sen ? Tại sao quả đồi có hai cây phong lại được gọi là “Trường Đuy-sen”?  tác giả còn muốn khơi gợi điều gì từ hai cây phong?  - Kết thúc như vậy có ý nghĩa gì? tác giả còn muốn nhắn gửi điều gì? |  |
|  |
| hậu biết “ăn quả nhớ kẻ trồng cây”đáng quý, đáng trân trọng.  ***=>Tình cảm gắn bó tha thiết víi hai cây phong chính là tình yêu Quê hương tha thiết*** | |  |
| **\***Tích hợp KNS: Qua văn bản “Hai cây phong” em rút ra cho mình bài học gì? Em học tập được gì về nghệ thuật kể chuyện của tác giả?  - Tìm một số ví dụ trong văn thơ thể hiện tình yêu Quê hương? | *HS tự bộc lộ:* |  |  |
| - Phải biết yêu quê hương từ nhưng gì gắn bó thân thuộc nhất  - Phải rốn luyện lòng biết ơn theo truyền thống của dân tộc: *uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây*  - Học tập nghệ thuật kể xen miêu tả, biểu cảm để câu chuyện sinh động, sâu sắc.  \*VD về tình yêu Quê hương: *Quê hương mỗi người chỉ một... Sẽ không lớn nổi thành người* | |  |
| **\* Đánh giá, khái quát**   * ***PPDH***: Vấn đáp, thuyết tŕnh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 5 phút * ***Hình thành năng lực***: Đánh giá tổng hợp, cảm thụ | | |  |
| **III. HDHS đánh giá, khái quát VB** | ***Hình thành kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Đánh giá, khái quát văn bản** | ***Kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **II. Ghi nhớ** |  |
| **19**.Qua tìm hiểu VB, em hãy nêu những nột nghệ thuật đặc sắc của đoạn trích?  -Qua những nét nghệ thuật đặc sắc đó giúp cho em cảm nhận được nội dung gì?  - Qua VB, em thấy hai cây phong có ý nghĩa gì?  - Gọi HS đọc lại GN/101 | *HS khái quát, trình bày* | ***1. Nghệ thuật.*** |  |
| - Lựa chọn ngôi kể, người kẻ tạo nên hai mạch kể lồng ghép độc đáo, sinh động, hấp dẫn  - Miêu tả bằng ngòi bút đậm chất hội hoạ, tâm hồn đầy xúc động của người kể, truyền sự rung cảm đến người đọc  ***2.Nội dung:*** Tình yêu Quê hương tha thiết và lòng biết ơn lớp người đi trước mở đường, gieo trồng tương lai hạnh phúc cho đời sau  =>Hai cây phong là biểu tượng tình yêu Quê hương sâu nặng gắn víi những kỉ niệm tuổi thơ đẹp đẽ của người hoạ sĩ làng Ku-ku rờu.  *\*Đoạn trích là bài ca về tình yêu Quê hương xứ sở , bài ca về người thấy chân chính*  *1HS đọc GN* \****Ghi nhớ: sgk/101*** | |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh, đọc diễn cảm * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 5- 7 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo | | |  |
| **IV**. **HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **Luyện tập** |  |
| **20**.Cho HS làm BT trắc nghiệm: 1,2,12/59,61 | *HS đọc BT, suy nghĩ, trả lời* | ***1. Trắc nghiệm***  1-C, 2-C, 12-D |  |
| **21**.Trong VB, em thích đoạn văn nào nhất? Vì sao? | *HS tự bộc lộ, trình bày:* | ***2. Nêu cảm nhận*** |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

- Thời gian: 10 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Viết đoạn văn phát biểu cảm nghĩ của em về tình thầy trò cao đẹp. | - HS trình bày |  |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

- Thời gian: 3 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| GV yêu cầu HS tìm hiểu một số tác phẩm của nhà văn trên. | - HS trình bày |  |  |

**Bước IV: Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà:**

- Tóm tắt lại văn bản.

- Học phần ghi nhớ: nắm được nội dung và nghệ thuật của đoạn trích.

- Chọn một đoạn văn khoảng mười dũng liên quan đến hai cây phong để học thuộc lòng.

- Ôn lại các kiến thức về văn tự sự để chuẩn bị viết bài tập làm văn số 2.

\* Rút kinh nghiệm

- Nhấn mạnh hai mạch kể lồng ghép

- Hướng học sinh viết đoạn văn về tình cảm thầy trò

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 9**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 2**

**NÓI QUÁ**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu được khái niệm, tác dụng của nói quá trong văn chương và trong giao tiếp hàng ngày.

- Biết vận dụng hiểu biết về biện pháp nói quá trong đọc hiểu và tạo lập văn bản.

**2. Kĩ năng**:

- Vận dụng hiểu biết về biện pháp nói qỳa trong đọc – hiểu văn bản.

**3. Thái độ:**

- Phân biệt những lời nói khóac, nói sai sự thật.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức:**

- Khái niệm nói quỏ.

- Phạm vi sử dụng của biện pháp tu từ nói quỏ (chú ý cách sử dụng trong thành ngữ, tục ngữ, ca dao ...)

- Tác dụng của biện pháp tu từ nói quỏ.

**2. Kĩ năng**:

- Vận dụng hiểu biết về biện pháp nói qúa trong đọc – hiểu văn bản.

**3. Thái độ:**

- Phờ phỏn những lời nói khoác, nói sai sự thật.

**4. Năng lực phát triển**

**a. Các năng lực chung**.

- Năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tư duy sáng tạo

**b. Các năng lực chuyên biệt.**

- Năng lực tìm kiếm,tổ chức, xử lí thông tin.

- Năng lực sử dụng tiếng Việt

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy**:

- Đọc kĩ bài học và soạn bài chu đáo

- Mỏy chiếu

**2. Trò:**

- Đọc kĩ bài học và trả lời các câu hái trong SGK.

**IV.TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**Bước I: Ổn định tổ chức:**

**Bước II: Kiểm tra bài cũ:**

Nội dung kiểm tra:

- Trình bày bài tập 3 tr. 92?

( Gọi 2 học sinh)

**Bước III: Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Thuyết trình, trực quan * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Thuyết trình. | | |  |
| \*Cho HS q/sát, đọc các VD: *Thét ra lửa, đen như cột nhà cháy, lớn như thổi* ... Nêu yêu cầu: Em có nhận xét gì về tínhi chất, mức độ trong các cách nói này so víi bỡnh thường? Nói như vậy để làm gì?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Quan sát, trao đổi*  *- 1 HS trình bày, dẫn vào bài mới*  ->quỏ mức bỡnh thường  ->để nhấn mạnh | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 37.* Nói quỏ** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | |  |
| **I.HD HS tìm hiểu về nói quỏ và t.dụng của nói quỏ.** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I.Tìm hiểu về nói quỏ và t/dụng của nói quỏ.** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Nói quỏ và tác dụng của nói quỏ** |  |
| **1**.GV chiếu VD. Gọi HS đọc. Nêu yêu cầu:  - Nói: “*Đêm tháng năm chưa nằm đó sáng,* *ngày tháng mười chưa cười đó tối*” và “*mồ hụi thánh thót như mưa ruộng cày*”có đúng víi sự thật không? | *1HS đọc, cả lớp suy nghĩ trả lời:*  Nói như vậy là quá sự thật:  - Trong thực tế cuộc sống, KH đó CM đêm tháng 5 và ngày tháng 10 ngắn hơn so víi các thời gian khác trong năm. | ***1.Ví dụ:***  - chưa nằm đó sáng  - chưa cười đó tối  - mồ hôi thánh thót như mưa |  |
| - Hãy so sánh tínhi chất, mức độ của nó víi sự thực trong cuộc sống?  -Thực chất cách nói đó nhằm mục đích gì ? | - Mồ hôi có ra nhiều còng không thể như mưa được  - Mục đích muốn nói:  + Đêm tháng 5, ngày tháng 10 rất ngắn  + Công việc của người nông dân rất vất vả, nặng nhọc | =>Cách nói quá sự thật, phóng đại quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng. |  |
| **2**. Hãy so sánh các câu sau và xem cách nói nào sinh động hơn, ấn tượng hơn? Vì sao?  + Đêm.... đó sáng - Đêm tháng năm rất ngắn.  + Ngày ... đó tối - Ngày tháng mười rất ngắn.  + Mồ hôi ... ruộng cày - Mồ hôi ướt đẫm. | *HS so sánh các cặp câu, suy nghĩ và trả lời:*  Cách nói trong các câu tục ngữ, ca dao hay hơn, sinh động hơn. Vì cách nói đó giàu hình ảnh, gõy ấn tượng víi người đọc hơn |  |  |
| **3**.Cách nói như vậy là nói quá. Vậy em hiểu nói quá là gì ? Cách nói như thế có tác dụng gì ?  GV chốt lại, rút ra GN.Gọi HS đọc | *HS trình bày ý hiểu, nêu tác dụng.*  *HS nghe*  *1 HS đọc ghi nhớ* | Tác dụng: Nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm  ***2. Ghi nhớ***:  (sgk/102) |  |
| **4**.Tìm vài ví dụ trong thơ văn có sử dụng phép nói quá? | *HS tìm, trình bày*. | -Bao giờ cây cải làm đình  Gỗ lim ...thì mình lấy ta  - Không có việc gì khó....  ............ắt làm nờn. |  |
| **5.** ChoHS thảo luận:  - Nói quỏ có phải là nói sai sự thật (nói khóac) không?  - Phân biệt nói quỏ víi nói khóac? | *HS thảo luận nhóm bàn, đại diện trình bày :* | \* ***Phân biệt nói quỏ víi nói khóac*** |  |
| - Nói quá không phải là nói sai sự thật mà sự thật vẫn được nói đến nhưng mức độ, quy mô được tăng lên nhiều lần | |  |
| - Phân biệt nói quỏ và nói khóac:  + Giống nhau: Đều là phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiên tượng  + Khác nhau: Mục đích nói  *Nói quỏ:*là BPTT nhằm nhấn mạnh, gõy ấn tượng, tăng sức biểu cảm, làm cho bản chất sự vật hiện tượng và mục đích giao tiếp được bộc lộ rõ hơn nhờ đó ý nghĩa hàm ẩn được người đọc, người nghe nhận thức sâu sắc, đầy đủ hơn  *Nói khóac*: nhằm làm cho người nghe tin vào những điều không có thật. Nói khoác là nói sai sự thật nhằm khoe khoang, xuyên tạc bản chất sự vật hiện tượng làm cho người đọc, người nghe hiểu sai vấn đề. Nói khoác là hành động có tác động tiêu cực | | |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13- 15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | |  |
| **II.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập** |  |
| **6**.Gọi HS đọc BT 1. Nêu yêu cầu:Tìm biện pháp nói quỏ và giải thích ý nghĩa của chúng | *HS HĐ cá nhân, 1HS lên bảng làm*  *Các HS khácc làm vào vở BT* | ***Bài 1: Tìm biện pháp nói quỏ và giải thích ý nghĩa*** |  |
| a. *Có sức người* ***sái đá còng thành cơm***: Nhấn mạnh sức lao động của con người sẽ tạo ra thành quả dù có khó khăn,gian khổ, vất vả đến đâu (K/đ niềm tin vào bàn tay lao động của con người).  b***. Đi lên đến tận trời***: ý muốn nói vết thương rất nhẹ, không ảnh hưởng gì đến sức khoẻ. Nhấn mạnh sự bền lòng của người bị thươngvà động viên người khác để họ yên tâm.  c. ***Thột ra lửa***: Gây ấn tượng về sự dữ tợn, độc ác đầy uy quyền của cụ Bá. | | |  |
| **7**.Cho HS quan sát BT2. Yêu cầu HS giải thích nghĩa các thành ngữ, chọn và điền các thành ngữ vào chỗ trống để tạo BPTT nói quá ? | *HS quan sỏt BT, suy nghĩ cá nhân, trình bày. HS khácc theo dõi, nhận xét.* | ***Bài 2: Điền thành ngữ vào chỗ trống*** |  |
| ***a. Chó ăn đá gà ăn sái***:Nơi đất đai cằn cỗi, trơ trọi, khó làm ăn sinh sống  ***b. Bầm gan tớm ruột:*** Căm thù oán ghét đến cực độ  ***c. Ruột để ngoài da***: có tínhi bộc tuệch, ớt giữ ý tứ, hay Quên, vụ tôi, vụ tínhi  ***d. Nở từng khỳc ruột***: Hết sức thoả món, hả hờ trong lòng  ***e.Vắt chân lên cổ***: rướn hết sức mà chạy | |  |
| **8.**Nêu yêu cầu của BT: Đặt câu víi các thành ngữ dùng các biện pháp nói quá sau: *nghiêng nước nghiêng thành, dời non lấp biển, mình đồng da sắt, nghĩ nát óc.* | *HS HĐ cá nhân, trình bày. HS khácc theo dõi, nhận xét.* | ***Bài 3: Đặt câu víi các thành ngữ*** |  |
| a. Cô ấy đẹp *nghiêng nước nghiêng thành.*  b. Đoàn kết tạo nên sức mạnh có thể *dời non lấp biển*  c. Bài toỏn khó quỏ, nghĩ nỏt úc mà vẫn không làm ra. | |  |
| **10**.Cho HS thi tiếp sức: Thi tìm thành ngữ so sánh có dựng biện pháp nói quỏ ? | *HS thi theo hai nhúm. Đại diện từng nhóm lên làm trên bảng* | ***Bài 4. Tìm 5 thành ngữ so sánh có sử dụng biện pháp nói quỏ*** |  |
| **11**.Viết một đoạn văn có dùng biện pháp nói quỏ ? | *HS viết cá nhân, 1-2 HS trình bày*. | ***Bài 5.*** ***Viết một đoạn văn có dùng biện pháp nói quá*** |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

- Thời gian: 5 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| GV yêu cầu viết đoạn văn:  Viết một đoạn văn hoặc làm một bài thơ có dùng biện pháp nói quá. | - HS trình bày |  |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

- Thời gian: 5 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Sưu tầm một số câu ca dao và thơ văn có dùng phép nói quá. | - HS trình bày |  |  |

**Bước IV: Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà:**

- Học phần ghi nhớ: nắm được khái niệm và tác dụng của biện pháp nói quỏ.

- Làm bài tập 5 tr 103.

- Đọc kĩ bài “Ôn tập truyện kí Việt Nam” và trả lời các câu hái trong Sgk.

\* Rút kinh nghiệm

- Sửa bài tập khó trong sgk

- Cho them ngữ liệu ngoài sgk để học sinh rèn luyện

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy;**

**Tuần 9**

**Tiết 3**

**CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN ĐỊA PHƯƠNG**

**(Phần Tiếng Việt)**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Hệ thống hóa từ ngữ chỉ quan hệ ruột thịt, thân thích được dùng trong giao tiếp ở địa phương.

**2. Kĩ năng**:

- Sử dụng từ ngữ địa phương chỉ quan hệ ruột thịt, thân thích.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục học sinh sử dụng từ ngữ địa phương cho phù hợp trong giao tiếp.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức:**

- Các từ ngữ địa phương chỉ quan hệ ruột thịt, thân thích.

**2. Kĩ năng**:

- Sử dụng từ ngữ địa phương chỉ quan hệ ruột thịt, thân thích.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục học sinh sử dụng từ ngữ địa phương cho phù hợp trong giao tiếp.

**4. Năng lực phát triển**

**a. Các năng lực chung**.

- Năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tư duy sáng tạo

**b. Các năng lực chuyên biệt.**

- Năng lực tìm kiếm,tổ chức, xử lí thông tin.

- Năng lực sử dụng tiếng Việt

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy**:

- Đọc kĩ văn bản và soạn bài chu đáo

**2. Trò:**

- Đọc kĩ bài học và chuẩn bị các câu hái trong SGK.

**IV.TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**Bước I: Ổn định tổ chức:**

**Bước II: Kiểm tra bài cũ:**

Nội dung kiểm tra:

- Tình thái từ là gì? Phân loại? Cho ví dụ?

- Làm bài tập 4/83?

**Bước III: Tổ chức dạy và học bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

- Thời gian: 1 phút

- Phương pháp: Thuyết minh

- Kĩ thuật: Động não

GV: Tiếng việt của chúng ta rất giàu và đẹp, ngày một phát triển và hiện đại hóa theo đà đổi mới của XH. Ngoài từ ngữ toàn dân, mỗi một vùng quê, mỗi một địa phương lại có những từ ngữ mang đậm sắc thái vùng quê mình. Các em cần phân biệt được từ ngữ toàn dân víi từ ngữ địa phương để sử dụng phù hợp trong hoàn cảnh giao tiếp .

**Hoạt động 2: HèNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

- Thời gian: 10 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| **I. Hướng dẫn tìm hiểu chung** |  | **I. Ôn lí thuyết về từ ngữ địa phương** |  |
| H: Nhắc lại thế nào là từ ngữ địa phương và cho ví dụ?  - Cách sử dụng? Hiệu quả của việc sử dụng từ ngữ đia phương? | - Nhắc lại và lấy ví dụ | I. Từ ngữ địa phương  **-** Là từ ngữ chỉ sử dụng ở một (hoặc một số) địa phương nhất định. |  |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

- Thời gian: 25 phút

- Phương pháp: Vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não, các mảnh ghộp

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **II. Hướng dẫn luyện tập** | **II. Luyện tập** | **II. Luyện tập** |  |
| Giáo viờn chiếu và gọi học sinh đọc bài tập 1.  Dùng kĩ thuật các mảnh ghép hướng dẫn h.s làm bài tập.  Nhận xét. | - Đọc bài tập  - Làm bài theo hướng dẫn của giáo viên | Bài tập 1  cha: bố; mợ: mợ  mẹ: mẹ; bác: bỏ  ông nội: ông chú; bác: bác  bà nội: bà chú; dỡ: dỡ  ông ngoại:ông cậu; chú: chú  bà ngoại: bà cậu; anh trai: anh trai  bác: bác ; chị dâu: chị dâu  bác: bỏ ; em trai: em trai  chú: chú; em dâu: em dâu  thớm: thớm; chị gái: chị gái bác:cụ, bỏ; anh rể: anh rể  bác: bác; em gái: em gái cụ: cụ; em rể: em rể chú: chú; con: con bác: bác; con dâu: con dâu  bác: bỏ; con rể: con rể  cậu: cậu; cháu: cháu |  |
| Gọi học sinh đọc bài tập 2  Hướng dẫn học sinh sưu tầm và trình bày  Nhận xét, bổ sung | - Học sinh đọc  - Học sinh trình bày | Bài tập 2  - Ba ( cha )  - Mỏ ( mẹ )  - Dượng ( chồng của dỡ )  - Tớa ( cha |  |
| Gọi học sinh đọc bài tập 3  Hướng dẫn học sinh sưu tầm rồi trình bày.  Nhận xét, bổ sung | - Học sinh đọc  - Học sinh trình bày | Bài tập 3:  Cậu chết mợ ra người dưng  Chú tôi có chết thím đừng lấy ai  (ca dao cũ) |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

- Thời gian: 5 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| GV yêu cầu tìm từ ngữ toàn dõn tương ứng víi từ “bầm”trong hai câu thơ sau:  “Bầm ơi! Có rét không bầm?  Heo heo gió nói lâm thâm mưa phùn…”  (Tố Hữu) | - HS trình bày |  |  |
|  |  |  |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

- Thời gian: 3 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| GV yêu cầu HS tìm các từ xưng hô địa phương khác. | - HS trình bày |  |  |
|  |  |  |  |

**Bước IV: Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà:**

- Tiếp tục ôn lại kiến thức về từ ngữ địa phương

- Hoàn chỉnh bài tập 3 tr92.

- Đọc kĩ bài “Lập dàn ý cho bài văn tự sự kết hợp víi miêu tả và biểu cảm” và trảlời các câu hái trong SGK.

\* Rút kinh nghiệm

- Cho hs chuẩn bị trước bài tập ở nhà

- Sủa bài tập khó cho hs

- Thêm bài tập ngoài sgk

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 9**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 4**

**LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN TỰ SỰ**

**KẾT HỢP VỚI MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Biết lập bố cục và cách thức xây dựng dàn bài cho bài văn tự sự có yếu tố miêu tả và biểu cảm.

**2. Kĩ năng**:

- Xây dựng bố cục, sắp xếp các ý cho bài văn tự sự kết hợp víi miêu tả và biểu cảm.

- Viết bài văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm có độ dài khoảng 450 chữ.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục học sinh ý thức lập dàn ý trước khi viết văn.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức:**

- Cách lập dàn ý cho bài văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm.

**2. Kĩ năng**:

- Xây dựng bố cục, sắp xếp các ý cho bài văn tự sự kết hợp víi miêu tả và biểu cảm.

- Viết bài văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm có độ dài khoảng 450 chữ.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục học sinh ý thức lập dàn ý trước khi viết văn.

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy**:

- Đọc kĩ bài học và soạn bài chu đáo

- Mỏy chiếu

**2. Trò:**

- Đọc kĩ bài học và trả lời các câu hái trong SGK

**IV.TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**Bước I: Ổn định tổ chức:**

**Bước II: Kiểm tra bài cũ:**

a, Nội dung kiểm tra:

- Trình bày bài tập 2 tr.84?

(Gọi 2 học sinh)

**Bước III: Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Thuyết trình, trực quan * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Thuyết trình. | | |  |
| **\*** GV nêu vấn đề dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- nghe* | ***Kĩ năng quan sỏt nhận xét, thuyết trình*** |  |
| Ở tiết học trước chúng ta đó được luyện viết đoạn văn tự sự kết hợp víi miêu tả, biểu cảm. Trong bài học hôm nay chúng ta sẽ luyện tập cách thức lập dàn ý cho cả một bài văn. Có dàn bài tốt chính là yếu tố quan trọng cho bài viết của chúng ta thành công. | | |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 32. Lập dàn ý*** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 15-17’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | |  |
| **I.HD HS tìm hiểu về cấu tạo và nội dung của dàn ý bài văn tự sự kết hợp víi** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...*** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...*** |  |
| **MT và biểu cảm.** | **I.Tìm hiểu cấu tạo và nội dung của dàn ý bài văn tự sự kết hợp víi MT và biểu cảm.** | **I. Dàn ý của bài văn tự sựkết hợp miêu tả và biểu cảm** |  |
| **1**.Gọi HS đọc VB/92. Nêu yêu cầu:  - Hãy chỉ ra bố cục ba phần của văn bản trên và nêu nội dung khái quát của mỗi phần?  \*GV hoàn chỉnh lại nội dung các phần của văn bản | *HS trả lời theo phần đó được chuẩn bị ở nhà. HS khác theo dõi và nhận xét:* | ***1. Tìm hiểu dàn ý của bài văn tự sự*** |  |
| \* Văn bản: “***Món quà sinh nhật*** “  - Bố cục: 3 phần  a.Mở bài:Từ đầu ->la liệt trên bàn: ->*Kể và tả lại quang cảnh chung của buổi sinh nhật.*  b.Thân bài: Tiếp theo->không nói: ->*Kể về món quà sinh nhật độc đáo của người bạn.*  c.Kết bài: Phần còn lại ->*Cảm nghĩ về người bạn và món quà sinh nhật.* | |  |
| **2**. Nêu yêu cầu cho HS trao đổi theo KT KTB.  - Truyện kể về việc gì? Ai là người kể ? Ngôi kể?  - Câu chuyện xảy ra ở đâu? vào lúc nào? Trong hoàn cảnh nào?  - Chuyện xảy ra víi ai? Ai là nhân vật chính? Tínhi cách của mỗi nhân vật ra sao?  - Câu chuyện diễn ra như thế nào? ( Gợi ý:  + Mở đầu nêu vấn đề gì?  + Đỉnh điểm của câu chuyện ở đâu?  + Kết thúc ở chỗ nào?  + Điều gì đó tạo nờn sự bất ngờ?)  \* Gọi HS trình bày | *HS căn cứ VB, HĐ theo KT KTB, đại diện trình bày*: |  |  |
| ***- Sự việc***: món quà sinh nhật độc đáo của Trinh tặng Trang  ***- Ngôi kể:*** ngôi thứ nhất của Trang - xưng tôi  - Chuyện xảy ra ở nhà Trang, vào buổi sáng ngày sinh nhật của Trang.  - Hoàn cảnh: Trang chờ mãi không thấy Trinh đến và Trang đó có sự trỏch múc và lo cho Trinh  ***- Nhân vật chính***: Trang và Trinh - hai nhân vật chính víi hai nột tínhi cách :  + Trinh: hiền lành, tế nhị, sâu sắc  + Trang:sôi nổi, vội vàng nhưng có nhiều suy nghĩ, cảm xúc chân thành  - ***Diễn biến***:  + Lễ sinh nhật, các bạn đến đông, chúc mừng víi nhiều quà tặng.  + Trinh - người bạn thân nhất không thấy đến, Trang thấy lo lắng, bồn chồn không yên  +Trinh đến, mang tặng món quà: mấy bông hồng vàng, một cành ổi sai lúc lỉu, quả to tròn.  + Trang cảm động trước món quà độc đáo và tấm lòng trõn trọng của Trinh dành cho mình  ***- Điều tạo nên bất ngờ***: tình huống Trinh đến muộn ->Trang hiểu lầm -> Trinh đến, mang theo chùm ổi chín -> vì lẽ -> hiểu tấm lòng thơm thảo đáng trân trọng qua món quà sinh nhật đầy ý nghĩa. Món quà là bằng chứng của lòng tin và sự giữ lời hứa của là bằng chứng của lòng tin và sự giữ lời hứa Trinh | |  |
| **3**. Các yếu tố miêu tả và biểu cảm được kết hợp và thể hiện ở những chỗ nào trong truyện? Nêu tác dụng của các yếu tố miêu tả và biểu cảm này? | *HS tìm chi tiết, trả lời:* | ***- Yếu tố miêu tả và biểu cảm*** |  |
| + ***Miêu tả:*** Suốt cả buổi sáng ... ngồi chật cả nhà.  + ***Biểu cảm:***  - Tôi vẫn cứ bồn chồn không yên .. bắt đầu lo, tủi thân và giận Trinh.(Bộc lộ tình cảm bạn bố chân thành, sâu sắc)  - Cảm ơn Trinh quá....thơm mát này.(Cảm xúc của Trang về món quà tặng của Trinh)  *=>Tác dụng: Ca ngợi tình cảm bạn bố chân thành và sâu sắc, tìm cho người đọc hiểu rằng tặng quà gì không quan trọng bằng tặng như thế nào.* | |  |
| **4**. Những nội dung trên được tác giả kể theo trình tự nào? | Các sự việc được sắp xếp và kể theo trình tự thời gian. Đôi khi tác giả dùng đến hồi ức, quay ngược thời gian, nhớ lại những sự việc đó diễn ra trong quỏ khứ: lau lắm, từ mấy tháng trước, lúc ổi đang ra hoa... | |  |
| **5**. Qua tìm hiểu văn bản, hãy rút ra DB của bài văn TS kết hợp víi miêu tả và biểu cảm?  \*GV chốt lại, gọi HS đọc. | *HS thảo luận để rút ra cấu tạo chung.*  *1 HS đọc* | ***2. Dàn ý của một bài văn tự sự:***  sgk/95 |  |
| **6**. Hãy so sánh víi DB của bài văn tự sự đó học ở lớp 6 và rút ra nhận xét cho DB của bài văn TS kết hợp víi MT và BC?  \*GV tóm tắt, rút ra ghi nhớ. | *HS đối chiếu,so sánh và trả lời :*  *1HS đọc ghi nhớ* | \****Ghi nhớ***: sgk/95 |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | |  |
| **II.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập** |  |
| **7**. GVnêu yêu cầu của BT1.  Tổ chức HS hoạt động nhóm thảo luận theo các gợi ý:  - Phần mở bài giới thiệu ai ? Trong hoàn cảnh nào ?  - Nêu các sự việc chính xảy ra víi nhân vật theo trật tự thời gian (lúc đầu, sau đó, | *HS hoạt động theo nhóm tổ, thư kí ghi lên giấy khổ to. Đại diện trình bày* | ***Bài 1***: ***Lập dàn ý văn bản*** “Cụ bộ bán diêm” |  |
| ***a. Mở bài***  - Giới thiệu quang cảnh đêm giao thừa và gia cảnh của cô bé bán diêm - nhân vật chính của truyện.  ***b. Thân bài: (****Truyện kể theo trình tự thời gian, theo trình tự các lần quẹt diêm.)*  - Suốt ngày, không bán được bao diêm nào, em bé | |  |
| tiếp theo) và kết quả (Mấy lần quẹt diêm? Mỗi lần diễn ra thế nào và kết quả ra sao)?  - Kết cục số phận của nhân vật thế nào và cảm nghĩ của người kể ra sao ?  - Chỉ ra các yếu tố miêu tả và biểu cảm được sử dụng trong đó ?  \* GV theo dõi, gọi các nhúm bỏo cáo kết quả. Nhận xét.  Cho HS tham khảo dàn ý đó chuẩn bị sẵn.  *->Các yếu tố miêu tả và biểu cảm được đan xen trong quá trình kể chuyện. Đặc biệt là cảnh mộng tưởng sau mỗi lần quẹt diêm được miêu tả rất sinh động; kèm theo đó là những suy nghĩ, tâm trạng của nhân vật.* | không dỏm về nhà vì sợ bố đánh. Em tìm một gúc tường tránh rét nhưng vẫn bị gió rét hành hạ làm cho đôi tay cứng đờ ra..  - Em liều quẹt diêm để sưởi ấm. Mỗi lần quẹt diêm, em lại thấy hiện ra một cảnh tượng ấm áp và đẹp đẽ  + Lần 1: Em tưởng chừng như đang ngồi trước lò sưởi ấm ỏp, dễ chịu  + Lần 2: Em thấy hiện lên một bàn ăn thịnh soạn, có cả một con ngỗng quay  + Lần 3.Em thấy hiện lên một cây thông Nụ-en lớn, lộng lẫy víi hàng ngàn ngọn nến sáng rực  + Lần 4.Em thấy bà nội đang mỉm cười víi em  + Lần 5. Em quẹt tất cả các que diêm còn lại, em thấy hai bà cháu bay vụt lên cao,cao mãi  ***c. Kết bài***  Em bé bán diêm đó chết vì lạnh gió rét trong đêm giao thừa. Người qua đường không ai biết được điều kỡ diệu mà em đó thấy nhất là em được cùng bà bay lên để đón niềm vui đầu năm. | |  |
| **11**.Gọi HS đọc bài tập 2.  GV gợi ý cho HS lập dàn ý: | HS lập dàn ý cá nhân. 1-2 HS trình bày.HS khácc n/xét | ***Bài 2. Lập dàn ý:***  Kể về một kỉ niệm víi người bạn tuổi thơ khiến em xúc động và nhớ mãi. |  |
| a. MB: Giới thiệu người bạn của mình là ai? Kỉ niệm khiến mình xúc động là kỉ niệm gì? (Nêu một cách khái quát)  b. TB: Tập trung kể về kỉ niệm xúc động ấy  - Chuyện xảy ra ở đâu, lúc nào?(thời gian, hoàn cảnh...), víi ai?  - Chuyện xảy ra như thế nào?(Mở đầu, diễn biến, kết quả)  - Điều gì khiến em xúc động? Xúc động ra sao? (Miêu tả lại các biểu hiện của sự xúc động và bộc lộ những suy nghĩ, cảm xúc của em về điều làm em xúc động đó)  c. KB: Em có suy nghĩ gì về kỉ niệm đó? | |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

- Thời gian: 5 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Từ văn bản “Lão Hạc” , hãy lập dàn ý. | - HS trình bày |  |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

- Thời gian: 5 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Tìm một số đoạn văn tự sự chỉ ra yếu tố miêu tả và biểu cảm. | - HS trình bày |  |  |

**Bước IV: Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà:**

- Học phần ghi nhớ: nắm được dàn ý của một bài văn tự sự kết hợp víi miêu tả và biểu cảm.

- Làm bài tập 2 tr. 95

- Đọc kĩ văn bản “Hai cây phong” và chuẩn bị bài học theo hệ thống câu hái trong phần “ Đọc - hiểu văn bản”

\* Rút kinh nghiệm

- Hướng dẫn học sinh chuẩn bị ở nhà dàn ý

- Hướng dẫn kix cách lập dàn ý

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 10**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 1**

**ÔN TẬP TRUYỆN KÍ VIỆT NAM**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Hệ thống húa và khắc sâu kiến thức cơ bản về các văn bản truyện kí Việt Nam hiện đại đó được học ở kỡ I.

**2. Kĩ năng**:

- Khái quát, thống nhất hóa và nhận xét về tác phẩm văn học trên một số phương diện cụ thể.

- Cảm thụ nét riêng, độc đáo của tác phẩm đó học.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục học sinh ý thức tìm hiểu về truyện kớ Việt Nam

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức:**

- Sự giống và khác nhau cơ bản của các truyện kí đó học về phương diện thể loại, phương thức biểu đạt, nội dung, nghệ thuật.

- Những nét độc đáo về nội dung và nghệ thuật của từng văn bản.

- Đặc điểm của nhân vật trong các tác phẩm truyện.

**2. Kĩ năng**:

- Khái quát, thống nhất hóa và nhận xét về tác phẩm văn học trên một số phương diện cụ thể.

- Cảm thụ nét riêng, độc đáo của tác phẩm đó học.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục học sinh ý thức tìm hiểu về truyện kí Việt Nam.

**4. Năng lực phát triển.**

**a. Các năng lực chung**.

- Năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tư duy sáng tạo

**b. Các năng lực chuyên biệt.**

- Năng lực tìm kiếm,tổ chức, xử lí thông tin.

- Năng lực tiếp nhận văn bản

- Năng lực cảm thụ thẩm mĩ

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy**:

- Đọc kĩ bài học và soạn bài chu đáo

**2. Trò:**

- Đọc kĩ bài học và trả lời các câu hái trong SGK.

**IV.TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**Bước I: Ổn định tổ chức:**

**Bước II: Kiểm tra bài cũ:**

Nội dung kiểm tra:

- Nêu nội dung ý nghĩa văn bản “Hai cây phong”?

- Đọc thuộc lòng đoạn văn em thích và nêu nội dung đoạn văn đó?

**Bước III: Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | | | | | **Hoạt động của trò** | | | | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | | | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Trò chơi, trực quan * ***Thời gian***: 5' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy nhanh | | | | | | | | | | | | |  |
| **\***Tổ chức cho HS chơi tròchơi giải ô chữ  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | | | | | | ***Hình thành kĩ năng q/sát, tư duy***  *- Quan sát, tư duy, trả lời* | | | | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, tư duy*** | | |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | | | | | | *-Ghi tên bài vào vở* | | | | ***Tiết 38. ễn tập...*** | | |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | | | | | | | | | | | |  |
| **I.HD HS lập bảng hệ thống hóa kiến thức các VB** | | | | | | ***Hình thành kĩ năng phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **HS lập bảng hệ thống hóa kiến thức các VB** | | | | ***Kĩ năng phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I.Hệ thống hóa kiến thức** | | |  |
| **1.** Hãy lập bảng hệ thống hóa kiến thức các VB truyện kớ VN đó học từ đầu năm theo mẫu.  \* ***Gv cho HS quan sỏt bảng thống kờ chuẩn*** | | | | | | *Học sinh trình bày theo phần chuẩn bị ở nhà.* | | | |  | | |  |
| ***TT*** | ***Tên VB*** | | ***Tên tác giả*** | | ***Năm s/tác*** | | | ***Thể loại*** | ***Nội dung chủ yếu*** | | | ***Đặc sắc nghệ thuật*** |  |
| **1** | Tôi đi học | | Thanh Tịnh  (1911- 1988) | | 1941 | | | Truyện ngắn | Những kỉ niệm trong sáng về ngày đầu tiên được đến trường và đi học | | | Dũng cảm xúc được diễn tả bằng một tâm hồn rung động tha thiết, ngòi bút giàu chất thơ |  |
| **2** | Trong lòng mẹ *(Những ngày thơ ấu)* | | Nguyờn Hồng  (1918-  1982) | | 1940 | | | Hồi kớ | Những cay đắng, tủi cực và tình yêu thương cháy báng, mónh liệt đối víi người mẹ bất hạnh của mình | | | Lời văn chân thực, giàu hình ảnh và cảm xúc. Ngòi bút sắc sảo, tinh tế trong miêu tả tôi lí nhân vật. |  |
| **3** | Tức nước vì bờ  (*Tắt đèn*) | | Ngụ Tất Tố  (1893-1954) | | 1939 | | | Tiểu thuyết | Phê phán bộ mặt tàn ác, bất nhân của XHPK đương thời.  Ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn, sức sống tiềm tàng của người phụ nữ nông dân. | | | Tình huống mang tínhi kịch cao. Khắc hoạ tínhi cách nhân vật sinh động, chân thực. Ngôn ngữ kể chuyện, miêu tả, đối thoại đặc sắc |  |
| **4** | Lão Hạc | | Nam Cao  (1915-1951) | | 1943 | | | Truyện ngắn | Số phận đau thương, bi thảm của người nông dân cùng khổ và phẩm chất cao đẹp của họ.  Tấm lòng yêu thương, trân trọng của t/giả đối víi họ | | | Khắc hoạ nhân vật sinh động, có chiều sâu tâm lí. Cách kể chuyện tự nhiên, linh hoạt, vừa chân thực vừa đậm chất trữ tình. |  |
| **2**.Cho HS thảo luận: Hãy so sánh và nêu những điểm giống nhau và khác nhau chủ yếu về nội dung và hình thức nghệ thuật của 3 VB.  GV chốt lại kiến thức: | | | | | | *HS thảo luận theo 4 nhóm, thư kí ghi nội dung thảo luận. Đại diện các nhóm trình bày*. | | | | ***\* So sánh 3 VB: Trong lòng mẹ, Tức nước vì bờ, Lão Hạc.*** | | |  |
| ***\* Giống nhau:***  - Thể loại: Đều là văn tự sự, là truyện kí hiện đại VN, sáng tác thời kỡ 1930 – 1945.  - Đề tài: Đều lấy đề tài từ con ngươỡ và cuộc sống xó hội đương thời.  - Nội dung: Đều đi sâu miêu tả số phận cực khổ của những con người bị vùi dập.  - Giá trị tư tưởng: Đều chan chứa tinh thần nhân đạo (Yêu thương, trân trọng những tình cảm, phẩm chất | | | | | | |  |
|  | | | | | | đẹp đẽ của con người, tố cáo những gì tàn ỏc xấu xa.  - Giá trị nghệ thuật: Đều có lối viết chân thực, gần víi đời sống; ngôn ngữ giản dị; kể kết hợp miêu tả, biểu cảm cụ thể, hấp dẫn.  ***\* Khácc nhau*** | | | | | | |  |
| ***Văn bản*** | | ***Thể loại*** | ***Đề tài*** | ***PT***  ***BĐ*** | | | ***Nội dung*** | | | | ***Nghệ thuật*** | |  |
| ***Trong lòng mẹ*** | | Hồi kớ | Đứa trẻ (*bộ Hồng)* | Tự sự (xen trữ tình) | | | Nỗi đau của chú bé mồ côi và tình yêu thương mẹ của chú bé | | | | Văn hồi kí chân thực, trữ tình thiết tha | |  |
| ***Tức nước vì bờ*** | | Tiểu thuyết | Người phụ nữ  (*Chị Dậu*) | Tự sự | | | Phờ phỏn xó hội tàn ác bất nhân và ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn, sức sống tiềm tàng của người phụ nữ nông dân. | | | | Khắc hoạ nhân vật và miêu tả hiện thực một cách chân thực, sinh động | |  |
| ***Lão Hạc*** | | Truyện ngắn | Người nông dân ***(****lão Hạc****)*** | Tự sự (xen trữ tình) | | | Số phận bi thảm của người nông dân cùng khổ và nhân phẩm cao đẹp của họ. | | | | N/vật được đào sâu tâm lí, cách kể chuyện tự nhiên, linh hoạt, vừa chân thực vừa đậm chất trữ tình | |  |
| **3.** Từ bảng hệ thống trên, hãy khái quát gió trị nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm truyện kớ? | | | | | | *HS khái quát, trình bày* | | | | ***\* Gió trị nội dung và nghệ thuật của các TP*** | | |  |
| ***- Nội dung*** :  + Phản ỏnh hiện thực xó hội Việt Nam trước 1945 : bộ mặt xấu xa của tầng lớp thống trị, đời sống cực khổ của người dân...  + Thể hiện sự đồng cảm, thương yêu, sự trân trọng, ngợi ca phẩm chất tốt đẹp của tác giả đối víi những người nghèo khổ, bất hạnh.  ***- Nghệ thuật*** : kết hợp giữa tự sự và miêu tả, biểu cảm ; cách lựa chọn ngôi kể phù hợp, xây dựng nhân vật đặc sắc. | | | | | | |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | | | | | | | | | | | |  |
| **II.HD HS luyện tập** | | | | | | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập** | | | | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập** | | |  |
| **4**. Hãy chỉ ra các chi tiết tiêu biểu của thể loại truyện kí trong các tác phẩm đó học ? | | | | | | *HS lấy VD về 1 TP, chỉ ra các chi tiết tiờu biểu. HS khácc bổ sung* | | | | ***1. Chi tiết tiờu biểu của thể loại truyện kớ*** | | |  |
| **5**. Chỉ ra những chi tiết góp phần khắc hoạ vẻ đẹp của các nhân vật đó học?  - Trong các văn bản trên, em thích nhất nhân vật hoặc đoạn văn nào? Vì sao?  GV có thể gợi ý, định hướng cho HS:  + Đó là n/vật (đoạn văn) nào? Trong VB nào? Của t/giả nào?  - Lí do mà em yêu thích? | | | | | | *HS lựa chọn, trình bày và bộc lộ cảm xúc cá nhân.* | | | | ***2. Những chi tiết góp phần khắc hoạ vẻ đẹp của nhân vật*** | | |  |
| VD***: \* Nhân vật chị Dậu***:  - Có tình thương yêu chồng sâu sắc: lo lắng, quan tâm chăm sóc, tìm cách bảo vệ chồng.  - Có sức sống tiềm tàng mạnh mẽ, tinh thần phản kháng quyết liệt trước áp bức bất công.  ***\* Nhân vật bộ Hồng***: Có tình thương yêu mẹ sâu sắc, luôn tìm cách bảo vệ mẹ.  ***\* Nhân vật lão Hạc***: giàu tình yêu thương con, sống nhân hậu, tình nghĩa, .... | | | | | | |  |
| ***Cho HS tham khảo một số đoạn văn:***  Sức mạnh của Chị Dậu là do sức mạnh của lòng căm hờn sục sôi, của sự uất ức cao độ khi bị dồn đẩy đến cùng đư­ờng, không thể chịu đựng đư­ợc nữa. Nh­ưng đó còn là sức mạnh của tình th­ương yêu chồng con vô bờ bến. Th­ương chồng, lo cho chồng, chị đó cố van xin, hạ mình mà không đ­ược. Để bảo vệ chồng trong phút giây khẩn cấp, chị đó vựng lên chống trả quyết liệt và chị đó chiến thắng vẻ vang. Hành động của chị Dậu tuy bất ngờ như­ng hoàn toàn hợp tình hợp lí, hợp quy luật.  **Lão** Hạc là một nông dõn nghèo cực, không đ­ược học hành, chẳng có chữ nghĩa, càng không biết nhiều lí luận về tình phụ tử. Như­ng cái chết dữ dội của lão là bằng chứng cảm động về cái tình cha con nguyờn sơ mộc mạc nh­ưng thăm thẳm, thiêng liêng biết chừng nào ! Cái chết của Lão Hạc, từ trong bản chất của nó, ch­ưa hẳn là bi quan. Bởi, nó vẫn nói lên niềm tin sâu sắc và sự tr­ường tồn vào bản chất của con người, qua mấy dũng suy ngẫm, triết lí của ông giáo ở cuối truyện: *Không! Cuộc đời ch­ưa hẳn đó đáng buồn!”* | | | | | | | | | | | | |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

- Thời gian: 5 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| GV yêu cầu HS viết đoạn:  Viết đoạn văn ngắn nêu cảm nghĩ của em về một trong số những tác phẩm truyện kí đó học. | - HS trình bày |  |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

- Thời gian: 5 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Viết nối thêm một kết thúc truyện cho truyện ngắn “Lão Hạc” (Nam Cao). | - HS trình bày |  |  |

**Bước IV: Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà:**

- Học phần ghi nhớ: nắm được khái niệm và tác dụng của biện pháp nói quá.

- Làm bài tập 5 tr 103.

- Đọc kĩ bài “Ôn tập truyện kí Việt Nam” và trả lời các câu hái trong Sgk.

**Bước IV: Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà:**

- Tiếp tục ôn lại các kiến thức về 4 văn bản truyện kí Việt Nam đó học

- Đọc kĩ bài “ Thông tin về ngày Trái Đất năm 2000” và chuẩn bị bài học theo hệ thống câu hái trong phần “ Đọc - hiểu văn bản”.

\* Rút kinh nghiệm

- Cho hs chuẩn bị ở nhà theo hướng dẫn

- Lưu ý những đặc điểm giống và khác nhau giữa các đề tài

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 10**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 2**

**THÔNG TIN VỀ NGÀY TRÁI ĐẤT NĂM 2000**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Thấy được ý nghĩa to lớn của việc bảo vệ mụi trường. Từ đó có những suy nghĩ và hành động tích cực về vấn đề xử lí rác thải sinh hoạt.

- Thấy được tính thuyết phục trong cách thuyết minh và những kiến nghị mà tác giả đề xuất trong văn bản.

**2. Kĩ năng**:

- Tích hợp víi phần tập làm văn để tập viết bài văn thuyết minh.

- Đọc – hiểu một văn bản nhật dụng đề cập đến một vấn đề xó hội bức thiết.

**3. Thái độ:**

- Giúp học sinh có những suy nghĩ tích cực về các việc tương tự trong vấn đề xử lí rác thải sinh hoạt, một vấn đề vào loại khó giải quyết nhất trong nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức:**

- Mối nguy hại đến môi trường sống và sức kháce con người của thói quen dùng túi ni lông.

- Tính khả thi trong những đề xuất được tác giả trình bày.

- Việc sử dụng từ ngữ dễ hiểu, sự giải thích đơn giản mà sáng tạo và bố cục chặt chẽ, hợp lí đó tạo nờn tínhi thuyết phục của văn bản.

**2. Kĩ năng**:

- Tích hợp víi phần tập làm văn để tập viết bài văn thuyết minh.

- Đọc – hiểu một văn bản nhật dụng đề cập đến một vấn đề xó hội bức thiết.

**3. Thái độ:**

- Giúp học sinh có những suy nghĩ tích cực về các việc tương tự trong vấn đề xử lí rác thải sinh hoạt, một vấn đề vào loại khó giải quyết nhất trong nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

**4. Năng lực phát triển.**

**a. Các năng lực chung**.

- Năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tư duy sáng tạo

**b. Các năng lực chuyên biệt.**

- Năng lực tìm kiếm,tổ chức, xử lí thông tin.

- Năng lực tiếp nhận văn bản

- Năng lực cảm thụ thẩm mĩ

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy**:

- Đọc kĩ bài học và soạn bài chu đáo

- Tranh ảnh về môi trường.Bài soạn điện tử

**2. Trò:**

- Đọc kĩ bài học và trả lời các câu hái trong SGK. Tìm hiểu việc sử dụng bao bỡ ni lông trong gia đình em và những người xung quanh. Đề xuất việc khắc phục hiện tượng này

**IV.TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**Bước I: Ổn định tổ chức:**

**Bước II: Kiểm tra bài cũ:**

Nội dung kiểm tra:

- Thế nào là văn bản nhật dụng? Kể tên các văn bản nhật dụng đó được học trong chương trình ngữ văn lớp 6 và lớp 7?

**Bước III: Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Thuyết trình, trực quan * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Thuyết trình. | | |  |
| **\*** GV chiếumột số h/ả về tình trạng ụ nhiếm mụi trường.  - Nêu yêu cầu: Những bức ảnh trên đề cập đến vấn đề gì? Em hiểu gớ về vấn đề đó?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Quan sỏt, trao đổi*  *- 1 HS trình bày, dẫn vào bài mới* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| Trái đất - ngôi nhà chung của mọi người - đang bị ô nhiễm nặng nề. Một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng ụ nhiếm trên là do việc sử dụng bao bỡ ni lông. Vậy việc sử dụng bao bỡ ni lông gõy ra những tác hại và hậu quả như thế nào, cần làm gì để hạn chế tác hai của nó, chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay. | | |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 39. Văn bản.....*** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**  **\*Tri giác**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút * ***Thời gian***: 3- 5' * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc | | |  |
| **I. HD HS đọc - tìm hiểu chú thích** | ***Hình thành kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I.Đọc-tìm hiểu chú thích** | ***Kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I. Đọc - Chú thích** |  |
| **\*** GV nêu y/cầu đọc: Cần nhấn mạnh rành rọt từng điểm kiến nghị; giọng điệu của một lời kêu gọi.  Gọi HS đọc | *-HS nghe, xác định cách đọc.*  *-2 HS đọc văn bản, HS khác nhận xét* | ***1. Đọc*** |  |
| **-** Em hiểu gì về hoàn cảnh ra đời của văn bản?  *GV bổ sung*: | *HS tự bộc lộ theo hiểu biết cá nhân*  Văn bản được soạn thảo dựa trên bức thông điệp của 13 cơ quan nhà nước và tổ chức phi chính phủ phát ngày 22-4-2000  nhân lần đầu tiên VN tham gia ngày Trái Đất  *HS tìm hiểu nghĩa của các CT trong sgk/106* | ***2. Chú thích***  \* Hoàn cảnh ra đời |  |
|  |  |
| **-**Yêu cầu HS đọc kĩ các chú thích. *GV nói rõ* Pla-xtic (chất dẻo) còn gọi chung là nhựa, là những vật liệu tổng hợp các phân tử lớn gọi là folime | \* Từ khó |  |
| **\* Phân tích - Cắt nghĩa**   * ***PPDH***: Phân tích, giải thích, vấn đáp, tái hiện thông tin, thuyết tŕnh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, khăn trải bàn. * ***Thời gian***: 25-30' * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giải quyết vấn đề, hợp tác, cảm thụ | | |  |
| **II. HD HS đọc - tìm hiểu văn bản**  **B1. HD tìm hiểu khái quát** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II. HS đọc - tìm hiểu VB**  **1.HS tìm hiểu khái quát** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II. Đọc-Tìm hiểu văn bản**  **1. Tìm hiểu khái quát** |  |
| **Cho HS Thảo luận cặp đôi chia sẻ :**  Nội dung văn bản? nhằm mục đích gì? Kiểu văn bản?  Xác định: PTBĐ, bố cục của văn bản ?  - Em có nhận xét gì về bố cục của VB nàỳ ?  \*GV: Bố cục lụgic, chặt chẽ**:** Từ nguyên nhân đến giảng giải. phân tích, nêu nhiệm vụ và cuối cùng là kêu gọi mọi người làm theo. | *HS suy nhĩ, thảo luận, chia sẻ cặp đôi, trả lời:*  - Nội dung: Cung cấp cho những căn cứ rõ ràng về tác hại của việc dựng bao  bỡ ni lông và việc hạn chế sử dụng chúng  - Mục đích: Bảo vệ sự trong sạch của môi trường TĐ. | - Kiểu VB: nhật dụng  - PTBĐ: NL kết hợpTM  - Bố cục : 3 phần |  |
|  |  |
| - Phần 1: *Từ đầu->* *một ngày không sử dụng bao bỡ ni lụông*: Nguyên nhân ra đời của bản thông điệp “Thông tin về ngày Trái đất năm 2000”.  - Phần 2:*Tiếp theo->đối víi môi trường*:Tác hại của việc sử dụng bao bỡ ni lông và một số giải pháp cho vấn đề sử dụng bao bỡ ni lông.  - Phần 3: *Còn lại*: Lời kêu gọi mọi người hãy bảo vệ mụi trường Trái đất. | |  |
| **B2. HD HS tìm hiểu chi tiết văn bản** | **HS tìm hiểu chi tiết văn bản** | **2. Tìm hiểu chi tiết** |  |
| Theo dõi phần 1(MB) của VB, hãy cho biết VB đó thông báo những sự kiện | *HS theo dõi VB, tìm sự kiện, suy nghĩ cá nhân, trả lời*. | ***1. Sự ra đời của bản thông điệp*** “***TT về ngày TĐ năm 2000***” |  |
| nào?  - VB này chủ yếu thuyết minh cho sự kiện nào?  - Nhận xét cách trình bày những sự kiện đó?  **-**Từ việc trình bày các sự kiện đó, em cảm nhận được nội dung (vấn đề) nào được nêu trong phần đầu của VB? | ***+*** *Các sự kiện:*  + *Cách trình bày*: Đi từ thông tin khái quát (rộng) đến thông tin cụ thể (hẹp). Lời thông báo trực tiếp, ngắn gọn, dễ hiểu. | |  |
| *HS khái quát, trình bày:* | ***-> Thế giới rất quan tâm đến vấn đề bảo vệ MT***  ***- VN còng hưởng ứng và tỏ rõ sự quan tôi chung bằng hành động cụ thể*** “***Một ngày... ni lông***” |  |
| **-** Hãy chỉ ra nguyờn nhân cơ bản khiến cho việc dùng bao bỡ ni lông có thể gõy nguy hại đối víi môi trường và sức khoẻ con người ?  -Từ nguyên nhân đó đó tạo ra những tác hại nào đối víi môi trường, đối víi sức khoẻ con người khi sử dụng bao bỡ ni lông ? | *HS theo dõi VB, phát hiện chi tiết, trình bày*. | ***2. Tác hại của việc sử dụng bao bỡ ni lông và những biện pháp giải quyết cho v/đề này*** |  |
| \**Nguyên nhân gây hại cơ bản*  - Do đặc tính không phân huỷ của Pla-xtic  ***a. Tác hại***  - Lẫn vào đất cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật bị nó bao quanh.... xúi mũn ở các vựng đồi.  - Tắc các đường dẫn nước thải, tăng khả năng ngập lụt của các đô thị về mùa mưa -> làm muỗi phát sinh, lây truyền dịch bệnh.  - Trụi ra biển làm chết các sinh vật khi nuốt phải  - Bao bỡ ni lông màu đựng thực phẩm làm ụ nhiễm thựcphẩm ...... gõy tác hại cho não và là nguyờn nhân gõy ung thư phổi  - Bao bỡ ni lông thải bỏ bị đốt, các khí độc thải ra ..... có thể gây ngộ độc, ngất, khó thở, nôn ra máu .... gây ung thư và các dị tật bẩm sinh ở trẻ sơ sinh | |  |
| -Để nói rõ tác hại của việc sử dụng bao bỡ ni lông, tác giả đó thuyết minh bằng cách nào trong các PP sau? Tác dụng của PP thuyết minh đó?  a. Liệt kờ b. Phân tích | *HS suy nghĩ, trao đổi, trả lời:* |  |  |
| + *PP thuyết minh*: Kết hợp liệt kờ và phân tích  - Liệt kờ những tác hại của bao bỡ ni lông, đưa ra những ví dụ cụ thể, sinh động, phổ biến  - Phân tích cơ sở thực tế và khoa học của những tác hại đó | |  |
| c. Kết hợp liệt kờ và phân tích | + *Tác dụng*: làm cho vấn đề được trình bày vừa mang tínhi khoa học vừa mang tínhi thực tiễn, ngắn gọn, sáng rõ, dễ hiểu, dễ nhớ | |  |
| **-**Ngoài những tác hại mà VB đó chỉ rõ ở trên, em thấy việc sử dụng bao bỡ ni lông còn có những tác hại nào khácc nữa ?  - Từ việc tìm hiểu trên, em rút ra kết luận gì về tác hại của việc sử dụng bao bỡ ni lông? | *HS phát hiện và trả lời* | ***\* Các tác hại khácc*** |  |
| - Bao bỡ ni lông vứt bừa bói ở những nơi công cộng, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử-> gây mất mĩ quan, ô nhiễm môi trường  - Túi ni lông dùng để gói, đựng các loại rác thải khác làm rác thải khó phân huỷ, ngăn cản quỏ trình phân huỷ, sinh ra các chất độc gây hại  ***->Dựng bao bỡ ni lông bừa bói sẽ làm ụ nhiễm mụi trường, phát sinh nhiều bệnh tật.*** | |  |
| \*GV cung cấp cho học sinh một số số liệu về tác hại do bao bỡ ni lông gõy ra.  - Mỗi năm có hơn 400.000 tấn P.E được chôn lấp tại miền Bắc nước Mĩ, nếu không phải chôn loại rác thải nào thì sẽ có thêm bao nhiờu đất đai để canh tác. Ở Mê hi cô, người ta đó xác nhận một trong những nguyên nhân làm cho cá ở hồ nước chết nhiều là do rác thải ni lông và nhựa ném xuống hồ quá nhiều.Hàng năm trên trên thế giới có khoảng 100.000 chim, thú biển chết do nuốt phải túi ni lông  - Hàng ngày, tại khu vực xử lí rác thải Nam Sơn, Sóc Sơn tiếp nhận 1000 tấn rác thải (khoảng 10-15 tấn là nhựa, ni lông) | | |  |
| **GV c*ho HS thảo luận nhúm***:  - Theo em có những cách gì đề xử lý bao bỡ ni lông ?  - Các cách xử lý có mặt lợi và hại như thế nào ?  - Vì sao việc xử lí bao bỡ ni lông lại là vấn đề nan giải ? | *HS thảo luận theo nhóm bàn, đại diện trình bày:* | \* Cách xử lý bao bỡ ni lông: |  |
| - Có 3 cách xử lí: chụn lấp, đốt, tái chế.  *=>Đây là một vấn đề nan giải.* Vì :  + Túi ni lông rẻ, nhẹ, tiện lợi, dễ đáp ứng được các nhu cầu khác nhau của người tiêu dùng.  + Sản xuất bao bỡ ni lông so víi sản xuất bao bỡ bằng giấy tiết kiệm được 40% năng lượng, tiết kiệm được lượng bột giấy từ gỗ. Tuy nhiờn việc sử dụng bao bỡ ni lông là lợi bất cập hại. | |  |
| - Em có suy nghĩ gì về các giải pháp mà tác giả đưa ra này? (Có tính thuyết phục và khả thi không?)  - Từ “ vì vậy” có tác dụng gì trong việc liên kết các phần của VB? | *HS theo dõi VB, trả lời*:  4 biện pháp (sgk/105) | ***b. Biện pháp hạn chế tác hại*** |  |
| => ***hoàn toàn có tínhi thuyết phục và khả thi*** ***nhằm hạn chế sử dụng bao bỡ ni lông và tuyờn truyền về tác hại của bao bỡ ni lông.***  -“Vì vậy”: Nối 2 đoạn văn ứng víi hai nội dung một cách tự nhiờn, hợp lí. | |  |
| **-**Trong khi chưa loại bỏ được hoàn toàn bao bỡ ni lông thì BP tốt nhất hiện nay là gì ? |  |
| *HS suy nghĩ, trả lời:*  Hạn chế sử dụng bao ni lông, thay thế bằng giấy, lỏ. |  |  |
| **-**Trước thực trạng này “Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000” đưa ra lời kêu gọi gì ?  - Nhận xét giọng điệu của những câu văn đó?  - Lời kêu gọi đó cho ta thấy được điều gì?  - Học sinh chúng ta cần làm gì để hưởng ứng lời kêu gọi đó? | *HS dựa vào phần 3 văn bản, suy nghĩ, trả lời.* | ***3. Lời kờu gọi*** |  |
| - ***Hãy*** cùng nhau quan tôi .....  - ***Hãy*** bảo vệ Trái Đất...  - ***Hãy*** cùng nhau hành động: “*Một ngày... ni lông*”  \* Giọng điệu mạnh mẽ ngân vang nhằm động viên, khích lệ mọi người  **->Bảo vệ môi trư­ờng Trái Đất là nhiệm vụ to lớn, thường xuyên, lâu dài. Đề nghị mọi ng­ười hạn chế dựng bao bỡ ni lông để góp phần giữ gìn sự trong sạch của mụi trư­ờng Trái Đất.**  - Nhiệm vụ của học sinh: | |  |
| **III. HDHS đánh giá, khái quát VB** | ***Hình thành kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Đánh giá, khái quát** | ***Kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Ghi nhớ** |  |
| **-** Lời kêu gọi trên được truyền đạt bằng hình thức nào? Ngoài hình thức đó, VB còn có những đặc sắc gì về nghệ thuật (bố cục, cách trình bày nội dung...)  - Qua những nét nghệ thuật đó giúp em hiểu biết được gì?  \*GV tóm tắt->GN. Gọi HS đọc | *HS nhận xét, trả lời:*  ***1. Nghệ thuật***  - Giải thích đơn giản, ngắn gọn mà sáng tỏ  - Ngôn ngữ diễn đạt sáng rõ, chính xỏc, thuyết phục  - Liệt kờ, kiểu câu cầu khiến  - Lập luận chặt chẽ, rõ ràng có tínhi thuyết phục cao  ***2. Nội dung***  - Những tác hại của việc dựng bao bỡ ni lông và lợi ớch của việc giảm bớt sử dụng chúng  - Hạn chế sử dụng bao bỡ ni lông là gúp phần tích cực bảo vệ mụi trường trong sạch của Trái Đất  *1 HS đọc ghi nhớ* \* ***Ghi nhớ***: sgk/107 | |  |
|  |
| **\*Tích hợp KNS, MT**  - Ngoài tỳi ni lông theo em còn có những chất thải nào làm ảnh hưởng đến MT nữa ? Cách giải quyết những loại chất thải ấy như thế nào cho hợp lí ?  - Ngoài hành động mà VB đó nêu, để bảo vệ môi trường Trái Đất, theo em còn có những việc làm nào khácc? | *HS tự liên hệ, trình bày*:  - Chất thải ảnh hưởng tới MT: nước thải của các nhà máy, bệnh viện, khói bụi của các phương tiện giao thông, NM xi măng.....  - PT trồng cây gõy rõng  - PT xanh-sạch-đẹp  - Bảo vệ các danh lam thắng cảnh, các khu sinh quyển thiờn nhiờn..... |  |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh, đọc diễn cảm * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 5 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo | | |  |
| **IV**. **HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **Luyện tập** |  |
| **16.**Cho HS làm các BTTN | HS đọc, trả lời. | ***1. Trắc nghiệm*** |  |
| **17**.Viết một đoạn văn (4-6 câu) nói về sự cần thiết phải bảo vệ môi trường. | HS viết cá nhân, 1-2 HS trình bày. HS khácc nhận xét | ***2. Viết đoạn văn*** |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

- Thời gian: 5 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| GV yêu cầu HS viết đoạn:  Viết đoạn văn ngắn nêu suy nghĩ của em về vấn đề rác thải. | - HS trình bày |  |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

- Thời gian: 3 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Sưu tầm tranh ảnh, tài liệu về tác hại của việc dùng bao nilon và những vấn đề khác của rác thải sinh hoạt làm ô nhiễm môi trường. | - HS sưu tầm, trình bày |  |  |

**Bước IV: Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà:**

- Học phần ghi nhớ: nắm được nội dung ý nghĩa của văn bản.

- Đọc kĩ bài “Nói giảm nói trỏnh” và trả lời các câu hái trong SGK.

\* Rút kinh nghiệm

- Nhấn mạnh tác hại của việc sử dụng bao bì ni long

-Hướng học sinh viết van bản ngắn về tác hại của bao ni long và cách khắc phục

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 10**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 3**

**NÓI GIẢM, NÓI TRÁNH**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu được khái niệm, tác dụng của biện pháp nói giảm, nói tránh.

- Biết sử dụng biện pháp tu từ nói giảm, nói trỏnh.

**2. Kĩ năng**:

- Phân biệt nói giảm nói tránh víi nói không đúng sự thật

- Sử dụng nói giảm nói tránh đúng lúc, đúng chỗ để tạo lời nói trang nhó, lịch sự.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục học sinh ý thức sử dụng biện pháp nói giảm nói trỏnh trong giao tiếp khi

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức:**

- Khái niệm nói giảm nói trỏnh.

- Tác dụng của biện pháp tu từ nói giảm nói trỏnh.

**2. Kĩ năng**:

- Phân biệt nói giảm nói tránh víi nói không đúng sự thật

- Sử dụng nói giảm nói tránh đúng lúc, đúng chỗ để tạo lời nói trang nhó, lịch sự.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục học sinh ý thức sử dụng biện pháp nói giảm nói trỏnh trong giao tiếp khi cần thiết.

**4. Năng lực phát triển**

**a. Các năng lực chung**.

- Năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tư duy sáng tạo

**b. Các năng lực chuyên biệt.**

- Năng lực tìm kiếm,tổ chức, xử lí thông tin.

- Năng lực sử dụng tiếng Việt

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy**:

- Đọc kĩ bài học và soạn bài chu đáo

- Mỏy chiếu

**2. Trò:**

- Đọc kĩ bài học và trả lời các câu hái trong SGK.

**IV.TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**Bước I: Ổn định tổ chức:**

**Bước II: Kiểm tra bài cũ:**

a, Nội dung kiểm tra:

- Nói quỏ là gì? Tác dụng của nói quỏ? Lấy ví dụ?

- Làm bài tập 5/103?

**Bước III: Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | |  |
| \* Nêu tình huống: Trong cuộc sống có khi ta gặp những vấn đề khó nói thẳng cho người nghe biết. Trong trường hợp này ta phải làm thế nào?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày,*  =>Dựng cách nói vũng, nói trỏnh đi | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 40.* Nói giảm.....** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | |  |
| **I.HD HS tìm hiểu về nói giảm nói trỏnh và tác dụng của BPTT này..** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I.Tìm hiểu về nói giảm nói trỏnh và tác dụng** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Nói giảm nói trỏnh và tác dụng** |  |
| **1**.GV chiếu ví dụ. Gọi HS đọc VD1. Cho HS thảo luận cặp đôi:  - Những từ ngữ in đậm trong các đoạn trích có ý nghĩa là gì? Đồng nghĩa víi từ nào?  - Tại sao người nói, người viết lại dùng cách diễn đạt đó ? | *HS quan sát và đọc các ví dụ, suy nghĩ, trao đổi, thảo luận, trình bày:* | ***1. Ví dụ:***  + VD1: |  |
| ***- đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê nin***  ***và các vị CM đàn anh khác.*** ->Đều có nghĩa  ***- đi***. là chết  ***- chẳng còn***  \* Mục đích: để giảm nhẹ, tránh đi phần nào sự đau buồn | |  |
| **2**. Ngoài các từ ngữ trên người ta còn dựng các từ nào để nói về cái chết ? | *HS tìm, trả lời*  - ***Thụi rồi*** ! Lượm ơi !  - Bác đó ***lên đường theo tổ tiờn*** |  |  |
| **3**. Gọi HS đọc VD2. Hái:  - Vì sao trong câu văn, tác giả dùng từ “*bầu sữa*” mà không dựng một từ ngữ khácc cùng nghĩa ?  - Cách nói như vậy có tác dụng gì? | *HS suy nghĩ, trả lời* | + VD2: ***Bầu sữa*** -> trỏnh thụ tục  Mục đích: thể hiện thái độ nhó nhặn, lịch sự |  |
| **4**.So sánh 2 cách nói trong VD3 và cho biết cách nói nào nhẹ nhàng, tế nhị hơn. | *HS so sánh, trả lời* | + VD3. |  |
| - Con dạo này l***ười lắm.***  - Con dạo này ***không được chăm chỉ lắm.*** => *nhẹ nhàng, tế nhị hơn đối víi người nghe.* | |  |
| **5**. Các cách nói như trên người ta gọi là nói giảm, nói tránh. Em hiểu nói giảm, nói tránh là như thế nào? Tác dụng ?  \*GV chốt lại . Gọi HS đọc. | *HS khái quát, trả lời*  *1 HS đọc ghi nhớ* | ***->Nói giảm, nói trỏnh:***  ***2. Ghi nhớ*** (sgk/108) |  |
| **6.** Quan sỏt lại các VD, hãy cho biết có thể nói giảm, nói trỏnh bằng cách nào?  \*GV nói thêm để HS biết. | *HS suy nghĩ, trả lời:*  Các cách nói giảm, nói trỏnh:  - Dùng các từ ngữ đồng nghĩa  - Dùng cách nói phủ định  - Nói vũng hoặc nói trống | |  |
| **7. Tích hợp KNS:** Qua bài học, em tự rút ra cho mình điều gì trong giao tiếp?  - Khi nào thì không nờn dựng nói giảm, nói trỏnh? | *HS liên hệ:-*  *-* Cần sử dụng nói giảm, nói trỏnh trong những tình huống cụ thể để thể hiện thái độ lịch sự, nhó nhặn, tạo phong cách của người có văn hoá.  - Khi cần phải nói sự thật (làm nhân chứng...) thì không nờn nói giảm, nói trỏnh. | |  |
| **8.** Lấy một vài ví dụ có sử dụng phép tu từ nói giảm, nói tránh trong thơ văn? Nêu tác dụng của nó? | *HS lấy VD:*  - Bác đó lên đường theo tổ tiên..... tiến lên.  - Đó ngững đập một trái tim ...... đại bàng. |  |  |
| **9.** Cho HS làm BT nhanh:  - Tìm trong văn bản “Lão Hạc” các câu văn có sử dụng biện pháp tu từ nói giảm, nói tránh và cho biết ý nghĩa ?  - Cho biết gió trị biểu cảm trong các cách nói giảm nói trỏnh sau:  + Bác Dương thôi đó, thụi rồi / Nước mây man mỏc ngậm ngựi lòng ta  + Bà về năm đói làng treo lưới / Biển động hũn Mờ giặc bắn vào. | | |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | |  |
| **II.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập** |  |
| **8** .GV chiếu BT1. Gọi HS đọc. Nêu yêu cầu: Điền các từ ngữ nói giảm nói tránh vào những chỗ trống ? | *1HS lên bảng làm, cả lớp làm vào vở BT:*  a. Đi nghỉ.  b. Chia tay nhau. | ***Bài 1: Điền từ ngữ nói giảm, nói tránh vào chỗ trống:***  d. Có tuổi. |  |
|  | c. Khiếm thị.. | e. Đi bước nữa. |  |
| **9**. Gọi HS đọc BT2. Nêu yêu cầu: Trong mỗi cặp câu dưới đây, câu nào có sử dụng ? | *1 HS đọc, cả lớp quan sát , 1 HS lên bảng đánh dấu các câu có sử dụng cách nói giảm, nói tránh* | ***Bài 2. Xác định câu có sử dụng nói giảm, nói tránh:***  a-2, b-2, c-1, d-1, e-2. |  |
| **10**. **Tích hợp MT**: Đặt năm câu cósử dụng nói giảm, nói tránh để đánh giá về môi trường ở địa phương, trường lớp em trong những trường hợp khác nhau ? | *2 HS lên bảng làm* | ***Bài 3: Đặt câu có sử dụng nói giảm, nói trỏnh*** |  |
| ***a.*** Hôm nay***,*** bạnquột lớp vẫn còn bẩn quỏ.  -> Hôm nay***,*** bạnquét lớp chưa được sạch sẽ lám.  ***b.*** Mọi người còn thiếu ý thức bảo vệ môi trường.  -> Vấn đề bảo vệ môi trường của địa phương chưa được mọ người thực hiện nghiêm chỉnh. | |  |
| **11**.Viết đoạn văn nhận xét, góp ý víi bạn về một việc làm sai của bạn để bạn sửa chữa. Trong đoạn văn em có sử dụng nói giảm, nói tránh. | *HS viết cá nhân.* | ***Bài 4. Viết đoạn văn*** |  |
| VD:  - Lời nói của bạn như vậy chưa thể hiện sự lễ phép víi người lớn.  - Hành động của bạn như vậy chưa được đẹp cho lám.  - Xin bạn cười nho nhỏ một chút kẻo ảnh hưởng đến người khác! | |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

- Thời gian: 5 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| **Câu 1.** Khi nào không nờn nói giảm nói trỏnh?  **Câu 2.** Câu văn nào dưới đây không dùng phép nói giảm nói tránh?   1. Bài thơ anh viết về ý tứ, hình ảnh thì được, nhưng tình cảm còn chưa đủ sâu.   B. Có lẽ, anh nên thu xếp để rời nơi này sớm thì hơn.  C. Nói năng như thế là có phần chưa được thiện chí lắm.  D. Anh ăn nói như dùi đục chấm mắm cáy |  |  |  |

* Rút kinh nghiệm

- Cho học sinh lấy thêm ví dụ

- Nhấn mạnh các trường hợp không nên nói giảm, nói tránh

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TUẦN 10**

**TIẾT 4: TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Tuần 10**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 4**

**TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA HKI**

**A. CHUẨN KIẾN THỨC, CHUẨN KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức**

- Học sinh nắm được kiến thức về các văn bản đã học.

- Nắm được kiến thức về Tiếng việt

**2. Kĩ năng**

- Kĩ năng làm một văn bản nghị luận về tưu tưởng đạo lí hoặc hiện tượng xẫ hội.

**B. CHUẨN BỊ**:

- GV: Chuẩn bị các tư liệu, dẫn chứng trong bài làm của HS, định hướng những thành công, hạn chế cơ bản qua bài làm của lớp.

- HS: Chữa bài theo hướng dẫn của thầy cô.

**C.TIẾN TRÌNH TRẢ BÀI:**

**\* HOẠT ĐỘNG 1:**

**- GV phát bài cho HS.**

**- Nêu đề bài – Xác định yêu cầu làm bài.**

**- Tìm hiểu đề:**

**+Yêu cầu về hình thức:**

Đối với bài văn nghị luận phải có bố cục ba phần: Mở bài, thân bài, kết bài

**+ Yêu cầu về nội dung:**

Đáp ừng yêu cầu đề bài đưa ra

**\* HOẠT ĐỘNG 2:Tổ chức cho HS thảo luận, xây dựng dàn ý cho bài tập làm văn.**

- Các tổ cử đại diện trình bày ý chính, bổ sung cho hoàn chỉnh dàn bài và các yêu cầu cần đạt về kiểu bài.

- GV chuẩn bị bảng phụ (dàn bài đại cương) đưa ra sau khi thảo luận xong.

**\* HOẠT ĐỘNG 3: Nhận xét và đánh giá bài kiểm tra.**

- HS tự nhận xét bài kiểm tra của mình (ưu-khuyết).

- GV nhận xét và đánh giá bài kiểm tra.

**1. Ưu điểm**

- Nhiều học inh chuẩn bị bài tốt nên đạt kết quả cao

- Trình bày sạch đẹp, chữ viết rõ ràng.

**2. Hạn chế**

- Còn một số học sinh chưa chuẩn bị bài tốt

- Một số em còn lạc đề

**Giáo viên tuyên dương những bài làm khá tốt trong đợt kiểm tra:**

**\* HOẠT ĐỘNG 3:**

**4. Củng cố**

- Qua tiết trả bài, em nắm được những kiến thức, kĩ năng nào?

- Kinh nghiệm em rút ra được sau tiết trả bài là gì?

**5. Dặn dò**

***D. RÚT KINH NGHIỆM***

*- Sủa kĩ phần lỗi sai của học sinh*

*- Cho học sinh ghi lại phần dàn ý bài nghị luận*

**Tuần 11**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 1**

**LUYỆN NÓI: KỂ CHUYỆN THEO NGÔI KỂ KẾT HỢP VỚI MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Nắm chắc kiến thức về ngôi kể

- Trình bày đạt yêu cầu một câu chuyện có kết hợp sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm.

**2. Kĩ năng**:

- Kể được một câu chuyện theo ngôi kể khác nhau; biết lựa chọn ngôi kể phù hợp víi câu chuyện được kể.

- Lập dàn ý một văn bản tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm.

- Diễn đạt trôi chảy, góy gọn, biểu cảm, sinh động câu chuyện kết hợp sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục học sinh lòng tự tin khi nói trước tập thể.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức:**

- Ngôi kể và tác dụng của việc thay đổi ngôi kể trong văn bản tự sự.

- Sự kết hợp các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong văn bản tự sự.

- Những yêu cầu khi trình bày văn nói kể chuyện.

**2. Kĩ năng**:

- Kể được một câu chuyện theo ngôi kể khác nhau; biết lựa chọn ngôi kể phù hợp víi câu chuyện được kể.

- Lập dàn ý một văn bản tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm.

- Diễn đạt trôi chảy, góy gọn, biểu cảm, sinh động câu chuyện kết hợp sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục học sinh lòng tự tin khi nói trước tập thể.

**4. Năng lực phát triển.**

**a. Các năng lực chung**.

- Năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tư duy sáng tạo

**b. Các năng lực chuyên biệt.**

- Năng lực tìm kiếm,tổ chức, xử lí thông tin.

- Năng lực sử dụng tiếng Việt

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy**:

- Đọc kĩ bài học và soạn bài chu đáo.

**2. Trò:**

- Đọc kĩ bài học và chuẩn bị tốt phần “ Chuẩn bị ở nhà”.

**IV.TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**Bước I: Ổn định tổ chức:**

**Bước II: Kiểm tra bài cũ:**

- Kiểm tra việc chuẩn bị học tập của học sinh.

**Bước III: Tổ chức dạy và học bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

- Thời gian: 1 phút

- Phương pháp: Thuyết trình

- Kĩ thuật: Động não

GV: Ở tiết trước chúng ta đó được tìm hiểu về văn tự sự có kết hợp các yếu tố miêu tả và biểu cảm. Bài học hôm nay chúng ta tiếp tục củng cố kiến thức về văn tự sự kết hợp víi văn miêu tả và biểu cảm qua tiết luyện nói .

**HOẠT ĐỘNG 2: HèNH THÀNH KIẾN THỨC**

- Thời gian: 20 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Khăn trải bàn, động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Thuyết trình, trực quan * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Thuyết trình. | | |  |
| \*GV nêu vấn đề, dẫn vào bài mới | ***Hình thành kĩ năng thuyết trình***  *- Nghe* | ***Kĩ năng thuyết trình*** |  |
| Hàng ngày chúng ta giao tiếp víi nhau bằng cách nói và viết. Giờ luyện nói giúp chúng ta biết kể chuyện có ngữ điệu, có hành động, cử chỉ xen lẫn miêu tả và b/cảm. | | |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 42.*** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thỏc kờnh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | |  |
| **I.HD HS ụn tập về ngôi kể** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. ễn tập về ngôi kể** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Củng cố kiến thức** |  |
| **1**.Trong văn tự sự ta thường dùng những loại ngôi kể nào ? Tác dụng của mỗi loại ngôi kể?  - Lấy VD về cách kể theo các ngôi đó ?  \*GV tổng kết lại kiến thức.  Chiếu KT lên bảng phụ.  Gọi HS đọc lại. | *HS trả lời*: | ***1. Ngôi kể*** |  |
| - ***Kể theo ngôi thứ nhất***: người kể xưng tôi trong câu chuyện. Kể theo ngôi này, người kể có thể trực tiếp kể ra những gì mình nghe, mình thấy, mình trải qua có thể trực tiộp nói ra những suy nghĩ, tình cảm của mình, ... kể như là người trong cuộc.  =>Tác dụng: Làm tăng tính chân thực, thuyết phục “như là có thật” của câu chuyện  VD: Trong lòng mẹ, Tôi đi học. ....  -***Kể theo ngôi thứ ba***: người kể tự giấu mình đi, gọi tên các nhân vật bằng tên gọi của chúng  =>Tác dụng giúp người kể linh hoạt, tự do những gì diễn ra víi nhân vật.  VD: Tức nước vì bờ, Chiếc lá cuối cùng..... | |  |
| **2**.**Cho HS thảo luận nhúm bàn:** Tại sao người ta phải thay đổi ngôi kể ? Việc thay đổi ngôi kể có tác dụng gì? | *HS suy nghĩ, thảo luận, trình bày:* | ***2. Thay đổi ngôi kể*** |  |
| - Tuỳ vào mỗi cốt truyện cụ thể, ở những tình huống cụ thể mà người viết lựa chọn ngôi kể cho phù hợp víi cốt truyện, nhân vật  -> *Tăng tính hấp dẫn cho câu chuyện.*  - Còng có khi trong một truyện, người viết dùng các ngôi kể khác nhau (thay đổi ngôi kể) để soi chiếu sự vật, sự việc, nhân vật bằng các điểm nhỡn khácc nhau  -> Tăng tính sinh động, phong phú cho việc miêu tả sự vật, sự việc và con người. | |  |
| **4**. Trong bài văn tự sự, yếu tố miêu tả và biểu cảm có tác dụng gì?  - Việc kể chuyện theo ngôi kể kết hợp m/tả, biểu cảm phải đảm bảo yêu cầu gì? | *HS trình bày* | ***3. Yếu tố miêu tả và biểu cảm*** |  |
| - Tác dụng: Tạo nên cách kể sinh động, có cảm xúc  - Kể chuyện theo ngôi kể kết hợp miêu tả, biểu cảm phải rõ ràng, tự nhiên, lưu loát, hấp dẫn. | |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh, đọc diễn cảm * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 5- 7 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo | | |  |
| **II.HD HS luyện nói** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện nói** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II. Luyện nói** |  |
| **5**. Gọi HS đọc đoạn trích trong sgk. Cho HS xác định:  - Nhân vật, sự việc, ngôi kể trong đoạn văn? | *1HS đọc, trao đổi trong bàn, trả lời:* | ***1. Chuẩn bị*** |  |
| - Nhân vật chính: chị Dậu  - Sự việc: chị Dậu đánh lại tên cai lệ và người nhà lí | |  |
| - Các yếu tố biểu cảm nổi bật?  - Các yếu tố miêu tả và tác dụng của chúng?  - Muốn kể lại đoạn trích trên theo ngôi thứ nhất thì phải thay đổi những gì ? | trưởng  - Yếu tố biểu cảm: trong các từ xưng hô  - Yếu tố miêu tả: *chị Dậu xỏm mặt, sức lẻo khoẻo...*  -> nêu bật sức mạnh của lòng căm thù  - Muốn kể lại theo ngôi kể thứ nhất thì phải thay đổi:  + Xưng hô: Ngôi 3-> ngôi 1  + Lời thoại trực tiếp -> lời kể gión tiếp.  + Lựa chọn chi tiết miêu tả và biểu cảm cho sỏt  hợp ngôi thứ nhất. | |  |
| **6**. Hãy chuyển đoạn trích trên sang ngôi kể thứ nhất ? | *HS chuyển ngôi kể, 1-2 HS trình bày. HS khácc nhận xét.* |  |  |
| **7.** Khi nói cần phảilưu ý những gì?  \*GV chốt lại yêu câu khi nói: | *HS trình bày* | ***\* Yêu cầu nói*** |  |
| - Chọn vị trớ kể sao cho có thể nhỡn được người nghe  - Lựa chọn ngôn ngữ nói mạch lạc, tự nhiên, sử dụng được yếu tó miêu tả và biểu cảm phù hợp để kể theo dàn ý đó chuẩn bị.  - Âm lượng vừa đủ nghe, ngữ điệu hấp dẫn, phù hợp víi nhân vật và diễn biến truyện | |  |
| **8**. GV cho HS kể theo tổ.  Yêu cầu khi kể kết hợp víí các động tác, cử chỉ, nét mặt ... để miêu tả và thể hiện tình cảm. | *- HS đóng vai chị Dậu kể lại theo từng tổ* | ***2. Luyện nói***  ***a. Kể theo nhúm*** |  |
| **8**. GV cho HS kể trước lớp  GV nh/xét, cho điểm | *Mỗi tổ cử 1 đại diện kể trước lớp.* | ***b. Kể trước lớp*** |  |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

- Thời gian: 10 phút

- Phương pháp: Vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não, tia chớp

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hướng dẫn luyện tập** |  | **II. Luyện nói:** |  |
| Gọi học sinh đọc lại đoạn trích trong tác phẩm “ Tắt Đèn”  H: Tìm các chi tiết miêu tả và biểu cảm trong đoạn trích trên?  H: Muốn kể lại đoạn trích trên theo ngôi kể thứ nhất thì phải thay đổi những gì?  H: Kể lại câu chuyện trên theo ngôi thứ nhất?  GV cho nhận xét:  - Ngôi kể.  - Các sự việc chính có đảm bảo không?  - Động tác, cử chỉ, nét mặt, ngôn ngữ để miêu tả và thể hiện tình cảm.  Giáo viên nhận xét chung và cho điểm những em kể tốt.  GV chia nhúm thảo luận, trình bày theo đề sau  ? Nếu là người chứng kiến lão Hạc kể víi ông giáo về chuyện bán chú em hãy kể lại sự việc trên | **Hình thành năng lực tự học, giải quyết vấn đề**  - Học sinh đọc  - Tìm.  - Học sinh trả lời  - Học sinh kể  - Học sinh nhận xét  - Thảo luận  - Đại diện trình bày  - Nhận xét lẫn nhau | \* Cách chuyển:  - Xư­ng hụ: ngôi thứ nhất  ( xưng “ tôi” )  - Chuyển lời thoại trực tiếp thành lời kể gión tiếp.  - Lựa chọn chi tiết miêu tả và biểu cảm sao cho phự hợp víi ngôi kể thứ nhất.  \* Kể lại câu chuyện. |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

- Thời gian: 10 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| GV yêu cầu HS kể một câu chuyện theo ngôi thứ ba chú ý yếu tố miêu tả và biểu cảm | **Hình thành năng lực tự học.**  - HS trình bày |  |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

- Thời gian: 3 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Tập kể một câu chuyện về đức tính giản dị của Bác Hồ theo ngôi kể thứ ba sau đó chuyển thành ngôi kể thứ nhất. | - HS kể |  |  |

**Bước IV: Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà:**

- Ôn lại khái niệm và tác dụng của ngôi kể thứ nhất và ngôi kể thứ ba trong văn tự sự.

- Tiếp tục tập kể lại câu chuyện trên theo ngôi kể thứ nhất.

- Đọc kĩ bài “ Câu ghộp” và trả lời các câu hái trong SGK.

\* Rút kinh nghiệm

- Hướng dẫn học sinh chuẩn bị theo hướng dẫn

- Rèn luyện them phần tác phong cho những học sinh nhút nhát

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 11**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 2**

**ÔN DỊCH, THUỐC LÁ**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Biết cách đọc – hiểu, nắm bắt các vấn đề xó hội trong một văn bản nhật dụng.

- Có thái độ quyết tâm phũng chống thuốc lỏ.

- Thấy được sức thuyết phục bởi sự kết hợp chặt chẽ phương pháp lập luận và thuyết minh trong văn bản.

**2. Kĩ năng**:

- Đọc – hiểu một văn bản nhật dụng đề cập đến một vấn đề xó hội bức thiết.

- Tích hợp víi phần Tập làm văn để tập viết bài văn thuyết minh một vấn đề của đời sống xó hội.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục học sinh ý thức chống thuốc lỏ.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức:**

- Mối nguy hại ghê gớm toàn diện của tệ nghiện thuốc lá đối víi sức kháce con người và đạo đức xó hội.

- Tác dụng của việc kết hợp các phương thức biểu đạt lập luận và thuyết minh trong văn bản.

**2. Kĩ năng**:

- Đọc – hiểu một văn bản nhật dụng đề cập đến một vấn đề xó hội bức thiết.

- Tích hợp víi phần Tập làm văn để tập viết bài văn thuyết minh một vấn đề của đời sống xó hội.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục học sinh ý thức chống thuốc lỏ.

**4. Năng lực phát triển.**

**a. Các năng lực chung**.

- Năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tư duy sáng tạo

**b. Các năng lực chuyên biệt.**

- Năng lực tìm kiếm,tổ chức, xử lí thông tin.

- Năng lực tiếp nhận văn bản

- Năng lực cảm thụ thẩm mĩ.

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy**:

- Đọc kĩ bài học và soạn bài chu đáo

- Tranh ảnh

**2. Trò:**

- Đọc kĩ bài học và trả lời các câu hái trong SGK.

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**Bước I: Ổn định tổ chức:**

**Bước II: Kiểm tra bài cũ:**

- Nêu nội dung ý nghĩa của văn bản “Thông tin ngày Trái đất năm 2000”?

- Nêu những giải pháp, kiến nghị để hạn chế tác hại của việc sử dụng bao bỡ ni lông gõy ra?

**Bước III: Tổ chức dạy và học bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

- Thời gian: 1 phút

- Phương pháp: Thuyết trình

- Kĩ thuật: Động não

GV: Thuốc lá là một chủ đề thường xuyên được đề cập trên các phương tiện thông tin đại chúng. Ngày càng nhiều công trình nghiờn cứu phân tích tác hại ghờ gớm, toàn diện của tệ nghiện thuốc lỏ và khói thuốc lỏ đối víi đời sống con người. Vậy tác hại đó ntn ...

**HOẠT ĐỘNG 2: HèNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

- Thời gian: 25 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp.

- Kĩ thuật: Tia chớp, động não, khăn trải bàn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Thuyết trình, trực quan * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Thuyết trình. | | |  |
| **\*** GV chiếumột số h/ả về những người hút thuốc và biển cấm hút thuốc.  - Nêu yêu cầu: Những hình ảnh trên đề cập đến vấn đề gì? Em hiểu gí về v/đề đó?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Quan sát, trao đổi*  *- 1 HS trình bày, dẫn vào bài mới* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 45. Văn bản.....*** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**  **\*Tri giác**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút * ***Thời gian***: 3- 5' * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc | | |  |
| **I. HD HS đọc - tìm hiểu chú thích** | ***Hình thành kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I.Đọc-tìm hiểu chú thích** | ***Kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I. Đọc - Chú thích** |  |
| **1**.GV nêu y/cầu đọc. Rõ ràng, mạch lạc, nhấn mạnh những tác hại do thuốc lỏ gõy ra.  - Gọi HS đọc, nh/xét cách đọc của HS. | *-HS nghe, xác định cách đọc.*  *-2 HS đọc văn bản, HS khác nhận xét* | ***1. Đọc*** |  |
| **2**. Hãy tóm tắt những nột chính về tác giả và xuất xứ của bài viết này?  **GV bổ sung**: NKV là một trí thức Tây học, đỗ bác sĩ tại Pháp trong những năm 40 của TKXX. Ông là nhà hoạt động văn hoá, nhà hoạt động xó hội rất nổi tiếng ở nước ta | *HS dựa vào CT để trả lời* | ***2.Chú thích***  ***a. Tác giả:*** Nguyễn Khắc Viện  ***b. Xuất xứ:*** Trích trong cuốn”*Từ thuốc lá đến ma tuý-bệnh nghiện*” |  |
| **3**.GV kiểm tra việc đọc CT của HS. Cho HS giải thích ý nghĩa của từ “ụn dịch” | *HS đọc các CT, lưu ý chú thích 1, 9* | ***c. Từ khó:*** sgk |  |
| **\* Phân tích - Cắt nghĩa**   * ***PPDH***: Phân tích, giải thích, vấn đáp, tái hiện thông tin, thuyết tŕnh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, khăn trải bàn. * ***Thời gian***: 25-30' * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giải quyết vấn đề, hợp tác, cảm thụ | | |  |
| **II. HD HS đọc - tìm hiểu văn bản**  **B1. HD tìm hiểu khái quát** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II. HS đọc - tìm hiểu VB**  **1.HS tìm hiểu khái quát** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II.Đọc-Tìm hiểu văn bản**  **1. Tìm hiểu khái quát** |  |
| **4**. **Nêu yêu cầu cho HS thảo luận bằng KT KTB** | *HS thảo luận băng KT KTB . Đại diện trả lời:* | - ***Nhan đề văn bản*** |  |
| - Ta có thể hiểu như thế nào về nhan đề của văn bản ?  - Việc dùng dấu phẩy trong nhan đề văn bản có ý nghĩa gì?  - Có thể sửa nhan đề thành “Thuốc lá là một loại ôn dịch” được không ? Vì sao ? | *- ễn dịch*: chỉ chung các loại bệnh nguy hiểm lây lan rộng làm chết người hàng loạt trong một thời gian nhất định. Từ này thường được dùng làm tiếng chửi rủa (như: đồ ôn dịch)  *- ễn dịch, thuốc lỏ*:  + So sánh tệ nghiện thuốc lỏ víi ụn dịch  +Tỏ thái độ nguyền rủa, lên án dịch bệnh này.  - Dấu phẩy được sử dụng theo lối tu từ->nhấn mạnh sắc thái biểu cảm: vừa căm tức, vừa ghê tởm đối víi thuốc lá ->thể hiện quan điểm và thái độ của người viết. Nếu đổi lại thì tínhi chất biểu cảm sẽ giảm đi. | |  |
| **5**. VB này có thể xếp vào | *HS xác định và trả lời:* | ***- Kiểu VB*** : nhật dụng |  |
| kiểu văn bản nào? Vì sao em có thể xỏc định như vậy?  - Để làm rõ cho nhan đề, văn bản đó sử dụng những PTBĐ nào?  - VB có thể chia làm mấy phần? Nội dung từng phần? | Vì VB đề cập đến v/đề: Tác hại của thuốc lá và các b/pháp phũng chống đồng thời đưa ra các tri thức về tác hại của thuốc lá để bạn đọc nhận thức và biết cách đề phũng.  ***- PTBĐ:*** nghị luận kết hợp thuyết minh  - ***Bố cục văn bản:***  + Phần 1:Từ đầu đến “còn nặng hơn cả AIDS”  ->*Thông bỏo về nạn dịch thuốc lỏ*  + Phần 2:Tiếp đến “con đường phạm pháp”  ->*Tác hại của thuốc lỏ*  + Phần 3: Còn lại -> *Kiến nghị chống thuốc lỏ*  (Biện pháp ngăn ngừa,hạn chế tác hại của thuốc lá) | |  |
| ***B2. HD HS tìm hiểu chi tiết văn bản*** | ***HS tìm hiểu chi tiết văn bản*** | ***2. Tìm hiểu chi tiết*** |  |
| **6**. Theo dõi phần đầu VB. Hãy cho biết:  - Những tin tức nào được | *HS đọc VB, phát hiện chi tiết, suy nghĩ và trả lời* | ***1. Thông bỏo về nạn dịch thuốc lỏ.*** |  |
| - Những tin tức được thông báo: | |  |
| thông báo trong phần đầu của VB?  - Trong các thông tin đó, thông tin nào được nêu thành nhan đề của văn bản ? | + Nhờ tiến bộ y học, loài người đó diệt trõ được những dịch bệnh khủng khiếp: dịch hạch, thổ tả  + Có những ụn dịch mới xuất hiện vào cuối thế kỉ nàylà nạn AIDS và ụn dịch thuốc lỏ.  ***=>Ôn dịch thuốc lá đe doạ sức khoẻ và tính mạng loài người còn nặng hơn cả AIDS.*** | |  |
| **7**. Những thông tin đó được đưa ra dựa trên cơ sở nào? Nhận xét về đặc điểm lời văn thuyết minh trong các thông tin này? Tác dụng ? | *HS suy nghĩ, trả lời:* |  |  |
| - Cơ sở: Kết luận của hơn 5 vạn công trình nghiờn cứu của các nhà bác học  - Sử dụng các từ thông dụng của ngành y tế.  - Dựng phộp so sánh  ->T/dụng: Thông bỏo ngắn gọn, chính xỏc về nạn dịch thuốc lỏ. Nhấn mạnh hiểm hoạ to lớn của nạn dịch này. | |  |
| **9**.Thái độ của em trước những thông tin đó?Vì sao? | *HS suy nghĩ, tự bộc lộ*:  VD: ngạc nhiờn, lo sợ.... |  |  |
| **10**. Tác hại của thuốc lá được thuyết minh trên những phương diện nào ?  - Xác định các đoạn văn thuyết minh cho từng phương diện đó? | *HS theo dõi VB, suy nghĩ cá nhân, trả lời:* | ***2. Tác hại của thuốc lỏ*** |  |
| - 2 phương diện: sức khoẻ con người và lối sống, đạo đức cá nhân, cộng đồng  +Từ “Ngày trước ... là một tội ác”:  *->Thuyết minh thuốc lỏ có hại cho sức khoẻ.*  +Từ “Bố và anh ... vào con đường phạm pháp”:  ->*Thuyết minh thuốc lá có hại cho lối sống, đạo đức của con người.* | |  |
| **11.** Trước khi đưa raphân tíchtác hại của thuốc lá, tác giả đó dẫn lời THĐ bàn về đánh giặc. Điều đó có t/dụng gì trong lập luận?  \**GV:Tằm ăn đến đâu biết đến đấy nhưng tác hại của thuốc lá thì không thể thấy ngay được* | *HS suy nghĩ cá nhân, trả lời:* Cách so sánh có t/c bắc cầu để so sánh việc chống thuốc lá như chống giặc ngoại xâm  - T/dụng: Tăng tính thuyết phục của một v/đề y học. |  |  |
| **12**.Theo dõi đoạn “Ngày trước....là một tội ác”. Hãy cho biết:  - Sự huỷ hoại của thuốc lá đến sức khoẻ con người được phân tích trên những chứng cớ nào ?  - Nhận xét các chứng cớ mà tác giả dùng để thuyết minh trong đoạn này ? | *HS theo dõi VB, tìm dẫn chứng, nh/xét, trình bày:* | ***a. Đối víi sức khoẻ con người*** |  |
| ***- Đối víi người hút***: Khói thuốc lá chứa nhiều chất độc thấm vào cơ thể người hỳt:  + Chất hắc ớn làm tờ liệt những lông mao của tế bào niêm mạc ở vũm họng, phế quản, nang phổi gõy ho hen, sau nhiều năm gây viêm phế quản, ung thư vũm họng, ung thư phổi.  + Chất ụ-xit các bon thấm vào mỏu, không cho hồng cầu tiếp cận ụ-xi khiến sức khoẻ giảm sỳt .  + Chất ni-cụ-tin làm các động mạch co thắt lại, gây những bệnh nghiêm trọng như huyết áp cao, tắc động | |  |
| - Các tư liệu thuyết minh này cho thấy mức độ tác hại của thuốc lá đối víi sức khoẻ con người như thế nào ? | mạch, nhồi máu cơ tim.  ***- Đối víi những người xung quanh***: người ở gần hít phải luồng khói độc còng bị nhiễm độc, còng đau tim mạch, viêm phế quản, ung thư, nhiễm độc thai gây đẻ non, sinh con suy yếu.  ->*Là các chứng cớ khoa học, khách quan, xác thực đó được nghiên cứu, phân tích, thống kê cụ thể ,có sức thuyết phục người đọc*  ***=>Huỷ hoại nghiêm trọng sức khoẻ con người. Gây ra nhiều căn bệnh hiểm nghèo và nhiều cái chết bệnh*** | |  |
| **13**.Trong những hiểm hoạ đó điều gì em đó biết và điều gì còn mới mẻ đối víi em ? | *HS tự bộc lộ* |  |  |
| **14**. Cho HS đọc đoạn “Bố và anh hỳt... phạm pháp”. Hái:  - Ngoài tác hại về mặt sức khoẻ, việc hỳt thuốc lỏ còn có tác hại gì víi lối sống đạo đức?  - Để làm nổi bật tác hại của thuốc lá đối víi lối sống đạo đức, tác giả đó sử dụng phương pháp so sánh như thế nào ? Víi dụng ý gì ?  - Điều đó cho thấy mức độ tác hại của thuốc lá đến cuộc sống đạo đức con người như thế nào ? | *1 HS đọc, trao đổi trong bàn, trả lời:* | ***b. Đối víi lối sống đạo đức*** |  |
| - Bố, anh, chú, bác hút thuốc không những đầu độc con em mà còn nêu gương xấu.  - Tỉ lệ thanh thiếu niên hút thuốc ở các thành phố lớn nước ta ngang víi các thành phố Âu-Mĩ. Để có tiền hút thuốc, thiếu niên ta sinh ra trộm cắp, phạm pháp.  - Từ nghiện thuốc, bia có thể dẫn đến nghiện ma tuý.  \*Cách so sánh:  + So sánh tỉ lệ hỳt thuốc của thanh thiếu niờn các thành phố lớn Việt Nam víi các thành phố Âu-Mĩ.  + So sánh số tiền nhỏ (1 đô la để mua 1 bao thuốc của thanh niên Mĩ) và số tiền lớn (15000đ để mua bao thuốc đó ở VN).  -> *Cảnh báo nạn đua đũi hỳt thuốc ở nước nghèo, đánh vào túi tiền ít ái của người VN* *từ đó nảy sinh ra các tệ nạn khác.*  =>***Làm nảy sinh các tệ nạn xó hội, huỷ hoại lối sống, nhân cách của người Việt Nam, nhất là thanh thiếu niên.*** | |  |
| **15**.Toàn bộ những thông tin này cho ta hiểu biết về tác hại của thuốc lá như thế nào ?  - Những thông tin này có hoàn toàn mới lạ đối víi em không ? Vì sao ? | *HS tự bộc lộ, trả lời* | ***=>Là một thứ độc hại ghê gớm đối víi sức khoẻ cá nhân và cộng đồng. Có thể huỷ hoại nhân cách tuổi trẻ*** |  |
| **16**. Phần cuối văn bản cung cấp thông tin về vấn đề gì ? | *HS suy nghĩ và trả lời:* | ***3. Kiến nghị chống thuốc lỏ*** |  |
| - Em hiểu thế nào là “chiến dịch” và “chiến dịch chống thuốc lỏ “? | **- *Chiến dịch***: Nói chung các việc làm tập trung và khẩn trương, huy động nhiều lực lượng trong một thời gian nhằm thực hiện một mục đích nhất định  **- *Chiến dịch chống thuốc lỏ*:** là các hoạt động thống nhất, rộng khắp nhằm chống lại một cách hiệu quả ôn dịch thuốc lá. | |  |
| **17**. Chiến dịch chống thuốc lá ở Châu Âu đó được thực hiện như thế nào? Kết quả ra sao? | *HS tìm, phát hiện chi tiết, trả lời:* | - Chiến dịch chống thuốc lỏ ở Châu Âu: |  |
| + Cấm hút thuốc ở những nơi công cộng, phạt nặng những người vi phạm  + Những tài liệu, khẩu hiệu chống thuốc lỏ dần dần lấn ỏt những quảng cáo của các hóng thuốc lỏ.  + Nhiều nước cấm quảng cáo thuốc lá.  - Kết quả: chỉ vài năm đó làm giảm hẳn số người hút thuốc lá | |  |
| **18.**Từ chiến dịch chống thuốc lá ở Châu Âu, tác giả đó đưa ra kiến nghị gì? | *HS theo dõi VB, trả lời:* | Mọi người phải đứng lên chống lại, ngăn ngừa nạn ôn dịch này. |  |
| **19**. ***Cho HS thảo luận***: Trước khi đưa ra lời kiến nghị chống thuốc lá, tác giả đưa ra những số liệu so sánh tình hình hỳt thuốc lỏ ở nước ta víi các nước Âu-Mĩ và chiến dịch chống thuốc lá.ở các nước đó. Theo em điều đó có ý nghĩa, tác dụng gì? | *HS thảo luận nhóm bàn, đại diện trình bày.* |  |  |
| - So sánh để thấy ta nghèo hơn nhưng việc sử dụng thuốc lá tương đương các nước đó. Các nước đó đó tiến hành những chiến dịch, thực hiện những biện pháp ngăn ngừa, hạn chế quyết liệt-> Ta càng phải ngăn ngừa, thực hiện quyết liệt hơn.  - Tác dụng: Làm rõ hơn tính đúng đắn của những điều đó thuyết minh, vừa tạo đà thuận lợi, cơ sở vững chắc để đưa ra lời kiến nghị. | |  |
| **20.** Khi kiến nghị chống thuốc lá, tác giả đó bày tỏ thái độ như thế nào trong phần kết văn bản này ?  - Tác giả của ụn dịch thuốc lỏ là bác sĩ Nguyễn Khắc Viện-một nhà khoa học nổi tiếng ở nước ta. Điều đó cho thấy các nhà khoa học cần có vai trò trong đời sống hiện đại ? | *HS suy nghĩ trả lời:*  - Cổ vũ chiến dịch chống thuốc lỏ  - Tin ở sự chiến thắng của chiến dịch này  ->Các nhà khoa học cần thông tin kịp thời , chính xác đến cộng đồng để có biện pháp phũng chống, phũng ngừa thích đáng. |  |  |
| **\* Đánh giá, khái quát**   * ***PPDH***: Vấn đáp, thuyết tŕnh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 5 phút * ***Hình thành năng lực***: Đánh giá tổng hợp, cảm thụ | | |  |
| **III. HDHS đánh giá, khái quát VB** | ***Hình thành kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Đánh giá, khái quát** | ***Kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Ghi nhớ** |  |
| **21.** Qua tìm hiểu VB, em thấy VB có nột đặc sắc về nghệ thuật?  - Qua cách lập luận của tác giả, em hiểu được điều gì về tác hại của thuốc lỏ ?  - Qua nội dung và nghệ thuật của văn bản, em thấy văn bản có ý nghĩa gì? | *HS nhận xét, trả lời:* | ***1. Nghệ thuật*** |  |
| - Kết hợp lập luận chặt chẽ, dẫn chứng sinh động víi thuyết minh cụ thể, phân tích trên cơ sở khoa học.  - Sử dụng thủ pháp so sánh để TM một cách thuyết phục một vấn đề y học liên quan đến tệ nạn xó hội.  ***2. Nội dung***  - Thuốc lá đe doạ SK và tính mạng của loài người.  - Thuốc lỏ không chỉ làm hại tới sức khoẻ mà còn gõy ảnh hưởng xấu về đạo đức  ***3. í nghĩa***  - Chỉ ra tác hại của việc hút thuốc lá đối víi đời sống con người  - Phê phán và kêu gọi mọi người ngăn ngừa tệ hút thuốc lá. | |  |
| **22**. Mọi người cần phải làm gì để ngăn ngừa, hạn chế tác hại của thuốc lỏ?  - Trường em, địa phương em đó có những hoạt động nào hưởng ứng chiến dịch đó?  \*GV chốt lại. Gọi HS đọc | *HS bày tỏ suy nghĩ*  Thuốc lỏ là một ụn dịch gõy tác hại nghiêm trọng  đến sức khoẻ, lối sống của cá nhân và cộng đồng -> phải có quyết tôi cao và biện pháp phũng chống triệt để.  *1HS đọc ghi nhớ* | \* ***Ghi nhớ***: sgk/122 |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh, đọc diễn cảm * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 5 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo | | |  |
| **IV**. **HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **Luyện tập** |  |
| **23**.Cho HS làm BTTN | *HS đọc, suy nghĩ, trả lời* | ***1. Trắc nghiệm*** |  |
| **24**.Ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc bài đọc thêm số 2. | *1HS đọc. HS ghi lại cảm nghĩ cá nhân* | ***2. Viết đoạn văn***. |  |
| **\* GV lưu ý HS**: Bài viết có thể đa dạng, phong phú nhưng phải nêu ra các yêu cầu chung.  - Cảm nghĩ phải chân thực,  - Không được viết quá 5 dũng.  - Chỉ ra tác dụng cảnh bỏo mạnh mẽ của bản tin khi nêu lên cái chết thảm thương không phải của một con người nghèo khổ mà là con một tỉ phú ở Mĩ. | |  |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

- Thời gian: 10 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Nếu người thân, bạn bè của em hút thuốc lá em sẽ nói gì víi họ. | **Hình thành năng lực tự học.**  - HS trình bày |  |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

- Thời gian: 3 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Sưu tầm tranh ảnh và tài liệu về tác hại của tệ nghiện hút thuốc lá và khói thuốc đối víi sức kháce cộng đồng. | **Hình thành năng lực tự học tập**  - HS sưu tầm. |  |  |

**Bước IV: Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà:**

- Học phần ghi nhớ: nắm được nội dung và ý nghĩa của văn bản.

- Làm bài tập 1(122).

- Đọc kĩ bài: Phương pháp thuyết minh.

\* Rút kinh nghiệm

- Nhấn mạnh tác hại của thuốc lá

- Hướng hs viết văn bản nghị luận ngắn về tác hại của thuốc lá và biện pháp khắc phục

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 11**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 4**

**CÂU GHÉP**

(***Tiếp theo***)

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức***:*

- Biết được mối quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu của câu ghộp.

- Cách thể hiện ý nghĩa giữa các vế câu ghộp.

**2. Kĩ năng**

- Biết xác định quan hệ ý nghĩa giữa các các vế của câu ghép dựa vào văn cảnh hoặc hoàn cảnh giao tiếp.

- Tạo lập tương đối thành thạo câu ghép phù hợp víi yêu cầu giao tiếp.

**3. Thái độ**

Yêu mến, tự hào về sự phong phỳ của Tiếng Việt.

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức**:

- Mối quan hệ về ý nghĩa giữa các vế câu ghộp.

- Cách thể hiện ý nghĩa giữa các vế câu ghộp.

**2. Kĩ năng**

- Xác định quan hệ ý nghĩa giữa các các vế của câu ghép dựa vào văn cảnh hoặc hoàn cảnh giao tiếp.

- Tạo lập tương đối thành thạo câu ghép phù hợp víi yêu cầu giao tiếp.

**3. Thái độ**

Yêu mến, tự hào về sự phong phỳ của Tiếng Việt.

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp phần Văn: Xác định câu ghép và quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu trong các VB

- Tích hợp KNS, môi trường: Đặt câu, viết đoạn về môi trường.

**5. Định hướng phát triển năng lực:**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: giao tiếp, sáng tạo

**III. CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRề**

**1. Chuẩn bị của thầy**. Bảng phụ

**2. Chuẩn bị của trò**: Đọc bài, trả lời các câu hái và bài tập

Bút dạ + giấy khổ lớn

**IV. TIẾN TRèNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: **Ổn định tổ chức** (1')

**\* Bước 2:** **Kiểm tra bài cũ** (3-5')

3HS lên bảng làm bài tập : Đặt câu ghép víi mỗi cặp QHT, cặp từ hô ứng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| a. vì....nờn......  b. nếu...thì...... | c. tuy....nhưng.....  d. không những....mà.... | e. ....vừa....đó......  g. ...đâu....đấy.... |

**\* Bước 3:** **Dạy - học bài mới**:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | |  |
| \* Nêu yêu cầu: Các vế câu trong các câu ghép đó đặt ở trên có mối quan hệ như thế nào? Em có nhận xét gì về mối quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu trong những câu ghộp đó?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày,*  =>Dựng cách nói vũng, nói trỏnh đi | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 40.* Câu ghộp (Tiếp)** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thỏc kờnh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | |  |
| **I.HD HS tìm hiểu quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu.** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I.Tìm hiểu quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu.** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu** |  |
| **1**. GV chiếu VD. Gọi HS đọc. Nêu yêu cầu:  - Xác định các vế câu trong VD và cho biết cách nối các | *1HS đọc VD. Cả lớp theo dõi, suy nghĩ, trả lời:* | ***1. Ví dụ***  \* Các vế câu: |  |
| - Vế 1: Có lẽ tiếng Việt của chúng ta đẹp.  - Vế 2: (bởi vì) tôi hồn của người VN ta rất đẹp | |  |
| vế câu trong câu ghép đó?  - Quan hệ ý nghĩa giữa các vế trong các câu ghộp đó?  - Trong mối q/hệ đó, mỗi vế câu biểu thị ý nghĩa gì ? | - Vế 3:(bởi vì) đời sống,.... là rất đẹp  \* Cách nối các vế câu: bằng QHT “bởi vì”  \* Quan hệ ý nghĩa:  - Vế 1: nhận định về TV(*nêu kết quả*),  - Vế 2,3: giải thích lí do cho vế 1(*nguyờn nhân*) | |  |
| **2**. Hãy cho biết mối quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu trong các câu đó đặt ở trên? | *HS trao đổi nhóm bàn, đại diện trình bày* | \* Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu |  |
| a. Quan hệ nguyờn nhân - kết quả  b. Quan hệ điều kiện(giả thiết) - kết quả  c. Quan hệ tương phản, đối lập  d. Quan hệ tăng tiến  e. Quan hệ đồng thời  g. Quan hệ tiếp nối | |  |
| **3**. Dựa vào kiến thức đó học hãy nêu thêm những quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu? Cho VD minh hoạ? | *HS trả lời và nêu VD* |  |  |
| - Quan hệ mục đích: *Các em phải cố gắng học tập để thầy mẹ vui lòng.*  - Quan hệ giải thích: *Cảnh vật chung quanh..... thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học.* | |  |
| **4**.Mối quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu được thể hiện qua yếu tố nào? Để nhận biết chính xác quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu ta phải làm gì?  **5**.Qua các BT trên, em thấy các vế câu trong câu ghép có quan hệ víi nhau ntn? Những quan hệ thường gặp là gì? Cách nhận biết quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu?  \**GV chốt lại GN. Gọi HS đọc* | *HS suy nghĩ, trả lời*:  - Được đánh dấu bằng các QHT, các cặp QHT, các cặp từ hô ứng....  - Dựa vào văn cảnh hoặc hoàn cảnh giao tiếp.  *HS tóm tắt, trả lời theo ghi nhớ.*  *1HS đọc ghi nhớ* | =>Q/hệ ý nghĩa giữa các vế của câu ghộp  ***2***. ***Ghi nhớ***: sgk/123 |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | |  |
| **II.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập** |  |
| **6**. GV chiếu BT1. Gọi HS đọc. Nêu yêu cầu của BT:  - Xác định quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu trong những | *1 HS đọc BT, cả lớp theo dõi, suy nghĩ cá nhân, trình bày*: | ***Bài 1. Xác định quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu:*** |  |
| a. Quan hệ giải thích (Vế 3 giải thích cho vế 2; vế 2 | |  |
| câu ghộp?  - Cho biết mỗi vế câu trong các câu ghộp ấy biểu thị ý nghĩa gì? | và vế 3: giải thích cho vế 1.)  b. Quan hệ ĐK-KQ( vế 1:điều kiện; vế 2:kết quả)  c. Quan hệ tăng tiến : ý nghĩa của vế 2 tăng hơn so víi vế 1  d. Quan hệ tương phản: vế 2 tương phản víi vế1  e. Câu1: QH tiếp nối: HĐ ở vế 2 tiếp nối HĐ ở vế 1  Câu 2: quan hệ NN-KQ (vế 1: NN; vế 2:KQ) | |  |
| **7** .GV chiếu BT2. Gọi HS đọc. Cho HS thảo luận theo các yêu cầu:  - Tìm câu ghộp trong những đoạn trích đó ?  - Xác định quan hệ ý nghĩa giữa các vế trong mỗi câu ghép.  - Có thế tách mỗi vế câu thành một câu đơn không ? Vì sao ? | *1HS đọc đoạn trích. HS thảo luận theo nhóm bàn. Đại diện trình bày.Nhúm khácc nghe và nhận xét:* | ***Bài 2: Tìm câu ghộp, xỏc định quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu :*** |  |
| ***a. Có 4 câu ghộp***:  - Trời xanh thẳm ... chắc nịch.  - Trời rải mây trắng ... dịu hơi sương.  - Trời âm u mây mưa... xám xịt, nặng nề.  - Trời ầm ầm .. giận dữ.  ->*cả 4 câu ghép đều có QH điều kiện - kết quả (*vế 1 chỉ điều kiện, vế 2 chỉ kết quả).  ***b. Có 2 câu ghộp:***  - Buổi sớm, mặt trời lên ngang... trời mới quang.  - Buổi chiều, nắng vừa nhạt.... mặt biển .  ->*các vế câu có quan hệ nguyờn nhân, kết quả* (vế 1 chỉ nguyờn nhân, vế 2 chỉ kết quả)  ***c. Không nên tách các vế câu đó*** thành những câu đơn riêng vì chúng có quan hệ về ý nghĩa khác chặt chẽ và tinh tế | |  |
| **8**. Gọi HS đọc đoạn trích BT3.  - GV nêu yêu cầu của BT.  - Cho HS trao đổi trong bàn  - Gọi HS trình bày,  - GV nhận xét, chốt lại | *1HS đọc đoạn trích. HS suy nghĩ, trao đổi trả lời.* | ***Bài 3: Tìm hiểu tác dụng của câu ghộp*** |  |
| - Xét về mặt lập luận: Mỗi vế câu ghộp trình bày 1 việc mà lão Hạc nhờ ông giáo. Nếu tách thành những câu đơn riêng biệt thì không đảm bảo tính mạch lạc của lập luận.  - Xét về mặt gió trị biểu hiện: tác giả cố ý viết câu dài để tái hiện cách kể lể dài dũng của lão Hạc  ->Những câu ghép dài như vậy có tác dụng diễn giải rõ tôi trạng của nhân vật: xúc động, bối rối. | |  |
| **9**. Gọi HS đọc đoạn trích và nêu câu hái:  a. Quan hệ ý nghĩa giữa các vế của câu ghộp thứ hai là quan hệ gì ? Có nên tách mỗi vế thành 1 câu đơn ko?  không ?  b. Thử tách các vế câu 1, 3 | *HS đọc đoạn trích, xác định q/hệ ý nghĩa, tách các vế, so sánh, trả lời:* | ***Bài 4. Tìm hiểu cách sử dụng câu ghộp*** |  |
| a. QH ý nghĩa giữa các vế của câu ghộp thứ hai là quan hệ điều kiện - kết quả  ->*Các vế câu có sự ràng buộc lẫn nhau khác chặt chẽ. Do đó không nên tách các vế câu ra thành các câu đơn.*  b. Nếu tách mỗi vế câu thành một câu đơn thì nó tạo ra | |  |
| thành các câu đơn. So sánh cách đó víi đoạn trích , qua mỗi cách viết, em hình dung nhân vật nói như thế nào ? | hàng loạt câu đơn đặt cạnh nhau khiến ta có cảm tưởng nhân vật nói nhát gừng hoặc nghẹn ngào, đau đớn.Trong khi đó, cách viết của tác giả gợi ra cách nói kể lể, van vỉ tha thiết của chị Dậu. | |  |

**Hoạt động 4: Vận dụng (2’)**

- Tự đặt các câu ghép và xác định quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu đó.

**Hoạt động 5: Phát triển mở rộng (2’)**

- Đặt một câu ghép có nội dung về bảo vệ môi trường. Từ câu ghép đó em hãy dỳng các từ nối thay thế để thể hiện mối quan hệ ý nghĩa khác nhau giữa các vế câu.

**\* Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (1’)***

***a. Bài vừa học:***

Nắm vững các quan hệ ý nghĩa giữa các vế trong câu ghộp.

***-*** ***Bài mới:*** Chuẩn bị bài: “*Phương pháp thuyết minh*”

+ Tìm hiểu các phương pháp thuyết minh, tập trả lời các câu hái

+ Đọc lại văn bản “Ôn dịch, thuốc lá”, tìm hểu các PPTM trong VB.

* Rút kinh nghiệm
* Sửa bài tập khó trong sgk
* Cho thêm ngữ liệu ngoài sgk để hs rèn luyện

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 11**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 3**

**CÂU GHÉP**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Nắm được đặc điểm của câu ghép, cách nối các vế câu ghép

- Biết sử dụng câu ghộp phự hợp yêu cầu giao tiếp.

**2. Kĩ năng**:

- Phân biệt câu ghép víi câu đơn và câu mở rộng thành phần.

- Sử dụng câu ghộp phự hợp víi hoàn cảnh giao tiếp.

- Nối được các vế của câu ghép theo yêu cầu.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục học sinh ý thức sử dụng câu ghộp một cách chính xỏc trong giao tiếp đặc biệt trong khi viết văn

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức:**

- Đặc điểm của câu ghép.

- Cách nối các vế câu ghộp.

**2. Kĩ năng**:

- Phân biệt câu ghép víi câu đơn và câu mở rộng thành phần.

- Sử dụng câu ghộp phự hợp víi hoàn cảnh giao tiếp.

- Nối được các vế của câu ghép theo yêu cầu.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục học sinh ý thức sử dụng câu ghép một cách chính xác trong giao tiếp đặc biệt trong khi viết văn.

**4. Năng lực phát triển**

**a. Các năng lực chung**.

- Năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tư duy sáng tạo

**b. Các năng lực chuyên biệt.**

- Năng lực tìm kiếm,tổ chức, xử lí thông tin.

- Năng lực sử dụng tiếng Việt

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy**:

- Đọc kĩ bài học và soạn bài chu đáo

- Mỏy chiếu

**2. Trò:**

- Đọc kĩ bài học và trả lời các câu hái trong SGK.

**IV.TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**Bước I: Ổn định tổ chức:**

**Bước II: Kiểm tra bài cũ:**

- Thế nào là biện pháp nói giảm nói trỏnh? Cho ví dụ?

- Làm bài tập 4/109?

**Bước III: Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Thuyết trình, trực quan * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Thuyết trình. | | | | |  |
| \*Cho HS q/sỏt VD (C)  Nắng ấm, sõn rộng và sạch.  *-* Nêu yêu cầu: Phân tích cấu tạo của câu và cho biết đó là kiểu câu gì?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Quan sát, trao đổi*  *- 1 HS trình bày, dẫn vào bài mới*  ->câu ghộp | | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** | |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | | ***Tiết 43.* Câu ghộp** | |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | | | |  |
| **I.HD HS tìm hiểu đặc điểm của câu ghép.** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I.Tìm hiểu đặc điểm của câu ghép.** | | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Đặc điểm của câu ghép** | |  |
| **1**.GV chiếu đoạn trích, gọi HS đọc. Nêu yêu cầu:  - Tìm các cụm C-V trong những câu in đậm?  - Phân tích cấu tạo của các câu đó? | *1HS đọc ví dụ, lớp quan sát, suy nghĩ, trả lời:* | | ***1. Ví dụ***:  *Đoạn trích* (sgk/111) | |  |
| 2. ***Tôi***/***Quên*** ***thế nào được*** những cảm giác trong sáng ấy/ nảy nở trong lòng tôi *như* mấy cành hoa tươi/ mỉm cười giữa bầu trời quang đóng*.*  -> Có 3 cụm C-V (2 cụm C-V nhỏ làm phụ ngữ cho động từ ‘*Quên*” và động từ “*nảy nở*”) =>***Câu mở rộng thành phần***  5. *Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh*, ***mẹ tôi/ âu yếm nắm tay tôi dẫn đi*** *trên con đường làng dài và hẹp.*  -> Có 1 cụm C-V =>***Câu đơn***  7- ***Cảnh vật chung quanh tôi / đều thay đổi***, vì chính ***lòng tôi/ đang có sự thay đổi lớn***: hôm nay ***tôi/đi học.***  -> Có 3 cụm C-V nhưng không bao chứa nhau: Cụm C-V cuối cùng giải thích cho cụm C-V thứ hai => ***Câu ghộp*** | | | |  |
| **2**.Trình bày kết quả phân tích ở hai bước trên vào bảng theo mẫu  - GV phát phiếu học tập cho HS điền | *1HS lên bảng điền vào BP, HS khác nhận xét* | |  | |  |
| ***Kiểu cấu tạo câu*** | | | ***Câu cụ thể*** |
| Câu có một cụm C-V | | | Câu 5 |
| Câu có hai hoặc nhiều cụm C-V | Cụm C-V nhỏ nằm trong cụm C-V lớn | | Câu 2 |
| Các cụm C-V không  bao chứa nhau | | Câu 7 |
| **3**. Dựa vào những kiến thức đó học, hãy cho biết câu nào là câu đơn, câu nào là câu ghép trong những câu trên ? | *HS nhận xét, trả lời* | | - Câu 5 là câu đơn.  - Câu 7 là câu ghộp.  - Câu 2 là câu dùng cụm C-V để mở rộng câu. | |  |
| **4**. Qua tìm hiểu VD, em hiểu thế nào là câu ghộp ?  GV tóm tắt->GN.GọiHS đọc | *HS trả lời dựa vào kết quả đó phân tích*  *1HS đọc ghi nhớ* | | =>Câu ghộp  ***2. Ghi nhớ*** :(sgk/112) | |  |
| **I.HD HS tìm hiểu cách nối các vế câu ghộp.** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I.Tìm hiểu cách nối các vế câu ghộp.** | | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **II. Cách nối các vế câu ghộp** | |  |
| **5**. **Chia góc cho HS thảo luận, trao đổi:**  - Tìm thêm các câu ghộp ở đoạn trích ở mục I?  - Trong mỗi câu ghép trên các vế câu được nối víi nhau bằng cách nào ?  - Tim thêm VD về cách nối các vế câu trong câu ghộp? | *HS thảo luận theo gúc và trình bày* | | ***1. Ví dụ:*** *Đoạn trích* (sgk/111) | |  |
| - Các câu ghộp: câu 1, 3, 6  - Các vế câu được nối víi nhau:  + Câu 1: 3 vế câu nối bằng QHT “và “, dấu phẩy(,)  + Câu 3: 3 vế câu nối bằng quan hệ từ: “ vì ,và”.  + Câu 6 : 2 vế câu nối bằng QHT “nhưng”  + Câu 7: 3 vế câu nối bằng QHT “vì”, dấu (:)  - VD:  - Khi hai người lên trên gỏc thì Giụn xi đang ngủ.  => Nối bằng cặp quan hệ từ: *Khi ... thì ...*  - Mẹ tôi cầm nón vẫy tôi, vài giây sau, tôi đuổi kịp.  => Phân cách bằng dấu phẩy.  - Nước sông dâng lên bao nhiêu đồi nói cao lên bấy nhiêu  => Nối bằng cặp đại từ : bao nhiêu...bấy nhiờu... | | | |  |
| **6.** Qua tìm hiểu VD, em thấy có những cách nào để nối các vế câu trong câu ghép?  GV tóm tắt-> GN.Gọi HS đọc | *HS tóm tắt, trả lời*  *1HS đọc ghi nhớ* | | -> ***Có 2 cách nối :***  - Dựng từ có tác dụng nối  - Không dựng từ nối  ***2. Ghi nhớ***: sgk/112 | |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | | | |  |
| **III.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III**. **HS luyện tập** | | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III**. **Luyện tập** | |  |
| **9.** GV chiếu BT1. Gọi HS đọc. Nêu yêu cầu cho HS thực hiện theo KT KTB:  -Tìm câu ghộp trong các đoạn trích  -Cho biết trong mỗi câu ghép, các vế câu được nối víi nhau bằng cách nào ? | *1HS đọc BT, HS suy nghĩ, HĐ theo KT KTB. Đại diện trình bày* | | ***Bài 1: Tìm câu ghộp và cách nối các vế câu*** | |  |
| ***a. -*** U van Dần, u lạy Dần. ->*Nối bằng dấu phẩy*  - Chị con có đi.... víi Dần chứ.->*Nối bằng dấu phẩy*  *và cặp từ hụ ứng* “mới”  - Sáng ngày ...có thương không .->*Nối bằng dấu (, )*  - Nếu Dần không....nữa đấy.-> *Nối bằng QHT* “nếu”  *và dấu phẩy*  ***b.***- Cụ tôi .....không ra tiếng .->*Nối bằng dấu phẩy*  - Gió những cổ tục....nỏt vụn mới thụi. -> *Nối bằng*  *QHT* “gió” *và dấu phẩy*  ***c.*** Tôi lại ... cay cay.->*Nối bằng dấu hai chấm*  ***d.*** -Hắn làm nghề....lương thiện quá..-> *Nối bằng*  *QHT* “bởi vì”  - Hắn bĩu mụi....đấy! ->*Nối bằng dấu hai chấm* | | | |  |
| **10**. Cho HS quan sỏt BT2. GV chia HS làm 4 nhúm. Nêu yêu cầu: Hãy đặt câu về ***đề tài môi trường*** víi mỗi cặp quan hệ từ đó cho ? | *HS quan sát, xác định yêu cầu, HĐ theo nhóm , 4 Hs lên bảng làm* | | ***Bài 2: Đặt câu ghép víi mỗi cặp QHT***: | |  |
| - Vì nước thải của một số nhà máy chưa được xử lí triệt để nên một số con sông bị ô nhiễm nặng.  - Nếu chúng ta đều có ý thức bảo vệ thì mụi trường sẽ ít bị ô nhiễm. | | | |  |
| **11**. Cho HS làm BT3: Chuyển những câu ghép vừa đặt thành những câu ghép mới bằng một trong hai cách:  - Bỏ bớt một quan hệ từ.  - Đảo lại thứ tự vế câu. | *2 HS lên bảng làm (Mỗi HS chuyển bằng một cách)* | | ***Bài 3: Chuyển những câu ghép vừa đặt thành những câu ghép mới*** | |  |
| - Một số con sông bị ô nhiễm nặng là do nước thải của một số nhà máy chưa được xử lí triệt để .  - Môi trường sẽ ít bị ô nhiễm nếu chúng ta đều có ý thức bảo vệ. | | | |  |
| **12**.Cho HS làm BT4: Đặt câu ghép víi mỗi cặp từ :  a. ...vừa......đó......  b. ....đâu .... đấy....  c. .....càng .... càng..... | *HS HĐ cá nhân, 1-2 HS trình bày, HS nhận xét* | | ***Bài 4: Đặt câu ghép víi mỗi cặp từ hô ứng*** | |  |
| a. Tôi vừa làm bài xong thì trống bỏo hết giờ.  b. Cậu lấy quyển sách ở đâu, cậu để nó ở đấy.  c. Trời càng mưa to, nước sông càng dâng cao. | | | |  |
| **13**. **Tích hợp MT**: Gọi HS đọc và nêu yêu cầu BT3: Viết đoạn văn có sử dụng câu ghép về một trong các đề tài : | *HS viết cá nhân(5*’*),1-2 HS đọc.HS khác nhận xét.* | | ***Bài 5. Viết đoạn văn có sử dụng câu ghép.***  ***a.*** Thay đổi thói quen sử dụng bao bỡ ni lông  b. T/dụng của việc lập dàn ý trước khi viết bài TLV. | |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

- Thời gian: 10 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| GV yêu cầu HS viết đoạn văn sử dụng câu ghép. | **Hình thành năng lực tự học, cảm thụ**  - HS trình bày |  |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

- Thời gian: 3 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Phân biệt câu ghép và câu đơn mở rộng thành phần. | - HS phân biệt |  |  |

**Bước IV: Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà:**

- Học phần ghi nhớ: nắm được khái niệm câu ghép và các cách nối vế câu ghép.

\* Rút kinh nghiệm

- Sửa bài tập khó trong sgk

- Cho them ngữ liệu ngoài sgk để hs rèn luyện thêm

**Tuần 12**

**Ngày dạy**

**Lớp dạy:**

**Tiết 1+2**

**TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BẢN THUYẾT MINH (Tập trung phần I)**

**PHƯƠNG PHÁP THUYẾT MINH (Tập trung phần I.2)**

**ĐỀ VĂN THUYẾT MINH VÀ CÁCH LÀM BÀI VĂN TM (Tập trung phần I.2, PHẦN II)**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Nắm được đặc điểm, vai trò, tác dụng của văn bản thuyết minh.

**2. Kĩ năng**:

- Nhận biết văn bản thuyết minh; phân biệt văn bản thuyết minh và các kiểu văn bản đó học trước đó.

- Trình bày các tri thức có tínhi chất khácch quan, khoa học thông qua những tri thức của mụn Ngữ văn và các môn học khác.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục học sinh có ý thức tìm hiểu về đặc điểm, vai trò của văn bản thuyết minh.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức:**

- Đặc điểm của văn bản thuyết minh.

- Ý nghĩa, phạm vi sử dụng của văn bản thuyết minh.

- Yêu cầu của bài văn thuyết minh.

**2. Kĩ năng**:

- Nhận biết văn bản thuyết minh; phân biệt văn bản thuyết minh và các kiểu văn bản đó học trước đó.

- Trình bày các tri thức có tínhi chất khácch quan, khoa học thông qua những tri thức của mụn Ngữ văn và các môn học khác.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục học sinh có ý thức tìm hiểu về đặc điểm, vai trò của văn bản thuyết minh.

**4. Năng lực phát triển.**

**a. Các năng lực chung**.

- Năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tư duy sáng tạo

**b. Các năng lực chuyên biệt.**

- Năng lực tìm kiếm,tổ chức, xử lí thông tin.

- Năng lực sử dụng tiếng Việt

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy**:

- Đọc kĩ bài học và soạn bài chu đáo

- Mỏy chiếu.

**2. Trò:**

- Đọc kĩ bài học và chuẩn bị bài theo hệ thống câu hái trong SGK.

**IV.TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**Bước I: Ổn định tổ chức:**

**Bước II: Kiểm tra bài cũ:**

- Kiểm tra việc chuẩn bị học tập của học sinh.

**Bước III: Tổ chức dạy và học bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

- Thời gian: 1 phút

- Phương pháp: Thuyết trình

- Kĩ thuật: Động não

GV: Ở lớp 6,7 chúng ta đó được làm quen víi một số kiểu bài tự sự, miêu tả, biểu cảm và nghị luận. Bài học hôm nay chúng ta tiếp tục tìm hiểu một kiểu văn bản khác đó là văn bản thuyết minh. Vậy văn bản thuyết minh là kiểu văn bản ntn? Đặc điểm của nó ntn, chúng ta cùng tìm hiểu bài.

**HOẠT ĐỘNG 2: HèNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

- Thời gian: 20 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Kĩ thuật góc học tập, tia chớp, động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3'   ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | | |
| \* Nêu tình huống:  - Khi các em đi mua một chiếc máy tính, các em thấy trên giấy hướng dẫn sử dụng người ta viết những gì?  - Khi mua một họp bánh, em thấy trên bao bỡ người ta ghi những gì?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày,*  =>Cấu tạo, hóng sản xuất, cách sử dụng, ..... | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 44.* Tìm hiểu chung....** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 13-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | |  |
| **I.HD HS tìm hiểu vai trò và đặc điểm chung của văn bản thuyết minh** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I.Tìm hiểu vai trò và đặc điểm chung của văn bản thuyết minh** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Vai trò và đặc điểm chung của văn bản thuyết minh** |  |
| **1**.Gọi HS đọc các VB trong sgk/114,115. Nêu câu hái:  - Mỗi văn bản trên trình | *3HS đọc VB (Mỗi HS đọc 1VB), suy nghĩ, trả lời. HS khác nhận xét, bổ sung:* | **1. *Văn bản thuyết minh trong đời sống con người.*** |  |
| bày, giới thiệu, giải thích điều gì? | ***a***. ***Cây dừa Bỡnh Định.***  - Trình bày lợi ớch của cây dừa. Lợi ớch này gắn liền víi đặc điểm của cây dừa mà cây khác không có.  - Giới thiệu riờng về cây dừa Bỡnh Định gắn bó víi con người Bỡnh Định  ***b. Tại sao lỏ cây có màu xanh lục*** :  Giải thích về tác dụng của chất diệp lục làm cho người ta thấy lá cây có màu xanh.  ***c. Huế*** : Giới thiệu Huế như là một trung tâm văn hoá nghệ thuật lớn của Việt Nam víi những đặc điểm riêng, tiêu biểu. | |  |
| **2**.Em thường gặp các loại văn bản đó ở đâu ?  - Hãy kể thêm một vài văn bản cùng loại mà em biết?  - Những VB này được sử dụng ntn trong đời sống? | *HS suy nghĩ trả lời*  - Thường gặp trên sách báo, các phương tiện thông tin, trên vỏ hộp thuốc, vỏ bánh kẹo...  - VD: Động Phong Nha... | ->***Là kiểu VB thông dụng trong mọi lĩnh vực đời sống của con người*** |  |
| **3**. Những VB trên có vai trò gì trong đời sống?  - Những VB trên là VB thuyết minh. Vậy em hiểu văn bảnTM là như thế nào? | *HS suy nghĩ,trả lời:* | ->***Cung cấp những hiểu biết khácch quan về các sự vật, sự việc ....***  ***=>Vai trò của VBTM*** |  |
| **4**. Cho HS thảo luận:  - Các văn bản trên có thể xem là văn bản tự sự (hay miêu tả, nghị luận, biểu cảm) không ? Tại sao?  - Chúng khác kiểu văn bản trên ở chỗ nào ?  - Các văn bản trên có đặc điểm chung nào làm chúng trở thành một kiểu riêng ?  - Theo em, những tri thức trong VB thuyết minh phải đảm bảo yêu cầu gì? | *HS thảo luận theo nhóm bàn, đại diện trình bày*: | ***2. Đặc điểm chung của văn bản thuyết minh*** |  |
| * ***Đặc điểm***   - Cả 3 VB trên không thể xem là VB tự sự hay miêu tả, nghị luận, biểu cảm. Vì :  + không trình bày sự việc, diễn biến, nhân vật  + không miêu tả cụ thể để cho ta cảm nhận được về sự vật, con người  + không biểu lộ tình cảm,cảm xúc  + không trình bày luận điểm, luận cứ, luận chứng  ->Các VB đó *chủ yếu là trình bày những đặc điểm tiêu biểu của đối tượng, cung cấp tri thức để người ta hiểu về các đối tượng* .  ***->Tri thức đũi hái phải khácch quan, xỏc thực, có ớch cho con người*** | |  |
| **5**. Các văn bản trên đó thuyết minh về đối tượng bằng những phương thức nào ?  - Ngôn ngữ của các văn bản trên có đặc điểm gì ? | *HS suy nghĩ trả lời:* |  |  |
| * ***Phương thức***   a. Trình bày(liệt kờ) các lợi ớch của cây dừa Bỡnh Định  b. Giải thích nguyờn nhân lỏ cây có màu xanh  c. Giới thiệu, miêu tả kết hợp biểu cảm về cảnh quan của Huế.  ***-> Trình bày, giới thiệu, giải thích.*** | |  |
|  | * ***Ngôn ngữ:***   *->* ***Chính xỏc rõ ràng, chặt chẽ và hấp dẫn*** | |  |
| **7**. Qua tìm hiểu về các VB trên, em hiểu thế nào là VB TM? Văn bản TM phải đảm bảo những yêu cầu gì? | *HS khái quát, trả lời theo GN/ 117*  Khi cần có những hiểu biết khách quan về đối | =>***Văn bản thuyết minh***:  - Vai trò: Cung cấp tri thức khách quan về mọ lĩnh vực của đời sống. |  |
| - Khi nào người ta cần dùng văn bản TM ?  - Mục đích của việc sử dụng văn bản thuyết minh là gì ?  \* *GV lưu ý HS: Giữa các kiểu văn bản còng có sự đan xen lẫn nhau*  \*GV chốt lại GN, gọi HS đọc | tượng. Giúp người đọc nhận thức về đối tượng như nó vốn có trong thực tế, chứ không giúp người đọc có cảm hứng thưởng thức một hình tượng nghệ thuật được xây dựng bằng hư cấu, tưởng tượng.  *1HS đọc ghi nhớ* | - Tác dụng: Giúp người đọc hiểu về các sự vật hiện tượng trong đ/sống.  - Phạm vi sử dụng: thông dụng phổ biến trong đời sống.  - Tínhi chất: Khácch quan, chân thực, hữu ớch.  - Ngôn ngữ: trong sáng, rõ ràng  ***\* Ghi nhớ: sg/117*** |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | |  |
| **II.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập** |  |
| **8**. Gọi HS đọc 2 VB trong sgk/117. Hái:  - Các văn bản đó có phải là văn bản thuyết minh không ? - Vì sao? | *2HS đọc, lớp theo dõi, suy nghĩ, trả lời:* | ***Bài 1***: ***Xác định kiểu văn bản:*** |  |
| Cả 2 văn bản đều là văn bản thuyết minh.  ***a***. Cung cấp kiến thức về lịch sử  ***b***. Cung cấp kiến thức về khoa học sinh học. | |  |
| **9**.Đọc lại văn bản “Thông tin ...” và cho biết đó là loại văn bản nào ? Phần thuyết minh trong văn bản này có tác dụng gì ? | *HS suy nghĩ và trả lời:* | ***Bài 2: VB ” Thông tin về...năm 2000”*** |  |
| Đây ***là văn bản nghị luận***, đề xuất một hành động tích cực để bảo vệ môi trường ***có sử dụng yếu tố thuyết minh*** để nói rõ tác hại của bao bỡ ni lông, làm cho lời đề nghị có sức thuyết phục cao. | |  |
| **10**. Các văn bản tự sự, nghị luận, miêu tả, biểu cảm có cần yếu tố thuyết minh không ? Vì sao ? | Có cần yếu tố thuyết minh  Vì: khi đưa yếu tố thuyết minh vào VB có tác dụng làm cho người đọc dễ hiểu và có sức thuyết phục cao | ***Bài 3: Tìm hiểu yếu tố thuyết minh trong TS, MT, BC, NL.*** |  |

**Hoạt động 4: Vận dụng (2’)**

**-** Tìm những câu văn thuyết minh trong văn bản “*ễn dịch thuốc lỏ*”

**Hoạt động 5: Phát triển mở rộng (2’)**

- Tìm hiểu thêm về các VB thuyết minh mà em đó gặp trong cuộc sống

**Bước IV: Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà:**

- Học phần ghi nhớ

- Làm bài tập 3 ( 118 )

- Đọc kĩ bài “ Ôn dịch, thuốc lá” và chuẩn bị bài học dựa theo câu hái trong phần “ Đọc - hiểu văn bản”

- Soạn: Phương pháp thuyết minh, đọc kĩ các văn bản ví dụ, tìm các phương pháp thuyết minh được sử dụng trong vb.

\* Rút kinh nghiệm

- Cho hs tìm thêm các văn bản đã học cùng thể loại

- Nhấn mạnh tính xác thực của văn bản thuyết minh

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 12**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 3**

**VĂN BẢN: BÀI TOÁN DÂN SỐ**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Biết đọc - hiểu văn bản nhật dụng.

- Hiểu được việc hạn chế sự bùng nổ và gia tăng dân số là đũi hái tất yếu của sự phát triển loài người.

- Thấy được sự kết hợp của phương thức tự sự víi lập luận tạo nên sức thuyết phục của bài viết.

- Thấy được cách trình bày một vấn đề của đoeỡ sống có tínhi chất toàn cầu trong văn bản.

**2. Kĩ năng**:

- Tích hợp víi phần Tập làm văn, vận dụng kiến thức đó học bài Phương pháp thuyết minh để đọc – hiểu, nắm bắt được vấn đề có ý nghĩa thời sự trong văn bản.

- Vận dụng vào việc viết bài văn thuyết minh.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục học sinh thấy được hậu quả của việc gia tăng dân số.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức:**

- Sự hạn chế gia tăng dân số là con đường “tồn tại hay không tồn tại” của loài người.

- Sự chặt chẽ, khả năng thuyết phục của cách lập luận bắt đầu bằng câu chuyện nhẹ nhàng mà hấp dẫn.

**2. Kĩ năng**:

- Tích hợp víi phần Tập làm văn, vận dụng kiến thức đó học bài Phương pháp thuyết minh để đọc – hiểu, nắm bắt được vấn đề có ý nghĩa thời sự trong văn bản.

- Vận dụng vào việc viết bài văn thuyết minh.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục học sinh thấy được hậu quả của việc gia tăng dân số.

**4. Năng lực phát triển.**

**a. Các năng lực chung**.

- Năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tư duy sáng tạo

**b. Các năng lực chuyên biệt.**

- Năng lực tìm kiếm,tổ chức, xử lí thông tin.

- Năng lực tiếp nhận văn bản

- Năng lực cảm thụ thẩm mĩ.

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Phương pháp**.

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, giải quyết vấn đề.

- Phương pháp dạy học vấn đáp.

- Phương pháp dạy học thảo luận nhóm.

**2. Đồ dùng dạy học.**

**a. Thầy:**

- Đọc kĩ bài học và soạn bài chu đáo

- Mỏy chiếu

**b. Trò:**

- Đọc kĩ bài học và trả lời các câu hái trong SGK.

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**Bước I: Ổn định tổ chức:**

**Bước II: Kiểm tra bài cũ:**

- Nêu nội dung ý nghĩa văn bản “Ôn dịch thuốc lá”?

- Trình bày bài tập 1/122?

**Bước III: Tổ chức dạy và học bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

- Thời gian: 1 phút

- Phương pháp: Thuyết trình

- Kĩ thuật: Động não

GV: Yêu cầu hs đọc một số câu thành ngữ, tục ngữ về vấn đề dân số:

- Trời sinh voi, trời sinh cá.

- Có nếp , có tẻ.

- Con đàn cháu đống.

Đó là những câu tục ngữ, thành ngữ của người Việt Nam xưa phản ánh quan niệm qúy người, cần người, mong muốn đẻ nhiều con. Quan niệm ấy dẫn đến tập quán sinh đẻ tự do, vì kế hoạch dẫn đến dân số nước ta tăng nhanh so víi các nước trong khu vực và trên thế giới dẫn tới đói nghèo và lạc hậu. Chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình từ lâu đó trở thành một trong những quốc sỏch quan trọng của Đảng và Nhà nước ta. Bởi vì đó từ lâu chúng ta đó và đang tìm cách để giải bài toán hóc bóa – bài toán dõn số? Vậy bài toỏn dõn số ấy thực chất ntn?

**HOẠT ĐỘNG 2: HèNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

- Thời gian: 25phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp.

- Kĩ thuật: Khăn trải bàn, động não

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Thuyết trình, trực quan * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Thuyết trình. | | | | |  |
| **\*** GV cho HS nghe một doạn bài hát “*Thượng đế buồn*” của Trần Tiến.  - Nêu yêu cầu: Lời bài hát gợi cho em liên hệ vấn đề gì? Em hiểu gí về v/đề đó?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Nghe, suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày, dẫn vào bài mới* | | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | | *-Ghi tên bài vào vở* | | ***Tiết 49. Văn bản.....*** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**  **\*Tri giác**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút * ***Thời gian***: 3- 5' * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc | | | | |  |
| **I. HD HS đọc - tìm hiểu chú thích** | ***Hình thành kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I.Đọc-tìm hiểu chú thích** | | ***Kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I. Đọc - Chú thích** | |  |
| **1**.Cần đọc văn bản này víi giọng đọc như thế nào ?  - Gọi HS đọc VB. Nhận xét.  **2**. Hãy cho biết tác giả và xuất xứ của VB?  **3**.Cho HS tìm hiểu nghĩa các từ khó trong sgk.  - Giải thích các cụm từ: *chàng A-đam và nàng E-va.* | - HS xác định cách đọc: to, rõ ràng, diễn cảm.  - 1HS đọc văn bản  - HS dựa vào CT để trả lời:  HS đọc chú thích (sgk) | | **1. Đọc:**  **2. Chú thích**  ***a. Tác giả:*** Thái An  ***b. Xuất xứ***: Trích từ bỏo Giáo dục và thời đại Chủ nhật,số 28  ***c. Từ khó***: sgk | |  |
| **\* Phân tích - Cắt nghĩa**   * ***PPDH***: Phân tích, giải thích, vấn đáp, tái hiện thông tin, thuyết tŕnh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, khăn trải bàn. * ***Thời gian***: 25-30' * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giải quyết vấn đề, hợp tác, cảm thụ | | | | |  |
| **II. HD HS đọc - tìm hiểu văn bản**  **B1. HD tìm hiểu khái quát** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II. HS đọc - tìm hiểu VB**  **1.HS tìm hiểu khái quát** | | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II.Đọc-Tìm hiểu văn bản**  **1. Tìm hiểu khái quát** | |  |
| **4**. **Cho HS thảo luận cặp đôi** , xác định :  - Có thể xếp VB “Bài toỏn dẫn số” vào kiểu VB nào? Vì sao ?  - Phương thức biểu đạt của văn bản này là gì ? Vì sao em xỏc định được như vậy?  - Văn bản có thể chia làm mấy phần? Nêu ý chính của mỗi phần ?  - Nhận xét về bố cục của văn bản ?  - Chỉ ra các ý lớn (luận điểm) phần thân bài? | *HS trao đổi, trình bày* | | - ***Kiểu VB: nhật dụng***. | |  |
| Vì văn bản này đề cập đến một vấn đề thời sự vừa cấp thiết vừa lâu dài của đời sống nhân loại, đó là vấn đề gia tăng dân số và hiểm hoạ của nó.  ***- PTBĐ: Lập luận kết***  ***hợp víi TS, TM, BC***  Vì mục đích của bài này là bàn về vấn đề dân số, nhưng trong khi bàn luận, tác giả kết hợp kể, thuyết minh bằng tư liệu thống kê, so sánh, kèm theo thái độ đánh giá.  ***- Bố cục: 3 phần***  + Phần 1(MB): Từ đầu->sáng mắt ra: *Nêu vấn đề : Bài toán dân số đó được đặt ra từ thời cổ đại..*  + Phần 2(TB): Tiếp ->ụ thứ 31 của bàn cờ: *CM tốc độ gia tăng dân số là hết sức nhanh chóng*  + Phần 3 (KB): Đoạn còn lại: *Kêu gọi loài người cần hạn chế sự bùng nổ và gia tăng dân số.* | | | |  |
| **B2. HD HS tìm hiểu chi tiết văn bản** | **HS tìm hiểu chi tiết văn bản** | | **2. Tìm hiểu chi tiết** | |  |
| **6**.Theo dõi phần mở bài, cho biết:  - Bài toán dân số theo tác giả thực chất là vấn đề gì?Vấn đề đó được đặt ra từ bao giờ?  - Em hiểu thế nào về vấn đề dân số và KHHGĐ ?  - Điều gì đó làm cho tác giả sáng mắt ra ?  - Nhận xét về cách nêu vấn đề? Cách nêu vấn đề như vậy có tác dụng gì? | *HS quan sát VB thảo luận nhóm để trả lời.* | | ***1. Nêu vấn đề*** | |  |
| - ***Bài toán dân số thực chất là v/ đề dân số và kế hoạch hoá g/đình*** –V/đề mới được đặt ra gần đây  \*Vấn đề dân số và KHHGĐ là sự gia tăng dân số nhanh ảnh hưởng đến tiến bộ của XH, và là nguyên nhân của đói nghèo lạc hậu. Vì vậy phải có biện pháp thực hiện KHHGĐ để hạn chế sự gia tăng dân số.  - Điều làm cho tác giả sáng mắt ra là ***một vấn đề hiện đại mới đặt ra gần đây*** thế mà nghe xong bài toỏn cổ, tác giả bỗng thấy đúng là vấn đề ấy ***dường như đó được đặt ra từ thời cổ đại.***  \* Cách nêu vấn đề: nhẹ nhàng, giản dị, thân mật  T/dụng: *Tạo sự bất ngờ, hấp dẫn, lụi cuốn sự chú ý của người đọc* | | | |  |
| **7**. Theo dõi phần thân bài cho biết, để chứng minh tốc độ gia tăng dân số, tác giả đó lập luận và chứng minh trên  các ý chính nào, tương ứng | *HS theo dõi VB, xỏc định, trình bày*: | | ***2. Chứng minh tốc độ gia tăng dân số*** | |  |
| Chứng minh trên 3 ý tương ứng 3 đoạn văn:  \****ý 1***. ***Vấn đề dân số được nhỡn nhận từ một bài toỏn cổ***: mỗi ô của bàn cờ ban đầu chỉ là một vài hạt thóc, | | | |  |
| víi mỗi đoạn văn bản nào ? | tưởng là ít, nhưng nếu sau đó cứ gấp đôi lên theo cấp số nhân thì số thúc của cả bàn cờ là một con số khủng khiếp  \****ý 2. So sánh sự gia tăng dân số giống như lượng thóc trong các ụ bàn cờ***. Ban đầu chỉ là 2 người , đến năm 1995 là 5,63 tỉ người đủ cho ô thứ 33 của bàn cờ.  \****ý 3***. ***Vấn đề dân số được nhỡn nhận từ thực tế sinh sản của con người:*** phụ nữ có thể sinh rất nhiều con (lớn hơn 2 rất nhiều), vì thế chỉ tiờu mỗi gia đình chỉ có 1-2 con là rất khó thực hiện. | | | |  |
| **8**. Câu chuyện kén rể của nhà thông thái được kể lại như thế nào? Em có nhận xét gì về số thúc trên bàn cờ?  - Câu chuyện kén rể đó có vai trò và ý nghĩa như thế nào trong việc làm nổi bật vấn đề gia tăng dân số ?  - Việc so sánh tốc độ gia tăng dân số víi việc tăng lượng thóc trong mỗi ô bàn cờ có tác dụng gì? | *HS HĐ cá nhân ,trả lời:* | | - ***Nêu lên bài toỏn cổ*** | |  |
| - Một bàn cờ có 64 ô, đặt một hạt thóc vào ô thứ nhất , các ô sau cứ thế nhân đôi. Tổng số thóc có thể phủ kín khắp bề mặt trái đất.  -> *Số thúc là con số quỏ lớn*  - Câu chuyện vừa gõy tũ mũ, hấp dẫn người đọc vừa mang lại một kết luận bất ngờ: tưởng số thóc ấy ít hoá ra “có thể phủ kín bề mặt trái đất”.  - Câu chuyện là tiền đề để tác giả so sánh víi sự bùng nổ và gia tăng dân số: Hai sự việc đều tăng theo cấp số nhân công bội là 2.  => Giúp người đọc hình dung ra *tốc độ gia tăng dân số là hết sức nhanh chóng* | | | |  |
| **9**.Từ bài toán dân số, tác giả đó đưa ra những số liệu cụ thể  về tốc độ gia tăng dân số trên thế giới như thế nào?  - Em có nhận xét gì về tốc độ gia tăng dân số trên thế giới?  Theo em, việc đưa ra những số liệu đó có tác dụng gì? | *HS theo dõi VB, suy nghĩ, trả lời*: | | ***- Đưa ra số liệu cụ thể về tốc độ gia tăng*** | |  |
| - số liệu về dõn số toàn thế giới phát triển theo cấp số nhân: từ 2 người ban đầu, đến năm 1995 là 5,63 tỉ người, đạt đến ô số 30 víi điều kiện là mỗi gia đình chỉ có 2 con.  ***->mức độ gia tăng dân số hết sức nhanh chóng***,  ->T/dụng: giúp mọi người thấy rõ gõy được lòng tin, dễ hiểu, dễ thuyết phục | | | |  |
| **10**. ***Cho HS thảo luận***: Theo dõi phần 3 của thân bài hãy cho biết:  -Tỉ lệ sinh con của phụ nữ được tác giả thống kê như thế nào?  - Việc đưa ra những con số về tỉ lệ sinh con của phụ nữ một số nước theo thông báo của Hội nghị Cai-rô nhằm mục đích gì? | *HS thảo luận theo nhóm nhỏ(2 bàn),đại diện trình bày. Nhúm khácc nh/xét.* | | ***- Đưa ra những con số về tỉ lệ sinh con của phụ nữ và tỉ lệ tăng hàng năm*** | |  |
| - Tỉ lệ sinh con của phụ nữ:  - Mục đích:  + Để thấy người phụ nữ có thể sinh rất nhiều con  ->chỉ tiêu mỗi gia đình chỉ có 1-2 con là rất khó khăn.  => Cảnh báo nguy cơ gia tăng dân số  + Các nước chậm phát triển lại sinh con rất nhiều.  - Phần lớn các nước được kể tên là những nước kém và chậm phát triển nhưng dân số lại gia tăng rất nhanh | | | |  |
| - Các nước được kể tên chủ yếu thuộc những châu lục nào? Em có nhận xét gì về sự phát triển dõn số và đời sống xó hội ở những châu lục đó?  - Có thể rút ra kết luận gì về mối quan hệ giữa dõn số và sự phát triển xó hội? | - Phần lớn các nước được kể tên là những nước kém và chậm phát triển nhưng dân số lại gia tăng rất nhanh.  =>***Sự gia tăng dân số và sự phát triển đời sống xó hội có mối quan hệ mật thiết.*** Sự bùng nổ dân số tỉ lệ thuận víi víi nghèo nàn, lạc hậu, kinh tế kém phát triển, văn hoá giáo dục không được nâng cao. Mất cân đối về xó hội tỉ lệ nghịch víi sự phát triển kinh tế, văn hoá. Khi kinh tế, văn hoá, giáo dục kém phát triển thì không thể khống chế được sự bùng nổ gia tăng dân số. | | | |  |
| **11*. Cho HS thảo luận:*** Dân số tăng nhanh sẽ có tác động như thế nào đến sự phát triển của xó hội? | *HS thảo luận nhúm bàn* | | ***=>Hậu quả: Kinh tế, văn hóa, giáo dục sẽ nghèo nàn, lạc hậu, kém phát triển*** | |  |
| **12**.Việc tác giả thống kê để TM dân số tăng từ khả năng sinh sản của người phụ nữ và nêu thêm một vài con số về tỉ lệ tăng hàng năm trên TG có tác dụng gì ? | *HS suy nghĩ, trả lời:* | | - Cảnh báo nguy cơ tiềm ẩn của sự gia tăng dân số.  - Cho thấy cái gốc của vấn đề hạn chế dân số là sinh đẻ có kế hoạch. | |  |
| **13.** Em có nhận xét gì về cách lập luận của tác giả trong phần thân bài?  - Cách lập luận đó cho ta thấy điều gì? | *HS nhận xét, trình bày* | | ***->Cách lập luận :*** Sử dụng lí lẽ đơn giản, chứng cớ đầy đủ kết hợp so sánh,  liệt kờ  ***=> Dân số tăng nhanh ảnh hưởng đến tương lai dân tộc và nhân loại*** | |  |
|  |
| **13.** Làm thế nào để nhân loại tồn tại và phát triển được? | *HS suy nghĩ, trình bày* | | ***3. Lời kêu gọi : cần hạn chế sự bùng nổ và gia tăng dân số.*** | |  |
| **14**. Tại sao tác giả cho rằng: *Đó là con đường* “*tồn tại hay không tồn tại*” *của chính loài người*  - Lời kêu gọi đó bộc lộ quan điểm và thái độ gì của tác giả ? | *HS đọc VB, trao đổi trong bàn, trả lời*. | |  | |  |
| - Nếu con người sinh sôi trên trái đất theo cấp số nhân của bài toán cổ thì đến một lúc nào đó sẽ không còn đất sống.  - Đất đai không sinh ra, con người ngày một nhiều thêm. Muốn có đất sống, phải sinh đẻ có kế hoạch để hạn chế gia tăng dân số trên toàn cầu.  ->*Tác giả là người có trách nhiệm víi đời sống cộng đồng, trân trọng cuộc sống tốt đẹp của con người* | | | |  |
| **15**. Để thực hiện lời kêu gọi của tác giả thì mỗi dõn tộc, mỗi quốc gia cần phải làm gì? | ***-> Mỗi dõn tộc, mỗi quốc gia cần phải tích cực thực hiện tốt chính sách dân số và KHH gia đình, giảm tỉ lệ sinh, hạn chế sự gia tăng dân số -> Đây là vấn đề nghiêm túc và sống còn của nhân loại.*** | | | |  |
| - Nước ta đó có những biện pháp gì để hạn chế sự gia tăng dân số? |  | | | |  |
| **\* Đánh giá, khái quát**   * ***PPDH***: Vấn đáp, thuyết tŕnh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 5 phút * ***Hình thành năng lực***: Đánh giá tổng hợp, cảm thụ | | | | |  |
| **III. HDHS đánh giá, khái quát VB** | ***Hình thành kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Đánh giá, khái quát** | | ***Kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Ghi nhớ** | |  |
| **13**. Nhận xét về hình thức trình bày của bài văn ? Em học tập được gì từ cách lập luận của tác giả trong văn bản này ?  - Bài văn đem lại cho em những hiểu biết gì về vấn đề dân số và kế hoạch hoá gia đình ?  \*GV tóm tắt ->GN. Gọi HS đọc | *HS tóm tắt lại, trả lời* | | ***1. Nghệ thuật*** | |  |
| - Sử dụng kết hợp các phương pháp so sánh, dùng số liệu, phân tích  - Lập luận chặt chẽ  - Ngôn ngữ khoa học, giàu sức thuyết phục.  ***2. Nội dung***  - Sự gia tăng dân số là một thực trạng đáng lo ngại của thế giới là nguyên nhân dẫn đến cuộc sống đói nghèo, lạc hậu.  - Hạn chế gia tăng dân số là đũi hái sống còn của nhân loại.  *1HS đọc* \****Ghi nhớ***: sgk/132 | | | |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh, đọc diễn cảm * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 5 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo | | | | |  |
| **IV**. **HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **HS luyện tập** | | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **Luyện tập** | |  |
| **14.** Cho HS làm BTTN: | *HS đọc, lựa chọn, trả lời* | | ***1.Trắc nghiệm*** | |  |
| ***1***. ***Văn bản*** “***Bài toỏn dõn số***” ***được viết theo PTBĐ nào***?  A. Lập luận kết hợp víi tự sự.  B. Lập luận kết hợp víi thuyết minh.  C. Lập luận kết hợp víi miêu tả.  D. Lập luận kết hợp víi biểu cảm.  ***2. Chủ đề bao trùm của văn bản*** “***Bài toỏn dõn số***”***là gì?***  A.Thế giới đang đứng trước nguy cơ gia tăng dân số quá nhanh.  B. Bùng nổ và gia tăng dân số quá nhanh là một hiểm hoạ cần báo động.  C. Khống chế sự gia tăng dân số quá nhanh là con đường “tồn tại hay không tồn tại” của chính loài người.  D. Cả A,B,C đều đúng. | | | | |  |
| **15**. Theo em, con đường tốt nhất để hạn chế sự gia tăng dân số là gì ?  - Em có hiểu biết gì về sự gia tăng dân số ở địa phương em và tác động của nó đối víi đời sống, kinh tế, văn hoá ?  -Trong hiện tại và tương lai,  em thấy cần phải làm gì để góp phần thực hiện tốt chính sách dân số của Nhà nước ở địa phương em ? | *HS suy nghĩ, liên hệ, trả lời:*  - Con đường tốt nhất để hạn chế sự gia tăng dân số là đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục về dân số và KHH gia đình. Vì chỉ bằng con đường giáo dục mới giúp họ hiểu ra nguy cơ của sự bùng nổ và gia tăng dân số; vấn đề dân số gắn liền víi con đường đói nghèo hay hạnh phúc.  - Địa phương: Do tích cực tuyên truyền về dõn số  và KHHGĐ nên hiện nay tốc độ gia tăng dân số có giảm, đời sống kinh tế ngày càng được cải thiện hơn... | | | |  |
|  |
| **16**.Vì sao sự gia tăng dân số có tầm quan trọng hết sức to lớn đối víi tương lai nhân loại, nhất là đối víi các dân tộc còn nghèo nàn, lạc hậu ? | *HS suy nghĩ và trả lời:*  Dân số phát triển quá nhanh->chỗ ở, lương thực thiếu, môi trường ô nhiễm, không có việc làm...  ->Đói nghèo, lạc hậu, hạn chế sự phát triển GD. GD không phát triển->càng đói nghèo, lạc hậu hơn | | | |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

- Thời gian: 5 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Tìm hiểu tình hình gia tăng dân số còng như hậu quả của việc gia tăng dân số ở địa phương em. | **Hình thành năng lực tự học.**  - HS trình bày |  |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

- Thời gian: 3 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Sưu tầm và chép lại những bài văn, bài thơ đoạn văn hay viết về địa phương Quảng Nam. | **Hình thành năng lực tự học tập**  - HS sưu tầm. |  |  |

**Bước IV: Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà:**

- Học phần ghi nhớ nắm được nội dung ý nghĩa văn bản.

- Làm bài tập 3 tr132

- Đọc kĩ bài “Dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm” và trả lời các câu hái trong SGK

\* Rút kinh nghiệm

- Cho học sinh về tìm hiểu thực trạng dân số ở nước ta hiện nay

- Cho hs tìm hiểu giải pháp hạn chế sự gia tang dân số

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 12**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết4**

**DẤU NGOẶC ĐƠN, DẤU HAI CHẤM**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu công dụng và biết cách sử dụng dẫu ngoặc đơn và dấu hai chấm trong khi viết.

**2. Kĩ năng**:

- Sử dụng dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm.

- Sửa lỗi về dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục học sinh ý thức tìm hiểu công dụng của hai loại dấu này.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức:**

- Công dụng của dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm.

**2. Kĩ năng**:

- Sử dụng dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm.

- Sửa lỗi về dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục học sinh ý thức tìm hiểu công dụng của hai loại dấu này.

**4. Năng lực phát triển**

**a. Các năng lực chung**.

- Năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tư duy sáng tạo

**b. Các năng lực chuyên biệt.**

- Năng lực tìm kiếm,tổ chức, xử lí thông tin.

- Năng lực sử dụng tiếng Việt

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Phương pháp**

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Phương pháp dạy học nêu vấn đáp

**2. Đồ dùng dạy học**

**a. Thầy**:

- Đọc kĩ bài học và soạn bài chu đáo

- Mỏy chiếu

**b. Trò:**

- Đọc kĩ bài học và chuẩn bị bài theo hệ thống câu hái trong SGK.

**IV.TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**Bước I: Ổn định tổ chức:**

**Bước II: Kiểm tra bài cũ:**

- Nêu các mối quan hệ giữa các vế trong câu ghép và cách xác định mối quan hệ đó?

- Bài tập trắc nghiệm

**Bước III: Tổ chức dạy và học bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐÔNG**

- Thời gian: 1 phút

- Phương pháp: Thuyết trình

- Kĩ thuật: Động não

GV: Trong chương trình Ngữ văn 7 chúng ta đó được làm quen víi một số dấu câu Bài học hôm nay chúng ta tiếp tục tìm hiểu về một loại dấu câu – dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm.

**HOẠT ĐỘNG 2: HèNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

- Thời gian: 15 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Khăn trải bàn, động não, tia chớp

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | | |  |
| \* Cho HS quan sát lại đoạn văn. Nêu yêu cầu: Trong đoạn trích trên, dấu hai chấm ( : ), dấu ngoặc đơn ( ) được dùng để làm gì?  Những dấu đó có những công dụng gì,  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày,* | | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | | ***Tiết 51.* Dấu .....** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | | |  |
| **I.HD HS tìm hiểu công dụng của dấu ngoặc đơn**. | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...*** | | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...*** |  |
|  | **I.Tìm hiểu công dụng của dấu ngoặc đơn**. | | **I. Dấu ngoặc đơn** |  |
| **1**.Cho HS quan sát các đoạn trích. Gọi HS đọc. Hái:  - Nội dung phần trong ngoặc đơn làm rõ cho từ ngữ nào?  - Dấu ngoặc đơn trong những đoạn trích đó được dùng để làm gì ?  - Nếu bỏ phần trong ngoặc đơn thì ý nghĩa cơ bản của những đoạn trích trên có thay đổi không ? Vì sao? | *HS q/sát VD. 1HS đọc HS HĐ cá nhân, trả lời* | | ***1. Ví dụ:*** (sgk/134) |  |
| ***a***. Giải thích để làm rõ “*họ*” ngụ ý chỉ ai (những người bản xứ) ->*Giúp người đọc hiểu rõ hơn phần được chú thích, có t/dụng nhấn mạnh*  ***b****.*Thuyết minh về một loại động vật mà tên của nó (ba khía) được dùng để gọi tên một con kênh  ->*Giúp người đọc hình dung rõ hơn đặc điểm của con kênh này.*  **c**. Bổ sung về thông tin năm sinh và mất của nhà thơ Lí Bạch -> *giúp người đọc biết thêm Miờn Châu thuộc tỉnh nào.*  - Không, vì những phần đó nhằm cung cấp thông tin kèm thêm chứ nó không thuộc phần nghĩa cơ bản (*khi đặt một phần nào đó trong dấu ngoặc đơn thì người viết đó coi đó là phần chú thích*) | | |  |
| **2**.Qua VD, hãy rút ra công dụng của dấu ngoặc đơn?  \*GV chốt lại . Gọi HS đọc | *HS tóm tắt , trả lời:*  *1HS đọc ghi nhớ* | | ***2. Ghi nhớ*** :(sgk/134) |  |
| **3**. Trong các trường hợp sau, dấu ngoặc đơn được dùng để làm gì? | *HS xác định, trình bày* | |  |  |
| a.Nam Cao sinh năm 1915 (?) nhưng có tài liệu ghi năm sinh của ông là 1917.  b. Trong tất cả những cố gắng của các nhà khai hóa nhằm bồi dưỡng cho dân tộc Việt Nam và dỡu dắt họ lên con đường tiến bộ(?)...cưỡng bức.  (Nguyễn Ái Quốc)  c.Một thế kỉ văn minh, khai hóa (!) của thực dân còng không làm ra được một tấc sắt. Tre vẫn phải còn vất vả mãi víi người.  Thộp Mới, *Cây tre Việt Nam*  d. Theo bài toỏn cổ kia thì loài người phát triển theo cấp số nhân, công bội là 2, đó đạt tới ô thứ 30. Đó là víi điều kiện mỗi gia đình chỉ có hai con, và đó trõ đi tỉ lệ tử vong (kể cả dịch bệnh hoặc chiến tranh không quá 5%).  (Thái An- *Bài toỏn dõn số)* | | | ***=> Tỏ ý hoài nghi***  ***-> Vừa hoài nghi vừa mỉa mai.***  ***=>Mỉa mai***  ***=> Bổ sung thêm.*** |  |
| **\* GV lưu ý HS các trường hợp**:  - Dùng dấu ngoặc đơn víi dấu chấm hái (?) ->Tỏ ý hoài nghi  - Dùng dấu ngoặc đơn víi dấu chấm than (!) ->Tỏ ý mỉa mai  - Dùng dấu ngoặc đơn víi cả dấu chấm hái và dấu chấm than (?!) ->Tỏ ý vừa hoài | | | |  |
| nghi, vừa mỉa mai. Đây là một biểu hiện đặc biệt của trường hợp dùng dấu ngoặc đơn đánh dấu phần bổ sung thêm. | | | |  |
| **4**. Phần nào trong các câu sau có thể cho vào trong dấu ngoặc đơn ? Tại sao ?  a. Nam, lớp trưởng lớp 8B, có giọng hát tuyệt vời.  b. Mùa xuân, mùa đầu tiên trong năm, cây cối xanh tươi mát mắt.  c. Bộ phim Trường chinh, do Trung Quốc sản xuất, rất hay. | *1HS lên bảng làm, HS khácc nhận xét*. | |  |  |
| - Phần có thể cho vào dấu ngoặc đơn:  a. Nam (*lớp trưởng lớp 8B*) có giọng hát tuyệt vời.  b. Mựa xuõn *(mùa đầu tiên trong năm*) cây cối xanh tươi mát mắt.  c. Bộ phim Trường chinh (*do Trung Quốc sản xuất)* rất hay  - Vì: phần đó làm nhiệm vụ giải thích, thuyết minh, bổ sung thêm cho những từ ngữ trước đó. | | |  |
| **II.HD HS tìm hiểu công dụng của dấu hai chấm** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **II. HS tìm hiểu công dụng của dấu hai chấm**. | | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **II.Dấu hai chấm** |  |
| **5**. Cho HS quan sát các đoạn trích. Gọi HS đọc. Hái:  - Dấu hai chấm trong những đoạn trích đó dùng để làm gì ? | *HS quan sát VD,1HS đọc HS trao đổi nhóm bàn, trình bày* | | ***1. Ví dụ***.(sgk/135) |  |
| ***a***. Báo trước lời thoại (của Dế Mèn víi Dế Choắt và của Dế Choắt víi Dế Mèn).  ***b***. Báo trước một lời dẫn trực tiếp(Thép Mới dẫn lại lời của người xưa)  ***c***. Báo trước lời giải thích (giải thích lí do thay đổi tâm trạng của nhân vật tôi). | | |  |
| **6**.Quan sỏt VD, hãy cho biết sau dấu hai chấm, trường hợp nào phải viết hoa?  \*GV: *Lời dẫn TT phải dựng víi dấu* “*...*”*, lời đối thoại dùng víi dấu(-).* | *HS quan sỏt VD, trả lời:*  Viết hoa khi sau dấu hai chấm là lời thoại hay lời dẫn trực tiếp | |  |  |
| **7**. Qua tìm hiểu VD, em thấy dấu hai chấm có những công dụng gì?  \*GV chốt lại GN. Gọi HS đọc | *HS tóm tắt, trả lời.*  *1HS đọc ghi nhớ* | |  |  |
| **8**.Cho HS làm BT vận dụng: | *HS đọc BT, suy nghĩ.*  *1HS lên bảng điền dấu.* | |  |  |
| ***Thêm dấu hai chấm vào các câu sau cho đúng víi ý định của người viết***:  a. Người Việt Nam nói “Học thầy không tày học bạn” nhưng còng nói “Không | | a. Người Việt Nam nói: “Học thầy không tày học bạn” nhưng còng nói: “Không thầy đố mày làm nên” | |  |
| thầy đố mày làm nờn”  b. Nam khoe víi tôi rằng “Hôm qua tớ được điểm 10”.  c.Bố cục bài văn thường gồm ba phần mở bài, thân bài và kết bài. | | b. Nam khoe víi tôi rằng: “Hôm qua tớ được điểm 10”.  c. Bố cục bài văn thường gồm ba phần: mở bài, thân bài và kết bài. | |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | | |  |
| **III.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III**. **HS luyện tập** | | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III**. **Luyện tập** |  |
| **9**. **GV chia 2 nhóm cho HS HĐ theo bàn.**  - N1: Hãy giải thích công dụng của các dấu ngoặc đơn trong các đoạn trích ở BT 1?  - N2. Giải thích công dụng của dấu hai chấm trong các đoạn trích?   * Gọi HS trình bày * GV chốt lại | *HS quan sát BT, suy nghĩ, trao đổi, trình bày.*  *HS khácc nhận xét.* | | ***Bài 1. Giải thích công dụng của dấu ngoặc đơn*** |  |
| ***a***. Đánh dấu phần giải thích ý nghĩa của các cụm từ trong ngoặc kép: tiệt nhiên, định phận tại thiên thư, hành khan thủ bại hư.  ***b***. Đánh dấu phần thuyết minh nhằm giúp người đọc hiểu rõ về chiều dài của cầu: trong 2.290m chiều dài của cầu có tínhi cả phần cầu dẫn.  ***c***. Dấu ngoặc đơn được dùng ở hai chỗ.  + Vị trí thứ nhất : đánh dấu phần bổ sung. Phần này có quan hệ lựa chọn víi phần được chú thích (có phần này thì không có phần kia).  + Vị trí thứ hai: đánh dấu phần thuyết minh để làm rõ những phương tiện ngôn ngữ ở đây là gì.  ***Bài 2: Giải thích công***  ***dụng của dấu hai chấm***  ***a***. Đánh dấu (báo trước) phần giải thích cho ý: họ thỏch nặng quỏ.  **b**. Đánh dấu (báo trước) lời đối thoại (của Dế Choắt nói víi Dế Mèn) và phần thuyết minh nội dung mà Dế Choắt khuyên Dế Mèn .  ***c***. Đánh dấu (báo trước) phần thuyết minh cho ý : đủ màu là những màu nào | | |  |
| **10**. Gọi HS đọc đoạn trích BT3. Hái:  - Có thể bỏ dấu hai chấm trong đoạn trích được không?  - Tác giả dùng dấu hai chấm nhằm mục đích gì ? | *HS trao đổi nhóm bàn, đại diện trả lời:*  Có thể bỏ dấu hai chấm được vì ý nghĩa cơ bản của câu không thay đổi | | ***Bài 3: Mục đích dùng dấu hai chấm:***  Nhấn mạnh ý cần diễn đạt: những đặc sắc của TV |  |
| **12**. Quan sát câu văn và cho biết : Có thể thay dấu hai chấm bằng dấu ngoặc đơn không? Nếu thay thì ý nghĩa của câu có gì thay đổi.  + Nếu viết lại: Phong Nha gồm: Động khô và Động nước thì có thể thay dấu hai chấm bằng dấu ngoặc đơn được không ? Vì sao ? | *HS so sánh 2 cách dựng, trả lời:* | | ***Bài 4: So sánh cách dùng dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm*** |  |
| ***a***. Có thể thay được vì nghĩa của câu cơ bản không thay đổi. Nếu thay thì phần trong dấu ngoặc đơn  chỉ có tác dụng kèm theo chứ không thuộc phần nghĩa cơ bản của câu như khi phần này đặt sau dấu hai chấm  *b*. Nếu viết lại “Phong Nha gồm: Động khô và Động nước” thì không thể thay dấu hai chấm bằng dấu ngoặc đơn, vì trong câu này vế “Động khô và Động nước” là nội dung chính, không phải là phần chú thích. | | |  |
| **13**. GV chiếu BT5. Nêu y/cầu  - Bạn đó chép lại dấu ngoặc đơn đúng hay sai? Vì sao?  - Phần được đánh dấu bằng dấu ngoặc đơn có phải là một bộ phận của câu không? | *HS quan sát đoạn văn, suy nghĩ, trả lời:* | | ***Bài 5. Cách dùng dấu ngoặc dơn*** |  |
| - Chộp lại sai vì dấu ngoặc đơn còng như dấu ngoặc kép bao giờ còng được dùng thành cặp  - Phần đó không phải là bộ phận của câu mà là 2 câu có tác dụng giải thích | | |  |
| **14**.GV nêu yêu cầu của BT6: Dựa vào nội dung đó học ở VB “Bài toỏn dõn số”, hãy viết một đoạn văn ngắn về sự cần thiết phải hạn chế việc gia tăng dân số, trong đoạn văn có dùng dấu ngoặc dơn, dấu hai chấm. | *HS nghe, x.định y/cầu, suy nghĩ, viết cá nhân.*  *1-2HS trình bày. Hs khácc nhận xét.* | | ***Bài 6. Viết đoạn văn*** ***về sự cần thiết phải hạn chế việc gia tăng dân số*** |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

- Thời gian: 7 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Viết một đoạn văn từ 5 đến 6 câu sử dụng dấu ngoặc đơn dấu hai chấm. | **Hình thành năng lực tự học.**  - HS trình bày |  |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

- Thời gian: 3 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Tìm một số công dụng của dấu câu khácc . | **Hình thành năng lực tự học tập** |  |  |

**Bước IV: Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà:**

- Học phần ghi nhớ: nắm được các công dụng của dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm.

- Làm bài tập 4(137).

- Đọc kĩ bài “Đề văn thuyết minh và cách làm bài văn thuyết minh” và trả lời các câu hái trong SGK.

\*Rút kinh nghiệm

- Cho them bài tập ngoài SGK để học sinh rèn luyện

- Sửa phần bài tập khó trong SGK

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 13**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 1**

**ĐẬP ĐÁ Ở CÔN LÔN**

***Phan Châu Trinh***

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Thấy được nét mới mẻ về nội dung trong một số tác phẩm thơ Nôm viết theo thể thất ngôn bát có Đường luật của văn học yêu nước và cách mạng đầu thế kỉ XX qua sáng tác của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh.

- Cảm nhận được vẻ đẹp và tư thế của người chí sĩ yêu nước được khắc hoạ bằng bót pháp nghệ thuật lóng mạn, giọng điệu hào hùng, truyền cảm, lôi cuốn trong tác phẩm.

**2. Kỹ năng:**

- Đọc – hiểu văn bản thơ thất ngôn bát có Đường luật đầu thế kỉ XX

- Cảm nhận được giọng điệu, hình ảnh thơ ở các văn bản

**3. Thái độ.**

Yêu mến, tự hào về các nhà thơ yêu nước.

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức**

- Sự mở rộng kiến thức về văn học cách mạng đầu thế kỉ XX.

- Khí phách kiên cường, phong thái ung dung, chí khí lẫm liệt, đàng hoàng của nhà chí sĩ yêu nước trong hoàn cảnh tù đày

- Cảm hứng hào hựng, lóng mạn, giọng thơ mạnh mẽ, khoáng đạt được thể hiện trong bài thơ.

**2. Kỹ năng:**

- Đọc – hiểu văn bản thơ thất ngôn bát có Đường luật đầu thế kỉ XX

- Cảm nhận được giọng điệu, hình ảnh thơ ở các văn bản

**3. Thái độ.**

Yêu mến, tự hào về các nhà thơ yêu nước.

**4. Tích hợp giáo dục ANQP:**

- Hình ảnh của các nhà yêu nước, chiến sỹ cộng sản trong các nhà lao đế quốc

**5. Định hướng phát triển năng lực**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: sáng tạo, cảm thụ

**III. CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRề**

**1. Chuẩn bị của thầy**.

- Bảng phụ,

- Tranh ảnh tư liệu về tác giả Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh.

**2. Chuẩn bị của trò.**

Đọc, trả lời câu hái đọc - hiểu văn bản

Tìm hiểu về các nhà chớ sĩ yêu nước Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh.

**IV. TIẾN TRèNH DẠY HỌC.**

**\* Bước 1**: ***Ổn định tổ chức*** (1')

**\* Bước 2:** ***Kiểm tra bài cũ (***3-5')

- Muốn thực hiện hiệu quả chính sỏch dõn số, chúng ta phải làm gì ?

**\* Bước 3:** ***Dạy - học bài mới:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Thuyết trình, trực quan * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Thuyết trình. | | |  |
| **\* *Tích hợp GD\_ANQP:***  **GV cho quan sỏt ảnh chân dung của PCT và hình ảnh một số nhà yêu nước cách mạng khác. Nêu qua về cuộc đời hoạt động cua họ.**  - Nêu yêu cầu: Em có biết đây là ai không? Em hiểu gí về những nhân vật đó?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Nghe, suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày, dẫn vào bài mới* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 57.*** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**  **\*Tri giác**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút * ***Thời gian***: 3- 5' * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc | | |  |
| **I. HD HS đọc - tìm hiểu chú thích** | ***Hình thành kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I.Đọc-tìm hiểu chú thích** | ***Kĩ năng đọc, trình bày 1 phút***  **I. Đọc - Chú thích** |  |
| **1**. GV nêu yêu cầu: đọc diễn cảm phù hợp víi khẩu khí ngang tàng, giọng điệu hào hùng của bài thơ. Riêng cặp câu 3-4 cần chuyển sang giọng thống thiết. Câu cuối giọng cảm khái, thỏch thức.  - Gọi HS đọc bài, nhận xét | *- HS nghe, xác định cách đọc*  -*2 HS đọc bài, HS khác nhận xét* | ***1. Đọc*** |  |
| **2**.Dựa vào chú thích hãy trình bày hiểu biết của em về hai tác giả ?  - Nêu hoàn cảnh ra đời của 2 tác phẩm ?  \*GV chốt lại, bổ sung | *HS dựa vào chú thích \* và những hiểu biết của mình, trả lời* | ***2. Chú thích***  ***a. Tác giả:*** |  |
|  | |  |
| Bài thơ được ra đời ngay sau khi Phan Bội Châu bị bọn quân phiệt tỉnh Quảng Đông (TQ) bắt giam.Ông làm bài thơ để bọc lộ cảm xúc và “tự an ủi mình nhưng bài thơ đó để lại cho đời sau một hình ảnh tuyệt đẹp về tư thế con người CM lúc sa cơ lỡ bước lâm vào cảnh tù ngục hiểm nghèo | ***\* Phan Châu Trinh (1872-1926)***  - Là nhà nho yêu nước, là người đề xướng dân chủ, đũi bói bỏ chế độ quân chủ sớm nhất ở VN.  - Là người giái biện luận và có tài văn chương. Văn chính luận của ông hùng biện, đanh thép, thấm đẫm tinh thần yêu nước và dân chủ.  ***b. Tác phẩm***  -*“Đập đá ở Côn Lôn*” được làm trong thời gian Phan Châu Trinh bị bắt và bị đày ở Côn Đảo. | |  |
| **3**.Cho hs tìm hiểu các chú thích trong sgk | *HS đọc các chú thích* | ***c. Từ khó***: sgk |  |
| **II. HD HS đọc - tìm hiểu văn bản**  **B1. HD tìm hiểu khái quát** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II. HS đọc - tìm hiểu VB**  **1.HS tìm hiểu khái quát** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác...***  **II.Đọc-Tìm hiểu văn bản**  **1. Tìm hiểu khái quát** |  |
| **4**. Hãy xỏc định thể thơ, PTBĐ của 2 bài thơ?  - Dựa vào kiến thức đó học hãy thuyết minh ngắn gọn về thể thơ của 2 bài thơ này ? | *HS xác định, trả lời.* |  |  |
| - PTBĐ: Biểu cảm ->Thể loại thơ trữ tình.  - Thể thơ : thất ngôn bát có Đường luật  + Toàn bài có 8 câu, mỗi câu 7 chữ.  + Hiệp vần ở cuối các câu: 1, 2, 3, 5, 8 và là vần bằng  + Hai cặp 3-4 và 5-6 đối nhau.  + Kết cấu: 4 phần: Đề (câu 1-2), Thực (câu3-4),  Luận( câu 5- 6), Kết ( câu 7-8) | |  |
| **5**. Nhan đề của hai bài thơ cho em hiểu được điều gì? Nhân vật trữ tình của hai bài thơ là ai ? | - Bài thơ là cảm xúc được viết trong hoàn cảnh tù đày, lao động khổ sai.  - Nhân vật trữ tình là hình ảnh người tù yêu nước Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh | |  |
| **B2. HD HS tìm hiểu chi tiết văn bản** | **HS tìm hiểu chi tiết văn bản** | **2. Tìm hiểu chi tiết** |  |
| 1 Bài thơ có tên là “Đập đá ...”, em hiểu đập đá là công việc như thế nào? Em hình dung công việc đập đá của người tù ở Côn Đảo là một công việc như thế nào?  + Đập đá là một công việc vất vả và khổ cực đũi hái người lao động phải có sức khoẻ tốt.  + Đập đá ở Côn Lôn: nơi TDP lập ra nhà tù để giam cầm những người yêu nước,  những chí sĩ CM víi tất cả những kiểu đày ải, tra tấn con người tàn nhẫn nhất. Tại | | |  |
| đây, những người tù phải đập đá - một công việc lao động khổ sai khiến cho nhiều người kiệt sức và không ít người đó gục ngó.  2, Bốn câu thơ đầu của bài thơ có hai lớp nghĩa. Hai lớp nghĩa đó là gì? Nhận xét về khẩu khớ của tác giả thể hiện trong những câu thơ đó? Qua 4 câu thơ đó cho ta thấy được điều gì?  + Hai lớp nghĩa trong bốn câu thơ đầu:  . Thế đứng của con người giữa đất trời: lòng kiờu hónh, ý chớ tự khẳng định, là khát vọng hành động mónh liệt -> Tư thế hiên ngang, sừng sững.  . Công việc đập đá: sức mạnh của người khổng lồ, khí thế hiên ngang, hành động quả quyết, mạnh mẽ, phi thường.  ->*Vừa gợi tả công việc nặng nhọc vất vả vừa diễn tả sức mạnh to lớn, khí phách hiên ngang, kiên cường, bất chấp gian nguy, đương đầu víi khó khăn để chiến thắng thử thách*  + Khẩu khí ngang tàng, xem thường mọi thử thách gian nan  ->*Hình ảnh người tù cách mạng trong tư thế ngạo nghễ, khí phách hiên ngang, lẫm liệt ngang tầm vũ trụ*  3. Từ việc lao động khổ sai, người tù yêu nước nhận ra được điều gì? Chỉ ra các BPNTđược sử dụng trong cặp câu 5-6 ? Tác dụng của các BPNT đó?  + Tự thấy mình có tấm thân dày dạn phong trần qua nhiều thử thỏch; có tinh thần cứng cái, trung kiờn, không sờn lòng, đổi chí trước mọi gian lao, thử thách.  + BP tu từ ẩn dụ, nói quá và sự đối lập giữa chí lớn của người anh hùng víi những thử thách gian nan trên con đường tranh đấu-> Chí khí lớn lao của những người có gan làm việc lớn, khi phải chịu tù đày chỉ là việc nhỏ, không có gì đáng nói.   * ***Ý chí chiến đấu sắt son, kiên cường bất khuất, tin tưởng mónh liệt vào sự nghiệp mình đang theo đuổi, xem thường mọi gian lao thử thách***   4. Từ hình ảnh người tù yêu nước PBC, PCT, giúp em hiểu được điều gì về các nhà nho yêu nước VN những năm đầu thế kỉ XX?  Họ đều là những người yêu nước, thương dân, sẵn sàng chấp nhận mọi gian khổ nguy nan, bền gan vững chí đấu tranh đến cùng vì lí tưởng cứu nước cao đẹp. | | |  |
| **III. HDHS đánh giá, khái quát VB** | ***Hình thành kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Đánh giá, khái quát** | ***Kĩ năng đánh giá, tổng hợp***  **III. Ghi nhớ** |  |
| **8**. Nêu những nét đặc sắc về ND và NT của hai bài thơ?  \*GV chốt lại GN. Gọi HS đọc | *HS khái quát, trình bày*  *1HS đọc ghi nhớ* |  |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh, đọc diễn cảm * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 5 phút | | |  |
| * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo | | |  |
| **IV**. **HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **IV**. **Luyện tập** |  |
| **9**. Hãy cho biết 2 bài thơ có điểm gì giống nhau? Điểm nào khác nhau?  - Dựa vào kiến thức đó học hãy thuyết minh ngắn gọn về thể thơ của 2 bài thơ này ? | *HS xác định, trả lời.* | \* Điểm giống nhau: |  |
| - PTBĐ: Biểu cảm ->Thể loại thơ trữ tình.  - Thể thơ : thất ngôn bát có Đường luật  - Nhân vật trữ tình đều là h/ảnh người tù yêu nước  - Đều thể hiện khí phách hiên ngang, quyết tâm sắt đá, coi thường thử thách, gian nan.  - Bút pháp lóng mạn, giọng điệu hào hùng  - \* Điểm khác nhau:  - “*Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác*” được PBC sáng tác khi vừa bị bắt giam ở QĐ.  -*“Đập đá ở Côn Lôn*” được PCT sáng tác khi đang bị lao động khổ sai ở Côn Đảo. | |  |

**Hoạt động 4: Vận dụng (2-3’)**

**-** Trình bày cảm nhận của em về hai nhà chớ sĩ yêu nước trong hai bài thơ?

**Hoạt động 5: Phát triển mở rộng (2-3’)**

- Tìm đọc một số tác phẩm của những nhà chí sĩ yêu nước đầu TK XX

**\* Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà(1’)***

***a. Bài cũ***

- Đọc phần đọc thêm (sgk/148)

- Học thuộc bài thơ, nắm vững giá trị về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

***b. Bài mới***: Chuẩn bị bài *“ễn luyện về dấu câu*”.

- Liệt lê những loại dấu câu đó học và công dụng của các loại dấu câu đó?

- Cho các VD tương ứng víi mỗi loại dấu câu.

\* Rút kinh nghiệm

- Cho học sinh so sánh với các bài cùng đề tài để thấy được tấm lòng của tác giả.

- Chú ý các từ khó

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 13**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết2 VÀO NHÀ NGỤC UẢNG ĐÔNG CẢM TÁC (KKHS TỰ HỌC)**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG ( PHẦN VĂN) – KKHS TỰ HỌC**

Lập bảng danh sách các nhà văn, nhà thơ quê ở thành phố, tỉnh (hoặc quận, huyện) nơi em đang sinh sống theo trình tự: họ tên, bút danh (nếu có), năm sinh, năm mất (nếu đã mất) và tác phẩm chính. Chú ý: chỉ thống kê những tác giả sinh có sáng tác trước năm 1975.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ tên** | **Bút danh** | **Năm sinh - năm mất** | **Tác phẩm chính** |
| Nguyễn Đình Lễ | Thế Lữ | 1907 - 1989 | Mấy vần thơ (tập thơ, 1935), Vàng và máu (truyện, 1934)... |
| Nguyễn Tuân | Nhất Lang, Thanh Thủy... | 1910 - 1987 | Vang bóng một thời (1940), Sông Đà (1960), Cô Tô (1965)... |
| Nguyễn Huy Tưởng |  | 1912 - 1960 | Đêm hội Long Trì (tiểu thuyết, 1942), Vũ Như Tô (kịch, 1941)... |
| Nguyễn Đình Thi |  | 1924 - 2003 | Xung kích (văn xuôi, 1951), Đất nước (thơ) |
| Nguyễn Sen | Tô Hoài | 1920 - 2014 | Đề Mèn phiêu lưu kí (1941), Truyện Tây Bắc (1953).... |

**Câu 2.** Sưu tầm và chép lại một bài thơ hoặc một bài văn (khoảng vài trang có thể là đoạn trích) mà em thấy hay viết về phong cảnh thiên nhiên, con người, sinh hoạt văn hóa, truyền thống lịch sử của quê hương em.

*Gợi ý:*

\* Văn xuôi:

- Tác phẩm “Một thứ quà của lúa non: Cốm”, trong tập tùy bút “Hà Nội băm sáu phố phường” của nhà văn Thạch Lam (1943). Đây là tập sách chủ yếu viết về những món ăn và sự gắn bó giữa ẩm thực với đời sống văn hoá xã hội của người Hà Nội.

- Nội dung tác phẩm:

Cơn gió mùa thu hạ lướt qua vùng sen trên hồ, nhuần thấm cái hương thơm của lá, như báo trước mùa về của một thức quà thanh nhã và tinh khiết. Các bạn có ngửi thấy, khi đi qua những cánh đồng xanh, mà hạt thóc nếp đầu tiên làm trĩu thân lúa còn tươi, ngửi thấy cái mùi thơm mát của bông lúa non không? Trong cái vỏ xanh kia, có một giọt sữa trắng thơm, phảng phất hương vị ngàn hoa cỏ. Dưới ánh nắng, giọt sữa dần dần đông lại, bông lúc càng ngày càng cong xuống, nặng vì cái chất quý trong sạch của Trời.

Đợi đến lúc vừa nhất, mà chỉ riêng những người chuyên môn mới định được, người ta gặt mang về. Rồi đến một loạt cách chế biến, những cách thức làm, truyền tự đời này sang đời khác, một sự bí mật trân trọng và khe khắt giữ gìn, các cô gái Vòng làm ra thứ cốm dẻo và thơm ấy. Tất nhiên là nhiều nơi cũng biết cách thức làm cốm, nhưng không có đâu làm được cốm dẻo, thơm và ngon được ở làng Vòng, gần Hà Nội. Tiếng cốm Vòng đã lan khắp tất cả ba kỳ, và đến mùa cốm, các người ở Hà Nội 36 phố phường vẫn thường ngóng trông cô hàng cốm xinh xinh, áo quần gọn ghẽ, với cái dấu hiệu đặc biệt là cái đòn gánh hai đầu cong vút lên như chiếc thuyền rồng ...

Cốm là thức quà đặc biệt riêng của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ Việt Nam. Ai nghĩ đầu tiên dùng cốm để làm quà siêu tết? Không có gì hợp hơn với sự vương vít của tơ hồng, thức quà trong sạch, trung thành như các việc lễ nghi. Hồng cốm tốt đôi... Và không bao giờ có hai màu lại hòa hợp hơn nữa: màu xanh tươi của cốm như ngọc thạch quý, màu đỏ thắm của hồng như ngọc lựu già. Một thứ thanh đạm, một thứ ngọt sắc, hai vị nâng đỡ nhau để hạnh phúc được lâu bền. (Thật đáng tiếc khi chúng ta thấy những tục lệ tốt đẹp ấy mất dần, và những thức quý của đất mình thay dần bằng những thức bóng bẩy hào nháng và thô kệch bắt chước nước ngoài: những kẻ mới giàu vô học có biết đâu thưởng thức được những vẻ cao quý kín đáo và nhũn nhặn?)

Cốm không phải là thức quà của người vội; ăn cốm phải ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ. Lúc bấy giờ ta mới thấy thu lại cả trong hương vị ấy, cái mùi thơm phức của lúa mới, của hoa cỏ dại ven bờ: trong màu xanh của cốm, cái tươi mát của lá non, và trong chất ngọt của cốm, cái dịu dàng thanh đạm của loài thảo mộc. Thêm vào cái mùi hơi ngát của lá sen già, ướp lấy từng hạt cốm một, còn giữ lại cái ấm áp của những ngày mùa hạ trên hồ. Chúng ta có thể nói rằng trời sinh lá sen để bao bọc cốm, cũng như trời sinh cốm nằm ủ trong lá sen, chúng ta thấy hiện ra từng lá cốm, sạch sẽ và tinh khiết, không có mảy may chút bụi nào. Hỡi các bà mua hàng! Chớ có thọc tay mân mê thức quà thần tiên ấy, hãy nhẹ nhàng mà nâng đỡ, chút chiu mà vuốt ve… Phải nên kính trọng cái lộc của Trời, cái khéo léo của người, và sự cố tiềm tàng và nhẫn nại của thần Lúa. Sự thưởng thức của các bà sẽ được trang nhã và đẹp đẽ hơn và cái vui cũng sẽ tươi sáng hơn nhiều lắm.

\* Thơ:

*Hàng Buồm chẳng còn cánh buồm*  
*Thuyền đậu nơi nào em đến*  
*Sông Hồng cách xa biền biệt*  
*Bãi ngô cát trắng mùa xuân.*

*Hàng Chuối*  
*Đâu còn có chuối*  
*Vài cây cơm nguội trăm tuổi*  
*Lác đác những chú chim sâu.*

*Hàng Nâu*  
*Rồi sang hàng Lược*  
*Lược chải tóc em ngày xưa.*  
*Áo trắng tóc dài trên phố.*  
*Hương chanh hương cốm mùa thu.*

*Hàng Đào hoa đào mấy độ?*  
*Hàng Bạc tìm thợ làm vàng.*  
*Hàng Cót rẽ về hàng Than.*  
*Hàng Da em tìm giầy dép.*

*Hàng Nón nón trắng dập dờn*  
*Hàng Bông nào còn bông vải*  
*Hàng Gai đàn ai đêm tối*  
*Văng vẳng mấy giọng hát đào*

*Hàng Mã chợ hoa ngày Tết*  
*Hoa hồng đào thế Nhật Tân.*  
*Run run rét về trong mắt*  
*Mê hồn những sắc những hoa*

*Ta yêu mái nhà phố Phái*  
*Nguệch ngoạc đơn sơ tài hoa.*  
*Ta yêu hàng cây bờ cỏ*  
*Tháp Bút viết suốt ngàn năm.*

*Hồ Gươm Rùa vàng đã nổi*  
*Mùa xuân em có về không?*

*Ba sáu phố phường Hà Nội.*

(Thái Thăng Long, Ba mươi sáu phố phường)

* **Rút kinh nghiệm**
* **Cho hs chuẩn bị bài ở nhà theo hướng dẫn**
* **Cho hs lên thuyết trình phần chuẩn bị**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 13**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 3**

**DẤU NGOẶC KÉP**

**I. MỨC ĐỘ CẤN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Chức năng của dấu ngoặc kép, phân biệt víi dấu ngoặc đơn.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng sử dụng loại dấu trên trong khi viết văn bản. Biết sử dụng dấu ngoặc kộp víi các dấu khácc; nhận ra lỗi trong việc sử dụng dấu ngoặc kộp

- Giáo dục học sinh ý thức tìm hiểu công dụng của loại dấu này.

**II.TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Kiến thức**

- Chức năng của dấu ngoặc kép, phân biệt víi dấu ngoặc đơn.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng sử dụng loại dấu trên trong khi viết văn bản. Biết sử dụng dấu ngoặc kộp víi các dấu khácc; nhận ra lỗi trong việc sử dụng dấu ngoặc kộp

**3. Thái độ**

- Giáo dục học sinh ý thức tìm hiểu công dụng của loại dấu này.

**4. Năng lực phát triển**

**a. Các năng lực chung**.

- Năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tư duy sáng tạo

**b. Các năng lực chuyên biệt.**

- Năng lực tìm kiếm,tổ chức, xử lí thông tin.

- Năng lực sử dụng tiếng Việt

**III. CHUẨN BỊ**

**1. Phương pháp**.

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, giải quyết vấn đề.

- Phương pháp dạy học vấn đáp.

- Phương pháp dạy học thảo luận nhóm.

**2. Đồ dùng dạy học.**

**a. Thầy**

- Phiếu học tập

**b. Trò**

- Trò: vở bài tập

**IV. TỔ CHỨC DẠY HỌC**

**Bước I: Ổn định tổ chức**

**Bước II: Kiểm tra bài cũ** ( Đưa các ví dụ (SGK - 141), gọi Hs đọc

? Nêu công dụng của dấu ngoặc đoan và dấu hai chấm trong các ví dụ trên

-> Dẫn vào bài mới

**Bước III: Tổ chức dạy và học bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

- Thời gian: 2 phút

- Phương pháp: Vấn đáp - thuyết trình ( từ kiểm tra bài cũ – giới thiệu nội dung bài học mới

- Kĩ thuật: Động não

**HOẠT ĐỘNG 2: HèNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

- Thời gian: 20 phút

- Phương pháp: Vấn đáp - thuyết trình, thảo luận

- Kĩ thuật: Động não, khăn phủ bàn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống | | |  |
| * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | |  |
| \* Cho HS quan sỏt lại VD(b). Nêu yêu cầu: Trong VD(b) ở trên, dấu ngoặc kộp được dùng để làm gì?  Dấu đó có công dụng gì,  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày,* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 53.* Dấu .....** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | |  |
| **I.HD HS tìm hiểu công dụng của dấu ngoặc kộp**. | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **HS tìm hiểu công dụng của dấu ngoặc kộp**. | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Công dụng** |  |
| **1**. **GV chiếu các đoạn trích BT1. Gọi HS đọc. Cho HS thảo luận:**  - Phần đặt trong dấu ngoặc kép mục (a) là gì? Trong trường hợp này dấu ngoặc kép dùng để làm gì?  - Từ “*dải lụa*” trong mục (b) hàm ý chỉ gì? Nghĩa của từ đó được hình thành trên cơ sở nào? Trường hợp này dấu ngoặc kép dùng để làm gì?  - Em hiểu thế nào là “*văn minh, khai hoá*”. Những từ ngữ đó trong câu văn có ý nghĩa gì? Trường hợp này dấu ngoặc kép dùng để làm gì?  - Trong mục (d), dấu ngoặc kép dùng để làm gì ? | *1HS đọc VD. HS khácc quan sỏt, chú ý chỗ có sử dụng dấu ngoặc kộp.*  *HS thảo luận theo nhóm bàn, đại diện trình bày* | ***1. Ví dụ***.    . |  |
| ***a***. Nội dung trong dấu ngoặc kép là câu nói của Găng-đi ***->Đánh dấu lời dẫn trực tiếp.***  ***b.*** *Dải lụa*: chỉ chiếc cầu, xem chiếc cầu như một dải lụa (nghĩa được hình thành trên cơ sở phương thức ẩn dụ - nghĩa được hiểu theo cách đặc biệt)  ***->Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt***  ***c.*** -“*văn minh*”: trình độ đạt đến một mức nhất định của XH loài người, có nền văn hoá vật chất và tinh thần víi những đặc trưng riêng .  -“*khai hóa*”: mở mang văn hoá cho một dân tộc lạc hậu - Từ ngữ dùng víi hàm ý mỉa mai bằng việc dựng lại chính những từ ngữ mà TDP thường dùng khi nói về sự cai trị của chúng đối víi VN.  ***->Đánh dấu từ ngữ có hàm ý mỉa mai.***  ***d. Đánh dấu tên các tác phẩm.*** | |  |
| **2**. Qua tìm hiểu các VD, em thấy dấu ngoặc kộp có công dụng gì? | *HS tóm tắt, trả lời* |  |  |
| \*GV chốt lại . Gọi HS đọc | *1HS đọc ghi nhớ* | ***2.Ghi nhớ***: sgk/142 |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | |  |
| **II.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập** |  |
| **3**. GV chiếu BT1. Gọi HS đọc. Nêu yêu cầu: Giải thích công dụng của dấu ngoặc kép trong các đoạn trích ? | *HS trao đổi trong bàn, trả lời* | ***Bài 1. Giải thích công dụng của dấu ngoặc kộp*** |  |
| a. Đánh dấu câu nói được dẫn trực tiếp*. Đây là những câu nói mà lão Hạc tưởng như là con chó vàng muốn nói víi lão.*  b. Đánh dấu từ ngữ dược dùng víi hàm ý mỉa mai.  c. Đánh dấu từ ngữ được dẫn trực tiếp (dẫn lại lời của bà cô hàm ý mỉa mai.)  d. Từ ngữ được dẫn trực tiếp và có hàm ý mỉa mai.  e. Từ ngữ được dẫn trực tiếp từ hai câu thơ của Nguyễn Du, hàm ý mỉa mai | |  |
| **4**.Cho HS quan sát các đoạn trích. Yêu cầu HS hãy đặt dấu hai chấm và dấu ngoặc kép vào chỗ thích hợp (có thể điều chỉnh chữ viết hoa) trong các đoạn trích và giải thích lí do? | *HS quan sát. 1HS lên bảng điền. HS khácc n/ xét* | ***Bài 2: Đặt dấu vào chỗ thích hợp*** |  |
| a. Đặt dấu hai chấm sau “cười bảo”:  Đặt dấu ngoặc kép vào các từ: “cá tươi”,“tươi”  =>*báo trước lời thoại và dẫn trực tiếp*  b. Đặt dấu: Nó... chú Tiến Lê: “Cháu ...víi cháu”  *=>Đánh dấu báo trước lời dẫn trực tiếp*  c. Đặt dấu: Đến khi....và bảo hắn:“Đây là ...một sào”  =>Đánh dấu báo trước lời dẫn trực tiếp: lời của ông giáo được dùng vào thời điểm khác(lúc con trai lão Hạc trở về) | |  |
| **5**.Gọi HS đọc BT3. Hái: Vì sao hai câu sau đây có ý nghĩa giống mà dựng những dấu câu khácc nhau ? | *HS thảo luận theo bàn để trả lời* | ***Bài 3: Giải thích lí do của việc dựng dấu câu*** |  |
| a. Dùng dấu ngoặc kép và dấu hai chấm để đánh dấu lời dẫn trực tiếp, dẫn nguyên văn lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh.  b. Không dùng dấu hai chấm và dấu ngoặc kép như ở trên vì câu nói không được dẫn nguyên văn (lời dẫn gián tiếp) | |  |
| **6.** Viết đoạn văn TM có sử dụng dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm, dấu ngoặc kép về đề tài dân số, môi trường ... | HS viết cá nhân(5’), 2-3 *HS trình bày.HS khácc nhận xét*. | ***Bài 4.Viết đoạn văn có sử dụng dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm, dấu ngoặc kép*** |  |
| Giải thích công dụng của các loại dấu câu đó? |  |  |  |
| **7**. Tìm những trường hợp có sử dụng dấu ngoặc đơn, dấu hai chấm, dấu ngoặc kép trong một bài Ngữ văn 8 và giải thích công dụng ? | *HS tự phát hiện thảo luận víi nhau và trả lời*  VD: Văn bản “Ôn dịch, thuốc lá” | ***Bài 5***: S***ưu tầm đoạn văn*** ***có sử dụng dấu ngoặc đơn, dấu hai chấm, dấu ngoặc kép*** |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

- Thời gian: 5 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Viết đoạn văn thuyết minh ngắn có dùng dấu ngoặc đơn, dấu hai chấm, dấu ngoặc kép. | **Hình thành năng lực tự học.**  - HS trình bày |  |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

- Thời gian: 3 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Tìm những trường hợp có sử dụng dấu ngoặc kép trong một bài học ở sgk ngữ văn 8 tập một và giải thích công dụng của chúng. | **Hình thành năng lực tự học tập**  HS thống kờ |  |  |

**Bước IV: Hướng dẫn về nhà:**

- Làm các bài tập còn lại trong Sgk

- Chuẩn bị bài đề văn thuyết minh/144 để luyện nói tốt trên lớp

\* Rút kinh nghiệm

- Cho them bài tập ngoài SGK

-Sửa bài tập khó trong SGK

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 13**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 4**

**ÔN TẬP DẤU CÂU (KKHS TỰ HỌC)**

**LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN NGẮN**

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức***:*

- Hệ thống hoá kiến thức về Tiếng Việt đó học ở HKI..

**2. Kĩ năng**

- Nhận ra và biết cách sửa lỗi thường gặp về dấu câu.

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác trong học tập

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức***:*

- Hệ thống kiến thức về từ vựng và ngữ pháp đó học ở HKI..

**2. Kĩ năng**

- Vận dụng thuần thục kiến thức về Tiếng Việt đó học ở HKI để hiểu nội dung, ý nghĩa văn bản hoặc tạo lập văn bản.

**3. Thái độ**

Yêu mến sự phong phỳ của tiếng Việt.

Giáo dục ý thức học tập tích cực.

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp phần Văn: các VB đó học

- Tích hợp KNS, MT

**5. Định hướng phát triển năng lực**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: sáng tạo, cảm thụ

**III. CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRề**

**1. Chuẩn bị của thầy**. Bảng phụ, mỏy chiếu.

**2. Chuẩn bị của trò**: Đọc bài, trả lời các câu hái và bài tập

**IV. TIẾN TRèNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: Ổn định tổ chức (1')

**\* Bước 2:** Kiểm tra bài cũ (3-5')

Kiểm tra vở bài tập ngữ văn và sự chuẩn bị của học sinh.

**\* Bước 3:** Dạy - học bài mới:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | |  |
| \* Cho HS giải ụ chữ. Từ chỡa khóa: TIẾNG VIỆT  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày,* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 63.* ễn tập TV** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | |  |
| **I.HD HS hệ thống hoá kiến thức về TV đó học ở HKI** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **HS hệ thống hoá kiến thức về TV đó học** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **A. Hệ thống hóa kiến thức** |  |
| **\*B1.** GV nêu câu hái cho HS ụn lại các KT về từ vựng. | *HS nhắc lại các kiến thức cơ bản.HS khác* *nhận xét* | **I.Từ vựng** |  |
| **1**.Cấp độ khái quát nghĩa của từ ngữ là như thế nào?  - Thế nào là từ ngữ có nghĩa rộng?  - Thế nào là từ ngữ có nghĩa hẹp?  - Tính chất rộng hay hẹp của nghĩa từ ngữ là tương đối hay tuyệt đối? Vì sao? | ***1. Cấp độ khái quát nghĩa của từ ngữ:*** nghĩa của một từ ngữ có thể rộng hơn(khái quát hơn) hoặc hẹp hơn (ít khái quát hơn) nghĩa của từ ngữ khác.  - ***Từ ngữ có nghĩa rộng*** là khi phạm vi nghĩa của từ đó bao hàm phạm vi nghĩa của 1 số TN khác  - ***Từ ngữ có nghĩa hẹp*** là khi phạm vi nghĩa của từ ngữ đó được bao hàm trong phạm vi nghĩa của một TN khác.  - Một từ ngữ có nghĩa rộng víi từ ngữ này đồng thời có thể có nghĩa hẹp đối víi từ ngữ khác.  - Tính chất rộng hay hẹp chỉ là tương đối vì nó phụ thuộc phạm vi nghĩa của từ. | |  |
| **2.** Dựa vào kiến thức về văn học dân gian và về cấp độ khác nhau của nghĩa từ ngữ, hãy điền từ ngữ thích hợp vào sơ đồ?  - Giải thích những từ ngữ có nghĩa hẹp trong sơ đồ trên?  - Cho biết trong những câu giải thích ấy có từ ngữ nào chung ?  =>*Từ ngữ chung: Truyện dõn gian.* | *HS điền và giải thích* |  |  |
| Truyện dõn gian  **Truyền thuyết**  **Cổ tớch**  **Ngụ ngụn**  **Truyện cười**  + ***Truyền thuyết***: Truyện dân gian về các nhân vật và sự kiện lịch sử xa xưa có nhiều yếu tố thần kỡ.  + ***Truyện cổ tích***: Truyện dân gian kể về cuộc đời, số phận của một số kiểu nhân vật quen thuộc(người mồ côi, người mang kốt xấu xí, người em, người dũng sĩ) có nhiều chi tiết tưởng tượng, kỡ ảo.  + ***Truyện ngụ ngôn:*** Truyện dân gian mượn chuyện về loài vật, đồ vật hoặc về chính con người để nói bóng gió chuyện con người.  + ***Truyện cười:*** Truyện dõn gian dựng hình thức gõy cười để mua vui hoặc phê phán, đả kích. | |  |
| **3**.Trường từ vựng là gì? Các từ trong sơ đồ trên có được coi là cùng TTV không? Vì sao?  - So sánh sự giống và khác nhau giữa cấp độ khái quát | ***2. Trường từ vựng***: Là tập hợp của các từ ngữ có ớt nhất một nột chung về nghĩa.  - Các từ ngữ trên được coi là là nằm trong 1 TTV, vì có nột chung về nghĩa là truyện dõn gian.  - So sánh:  + Giống: Đều có nét nghĩa chung | |  |
| nghĩa của TN víi TTV? | + Khác: Cấp độ khái quát là nói về mối quan hệ bao hàm giữa các từ ngữ cùng từ loại.  Trường từ vựng: Chỉ cần có nét nghĩa chung, có thể khácc từ loại. | |  |
| **4**.Từ tượng hình là gì? Từ tượng thanh là gì ? Cho ví dụ?  - Đặt câu có sử dụng từ tượng hình, từ tượng thanh? (Mỗi loại 1 câu) | ***3. Từ tượng hình, từ tượng thanh***  ***- Từ tượng hình:*** Là từ gợi tả hình ảnh, dỏng vẻ,trạng thái của sự vật  ***- Từ tượng thanh:*** Là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của con người  VD: - Mưa rơi *lộp bộp* trên mái tụn  - Nó *lom khom* nhặt chiếc bót dưới đất. | |  |
| **5**. Thế nào là từ ngữ địa phương? Thế nào là biệt ngữ xó hội? Cho VD?  - Cần lưu ý điều gì trong việc sử dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xó hội? | ***4. Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xó hội***  ***- Từ ngữ địa phương:*** là những từ ngữ chỉ được sử dụng ở một hoặc một số địa phương nhất định.  VD: mỏ, mế, ngũ gai, đậu phộng...  ***- Biệt ngữ xó hội:*** là những từ ngữ chỉ được sử dụng trong một tầng lớp xó hội nhất định  VD***:*** Xơi trứng (điểm 0), xơi ngỗng (điểm 2)...  \* Lưu ý: Sử dụng phải phự hợp hoàn cảnh giao tiếp, Trỏnh lạm dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xó hội vì nó gõy khó hiểu cho người khác. | |  |
| **6.** Thế nào là nói quỏ? Cho VD về phộp tu từ nói quỏ? Hãy phân biệt nói quỏ víi nói khóac?  - Lấy VD trong ca dao có sử dụng BP tu từ nói quỏ?  - Thế nào là nói giảm nói trỏnh? Cho VD về phộp tu từ nói giảm, nói trỏnh? | ***5. Các bịờn pháp tu từ từ vựng***  ***- Nói quỏ:*** Là biện pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm.  VD: *Tiếng đồn cha mẹ em hiền*  *Cắn cơm không vì, cắn tiền vì đôi.*  ***- Nói giảm nói trỏnh:*** Là một biện pháp tu từ dựng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề; tránh thô tục, thiếu lịch sự.  VD: - *Bác đó lên đường theo tổ tiên*  *- Chàng ơi phụ thiếp làm chi .... đói lòng* | |  |
| ***\*B2 GV nêu câu hái cho HS ụn lại các KT về ngữ pháp*** | *HS nhắc lại các kiến thức cơ bản* | **II. Ngữ pháp** |  |
| **6**.Thế nào là trợ từ, thán từ, tình thái từ ? Cho VD?  - Cần lưu ý điều gì trong việc sử dụng trợ từ, thán từ, tình thái từ trong các tình huống giao tiếp? | ***1. Trợ từ:*** là những từ chuyên đi kèm một từ ngữ trong câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến trong từ ngữ đó***.***  ***2. Thán từ:*** là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp. Thán từ thường đứng ở đầu câu, có khi được tách ra thành một câu đặc biệt.  ***3. Tình thái từ:*** là những từ được thêm vào câu để tạo câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán và để biểu thị các sắc thái tình cảm của người nói.  \*Trong các giao tiếp cần chú ý hoàn cảnh giao tiếp, quan hệ tuổi tác, thứ bậc.... | |  |
| **7**. Cho HS đặt câu:  a. dựng trợ từ + tình thái từ  b. dựng trợ từ + thán từ | *HS lên bảng làm bài*  a. Cuốn sỏch này chỉ 2000 đồng thôi ***à*** ?  b. ***Dạ***, con nghe thấy rồi ạ ! | |  |
| **8**.Thế nào là câu ghộp?  - Cách nối các vế trong câu ghộp?  - Quan hệ ý nghĩa giữa các vế trong câu ghộp? | ***4. Câu ghộp***: Là câu do hai hay nhiều cụm C-V không bao chứa nhau tạo thành.  - Cách nối: Dựng từ có tác dụng nối  Không dựng từ nối  - Quan hệ ý nghĩa giữa các vế trong câu ghộp khác chặt chẽ. Các quan hệ thường gặp là quan hệ nguyên nhân, điều kiện,. tương phản, tăng tiến, lựa chọn, bổ sung, tiếp nối, đồng thời, giải thích..... nhân, điều kiện,. tương phản, tăng tiến, lựa chọn, bổ sung, tiếp nối, đồng thời, giải thích..... | |  |
| **9**. Gọi HS đọc đoạn trích (Mục II.b). Nêu yêu cầu:  - Xác định câu ghép trong đoạn trích đó ?  - Nếu tách câu ghép đó xỏc định được thành câu đơn có được không ? Có làm thay đổi ý cần diễn đạt không ? | *HS đọc đoạn trích và xác định câu ghép, trả lời:* |  |  |
| - Câu ghộp: Pháp chạy, Nhật hàng ... thóai vị.  - Có thể tách thành 3 câu đơn được song việc tách đó làm cho các sự việc không được liên kết chặt chẽ víi nhau, không thấy được sự thua liên tiếp của kẻ thù. | |  |
| **10**. Cho HS theo dõi đoạn trích mục II.c. Yêu cầu:  - Xác định câu ghép và cách nối các vế trong các câu ghép đó?  - Xác định ý nghĩa giữa các vế trong câu ghép đó? | *HS xác định và chỉ ra cách nối.*  - Đoạn trích có 2 câu ghép: Câu 1 và câu 3  - Các vế câu được nối víi nhau bằng các quan hệ từ “*còng như*” (câu1), “*bởi vì*” (câu 3).  - Quan hệ ý nghĩa:  + Câu 1: quan hệ bổ sung  + Câu 3: quan hệ giải thích | |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | |  |
| **II.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập** |  |
| **11**. Hãy nêu những từ ngữ thuộc trường từ vựng về phương tiện giao thông, về vũ khí ?  - Có thể xếp gà, vịt ... vào trường từ vựng “gia cầm” được không? Nếu xếp gà, vịt, trâu, bũ... vào cùng một trường từ vựng thì có được không ? Vì sao ? | *HS làm bài cá nhân.* | ***Bài 1***: ***Tìm từ thuộc các trường từ vựng***: |  |
| - Trường từ vựng về phương tiện giao thông: tàu, xe, thuyền, máy bay.  - Trường từ vựng về vũ khí: Súng, gươm, tên lửa, lựu đạn.  - Các từ: gà, vịt, ngan ... chỉ gia cầm nói chung.  - Có thể xếp gà, vịt, trâu, bũ ... vào cùng một trường từ vựng động vật nói chung động vật bao gồm cả nhiều loài: gia súc, gia cầm... | |  |
| **12**.Viết đoạn văn về đề tài bảo vệ môi trường (hoặc dân số). Trong đoạn văn có sử dụng ớt nhất 1 câu ghộp. | *HS viết cá nhân, 2-3 HS trình bày. HS khácc nhận xét.* | ***Bài 2: Viết đoạn văn*** |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

- Thời gian: 5 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Viết đoạn(nội dung tự chọn) 4 đến 5 câu có sử dụng phép nói quá, nói giảm nói tránh. | **Hình thành năng lực tự học.**  - HS trình bày |  |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

- Thời gian: 5 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Sưu tầm thêm các ví dụ có sử dụng phép nói quá, nói giảm nói tránh và nêu tác dụng của phép tu từ đó. | **Hình thành năng lực tự học tập**  HS sưu tầm  HS trình bày |  |  |

**Bước IV: Hướng dẫn bài tập về nhà**:

- Ôn tập lại lí thuyết về văn thuyết minh ( định nghĩa, đặc điểm đề bài, phương pháp làm bài) để chuẩn bị cho tiết trả bài.

GV giao bài làm văn số 3 cho HS về nhà tự thống kờ lỗi và cách sửa lỗi.

* Rút kinh nghiệm

- Chio thêm nhiều bài tập giúp hs rèn luyện

- Cho hs tìm các từ loại trong những văn bản đã học

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 14**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**Tiết 1**

**LUYỆN NÓI: THUYẾT MINH MỘT THỨ ĐỒ DÙNG**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

**-** Cách tìm hiểu, quan sỏtvà nắm được đặc điểm cấu tạo, công dụng…của những vật dụng gần gũi víi bản thân.

**-** Cách xây dựng trình tự các nội dung cần trình bày bằng ngôn ngữ nói về một thứ đồ dùng.

**2. Kĩ năng**

- Tạo lập văn bản thuyết minh

- Sử dụng ngôn ngữ dạng nói về một thứ đồ dùng trước tập thể

**3. Tư tưởng**

- Bước đầu có ý thức luyện nói một thứ đồ dựng.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC KĨ NĂNG**

**1. Kiến thức:**

**-** Cách tìm hiểu, quan sỏtvà nắm được đặc điểm cấu tạo, công dụng…của những vật dụng gần gũi víi bản thân.

**-** Cách xây dựng trình tự các nội dung cần trình bày bằng ngôn ngữ nói về một thứ đồ dùng.

**2. Kĩ năng**

- Tạo lập văn bản thuyết minh

- Sử dụng ngôn ngữ dạng nói về một thứ đồ dùng trước tập thể

**3. Tư tưởng**

**-** Bước đầu có ý thức luyện nói một thứ đồ dựng.

**4. Năng lực phát triển.**

**a. Các năng lực chung**.

- Năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tư duy sáng tạo

**b. Các năng lực chuyên biệt.**

- Năng lực tìm kiếm,tổ chức, xử lí thông tin.

- Năng lực sử dụng tiếng Việt

**III. CHUẨN BỊ**

**1. Phương pháp**.

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, giải quyết vấn đề.

- Phương pháp dạy học vấn đáp.

- Phương pháp dạy học thảo luận nhóm.

**2. Đồ dùng dạy học**

**a. Thầy**:

- Phiếu học tập

- Mỏy chiếu (ví dụ)

**b. Trò**

- Trò: vở bài tập

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

**Bước I. Kiểm tra sĩ số**

**Bước II. Kiểm tra bài cũ** ( Kiểm tra chuẩn bị bài ở nhà của hs)

? Nêu những yêu cầu về nội dung của đề thuyết minh về vật dụng trong đời sống?

**Bước III. Dạy và học bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

- Thời gian: 1 phút

- Phương pháp: Thuyết trình

- Kĩ thuật: Động não

Hiện nay tuy nhiều gia đình khác giả có bỡnh nóng lạnh và có nhiều loại phớch hiện đại nhưng đa số các gia đình có thu nhập thấp vẫn coi cái phớch là một thứ đồ dùng tiện ích.

**HOẠT ĐỘNG 2: HèNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

- Thời gian: 25 phút

- Phương pháp: Thuyết trình

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | |  |
| \* GV chiếu một số đũ dựng. Nêu yêu cầu:  - Để thuyết minh về một thứ đồ dùng trên, em phải làm như thế nào?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Quan sát, trao đổi*  *- 1 HS trình bày,*  => Tìm hiểu, lựa chọn cách trình bày cho dễ hiểu | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 54.* Luyện nói....** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 5’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | |  |
| **I.HD HS củng cố kiến thức** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **HS củng cố kiến thức** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Củng cố kiến thức** |  |
| **1.** GV HD HS củng cố lại :  - Thế nào là văn thuyết minh?  - Các PP TM chủ yếu?  - Bố cục của bài văn TM? | *HS nhắc lại nội dung kiến thức đó học* | - Khái niệm  - Các PPTM  - Bố cục bài văn TM  - Để làm tốt bài văn TM: quan sát kĩ, tìm hiểu cấu |  |
| - Muốn làm tốt bài văn TM, người viết (nói) cần phải làm những gì? |  | tạo, nguyên lí hoạt động, công dụng... |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 25 - 30 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | |  |
| **II.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập** |  |
| **2**. GV HD HS lập dàn bài cho đề bài theo nhóm bàn  - Đối tượng cần TM là gì ?  - Muốn TM được cần phải chuẩn bị những gì ?  - Theo em, đối víi đề bài này nên dùng phương pháp thuyết minh nào ? | *HS suy nghĩ, trả lời:* | ***\* Đề bài***: Thuyết minh về cái phích nước (bỡnh thuỷ) |  |
| - Đối tượng TM: cái phích nước  - Chuẩn bị: Quan sỏt, tìm hiểu, ghi chộp  + Cấu tạo của phích nước: Vỏ; Ruột; Màu sắc....  + Công dụng: giữ nhiệt  - Phương pháp TM: định nghĩa, phân tích, ... | |  |
| **3**. Cho HS trình bày lại dàn bài của bài.  **4**.Cho HS tham khảo dàn bài | *HS trình bày lại dàn bài đó chuẩn bị sẵn ở nhà*  *HS tham khảo, bổ sung* | ***\* Dàn bài*** |  |
| ***a. Mở bài***: Chiếc phích là một thứ đồ dùng phục vụ sinh hoạt tiện dụng và hữu ích trong mỗi gia đình  ***b. Thân bài***:  ***\* Đặc điểm của phích nước***:  ***- Hình thức bờn ngoài***: Phích nước có nhiều loại víi nhiều kích cỡ khác nhau: phích điện, phích thường, phích ấn. Mỗi cơ sở sản xuất lại có những kiểu dáng, màu sắc, kích cỡ khác nhau nhưng loại phích được nhiều người Việt Nam sử dụng là phích Rạng Đông, vừa tốt, vừa bền mà giá cả lại hợp lí.  ***- Cấu tạo của phích nước***: Gồm 2 bộ phận:  + Bộ phận vỏ phớch: gồm quai xách, nắp phích, tay cầm, thân và đáy phích thường được làm bằng nhôm, nhựa cứng hay sắt tráng men.  Thân phớch hình trụ đứng, có in hoa hay hình các con chim, con thỳ ... rất đẹp và có tác dụng bảo quản, giữ cho ruột phích đứng thẳng và không vì.  Nắp phích thường được làm bằng loại gỗ xốp nhẹ hoặc nhựa.  + Bộ phận ruột phích: Là bộ phận quan trọng nhất để đựng nước. Ruột phích được cấu tạo bằng hai lớp thuỷ tinh mỏng. Giữa hai lớp thuỷ tinh là một khoảng chân không có tác dụng cách nhiệt. Phía trong cùng được tráng một lớp bạc để ngăn sự truyền nhiệt. ra ngoài. Miệng phích được thu nhỏ lại để làm giảm khả năng truyền nhiệt và để thuận lợi cho việc rót nước từ trong phích ra. Đáy ruột phích có van hút khí và nóm thuỷ ngân. Những chiếc phích tốt có thể giữ được nước nóng trong một ngày  \* ***Công dụng của phớch*** chủ yếu là để giữ nhiệt. Vì vậy chiếc phớch chủ yếu thường dùng để đựng nước sôi rất tiện dụng cho việc pha trà cho người lớn, pha sữa cho trẻ | | |  |
| em. Đôi khi người ta còn sử dụng phớch để đựng thuốc bắc đó sắc cho đỡ nguội.  ***\* Cách sử dụng và bảo quản***  ***- Cách chọn phớch***:  + Ruột phớch là bộ phận quan trọng nhất cho nờn khi mua phải chọn kĩ, phải mang ra chỗ sáng, mở nắp phớch ra, nhỡn từ trên miệng xuống đáy thấy có điểm màu sẫm ở chỗ van hút khí. Điểm đó càng nhỏ thì van hỳt khớ càng tốt, sẽ giữ được nhiệt lâu, áp miệng phích vào tai nghe có tiếng o o là tốt. Tháo đáy phích xem nóm thuỷ ngân có còn nguyên vẹn hay không.  + Vỏ phớch: tuỳ theo sở thích cá nhân của từng người để chọn màu sắc, trang trí cho phù hợp.  - S***ử dụng và bảo quản***  + Phích mới mua về không nên đổ nước sôi vào ngay vì khi gặp nóng đột ngột phích dễ bị vì hoặc nứt. Nên rót nước ấm khoảng 50-60 C vào trước 30’ sau đó đổ đi, rót nước sôi vào, đậy nắp kín khoảng 10 tiếng để kiểm tra độ nóng của phích. Muốn giữ được nóng lâu không nên đổ đầy nước vào mà cần chừa một khoảng trống trên miệng để cách nhiệt.  + Hàng ngày nên đổ hết nước cũ ra, tráng qua cho sạch hết cặn đọng trong lòng phớch rồi mới rút nước sôi mới vào, đậy nắp thật chặt.  + Nên để phích xa tầm tay của trẻ nhỏ để tránh đổ vì gây nguy hiểm.  ***c. Kết bài.*** Dù cuộc sống có hiện đại đến đâu thì chiếc phớch nước vẫn là vật dụng không thể thiếu trong mỗi gia đình. | | |  |
| **III*.* HD HS luyện nói** | **III*.* HS luyện nói** | **III. Luyện nói** |  |
| **3.** GV nêu yêu cầu nói: nói mạch lạc, rõ ràng, chính xỏc theo dàn ý đó chuẩn bị; õm lượng vừa đủ nghe, ngữ điệu hấp dẫn.  - Chia tổ cho HS tập nói, yêu cầu các tổ trưởng điều khiển và chỉ định tổ viên tập nói.  GV q/sỏt, theo dõi đôn đốc | *HS luyện nói theo tổ, lần lượt từng thành viên của tổ nói, thành viên khác nghe và nhận xét phần trình bày của bạn cả về nội dung và hình thức* | ***1. Luyện nói theo tổ*** |  |
| **4*.***Yêu cầu các tổ cử đại diện nói trước lớp.  - GV nhận xét, đánh giá phần nói của các tổ.  - Rút kinh nghiệm chuẩn bị cho bài viết số 3 | *Mỗi tổ cử 1-2 đại diện nói trước lớp. Mỗi HS có thể nói 1 phần của bài* | ***2. Luyện nói trước lớp*** |  |

**HOẠT ĐỘNG 3, 4: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

- Thời gian: 15 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Lập dàn ý cho đề bài: “Thuyết minh về cây bót” | **Hình thành năng lực tự học.**  - HS trình bày |  |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

- Thời gian: 3 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Viết đề bài nói trên thành đoạn văn hoàn chỉnh. | **Hình thành năng lực tự học tập**  HS thống kờ |  |  |

**Bước IV: Hướng dẫn về nhà**:

- Làm dàn ý các đề bài sau:

+ Giới thiệu chiếc áo dài Việt Nam

+ Giới thiệu chiếc nón lá Việt Nam

+ Giới thiệu chiếc quạt điện

- Soạn: Vào nhà ngục .... và Đập đá ở Côn Lôn

- Tìm hiểu lại bố cục của bài thơ Thất ngôn bát cú

\* Rút kinh nghiệm

- Chú ý chỉnh tác phong cho học sinh khi lên thuyết trình

- Cho hs chuẩn bị ở nhà theo hướng dẫn

**Tuần 14**

**Tiết 2**

**THUYẾT MINH MỘT THỂ LOẠI VĂN HỌC**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Nắm được các kĩ năng và vận dụng để làm bài văn thuyết minh về một thể loại văn học.

- Cảm nhận được tâm sự và hồn thơ khát vọng cảu hồn thơ lóng mạn Tản Đà.

- Thấy được tính chất mới mẻ trong một sáng tác viết theo thể thơ truyền thống của Tản Đà.

**2. Kĩ năng:**

- Quan sát đặc điểm hình thức của một số thể loại văn học

- Tìm ý , lập dàn ý cho bài thuyết minh về một thể loại văn học

- Hiểu và cảm thụ được giá trị nghệ thuật của thể loại văn học đó

- Tạo lập được một văn bản thuyết minh về một thể loại văn học có độ dài 300 chữ

**II.TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Kiến thức:**

- Sự đa dạng của đối tượng được giới thiệu trong văn bản thuyết minh

- Việc vận dụng kết quả quan sỏt,tìm hiểu về một số tác phẩm cùng thể loại để làm bài thuyết minh về một thể loại văn học.

**2. Kĩ năng:**

- Quan sát đặc điểm hình thức của một số thể loại văn học

- Tìm ý , lập dàn ý cho bài thuyết minh về một thể loại văn học

- Hiểu và cảm thụ được giá trị nghệ thuật của thể loại văn học đó

- Tạo lập được một văn bản thuyết minh về một thể loại văn học có độ dài 300 chữ

**4. Năng lực phát triển.**

**a. Các năng lực chung**.

- Năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tư duy sáng tạo

**b. Các năng lực chuyên biệt.**

- Năng lực tìm kiếm,tổ chức, xử lí thông tin.

- Năng lực sử dụng tiếng Việt

**III. CHUẨN BỊ**

**1. Phương pháp**.

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, giải quyết vấn đề.

- Phương pháp dạy học vấn đáp.

- Phương pháp dạy học thảo luận nhúm.

**2. Đồ dùng dạy học**

a. Thầy: Máy chiếu 2 văn bản thơ thuộc thể Thất ngôn bát có Đường luật đó học

b. Trò: SGK- Đọc và nghiên cứu ngữ liệu.

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

**Bước I: Ổn định tổ chức**: Kiểm tra sĩ số lớp

**Bước II: Kiểm tra bài cũ**:

Hs 1: trả lời câu hái: thế nào là văn thuyết minh? Kể một số vb thuyết minh mà em đó học?

Hs 2: dàn ý chung một bài văn thuyết minh về một thứ đồ dùng .

**Bước III: Bài mới:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Thuyết trình, trực quan * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Thuyết trình. | | |  |
| **\*** GV chiếumột bài thơ thất ngôn bát có.  - Nêu yêu cầu: Bài thơ trên được làm theo thể thơ gì? Em hiểu gí về thể thơ đó?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Quan sát, trao đổi*  *- 1 HS trình bày, dẫn vào bài mới* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 61,62. TM.....*** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | |  |
| **I.HD HS tìm hiểu TM một thể loại văn học** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **HS tìm hiểu TM một thể loại văn học** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I. Tìm hiểu TM một thể loại văn học** |  |
| **1**. Gọi HS đọc đề bài. Hái:  - Đối tượng thuyết minh của đề bài là gì ?  - Đối tượng thuyết minh có gì khácc các đề đó học? | *1 HS đọc đề bài, xác định, trả lời*  - Đối tượng: 1 thể loại VH - Đặc điểm thể thơ thất ngôn bát có | ***Đề bài***: TM đặc điểm thể thơ thất ngôn bát có |  |
| **2**.Cho HS quan sát 2 bài thơ. Gọi HS đọc. Hái:  - Mỗi bài thơ có mấy dũng, mỗi dũng có mất chữ? Số dũng số chữ ấy có bắt buộc không? Có thể tuỳ tiện thêm bớt được không ?  - Bài thơ có kết cấu như thế nào ? | *HS quan sát, 1HS đọc lại 2 bài thơ, suy nghĩ, trả lời:* | ***1. Quan sỏt:***  **Thể thơ thất ngôn bỏt cỳ** |  |
| \* ***Số dũng, số chữ:***  - Mỗi bài thơ có 8 dũng, mỗi dũng có 7 chữ (tiếng).  - Số dũng, số chữ là bắt buộc, không thể thay đổi, thêm bớt.  ***\* Kết cấu:*** gồm 4 phần: Đề, thực, luật, kết. Các câu 3-4, 5-6 phải sử dụng phép đối. | |  |
| **3**. Tiếng có thanh huyền, thanh ngang gọi là tiếng bằng, kớ hiệu là B; các tiếng có thanh hái, ngó, sắc, nặng gọi là trắc kớ hiệu là T. Hãy ghi kớ hiệu bằng, trắc cho từng tiếng trong hai bài thơ đó ? | *2 HS lên bảng ghi (Mỗi HS ghi 1 bài)*  ***\* Luật bằng trắc***  a.Bài: “*Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác.”*   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | T | **B** | B | **T** | T | **B** | B | | T | **T** | B | **B** | T | **T** | B | | T | **T** | B | **B** | B | **T** | T | | T | **B** | T | **T** | T | **B** | B | | T | **B** | B | **T** | B | **B** | T | | T | **T** | B | **B** | T | **T** | B | | B | **T** | T | **B** | B | **T** | T | | B | **B** | B | **T** | T | **B** | B | | |  |
|  | b.Bài : *Đập đá ở Côn Lôn*   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | B | **B** | T | **T** | T | **B** | B | | B | **T** | B | **B** | T | **T** | B | | T | **T** | T | **B** | B | **T** | T | | B | **B** | T | **T** | T | **B** | B | | T | **B** | B | **T** | B | **B** | T | | B | **T** | B | **B** | T | **T** | B | | T | **T** | T | **B** | B | **T** | T | | B | **B** | B | **T** | T | **B** | B | | |  |
| **4**. GV chiếu câu hái cho HS thảo luận:  - Nhận xét quan hệ bằng trắc giữa các dũng víi nhau ... dựa vào kết quả quan sỏt hãy nêu mối quan hệ bằng trắc giữa các dũng ?  - Mỗi bài thơ có những tiếng nào hiệp vần víi nhau, nằm ở vị trớ nào trong dũng thơ và đó là vần bằng hay trắc ?  - Câu thơ bảy tiếng trong bài ngắt nhịp như thế nào ?  \*GV chốt lại toàn bộ các đặc điểm của thể thơ TNBC | *HS thảo luận nhóm bàn. Đại diện trình bày. Nhúm khácc nxét, bổ sung* |  |  |
| \* ***Quan hệ bằng trắc***: Căn cứ tiếng thứ 2, 4, 6 trong mỗi dũng:  + Các cặp câu 1-2, 3-4, 5-6, 7-8: dũng trên thanh bằng thì dũng dưới thanh trắc ->đối nhau.  + Các câu 2-3, 4-5, 6-7, 8-1: dũng trên, dũng dưới đều giống nhau -> dính (niêm) víi nhau.  \* ***Hiệp vần***: Tiếng thứ bảy của các câu 1, 2, 4, 6, 8  - Bài “*Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác*”:  ***lưu***(1)->***tự***(2)->***châu***(4)->***thự***(6)->***đâu***(8)  - Bài: *“Đập đá ở Côn Lôn*”:  ***lụn***(1)->***non***(2)->***hũn***(4)->***son***(6)->***con***(8)  =>Vần bằng  ***\* Cách ngắt nhịp*** 4/3 hay nhịp 2/2/3 | |  |
| **5**.Cho HS quan sỏt dàn bài trong sgk. GV hướng dẫn HS lập dàn bài: | *HS quan sỏt dàn bài, xây dựng dàn bài cụ thể* | ***2. Lập dàn bài*** |  |
| **6**. Hãy viết phần mở bài bằng cách nêu một định nghĩa chung về thể thơ TNBC !  - Có thể viết mở bài bằng những cách nào?  =>GV chiếu cho HS quan sỏt | *HS thực hiện KT trình bày 1 phút:* | ***a. Mở bài:*** Nêu ĐN chung về thể thơ. |  |
| ***VD:*** Thơ TNBC là một thể thơ thông dụng trong các thể thơ Đường luật, được nhiều nhà thơ VN ưa chuộng, có nhiều bài thơ hay được sáng tác bằng thể thơ này.  - Có thể mở bài bằng cách trực tiếp hay gión tiếp. | |  |
| **7**. Hãy thuyết minh về thể thơ TNBC về các phương diện: số câu, số chữ, vần, luật bằng trắc, ngắt nhịp...? | *1-2 HS thuyết minh.HS khác theo dõi, nhận xét.* | ***b. Thân bài***: Trình bày các đặc điểm của thể thơ.  *-* Số câu, số chữ  - Quy luật bằng trắc  - Cách gieo vần  - Cách ngắt nhịp |  |
| **8.** Nhận xét ưu-nhược điểm, vị trí của thể thơ này trong hệ thống thơ VN?. | *HS nhận xét, trình bày:*  *-*Ưu điểm: Có vẻ đẹp hài hoà, cân đối cổ điển, nhạc điệu trầm bổng, phong phú.  - Nhược điểm: Gũ bó vì có nhiều ràng buộc | |  |
| **9**.Em có cảm nhận gì về vẻ đẹp, nhạc điệu của thể thơ này ? | *HS trình bày cảm nhận*:  TNBC là một thể thơ quan trọng. Nhiều bài thơ hay đều dược làm theo thể thơ này. Ngày nay thể thơ này vẫn còn được ưa chuộng. | ***c. Kết bài.*** Cảm nhận của em về vẻ đẹp, nhạc điệu của thể thơ. |  |
| **12**.Qua tìm hiểu việc TM thể thơ TNBC, theo em muốn TM về một thể loại VH ta cần phải làm gì? Khi nêu các đặc điểm càn chú ý điều gì?  \*GV chốt lại GN.Gọi HS đọc | *HS tóm tắt, trả lời:*  - Phải quan sát, nhận xét sau đó khái quát thành các đặc điểm.  - Phải lựa chọn những đặc điểm tiêu biểu, quan trọng và cần có những VD cụ thể để làm sáng tỏ các đặc điểm ấy.  *1HS đọc ghi nhớ* *\*****Ghi nhớ****(*sgk/154 | |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | |  |
| **II.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập** |  |
| **13**. Cho HS đọc tài liệu tham khảo ở bài tập 2  **14**.Dựa vào bài văn tham khảo, hãy lập dàn ý thuyết minh các đặc điểm của truyện ngắn trên cơ sở các truyện ngắn đó học ?  - MB của đề bài này ta cần làm gì?  - Phần TB ta phải thực hiện những gì? Truyện ngắn có những đặc điểm cơ bản nào? Vai trò của từng yếu tố (đặc điểm) trong truyện?  - Cảm nhận về tác dụng của truyện ngắn? | *1 HS đọc, lớp nghe, quan sát*  *HS thảo luận nhúm, lập dàn ý ghi lên giấy trong. Nhúm khácc nhận xét*. | ***Đề:*** Thuyết minh các đặc điểm chính của truyện ngắn trên cơ sở các truyện ngắn đó học ? |  |
| a. MB : Truyện ngắn là một thể loại văn xuôi, một hình thức tự sự loại nhỏ.  b. TB: Trình bày các đặc điểm của truyện ngắn  - Yếu tố tự sự là chính. Các yếu tố bổ trợ: Miêu tả, biểu cảm, đánh giá.  - Dung lượng nhỏ, chỉ tập trung mụ tả một mảnh của cuộc sống.  - Cốt truỵờn diễn ra trong không gian, thời gian hạn chế.  - Ít nhân vật và sự kiện.  c. KB. Truyện ngắn góp phần phản ánh hiện thực cuộc sống phong phú, đa dạng. | |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

- Thời gian: 5 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Lập dàn ý cho bài văn thuyết minh một thể loại văn học | **Hình thành năng lực tự học.**  - HS trình bày |  |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

- Thời gian: 5 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Tập thuyết minh đặc điểm truyện ngắn qua 2 bài Lão Hạc và chiếc lỏ cuối cùng | **Hình thành năng lực tự học tập**  HS trình bày |  |  |

**Bước IV: Hướng dẫn về nhà**

- Lập dàn bài thuyết minh các đoạn trích “ Chiếc lá cuối cùng” và “ Trong lòng mẹ”

- Học thuộc ghi nhớ SGK - 154.

- Chuẩn bị bài : ễn tập Tiếng Việt ( theo nội dung câu hái sgk).

- Tìm hiểu về tản Đà qua cuốn “ Thi nhân Việt Nam”; đọc diễn cảm bài thơ Muốn làm thằng Cuội

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 14**

**Tiết 3**

**ĐỌC THÊM (KKHS TỰ HỌC)**

**MUỐN LÀM THẰNG CUỘI**

**HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM: MUỐN LÀM THẰNG CUỘI**

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Biết được tâm sự và khát vọng của hồn tho lóng mạn Tản Đà và tínhi chất mới mẻ trong một sáng tác viết theo thê thơ truyền thống của Tản Đà.

**2. Kĩ năng**

- Biết đặc điểm hình thức của một thể loại văn học. Hiểu và cảm thụ được giá trị nghệ thuật của thể loại văn học đó.

- Phát hiện, so sánh, thấy được sự đổi mới trong hình thức thể loại văn học truyền thống.

**3. Thái độ**

**-** Tự giác, tích cực học tập

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức**

- Tâm sự buồn chán thực tại; ước muốn thoát li rất “ngông” và tấm lòng yêu nước của Tản Đà. Sự đổi mới về ngôn ngữ, giọng điệu, ý tứ, cảm xúc trong bài thơ *Muốn làm thằng Cuội.*

**2. Kĩ năng**

- Quan sát đặc điểm hình thức của một thể loại văn học. Tìm ý, lập dàn ý cho bài văn thuyết minh về một thể loại văn học. Đồng thời hiểu và cảm thụ được giá trị nghệ thuật của thể loại văn học đó.

- Phát hiện, so sánh, thấy được sự đổi mới trong hình thức thể loại văn học truyền thống.

**3. Thái độ**

Yêu mến thể loại văn học này.

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp Tiếng Việt, Tập làm văn

- Tích hợp lịch sử: XH Việt Nam cuối TKXIX, đầu TKXX

**5. Định hướng phát triển năng lực**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: sáng tạo, cảm thụ

**III – CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRề**

**1. Chuẩn bị của thầy** : Hướng dẫn HS chuẩn bị bài ở nhà

**2. Chuẩn bị của trò**: Ôn lại về văn thuyết minh

Tìm hiểu về thể thơ thất ngôn bát có

**IV – TIỂN TRèNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: ***Ổn định tổ chức*** (1')

**\* Bước 2:** ***Kiểm tra bài cũ (***3-5')

Thế nào là văn bản thuyết minh ? Có những phương pháp thuyết minh nào ?

**\* Bước 3:** ***Dạy - học bài mới:***

|  |
| --- |
|  |
| 1. **GV hướng dẫn HS đọc văn bản - Tìm hiểu chú thích**  - GV nêu yêu cầu đọc: diễn cảm, thể hiện giọng điệu mới mẻ, nhịp thơ thay đổi từ 4/3 -> 2/2/3.  - GV đọc mẫu1 lần. Gọi HS đọc.  - HS nghe, xác định cách đọc VB. 2 HS đọc văn bản. HS khác nhận xét.  **2**. **GV cho HS đọc chú thích và trình bày sơ lược về tác giả, tác phẩm.**  ***a. Tác giả*** : Tản Đà (1889-1939)  - T ờn khai sinh: Nguyễn Khắc Hiếu.  - Bút danh: Nỳi Tản viờn + sông Đà - >Tản Đà  - Xuất thân là nhà nho.  - Ông sáng tác văn chương quốc ngữ và sớm nổi tiếng.  - Thơ ông tràn đầy cảm xúc lóng mạn là một gạch nối giữa nền thơ cổ điển và thơ hiện đại.  ***b. Tác phẩm.*** Trong quyển: *Khối tình con* I - xuất bản năm 1917  ***\* GV bổ sung thêm:*** Vốn xuất thân là nhà nho, có tínhi tình phóng khóang, đa cảm, đa tình, thích ngao du.. nhưng lại sống giữa thời buổi Nho học đó tàn tạ, Tản Đà sớm chuyển sang cầm cây bót sắt “mà sinh nhai lối dọc đường ngang”. Là một nghệ sĩ có tài, có tình, có cá tính độc đáo, có nhân cách cao thượng sang trọng, Tản Đà không muốn hoà nhập víi XH thực dân phong kiến đầy rẫy những chuyện xấu xa, nhơ bẩn, hỗn tạp xô bồ, bọn chen danh lợi, muốn thoát li khái thực tại ấy bằng một ước mộng rất “ngông”: Muốn làm thằng Cuội. Thơ ông được xem là cái gạch nối, khóc nhạc dạo đầu của phong trào Thơ mới mà “*Muốn làm thằng Cuội*” là một bài thơ tiêu biểu cho hồn thơ Tản Đà  **3. GV HD HS tìm hiểu về bài thơ**  ? Bài thơ thuộc thể thơ nào? Thuộc loại tự sự hay trữ tình?  - ***Thể thơ***: Thất ngôn bỏt cỳ.  ? Nhân vật trữ tình trong bài thơ này là ai ? Nhân vật trữ tình ở đây có tâm sự gì ? Tôi sự ấy thuộc về cá nhân hay cộng đồng ?  ***- N/vật trữ tình***: em - chán cuộc sống trần thế, muốn lên sống trên cung trăng.  ? Tên bài thơ có gì mới mẻ so víi thơ cổ điển mà em đó học?  Mang tínhi chất thân mật, suồng só, lộ rõ cái tôi cá nhân  ? Hai câu thơ đầu, Tản Đà than thở, tâm sự víi chị Hằng điều gì? Nhận xét cách xưng hô của tác giả ở đây?  Than thở:“Đêm thu....chán nửa rồi”->***Buồn chỏn cuộc sống trần thế*** .  Cách xưng hô: chị - em ->thân mật, gần gũi  ? Tại sao TĐ chán trần thế nhưng lại chỉ có chán một nửa?  Sự bất hoà sâu sắc víi thực tế xó hội đương thời, muốn thoát li tìm nơi thanh cao hơn song tấm lòng vẫn còn tha thiết yêu cuộc sống .  ? Từ tâm trạng đó, Tản Đà đó cầu xin, đề nghị chị Hằng điều gì? Hình ảnh “cung quế, cành đa” gợi cho em về điều gì? Em có nhận xét gì về giọng điệu hai câu thơ này?  - Lời cầu xin đề nghị: “Cung quế... lên chơi” ->***Muốn thóat li lên cung trăng***  - Giọng điệu tự nhiên, lời thơ tha thiết víi một câu hái, câu thỉnh cầu tự nhiên, độc đáo, gần gũi víi lời nói thông thường |
| ? Vì sao thi sĩ muốn thóat li cừi trần lên cung trăng làm bạn víi chị Hằng? Ước muốn đó phản ánh tính cách gì của Tản Đà? ? Vì sao thi sĩ muốn thóat li cừi trần lên cung trăng làm bạn víi chị Hằng? Ước muốn đó phản ánh tính cách gì của Tản Đà?  - Vì nơi ấy xa lánh hẳn cuộc đời trần thế đáng chán, lại thanh cao, sáng trong, luôn được bên cạnh người đẹp là chị Hằng ->*Tínhi cách* “*ngông*”*, phong tình, lóng mạn*. (ngông: làm những việc khác víi mọi người, trái víi lẽ thường)  ? Hai câu 5,6 cho ta biết lên cung trăng, Tản Đà sẽ được những gì? Cách xưng hô của Tản Đà trong hai câu này có gì khácc những câu trên?  - Lên cung trăng: Có bầu, có bạn để quên buồn tủi, để được vui cùng gió, cùng mây -> ***Ước muốn*** ***được làm bạn víi chị Hằng, được thoả chí vui cùng gió, cùng mây, giải toả nỗi buồn chán.***  - Cách xưng hô: từ chị-em chuyển thành bầu bạn, tri âm tri kỉ, pha chút suồng só =>Nhấn mạnh nhu cầu được cân bằng cuộc sống, thoả món nội tôi.  ? Hai câu kết của bài thơ nói lên ước muốn gì của nhà thơ? Em có nhận xét gì về cách kết thúc của bài thơ? Tác dụng của cách kết thúc đó?  Muốn được ở cung trăng, bên cạnh chị Hằng mãi mãi để mỗi khi đến rằm tháng Tám , lúc nhân gian ngẩng đầu lên ngắm trăng thì nhà thơ tựa vai chị Hằng ngồi trên cung trăng nhỡn xuống ngắm thế gian và cười ->***Khát vọng thóat li mónh liệt***  -> Cách kết thúc bất ngờ bằng một hình ảnh tưởng tượng đầy lóng mạn và “ngông” của Tản Đà  ? Theo em, yếu tố nghệ thuật nào tạo nên sức hấp dẫn của bài thơ? Qua bài thơ em cảm nhận được điều gì?  - Nguồn cảm xúc dồi dào, vừa phóng túng,bay bổng lại vừa sâu lắng thiết tha được biểu hiện một cách tự nhiên, thoải mái, nhuần nhị như giọng tâm tình thân mật  ->giọng điệu mới mẻ của thể thơ TNBC Đường luật.  - Lời thơ giản dị, trong sáng, không gọt đẽo cầu kỡ mà vẫn mượt mà, ý nhị, giàu sức biểu cảm. Sức tưởng tượng phong phú, táo bạo.  ->Tâm sự bất hoà sâu sắc víi thực tại tầm thường, xấu xa, muốn thoát li bằng mộng tưởng |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

- Thời gian: 5 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Cảm nhận của em về bài thơ | **Hình thành năng lực tự học.**  - HS trình bày |  |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

- Thời gian: 5 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Vẽ sơ đồ tư duy | **Hình thành năng lực tự học tập**  HS trình bày |  |  |

**Bước IV: Hướng dẫn về nhà**

- Lập dàn bài thuyết minh các đoạn trích “ Chiếc lá cuối cùng” và “ Trong lòng mẹ”

- Học thuộc ghi nhớ SGK – 154.

- Chuẩn bị bài : ễn tập Tiếng Việt ( theo nội dung câu hái sgk).

- Tìm hiểu về tản Đà qua cuốn “ Thi nhân Việt Nam”; đọc diễn cảm bài thơ Muốn làm thằng Cuội

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**HAI CHỮ NƯỚC NHÀ**

**Trần Tuấn Khải**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Biết đọc hiểu một tác phẩm thơ lóng mạn để bổ sung thêm kiến thức về tác giả, tác phẩm của phong trào thơ mới.

- Thấy được một số biểu hiện của sự đổi mới về thể loại, đề tài ngôn ngữ, bót pháp nghệ thuật lóng mạn.

- Hiểu được những cảm xúc của tác giả trong bài thơ.

**2. Kĩ năng**:

- Nhận biết được tác phẩm thơ lóng mạn

- Đọc diễn cảm và phân tích được những chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm

**3. Thái độ**:

- Có ý thức giữ gìn những gió trị văn hóa, những bản sắc dân tộc.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức**

- Sự đổi thay trong đời sống xó hội và sự tiếc nuối của nhà thơ đối víi những giá trị văn hóa cổ truyền của dân tộc đang dần bị mai một

- Lối viết bỡnh dị mà gợi cảm của nhà thơ trong bài thơ

- Những nét nội dung và nghệ thuật chủ yếu của vb Hai chữ nước nhà

**2. Kĩ năng**:

- Nhận biết được tác phẩm thơ lóng mạn

- Đọc diễn cảm và phân tích được những chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm

**3. Thái độ**:

- Có ý thức giữ gìn những gió trị văn hóa, những bản sắc dân tộc.

**4. Năng lực phát triển.**

**a. Các năng lực chung**.

- Năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tư duy sáng tạo

**b. Các năng lực chuyên biệt.**

- Năng lực tìm kiếm,tổ chức, xử lí thông tin.

- Năng lực tiếp nhận văn bản

- Năng lực cảm thụ thẩm mĩ.

**III. CHUẨN BỊ**

**1. Phương pháp**.

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, giải quyết vấn đề.

- Phương pháp dạy học vấn đáp.

- Phương pháp dạy học thảo luận nhóm.

**2. Đồ dùng dạy học**

**a. Thầy**: Mỏy chiếu toàn văn bản thơ, tranh minh họa ông đồ vẽ chữ

**b. Trò**: Sưu tầm những tư liệu về hình ảnh ông đồ thời xưa – thời nay

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

**Bước I: Ổn định tổ chức**

**Bước II: Kiểm tra bài cũ**

**Bước III: Tổ chức dạy bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

- Thời gian: 2 - 3 phút

- Phương pháp: cho hs xem tranh về hình ảnh những ông đồ miệt mài viết chữ Nho trong các lễ hội, đền …đầu năm – hs nêu những cảm nhận của mình về hình ảnh đó -> giới thiệu bài mới

- Kĩ thuật: Động não

**HOẠT ĐỘNG 2: HèNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

- Thời gian: 60 phút

- Phương pháp: Kết hợp trực quan víi đọc diễn cảm – vấn đáp; thuyết trình

- Kĩ thuật: Động não..

1. **GV hướng dẫn HS đọc văn bản**

- GV nêu yêu cầu đọc: diễn cảm, thể hiện giọng diệu khi nuối tiếc tự hào, khi căm uất, khi thiết tha.

- GV đọc mẫu 1 lần. Gọi HS đọc.

- HS nghe, xác định cách đọc VB. 2 HS đọc văn bản. HS khác nhận xét.

\* GV bổ sung thêm: Trần Tuấn Khải là một hồn thơ yêu nước. Ông thường chọn những khoảnh khắc lịch sử đặc biệt, những câu chuyện lịch sử có sức gợi cảm lớn, rồi hoá thân vào nhân vật lịch sử để nói nỗi niềm riêng tư canh cánh của đất nước và dân tộc.

**2**. **GV cho HS đọc chú thích và trình bày sơ lược về tác giả, tác phẩm.**

**?** Hãy trình bày những nột khái quát về tác giả và xuất xứ của tác phẩm?

***a. Tác giả*** : Trần Tuấn Khải (1895-1983)

- Bút hiệu Á Nam.

- Thơ của ông thường kín đáo bộc lộ nỗi đau mất nước, nỗi căm giận bọn cướp nước và bọn tay sai.

- Thơ ông được truyền tông rất rộng rói.

***b. Tác phẩm:***

- Là bài thơ mở đầu tập “*Bút quan hoài I*”(1924) lấy đề tài lịch sử thời quân Minh xâm lược nước ta.

- Đoạn trích là phần mở đầu bài thơ

**3. GV HD HS tìm hiểu về bài thơ**

**?** Hãy xỏc định thể thơ, PTBĐ giọng điệu chung của bài thơ?

- ***Thể thơ:*** Song thất lục bỏt.

- ***Giọng điệu chung***: lõm li thống thiết

**?** Nhan đề “Hai chữ nước nhà” cho biết nội dung chính và cảm xúc bao trùm bài thơ là gì ?

- ***Nội dung chính***: Đây là lời trăng trối của người cha víi con trước giờ vĩnh biệt trong bối cảnh đau thương nước mất nhà tan vừa nặng ân tình và còng tràn đầy nỗi xót xa.

**?** Có thể chia bài thơ thành mấy phần? Nội dung chính của mỗi phần?

- ***Bố cục:*** 3 phần

- 8 câu đầu: Tâm trạng của người cha trước cảnh ngộ éo le, đau đớn.

- 20 câu tiếp theo: Hiện tình đất nước trong cảnh đau thương tang tóc.

- 8 câu cuối: Thế bất lực của người cha và lời trao gửi cho con.

**?** Bối cảnh không gian của cuộc chia li giữa hai cha con được khắc hoạ trong câu thơ nào? Để khắc hoạ bối cảnh không gian đó, tác giả đó sử dụng biện pháp NT nào? Tác dụng của những BPTT đó? Em có cảm nhận gì về bối cảnh không gian của cuộc chia li ?

- Bối cảnh của cuộc chia li: *Chốn ải Bắc .... như khêu bất bỡnh*

- BPNT: nhân hóa, ẩn dụ, những từ lỏy gợi tả...

->*Làm nổi bật cảnh ảm đạm, thê lương, tang tóc, gợi tâm trạng buồn thảm trong lòng người của cuộc chia li.*

**?** Trong bối cảnh đó, tâm trạng của hai cha con được thể hiện qua chi tiết nào? Các hình ảnh ẩn dụ: “*Hạt máu nóng ... dặm khơ*i” mang ý nghĩa gì ? thể hiện tôi trạng gì của hai cha con?

- Tôi trạng hai cha con: *Hạt mỏu nóng.... tầm tó châu rơ*i -> hình ảnh ẩn dụ nói lên nhiệt huyết yêu nước của người cha cùng cảnh ngộ bất lực của ông.

=>***Tâm trạng uất nghẹn, đau đớn, xót xa trước cảnh nước mất, nhà tan, cha con li biệt***

*\** GV bổ sung: *Cha bị bắt, bị giải sang TQ không ngày trở lại. Con muốn đi theo phông dưỡng cha cho tròn đạo hiếu. Người cha hiểu lòng con nhưng cha phải dằn lòng khuyờn con trở lại để tính việc trả thù nhà, đền nợ nước. Trong hoàn cảnh đó, đối víi hai cha con, tình nhà, nghĩa nước đều sâu đậm, da diết và đều tột cùng đau đớn xót xa.**Nước mất, nhà tan, cha con li biệt vì thế cho nờn lời khuyờn của cha víi con có ý nghĩa như một lời trăng trối. Nó thiêng liêng, xúc động và có sức truyền cảm mạnh hơn bao giờ hết khiến người nghe còng ngậm ngùi và khắc cốt ghi tâm. Trong hoàn cảnh đất nước ta đầu TK 20, còng cảnh nước mất nhà tan thì lời người cha khuyên con có tác dụng như một lời kêu gọi cứu nước.*

**?** Trong lời khuyờn con của mình, người cha đó nhắc đến những gì của lịch sử dõn tộc? Nhắc đến lịch sử dân tộc như vậy, người cha muốn nhằm mục đích gì?

- Cha khuyờn con: *Giống Hồng Lạc... xưa nay kém gì.* ->Gợi truyền thống dõn tộc: nũi giống cao quý, lịch sử lâu đời, nhiều anh hùng hào kiệt.... =>Khích lệ dũng mỏu anh hựng, niềm tự hào dõn tộc của người con

**?** Trong phần tiếp theo, tác giả nhập vai người trong cuộc miêu tả hiện tình đất nước, kể tội quân xâm lược. Em hãy tìm những câu thơ đó và nhận xét giọng điệu của các câu thơ? Những câu thơ đó đó gợi về một đất nước như thế nào ?

- Hiện tình đất nước : *Bốn phương khói lửa ...... dễ còn thương đâu*. -> Giọng điệu: lâm li thống thiết xen lẫn nỗi phẫn uất căm hờn, mỗi dũng thơ là một tiếng than, một tiếng nấc xót xa, cay đắng. =>***Bị xâm lược, nước mất nhà tan, đau thương tang tóc***.

**?** Hoạ mất nước gieo đau thương cho dân tộc và nỗi đau cho lòng người yêu nước được diễn tả như thế nào ? Em có nhận xét gì về nghệ thuật diễn tả của đoạn thơ này ? Qua đó bộc lộ tình cảm, cảm xúc gì?

- Hoạ mất nước : *Thảm vong quốc kể ...... nhường vật cơn sầu*

- Nghệ thuật:

+Dùng nhân hoá và so sánh (đất khóc giời than, xây khối uất, vật cơn sầu...

+Sử dụng các từ ngữ gõy cảm xúc mạnh:kể sao xiết, xộ tôi can, ngậm ngựi....

=>***Nỗi đau xót thiêng liêng, cao cả vượt lên số phận cá nhân, trở thành nỗi đau đất nước kinh động cả trời đất, nói sông.***

**?** Khi khuyên con trở về , người cha đó khuyờn con những gì? Từ những lời khuyờn đó, em cảm nhận được nỗi lòng nào của người cha ?

- Lời khuyờn: *Cha xót phận ..... vũng lầy ->* khớch lệ con làm tiếp những điều cha chưa làm được, giúp ích cho nước nhà.

=>Yêu con, yêu nước, đặt niềm tin tưởng và trông cậy vào con sẽ thay mình đền nợ nước, trả thù nhà.

**?** Nhận xét cách bộc lộ t/cảm, cảm xúc của tác giả trong bài thơ? Yếu tố nào đó gúp phần tạo nờn gió trị cho đoạn thơ trích? Qua đoạn trích em hiểu được điều gì?

*-* Bài thơ mượn 1 câu chuyện lịch sử có sức gợi lớn để bộc lộ cảm xúc, tình cảm, khớch lệ lòng yêu nước

- Thể thơ song thất lục bát và giọng điệu trữ tình thống thiết

=>Tình cảm sâu đậm, mónh liệt đối víi nước nhà

\* GV chốt lại GN. Gọi HS đọc.

**Hoạt động 4: Vận dụng (2-3’)**

**-** Cảm nhận của em về hai câu thơ ở khổ 3 (hoặc 4) của bài thơ?

**Hoạt động 5: Phát triển mở rộng (2-3’)**

- Tìm đọc những bài thơ trong phong trào thơ Mới

**\* Bước 4*. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (1’)***

- Học thuộc lòng bài thơ “*Ông đồ*”. Nắm vững những kiến thức đó học về tác giả, tác phẩm và h/ảnh ông đồ ở hai thời điểm , các biện pháp nghệ thuật được sử dụng.

- Nêu được cảm nhận của cá nhân về hình ảnh ông đồ.

***b. Bài mới***: Chuẩn bị bài: Hoạt động Ngữ văn: *Làm thơ 7 chữ.*

+ Tìm hiểu đặc điểm của thể thơ 7 chữ

+ Đọc kĩ bài, tập trả lời các câu hái và bài tập

+ Tập làm một bài thơ 7 chữ

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 14**

**Tiết 4**

**LUYỆN TẬP KIỂM TRA HKI**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Kiểm tra việc nắm kiến thức tiếng Việt đó học trong Hs

2. Kĩ năng:

- Rèn các kĩ năng về đặt câu, viết đoạn, sử dụng dấu câu, kĩ năng phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ

3. Thái độ:

- Có ý thức làm bài độc lập

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC KĨ NĂNG**

**1. Kiến thức:**

- Kiểm tra việc nắm kiến thức tiếng Việt đó học trong Hs

**2.Kĩ năng**:

- Rèn các kĩ năng về đặt câu, viết đoạn, sử dụng dấu câu, kĩ năng phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ

**3. Thái độ:**

- Có ý thức làm bài độc lập

**4. Năng lực phát triển**

**a. Năng lực chung**

- Sử dụng ngôn ngữ tư duy sáng tạo

b. Các năng lực chuyên biệt

- Năng lực tiếp nhận văn bản

- Năng lực cảm thụ thẩm mĩ

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Thầy**: Ra đề, nộp về bộ phận chuyên môn

**2. Trò**: Giấy kiểm tra

**III. LấN LỚP**

**\*Ổn định tổ chức**

**\*Kiểm tra** ( kiểm tra việc chuẩn bị giấy kiểm tra của Hs)

**\*Bài mới**

G. nêu yêu cầu của tiết kiểm tra; phát đề cho Hs (đề chẵn, lẻ xen kẽ); yêu cầu Hs nghiêm túc làm bài và nộp bài đầy đủ

**A. BẢNG Mễ TẢ CÁC MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC.**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Nội dung** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Tổng số** |
| -Cấp độ khái quát nghĩa của từ ngữ,  Trường từ vông, | -Nêu được khái niệm, về trường từ vựng, cấp độ khái quát nghĩa của từ. |  |  |  | 1  1 đ |
| - Từ tượng hình,từtượng thanh |  | - Xác định từ tượng hình |  | - Phân tích tác dụng từ tượng hình | 1  2 đ |
| - Nói quỏ  - Nói giảm, nói trỏnh |  | Tìm thành ngữ có biện pháp nói quỏ trong thành ngữ  -Đặt câu víi thành ngữ đó | - Tìm được biện pháp nói giảm nói tránh, nêu tác dụng của phép tu từ đó |  | 2  4đ |
| - Câu ghộp |  |  |  | Viết được đoạn văn theo một hình thức cụ thể có sự vận dụng câu ghộp | 1  3đ |
| Tổng số:  Số câu:  Số điểm: | **1**  **1đ** | **3 câu**  **3đ** | **1 câu**  **2 đ** | **1 câu**  **4 đ** | 5  10đ |

**B/ ĐỀ BÀI**

**I. ĐỌC- HIỂU : ( 3 điểm):**

Đọc đoạn văn, thực hiện theo yêu cầu sau:

"Chao ôi! Đối víi những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ thì ta chỉ thấy họ, **gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi**... toàn những cớ để ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương.... Vợ tôi không ác, nhưng thị khổ quá rồi. Một người đau chân có bao giờ quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến cái gì khácc đâu. Khi người ta khổ quá thì người ta chẳng nghĩ đến ai được nữa. Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỷ che mất. Tôi biết vậy nên tôi chỉ buồn chứ không nỡ giận ."

(Trích: Lão Hạc - Nam Cao- Ngữ văn 7 tập 1)

1(0.25đ): Những từ: **gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi**, trong đoạn văn trên được xếp vào trường từ vựng nào ?

2.(0.25đ): Từ "Ôi " trong câu: "Chao ôi " Thuộc loại từ nào ?

3(0.25đ): Câu ghép "Tôi biết vậy nên tôi chỉ buồn chứ không nỡ giận" chỉ quan hệ gì ?

4.(0.25đ) Dấu ngoặc đơn đóng khung các thông tin bên dưới đoạn văn trên có công dụng gì ?

5. (1.0) Câu văn: "Vợ tôi không ác, nhưng thị khổ quá rồi” là kiểu câu gì ? Xỏc định chủ ngữ vị ngữ của câu để làm rõ

6.(1.0đ): Trong đoạn văn trên, trường từ vựng: **gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ *ổi***diễn đạt điều gì ?

**II. TẠO LẬP VĂN BẢN ( 7 điểm)**

Câu 1 (3 điểm): Tìm biện pháp tu từ ( chỉ rõ từ ngữ sử dụng), nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong khổ câu thơ sau:

" Bác đó đi rồi sao Bác ơi!

Mùa thu đang đẹp nắng xanh trời

Miền Nam đang thắng mơ ngày hội

Rước Bác vào thăn thấy Bác cười"

( Bác ơi- Tố Hữu)

Câu 2 (4 điểm)

Viết đoạn văn( từ 8 đến 10 câu) trình bày cảm nhận về bài học cuộc sống từ một văn bản mà em tâm đắc, trong đoạn văn có dùng dấu ngoặc kép, thán từ, tình thái từ , chỉ rõ các đơn vị ngôn ngữ đó dựng .

**C/ HƯỚNG DẪN CHẤM**

**( Hướng dẫn chấm gồm một trang)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I/ Đọc - hiểu** | Câu 1: Tínhi cách  Câu 2: Thán từ  Câu 3: Nguyờn nhân – kết quả  Câu 4: Đánh dấu phần chú thích  Câu 5:Câu văn: "Vợ tôi / không ác, nhưng thị /khổ quá rồi” là câu ghép  C1 -- V1 nhưng C2 - V2  Câu 6: Chỉ các tính cách xấu của con người | 0,25 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm  1 điểm  1 điểm |
| **II/Tạo lập văn bản** | Câu 7: Tu từ nói giảm, nói trỏnh  + Tu từ : nói giảm nói trỏnh  + Được dùng trong từ "đi" thay cho từ chết  - Tác dụng  \* Hình thức viết thành đoạn văn ngắn  \* Nội dung:  + Từ "đi" trong câu thơ " Bác đó đi rồi sao Bác ơi!" thay cho từ "chết" nhằm nói tránh để giảm nỗi đau mất mát khi Bác Hồ mất  + Bày tỏ sự tôn nghiêm , kính trọng đối víi Bác Hồ , vị lónh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam.  Câu 8: - Hình thức: Số câu , đoạn văn  - Nội dụng tích hợp: Cảm nghĩ về tình mẫu tử của hai mẹ con bộ Hồng , trình bày đúng giọng văn biểu cảm, bám sát vào văn bản " Trong lòng mẹ", diễn đạt mạch lạc  - Kiến thức tiếng Việt vận dụng:  + Dấu ngoặc kép đúng công dụng:  + Thán từ đúng phù hợp văn cảnh:  + Tình thái từ đúng, phù hợp văn cảnh: | 0,5 điểm  0,5 điểm  0,5 điểm  1,5 điểm    0,5 điểm  2 điểm  1,5 điểm |

**Bước IV: Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà:**

- Tiếp tục ụn tập kiến thức các biện pháp tu từ đó học.

**Tuần 15**

**Tiết 1+2**

**ÔN TẬP HỌC KÌ 1**

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức***:*

- Hệ thống hoá kiến thức về Tiếng Việt đó học ở HKI..

**2. Kĩ năng**

- Nhận ra và biết cách sửa lỗi thường gặp về dấu câu.

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác trong học tập

**II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**1. Kiến thức***:*

- Hệ thống kiến thức về từ vựng và ngữ pháp đó học ở HKI..

**2. Kĩ năng**

- Vận dụng thuần thục kiến thức về Tiếng Việt đó học ở HKI để hiểu nội dung, ý nghĩa văn bản hoặc tạo lập văn bản.

**3. Thái độ**

Yêu mến sự phong phỳ của tiếng Việt.

Giáo dục ý thức học tập tích cực.

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp phần Văn: các VB đó học

- Tích hợp KNS, MT

**5. Định hướng phát triển năng lực**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt**: sáng tạo, cảm thụ

**III. CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRề**

**1. Chuẩn bị của thầy**. Bảng phụ, mỏy chiếu.

**2. Chuẩn bị của trò**: Đọc bài, trả lời các câu hái và bài tập

**IV. TIẾN TRèNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: Ổn định tổ chức (1')

**\* Bước 2:** Kiểm tra bài cũ (3-5')

Kiểm tra vở bài tập ngữ văn và sự chuẩn bị của học sinh.

**\* Bước 3:** Dạy - học bài mới:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Tạo tình huống * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, giao tiếp | | |  |
| \* Cho HS giải ụ chữ. Từ chỡa khóa: TIẾNG VIỆT  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Suy nghĩ, trao đổi*  *- 1 HS trình bày,* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 63.* ễn tập TV** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | |  |
| **I.HD HS hệ thống hoá kiến thức về TV đó học ở HKI** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **HS hệ thống hoá kiến thức về TV đó học** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **A. Hệ thống hóa kiến thức** |  |
| **\*B1.** GV nêu câu hái cho HS ụn lại các KT về từ vựng. | *HS nhắc lại các kiến thức cơ bản.HS khác* *nhận xét* | **I.Từ vựng** |  |
| **1**.Cấp độ khái quát nghĩa của từ ngữ là như thế nào?  - Thế nào là từ ngữ có nghĩa rộng?  - Thế nào là từ ngữ có nghĩa hẹp?  - Tính chất rộng hay hẹp của nghĩa từ ngữ là tương đối hay tuyệt đối? Vì sao? | ***1. Cấp độ khái quát nghĩa của từ ngữ:*** nghĩa của một từ ngữ có thể rộng hơn(khái quát hơn) hoặc hẹp hơn (ít khái quát hơn) nghĩa của từ ngữ khác.  - ***Từ ngữ có nghĩa rộng*** là khi phạm vi nghĩa của từ đó bao hàm phạm vi nghĩa của 1 số TN khác  - ***Từ ngữ có nghĩa hẹp*** là khi phạm vi nghĩa của từ ngữ đó được bao hàm trong phạm vi nghĩa của một TN khác.  - Một từ ngữ có nghĩa rộng víi từ ngữ này đồng thời có thể có nghĩa hẹp đối víi từ ngữ khác.  - Tính chất rộng hay hẹp chỉ là tương đối vì nó phụ thuộc phạm vi nghĩa của từ. | |  |
| **2.** Dựa vào kiến thức về văn học dân gian và về cấp độ khác nhau của nghĩa từ ngữ, hãy điền từ ngữ thích hợp vào sơ đồ?  - Giải thích những từ ngữ có nghĩa hẹp trong sơ đồ trên?  - Cho biết trong những câu giải thích ấy có từ ngữ nào chung ?  =>*Từ ngữ chung: Truyện dõn gian.* | *HS điền và giải thích* |  |  |
| Truyện dõn gian  **Truyền thuyết**  **Cổ tớch**  **Ngụ ngụn**  **Truyện cười**  + ***Truyền thuyết***: Truyện dân gian về các nhân vật và sự kiện lịch sử xa xưa có nhiều yếu tố thần kỡ.  + ***Truyện cổ tích***: Truyện dân gian kể về cuộc đời, số phận của một số kiểu nhân vật quen thuộc(người mồ côi, người mang kốt xấu xí, người em, người dũng sĩ) có nhiều chi tiết tưởng tượng, kỡ ảo.  + ***Truyện ngụ ngôn:*** Truyện dân gian mượn chuyện về loài vật, đồ vật hoặc về chính con người để nói bóng gió chuyện con người.  + ***Truyện cười:*** Truyện dõn gian dựng hình thức gõy cười để mua vui hoặc phê phán, đả kích. | |  |
| **3**.Trường từ vựng là gì? Các từ trong sơ đồ trên có được coi là cùng TTV không? Vì sao?  - So sánh sự giống và khác nhau giữa cấp độ khái quát | ***2. Trường từ vựng***: Là tập hợp của các từ ngữ có ớt nhất một nột chung về nghĩa.  - Các từ ngữ trên được coi là là nằm trong 1 TTV, vì có nột chung về nghĩa là truyện dõn gian.  - So sánh:  + Giống: Đều có nét nghĩa chung | |  |
| nghĩa của TN víi TTV? | + Khác: Cấp độ khái quát là nói về mối quan hệ bao hàm giữa các từ ngữ cùng từ loại.  Trường từ vựng: Chỉ cần có nét nghĩa chung, có thể khácc từ loại. | |  |
| **4**.Từ tượng hình là gì? Từ tượng thanh là gì ? Cho ví dụ?  - Đặt câu có sử dụng từ tượng hình, từ tượng thanh? (Mỗi loại 1 câu) | ***3. Từ tượng hình, từ tượng thanh***  ***- Từ tượng hình:*** Là từ gợi tả hình ảnh, dỏng vẻ,trạng thái của sự vật  ***- Từ tượng thanh:*** Là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của con người  VD: - Mưa rơi *lộp bộp* trên mái tụn  - Nó *lom khom* nhặt chiếc bót dưới đất. | |  |
| **5**. Thế nào là từ ngữ địa phương? Thế nào là biệt ngữ xó hội? Cho VD?  - Cần lưu ý điều gì trong việc sử dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xó hội? | ***4. Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xó hội***  ***- Từ ngữ địa phương:*** là những từ ngữ chỉ được sử dụng ở một hoặc một số địa phương nhất định.  VD: mỏ, mế, ngũ gai, đậu phộng...  ***- Biệt ngữ xó hội:*** là những từ ngữ chỉ được sử dụng trong một tầng lớp xó hội nhất định  VD***:*** Xơi trứng (điểm 0), xơi ngỗng (điểm 2)...  \* Lưu ý: Sử dụng phải phự hợp hoàn cảnh giao tiếp, Trỏnh lạm dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xó hội vì nó gõy khó hiểu cho người khác. | |  |
| **6.** Thế nào là nói quỏ? Cho VD về phộp tu từ nói quỏ? Hãy phân biệt nói quỏ víi nói khóac?  - Lấy VD trong ca dao có sử dụng BP tu từ nói quỏ?  - Thế nào là nói giảm nói trỏnh? Cho VD về phộp tu từ nói giảm, nói trỏnh? | ***5. Các bịờn pháp tu từ từ vựng***  ***- Nói quỏ:*** Là biện pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm.  VD: *Tiếng đồn cha mẹ em hiền*  *Cắn cơm không vì, cắn tiền vì đôi.*  ***- Nói giảm nói trỏnh:*** Là một biện pháp tu từ dựng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề; tránh thô tục, thiếu lịch sự.  VD: - *Bác đó lên đường theo tổ tiên*  *- Chàng ơi phụ thiếp làm chi .... đói lòng* | |  |
| ***\*B2 GV nêu câu hái cho HS ụn lại các KT về ngữ pháp*** | *HS nhắc lại các kiến thức cơ bản* | **II. Ngữ pháp** |  |
| **6**.Thế nào là trợ từ, thán từ, tình thái từ ? Cho VD?  - Cần lưu ý điều gì trong việc sử dụng trợ từ, thán từ, tình thái từ trong các tình huống giao tiếp? | ***1. Trợ từ:*** là những từ chuyên đi kèm một từ ngữ trong câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến trong từ ngữ đó***.***  ***2. Thán từ:*** là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp. Thán từ thường đứng ở đầu câu, có khi được tách ra thành một câu đặc biệt.  ***3. Tình thái từ:*** là những từ được thêm vào câu để tạo câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán và để biểu thị các sắc thái tình cảm của người nói.  \*Trong các giao tiếp cần chú ý hoàn cảnh giao tiếp, quan hệ tuổi tác, thứ bậc.... | |  |
| **7**. Cho HS đặt câu:  a. dựng trợ từ + tình thái từ  b. dựng trợ từ + thán từ | *HS lên bảng làm bài*  a. Cuốn sỏch này chỉ 2000 đồng thôi ***à*** ?  b. ***Dạ***, con nghe thấy rồi ạ ! | |  |
| **8**.Thế nào là câu ghộp?  - Cách nối các vế trong câu ghộp?  - Quan hệ ý nghĩa giữa các vế trong câu ghộp? | ***4. Câu ghộp***: Là câu do hai hay nhiều cụm C-V không bao chứa nhau tạo thành.  - Cách nối: Dựng từ có tác dụng nối  Không dựng từ nối  - Quan hệ ý nghĩa giữa các vế trong câu ghộp khác chặt chẽ. Các quan hệ thường gặp là quan hệ nguyên nhân, điều kiện,. tương phản, tăng tiến, lựa chọn, bổ sung, tiếp nối, đồng thời, giải thích..... nhân, điều kiện,. tương phản, tăng tiến, lựa chọn, bổ sung, tiếp nối, đồng thời, giải thích..... | |  |
| **9**. Gọi HS đọc đoạn trích (Mục II.b). Nêu yêu cầu:  - Xác định câu ghép trong đoạn trích đó ?  - Nếu tách câu ghép đó xỏc định được thành câu đơn có được không ? Có làm thay đổi ý cần diễn đạt không ? | *HS đọc đoạn trích và xác định câu ghép, trả lời:* |  |  |
| - Câu ghộp: Pháp chạy, Nhật hàng ... thóai vị.  - Có thể tách thành 3 câu đơn được song việc tách đó làm cho các sự việc không được liên kết chặt chẽ víi nhau, không thấy được sự thua liên tiếp của kẻ thù. | |  |
| **10**. Cho HS theo dõi đoạn trích mục II.c. Yêu cầu:  - Xác định câu ghép và cách nối các vế trong các câu ghép đó?  - Xác định ý nghĩa giữa các vế trong câu ghép đó? | *HS xác định và chỉ ra cách nối.*  - Đoạn trích có 2 câu ghép: Câu 1 và câu 3  - Các vế câu được nối víi nhau bằng các quan hệ từ “*còng như*” (câu1), “*bởi vì*” (câu 3).  - Quan hệ ý nghĩa:  + Câu 1: quan hệ bổ sung  + Câu 3: quan hệ giải thích | |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**   * ***PPDH***: Tái hiện thông tin, phân tích, giải thích, so sánh. * ***KTDHTC***: Kĩ thuật động não, trình bày 1phút. * ***Thời gian***: 13-15 phút * ***Hình thành năng lực***: Tư duy, sáng tạo, hợp tác | | |  |
| **II.HD HS luyện tập** | ***Hình thành kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **HS luyện tập** | ***Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II**. **Luyện tập** |  |
| **11**. Hãy nêu những từ ngữ thuộc trường từ vựng về phương tiện giao thông, về vũ khí ?  - Có thể xếp gà, vịt ... vào trường từ vựng “gia cầm” được không? Nếu xếp gà, vịt, trâu, bũ... vào cùng một trường từ vựng thì có được không ? Vì sao ? | *HS làm bài cá nhân.* | ***Bài 1***: ***Tìm từ thuộc các trường từ vựng***: |  |
| - Trường từ vựng về phương tiện giao thông: tàu, xe, thuyền, máy bay.  - Trường từ vựng về vũ khí: Súng, gươm, tên lửa, lựu đạn.  - Các từ: gà, vịt, ngan ... chỉ gia cầm nói chung.  - Có thể xếp gà, vịt, trâu, bũ ... vào cùng một trường từ vựng động vật nói chung động vật bao gồm cả nhiều loài: gia súc, gia cầm... | |  |
| **12**.Viết đoạn văn về đề tài bảo vệ môi trường (hoặc dân số). Trong đoạn văn có sử dụng ớt nhất 1 câu ghộp. | *HS viết cá nhân, 2-3 HS trình bày. HS khácc nhận xét.* | ***Bài 2: Viết đoạn văn*** |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

- Thời gian: 5 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Viết đoạn(nội dung tự chọn) 4 đến 5 câu có sử dụng phép nói quá, nói giảm nói tránh. | **Hình thành năng lực tự học.**  - HS trình bày |  |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

- Thời gian: 5 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Sưu tầm thêm các ví dụ có sử dụng phép nói quá, nói giảm nói tránh và nêu tác dụng của phép tu từ đó. | **Hình thành năng lực tự học tập**  HS sưu tầm  HS trình bày |  |  |

**Bước IV: Hướng dẫn bài tập về nhà**:

- Ôn tập lại lí thuyết về văn thuyết minh ( định nghĩa, đặc điểm đề bài, phương pháp làm bài) để chuẩn bị cho tiết trả bài.

GV giao bài làm văn số 3 cho HS về nhà tự thống kờ lỗi và cách sửa lỗi.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 15**

**Tiết 3+4**

**LUYỆN TẬP VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Đặc điểm của văn thuyết minh và phương pháp làm bài văn thuyết minh

- Dàn ý bài văn thuyết minh về một thứ đồ dùng

**2. Kĩ năng**

- Hình thành năng lực tự đánh giá và sửa lỗi bài văn của mình.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức**

- Đặc điểm của văn thuyết minh và phương pháp làm bài văn thuyết minh

- Dàn ý bài văn thuyết minh về một thứ đồ dùng

**2. Kĩ năng**

- Hình thành năng lực tự đánh giá và sửa lỗi bài văn của mình.

**4. Năng lực phát triển.**

**a. Các năng lực chung**.

- Năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tư duy sáng tạo

**b. Các năng lực chuyên biệt.**

- Năng lực tìm kiếm,tổ chức, xử lí thông tin.

- Năng lực sử dụng tiếng Việt

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Phương pháp**.

- PPDH vấn đáp.

- PPDH thảo luận nhúm.

**2. Đồ dùng dạy học**.

**a. Thầy**: thống kê kết quả bài làm; Bảng phụ những lỗi sai tiêu biểu đa số học sinh mắc khi làm bài thuyế minh

**b. Trò**: đọc lại đề, tìm hiểu kĩ yêu cầu của đề

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

**Bước I: Ổn định tổ chức**.

**Bước II: Kiểm tra** :

HS: Nhắc lại định nghĩa về văn thuyết minh, các phương pháp thuyết minh và cách làm bài văn thuyết minh.

**Bước III: Bài mới**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Bước 1: Hướng dẫn hs tìm hiểu đề và nêu yêu cầu của bài làm ( theo biểu điểm) | Chép, đọc đề, tìm hiểu yêu cầu của đề | I.Yêu cầu của đề  \* Đề bài: giới thiệu về một vật dụng quen thuộc trong đời sống ( chiếc nón lá, chiếc phích nước; chiếc quạt điện...) |  |

\* Bước 1: GV nhắc lại yêu cầu của bài làm văn số 3.

GV ghi đề bài lên bảng.

Đề bài: Thuyết minh về chiếc nón lá Việt Nam.

\* Bước 2: Phân tích đề: GV yêu cầu HS phân tích để thấy rõ yêu cầu của đề bài.

- Thể loại: Thuyết minh về thứ dồ dựng.

- Đối tượng thuyết minh: Chiếc nón lỏ Việt Nam

\* Bước 3: GV dùng hệ thống câu hái giúp HS lập lại dàn bài chung cho 1 đề bài mà đa số HS trong lớp thực hiện.

**DÀN BÀI**

I. Mở bài: Giới thiệu chung về chiếc chiếc nón lỏ Việt Nam.

II. Thân bài:

- Hình dỏng chiếc nón: Hình chúp

- Các nguyờn liệu làm nón:

+ Mo nang làm cốt nón

+ lỏ cọ

+ Nứa rõng làm vũng nón

+ Dây cước, sợi guột để khâu nón

+ Ni lông, sợi len, tranh ảnh trang trớ.

- Quy trình làm nón:

- Tác dụng: Che nắng, che mưa làm duyên cho các thiếu nữ . Có thể dùng để múa, làm quà tặng. Chiếc nón là biểu tượng của người phụ nữ Việt Nam  
III. Kết bài: Cảm nghĩ về chiếc nón lỏ Việt Nam

III. Kết bài: Khẳng định về giá trị và sức sống của chiếc áo dài...

\* Bước 4: GV nhận xét đánh giá chung về bài làm của HS:

1. Ưu điểm:

a. Về hình thức:

- Trình bày sạch, đẹp:

- Bố cục rõ ràng(các mở bài, thân bài, kết bài rõ ràng rành mạch).

- Dùng dấu câu tương đối thích hợp.

- Viết đúng chính tả:

- Diễn đạt mạch lạc:

- Diễn đạt tương đối mạch lạc:

- Dựng từ chính xỏc

b. Về nội dung:

- Hiểu đề và thực hiện đúng yêu cầu của đề bài:

- Nắm vững đối tượng và phương pháp thuyết minh

- Vận dụng và kết hợp tốt các phương pháp thuyết minh( dùng số liệu, giải thích, so sánh, phân tích...).

- Hiểu biết và cảm nhận được ý nghĩa của đối tượng thuyết minh đối víi con người, víi nền văn hoá dân tộc-> ý thức được vai trò của đối tượng và có thái độ đúng đắn trong việc phát huy và giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc:

2. Nhược điểm:

a. Hình thức:

- Chưa chú tách các đoạn( diễn tả những ý chính) trong phần thân bài:

- Dùng dấu phẩy và dấu chấm phẩy chưa thích hợp

- Dùng từ chưa chính xác:

b. Nội dung:

- Còn một số bài viết đưa số liệu chưa thật chính xác( do viết cẩu thả).

- Thiếu phần đánh giá và liên hệ để trình bày cảm xúc về đối tượng:

\* Bước 5:

- Trả bài và đọc 3 bài văn đạt điểm cao nhất:

- HS nhận xét đánh giá ưu điểm của từng bài.

- Đọc và đánh giá 2 bài đạt điểm kém nhất:

\* Bước 6: Chữa lỗi:

1. Chữa lỗi chính tả: ( Hs từ chữa trong bài của mình)

- Viết hoa tự do

- Sai phụ âm đầu:

2. Chữa lỗi dựng từ:

- Dựng từ thiếu chính xỏc:

3. Chữa lỗi về câu:

- Dùng dấu câu chưa thích hợp:

4. Chữa lỗi liên kết câu và đoạn văn:

- Liên kết câu và đoạn văn:

**Bước IV: Hướng dẫn về nhà**:

- Chộp chính tả và chú ý các lỗi thường mắc.

- Quan sát các đồ vật trong gia đình và tập thuyết minh.

- Đọc lại các bài thơ thất ngôn bát có đó học và tìm hiểu kĩ đặc điểm của thể thơ.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TUẦN 16: KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**Tuần 17**

**Tiết1+2**

**HOẠT ĐỘNG NGỮ VĂN**

**LÀM THƠ BẢY CHỮ (KKHS TỰ HỌC)**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Đặc điểm của thể thơ 7 chữ

- Những yêu cầu tối thiểu khi làm thơ 7 chữ

**2. Kĩ năng**:

- Nhận biết thơ 7 chữ

- Đặt câu thơ 7 chữ víi các yêu cầu đối, nhịp , vần

**3. Thái độ**:

- Yêu thích thơ; thích sáng tác thơ

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC KĨ NĂNG**

**1. Kiến thức:**

- Đặc điểm của thể thơ 7 chữ

- Những yêu cầu tối thiểu khi làm thơ 7 chữ

**2. Kĩ năng**:

- Nhận biết thơ 7 chữ

- Đặt câu thơ 7 chữ víi các yêu cầu đối, nhịp , vần

**3. Thái độ**:

- Yêu thích thơ; thích sáng tác thơ

**4. Năng lực phát triển.**

**a. Các năng lực chung**.

- Năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tư duy sáng tạo

**b. Các năng lực chuyên biệt.**

- Năng lực tìm kiếm,tổ chức, xử lí thông tin.

- Năng lực tiếp nhận văn bản

- Năng lực cảm thụ thẩm mĩ.

**III. CHUẨN BỊ**

**1. Phương pháp**.

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, giải quyết vấn đề.

- Phương pháp dạy học vấn đáp.

- Phương pháp dạy học thảo luận nhóm.

**2. Đồ dùng dạy học.**

G. Mỏy chiếu: các đoạn thơ ví dụ

HS: Đọc và chuẩn bị bài theo yêu cầu

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Bước I: Ổn định tổ chức**

**Bước II: Kiểm tra bài cũ:** Kiểm tra việc chuẩn bị bài của Hs

**Bước III: Tổ chức dạy bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

- Thời gian: 2 phút

- Phương pháp: Thuyết trình

- Kĩ thuật: Động não

**HOẠT ĐỘNG 2: HèNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

- Thời gian: 15 phút

- Phương pháp: Vấn đáp + thuyết trình

- Kĩ thuật: Động não - khăn phủ bàn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT-KN cần đạt** | **Gchú** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**   * ***PPDH***: Thuyết trình, trực quan * ***Thời gian***: 1- 3' * ***Hình thành năng lực***: Thuyết trình. | | |  |
| **\*** GV chiếumột bài thơ bảy chữ.  - Nêu yêu cầu: Bài thơ trên được làm theo thể thơ gì? Em hiểu gí về thể thơ đó?  - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới. | ***Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình***  *- Quan sát, trao đổi*  *- 1 HS trình bày, dẫn vào bài mới* | ***Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình*** |  |
| - Ghi tên bài lên bảng | *-Ghi tên bài vào vở* | ***Tiết 68. Làm thơ 7 chữ*** |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (Tri giác, phân tích, đánh giá khái quát)**   * ***PPDH***: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, phân tích, thuyết trình * ***Kĩ thuật***: Động não, trình bày 1 phút, KTB * ***Thời gian***: 12-15’ * ***Hình thành năng lực***: Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, hợp tác, tổng hợp | | |  |
| **I.HD HS nhận diện thể thơ** | ***Hình thành kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **HSnhận diện thể thơ** | ***Kĩ năng nghe đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác, tổng hợp...***  **I.Nhận diện thể thơ 7 chữ** |  |
| **1.** Cho HS nhắc lại đặc điểm của thể thơ 7 chữ ? | *1HS nhắc lại* | - Câu thơ có 7 chữ.  - Nhịp:4/3 |  |
| **2**.Gọi HS đọc bài thơ “Chiều”. Nêu yêu cầu:  - Hãy gạch nhịp và chỉ ra tiếng gieo vần còng như mối quan hệ bằng trắc của 2 câu thơ kề nhau trong bài thơ ? | *1HS đọc, 1HS lên bảng làm*  ***Chiều***  B **B** B **T** / T **B** B  T **T** B **B** / T **T** B  T **T** B **B** / B **T** T  B **B** B **T** / T **B** B | - Luật B,T: Đối nhau ở tiếng thứ 2,4,6 trong các cặp câu 1-2,3-4 và theo đúng luật  - Vần: vần bằng (B) ở tiếng cuối câu 1, 2 4 . |  |
| \*GV chốt lại luật bằng - trắc của thể thơ 7 chữ: Theo 2 mô hình sau:  ***a. Luật bằng***. ***b. Luật trắc.***  B **B** B **T** / T **B** B T **T** B **B** / T **T** B  T **T** B **B** / T **T** B B **B** T **T** / T **B** B  T **T** B **B** / B **T** T B **B** T **T** / B **T** T  B **B** B **T** / T **B** B T **T** B **B** / T **B** B  Trong thơ bảy chữ, cách gieo vần có thể là vần chính (hoàn toàn khớp: non, son) hoặc vần thông (vần gần đúng: che, khuya) | | |  |
| **5**.Cho HS quan sát bài thơ “Tối” của ĐVC. Gọi HS đọc. Nêu yêu cầu:  - Hãy chỉ ra chỗ sai của bài thơ và nói rõ lí do?  - Hãy tìm cách sửa lại cho đúng ? | *HS suy nghĩ và thảo luận để trả lời* |  |  |
| Bài thơ sai hai chỗ:  - Sau “*Ngọn đèn mờ*” không có dấu phẩy, dấu phẩy gây đọc sai nhịp.  - Chữ “*xanh*” sai: vì không hiệp vần víi từ “*che*” ở câu trên. Có thể sửa: *ỏnh xanh lố* (*ánh xanh nhoè, ánh trăng loe, ánh vàng khè).* | |  |
| **6**.Hãy đọc một số bài thơ 7 chữ mà em đó sưu tầm được và chỉ ra nhịp, luật bằng trắc và cách gieo vần? | *HS trình bày kết quả sưu tầm được*. |  |  |
| VD: ***Bánh trôi nước***  (Hồ Xuân Hương)  Thân em vừa trắng lại vừa tròn  Bảy nổi ba chỡm víi nước non  Rắn nỏt mặc dầu tay kẻ nặn  Mà em vẫn giữ tấm lòng son.  ***Ngắm trăng***  (Hồ Chớ Minh)  Trong tù không rượu còng không hoa  Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ  Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ  Trăng nhũm khe cửa ngắm nhà thơ | |  |
| **II. HDHS tập làm thơ 7 chữ** | **HS tập làm thơ 7 chữ** | **II.Tập làm thơ 7 chữ** |  |
| **7**.Cho HS làm tiếp 2 câu thơ cuối theo ý mình trong bài thơ của Tú Xương mà người biên soạn giấu đi và bài thơ còn dang dở?  - Sau khi học sinh tập làm tiếp 2 câu, GV đối chiếu víi bài thơ gốc để học sinh tự rút kinh nghiệm:  *Chứa ai chẳng chứa, chứa thằng Cuội*  *Tôi gớm gan cho cái chị Hằng* | *HS hoạt động theo 2 nhóm mỗi nhóm làm tiếp một bài thơ. 2 HS lên bảng làm* | ***1. Làm tiếp bài thơ*** |  |
| ***a. Bài thơ của Tú Xương***  ***-*** Nhấn mạnh việc nói dối khiến cuội lên cung trăng bị người đời chê cười:  *Đáng cho cái tội quân lừa đảo*  *Già khấc nhân gian vẫn gọi thằng.*  - Chế giễu chú Cuội cô đơn trên mặt trăng chỉ có đá và bụi: *Cung trăng chỉ toàn đất víi đá*  *Hít bụi suốt ngày có sướng chăng?*  *-* Lo lắng cho chị Hằng:  *Cừi trần ai còng chường mặt nó*  *Nay đến cung trăng bỡn chị Hằng.* | |  |
|  | - Hoặc: *Cung trăng thằng Cuội tha hồ ngắm*  *Ngắm cừi trần gian víi chị Hằng.*  ***b. Bài thơ dở dang chưa trọn vẹn***  ***-*** Bọn trẻ đùa vui quanh xừm ngừ  Sáo diều vi vút vọng triền đê.  - Từng nhúm học sinh ụn mờ mải  Chôm đầu ngồi dưới tán phượng che.  - Nỏo nức trong lòng bao tiếng gọi  Thoảng hương lúa chín gió đồng quê. | |  |
| **8.** GV tổ chức cho HS tập làm thơ 7 chữ.  GV nhận xét từng bài, sửa lại | *HS HĐ cá nhân. 1-2 HS trình bày. HS khácc nhận xét* |  |  |
| VD: Tết đến, xuân về muôn sắc hoa  Xuân đem hạnh phúc đến muôn nhà  Lòng người rạo rực: mùa xuân đến  Đất nước tưng bừng vạn khỳc ca. | |  |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chỉ định 1 Hs đọc ví dụ (SGK)  Yêu cầu Hs thảo luận nhỳm bàn thực hiện trả lời câu hái theo SGK ghi vào phiếu học tập  - Số tiếng, số câu / khổ  - Xác định tiếng bắt vần giữa các câu  - Xác định cách ngắt nhịp  - Xác định bằng/ trắc  -Tổ chức Hs trình bày kết quả thảo luận  - Tổ chức cho các nhóm nhận xét kết quả -Chốt về luật thơ 7 chữ  - GV nhận xét, chốt kiến thức bằng bảng tổng kết  - Gọi 2 Hs đọc to , rõ nội dung ghi nhớ sgk | - Cá nhân trình bày  -Thảo luận nhóm tổ, cử người trình bày phiếu học tập  - Các nhỳm trình bày, nhận xét  - Nghe, tự ghi vở | **I. Đặc điểm của thơ 7 chữ** | |  |
| Số tiếng, chữ | 7 tiếng, chữ |
| Số câu | 4 câu / khổ ( bài), một bài có nhiều khổ |
| Cách hiệp vần | - Vần chân, vần bằng các câu 1,2 4 |
| Cách ngắt nhịp | Nhịp 4/3 hoặc 2/2/3 |
| Luật bằng trắc | Dũng 1: B – T – B  Dũng 2: T – B – T  Dũng 3: T – B – T  Dũng 4:: B – T – B |
| \* Ghi nhớ: SGK | |  |
|  | |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

- Thời gian: 3 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Nhắc lại những đặc điểm nổi bật của thể thơ 7 chữ? | **Hình thành năng lực tự học.**  - HS trình bày |  |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

- Thời gian: 5 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| GV tiếp tục cho HS làm thơ 7 chữ | **Hình thành năng lực tự học tập**  HS trình bày |  |  |

**Bước IV: Hướng dẫn về nhà**

- Làm hoàn chỉnh bài thơ theo chủ đề : tình yêu Quê hương đất nước, hay gia đình,

- Xem lại đề kiểm tra Văn, tiếng Việt đó làm

**TUẦN 17:**

**TIẾT 3+4 ÔN TẬP HỆ THỐNG KIẾN THỨC**

**TUẦN 18: TIẾT 1+2: ÔN TẬP HỆ THỐNG KIẾN THỨC**

**Tuần 18**

**Tiết 3+4**

**TRẢ BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Thông qua bài làm víi điểm số và nhận xét của Gv, HS đánh giá được năng lực của mình.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng trình bày một bài kiểm tra tổng hợp.

**3. Thái độ**

- Học sinh đánh giá được kết quả học tập của mình và có hướng phấn đấu.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC VÀ KĨ NĂNG**

**1. Kiến thức**

- Nhận xét đánh giá kết quả toàn diện của học sinh qua một bài làm tổng hợp về mức độ nhớ kiến thức văn, tiếng Việt, mức độ vận dụng kiến thức tập văn kĩ năng viết đúng thể loại thuyết minh, kĩ năng trình bày, diễn đạt.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng trình bày một bài kiểm tra tổng hợp

**3. Thái độ**

- Học sinh đánh giá được kết quả học tập của mình và có hướng phấn đấu.

**4. Năng lực phát triển.**

**a. Các năng lực chung**.

- Năng lực giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tư duy sáng tạo

**b. Các năng lực chuyên biệt.**

- Năng lực tiếp nhận văn bản

- Năng lực cảm thụ thẩm mĩ.

**II. Chuẩn bị**

- Giáo viờn : Mỏy chiếu, các lỗi cơ bản của học sinh.

- Học sinh: Bảng phụ, bút dạ, bài kiểm tra.

**III. Tổ chức dạy và học**

**Bước I. Ổn định lớp**

**Bước II. Kiểm tra bài cũ**

**Bước III: Tổ chức dạy và học bài**

**HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG**

- Thời gian : 1 phút

- Phương pháp : thuyết trình

- Kĩ thuật : động não

GV dẫn :Trong tiết trả và chưa bài hôm nay, các em cần nhận thấy việc nắm kiến thức tiếng Việt đó tốt chưa ?

**HOẠT ĐỘNG 2, 3: HèNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

- Thời gian: 15’

- Phương pháp: Nêu vấn đề và vấn đáp,

- Kĩ thuật: động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| Hướng dẫn hs xác định yêu cầu đề bài.  \* GV yêu cầu hs tái hiện lại đề bài.  \* GV hướng dẫn hs xác định yêu cầu của đề bài.  ? Xác định các yêu cầu của đề bài?  \* GV đưa ra đáp án- biểu điểm cụ thể cho từng câu, từng phần.  \* GV cho HS nhận xét xem víi đáp án trên đó phự hợp chưa và HS đối chiếu víi bài của mình xem bài làm đúng và sai ở những ý nào trong bài. | - Đọc lại đề  HS xác định hình thức và nội dung.  - Hình thức:  + Phần đọc hiểu  + Phần tự luận:  Xác định tác phẩm, tác giả; viết bài văn thuyết minh  \* Theo dõi và đối chiếu đáp án- biểu điểm.  - Đối chiếu và nhận xét bài của mình. | **I. Xác định yêu cầu đề bài**  **1. Đề bài** (có VB kốm theo)  - Đọc hiểu  - Tạo lập văn bản  **2. Xác định yêu cầu của đề bài**  **II. Đáp án- biểu điểm**  \* Đọc hiểu: 4điểm  \* Tự luận: 6 điểm  Câu 1: 1điểm  Câu 2: 5 điểm |  |

**HOẠT ĐỘNG 3: NHẬN XẫT BÀI LÀM**

- Thời gian: 10 phút

- Phương pháp:

- Kĩ thuật: Thuyết trình

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| GV nhận xét bài làm của HS  **1. Ưu điểm**  a. Kiến thức:  - Đa số HS làm tốt phần đọc hiểu  b. Kĩ năng :  - Kĩ năng viết bài văn: biết xây dựng bố cục của bài văn.  c. Trình bày: Đa số các bài biết cách trình bày khoa học, sạch sẽ .  - Một số bài đạt kết quả tốt:  **2. Nhược điểm**  a. Kiến thức:  - Bài văn thuyết minh: một số bài nội dung thuyết minh về đặc điểm thơ thất ngôn bát có còn sơ sài, chưa linh hoạt trong cách diễn đạt.  b. Kĩ năng :  - Kĩ năng viết đoạn: một số bài diễn đạt còn yếu, chưa rõ ý.  - Kĩ năng viết bài văn: chưa biết tách đoạn và tách ý :  c. Trình bày: vẫn còn một số bài chữ xấu, bẩn, sai lỗi chính tả, sai từ nhiều . | - Hs đọc lại bài làm của mình và tự nhận xét.  - HS nhận xét chéo: 2 HS đọc bài của nhau và nhận xét chéo.  - Một vài hs nhận xét bài làm của bạn trước lớp.  - Nghe GV nhận xét và rút kinh nghiệm ở những bài làm sau. | **III. Nhận xét chung**  **1.Ưu điểm**  **2. Nhược điểm** |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: LUYỆN TẬP (sửa lỗi)**

**-** Thời gian: 15’

- Phương pháp: Nêu vấn đề và vấn đáp,

- Kĩ thuật: động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| GV trả bài, yêu cầu học sinh xem lại và rút kinh nghiệm.  \*GV cho học sinh đọc bài văn viết tốt:  GV chốt: | HS nhận bài xem và rút kinh nghiệm  -HS nghe | **IV. Trả bài, chữa lỗi** |  |

**Bước 4: Giao bài, hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà**(2 phút)

\* Chuẩn bị bài: Văn bản- **Nhớ rõng** (Thế Lữ)

+ Đọc văn bản, tìm hiểu và sưu tầm về tác giả và tác phẩm

+ Trả lời câu hái sgk

+ Tâm tư nhớ rõng của con hổ là tâm tư của ai, vì sao?